VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

TẾT KỶ MÃO

Thân Trọng Minh. Mộng Du (sơn dầu)

SỐ 153-154, THÁNG 1 & 2/1999

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

chúc mừng năm mới

Tạp chí Văn Học và tất cả văn hữu cộng tác trong số báo này kính chúc quý độc giả và văn hữu một năm Kỷ Mão gặp nhiều may mắn và dồi dào sức khỏe.

châu văn thọ ● nguyễn mộng giác ● mai kim ngọc nguyễn xuân hoàng ● thạch hãn ● võ thắng tiết ● nguyễn minh đức ● thụy khuê ● nguyễn khắc phú ngu yên ● nguyễn khánh hòa ● tạ quốc tuấn ● thành tôn ● trần hữu thục ● bùi vĩnh phúc ● hoàng xuân sơn ● triều hoa đại ● thái tú hạp ● hồ minh dũng ● ngô nguyên dũng ● trần hồng châu ● trần mộng tú ● song thao ● lê thị huệ ● trúc chi ● khoa hữu ● tâm thanh ● phạm việt cường ● nguyễn văn sâm ● cao xuân tứ ● nguyễn trung hối ● hồ như ● phan ni tấn ● ngự thuyết ● nguyệt thư ● khánh hà ● nguyễn quốc trụ ● thế uyên ● lê ngân h. ● hoàng bích đào ● đỗ minh tuấn ● thân trọng minh ● khánh trường

Văn Học Tết Kỷ Mão

số 153&154 ● tháng 1&2 .1999

VĂN HỌC	1	lời chúc mừng năm mới
VĂN HỌC	2	mục lục số Tết
NGUYỄN MỘNG GIÁC	4	tình trạng lão hóa trong sinh hoạt văn học
TẠ QUỐC TUẤN	11	các bài thơ xuân đầu tiên trong văn học việt nam
THÀNH TÔN	25	*tặng vợ buổi đầu xuân*
TRẦN HỮU THỤC	26	kinh nghiệm và tri thức. Tác phẩm lớn
NGUYỄN KHÁNH HÒA	40	*thơ nguyễn khánh hòa*
BÙI VĨNH PHÚC	42	tưởng tượng và thực tại trong văn chương
HOÀNG XUÂN SƠN	67	*thời nhỏ ở vườn kinh*
TRIỀU HOA ĐẠI	68	*xuân về. ta với ngựa*
MAI KIM NGỌC	70	nhà thương quận
THÁI TÚ HẠP	86	*nẻo về / bồi hồi cỏ hoa*
HỒ MINH DŨNG	87	cuối năm
NGÔ NGUYÊN DŨNG	89	*tháng giêng em nhớ mềm hương nếp*
TRẦN HỒNG CHÂU	90	trường an tây vọng
TRẦN MỘNG TÚ	106	*lạnh ở dưới phố*
SONG THAO	108	sabrina

tranh bìa: thân trọng minh

LÊ THỊ HUỆ	117	*lô cốt*
TRÚC CHI	118	bên cạnh một lá thư
KHOA HỮU	127	*lục bát viết từ việt nam*
TÂM THANH	131	ngôn ngoại
PHẠM VIỆT CƯỜNG	139	*thơ tình năm 86, viết muộn*
NGUYỄN VĂN SÂM	140	chờ cho trăng lặn
CAO XUÂN TỨ	152	*ngày xuân trả nợ quê hương*
NGUYỄN TRUNG HỐI	154	huyền trân
HỒ NHƯ	165	kẻ lạ
PHAN NI TẤN (ND)	172	*quê núi*
NGỰ THUYẾT	175	con đường chiều
NGUYỆT THƯ	184	*mùa xuân năm ngoái*
KHÁNH HÀ	185	*còn cội mai già*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	186	một chuyến đi
THẾ UYÊN	205	hà nội, thập niên chót thế kỷ hai mươi
LÊ NGÂN H.	222	quê hương như một ám ảnh
HOÀNG BÍCH ĐÀO	229	*xuân trắng*
TRIỀU HOA ĐẠI	230	ngày xuân, chuyện trò cùng tác giả "tôi cùng gió mùa"
ĐỖ MINH TUẤN	241	sự khám phá nhân cách văn hóa việt, nhân đọc bộ SCML
VĂN HỌC	247	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1999
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1999

trình bày bìa: khánh trường

Tình trạng lão hoá trong sinh hoạt văn học

Nguyễn Mộng Giác

Không biết từ lúc nào, ban biên tập các số báo Tết Việt ngữ có thông lệ tổng kết tất cả những gì xảy ra trong năm, xem bài tổng kết này như một mục bắt buộc phải có. Tôi không biết các báo bên Âu châu có thông lệ ấy không. Riêng báo Mỹ, không thấy. Chỉ có những nhân vật thời sự nổi bật trong năm, hoặc những biến số quan trọng trong năm. Còn liệt kê, sắp xếp, định giá các sinh hoạt mọi ngành một cách qui mô, ôn chuyện cũ rồi mạnh tay tiên đoán chuyện sắp tới, hình như chỉ có báo Việt mới can đảm làm chuyện liều lĩnh ấy. Nhất là những bản tổng kết về sinh hoạt văn chương, nghệ thuật.

Tôi nghĩ tất cả khởi đầu từ Tự Lực văn đoàn, khi nhóm chủ trương bắt đầu làm những số báo Tết công phu về hình thức lẫn nội dung. Khi đã dành một số báo đặc biệt cho dịp lễ truyền thống quan trọng này, tự nhiên người ta cũng muốn tờ báo có cái gì lớn lao, tính thời gian không hạn hẹp trong một ngày, một tuần, một tháng...mà là toàn năm.

Tôi cũng nghĩ rằng thông lệ đó bắt nguồn từ một phong tục tín ngưỡng dân gian lâu đời, là tục hai mươi ba tháng Chạp đưa ông Táo về Trời, để ông Táo tâu hết mọi việc xảy ra trong gia đình chủ nhà với Trời, cho Trời có hồ sơ luận công định tội. Sớ Táo quân thảo bằng thể nói lối bình dân là tổ tiên của những bài tổng kết tràng giang đại hải trên báo Việt ngày nay, chỉ thay đổi từ chất trào phúng giáo dục sang tính nghiêm chỉnh bác học.

Những bài tổng kết [thường có nhan đề như "Nhìn lại kinh tế (giáo dục, chính trị, điện ảnh, tiểu thuyết, thi ca...) một năm qua] như thế đòi hỏi một số điều kiện. Khi nói đến "tổng kết", thì trước hết trong thời gian qui định phải xảy ra những sự việc quan trọng để căn cứ vào đó người làm tổng kết có cái gì mà làm con tính cộng cho ra một số thành, rồi giải nghĩa vì sao có con số thành ấy. Con số sự việc phải khá cao để ứng dụng qui

nạp pháp một cách khả tín, thuyết phục được người đọc rằng căn cứ vào các vụ việc như thế như thế, thành quả trong năm qua của chúng ta là thế này thế này. Nếu con số này không nhiều, bảng tổng kết trở nên "bất cập".

Trường hợp ngược lại thường xảy ra tại các nước mà sự phát triển trong mọi sinh hoạt xã hội quá dồi dào và phức tạp, nghĩa là "thái quá". Chẳng hạn ở một nước hàng năm có đến hàng vạn cuốn sách in ra, không ai đủ thì giờ ngồi đọc kỹ tất cả các sách đã in để làm bản tổng kết tình hình xuất bản trong năm. Không đọc được hết mà dám ngồi ba hoa về một thứ biểu nhất lãm (panorama), chỉ có người điên mới dám làm. Tại các nước Âu Mỹ, quá lắm người ta chỉ dám làm bảng liệt kê những cuốn sách bán chạy nhất, căn cứ vào những số liệu chính xác về số sách bán ra. Việc xếp hạng giá trị các sách thường do những hội đồng định giá của các giải thưởng, và chỉ có giá trị tương đối. Phần định giá chung quyết còn lại, phải để cho luật đào thải của thời gian. Ít ai dám ngang nhiên ngồi làm bảng tổng kết một cách tự tín ung dung như những người làm báo Việt ngữ.

Ở hải ngoại, nhờ số sách xuất bản hằng năm không "bất cập" mà cũng không "thái quá", nên việc làm tổng kết tính sổ cuối năm vẫn được duy trì trên báo chí. Đều đặn nhất, chăm chỉ nhất, cẩn trọng nhất, trong công việc nặng nhọc (và bạc bẽo, dễ gây ân oán giang hồ) này, là giáo sư Nguyễn Ngọc Bích. Năm nào, giáo sư cũng làm một bài tổng kết tình hình xuất bản sách báo trong năm qua, đăng trên bán nguyệt san Ngày Nay ở Houston. Công việc của giáo sư giúp ích rất nhiều cho những nhà nghiên cứu văn chương hải ngoại trong tương lai, vì giáo sư theo dõi rất sát những sách báo Việt ngữ xuất bản khắp thế giới. Gần như cuốn nào đã được in ra, phát hành rộng ra ngoài vòng thân nhân bà con tác giả, giáo sư Bích đều biết. Bản liệt kê của giáo sư rất đầy đủ, không có thiên kiến thường thấy ở những người làm tổng kết là chỉ chú trọng những cuốn sách có giá trị (dĩ nhiên theo tiêu chuẩn định giá hoàn toàn chủ quan). Đôi khi người đọc cũng nhặt được trong bài viết của giáo sư Bích những viên sạn: chẳng hạn khi bàn về một tác phẩm, giáo sư không có thì giờ đọc tác phẩm đó, chỉ dựa vào lời giới thiệu sách trên các tạp chí. Mà lời giới thiệu sách này lại do chính tác giả viết ra để quảng cáo, hay ban biên tập của tạp chí lấy lại lời giới thiệu tâng bốc của nhà xuất bản. Khuyết điểm này không phải của giáo sư, mà là kết quả của một dây chuyền những khuyết điểm của ngành lý luận phê bình tại hải ngoại. Các tạp chí không có người chuyên trách đọc và điểm sách, lại không muốn mất lòng các văn hữu đã có nhã ý tặng

sách, nên giới thiệu sách với những lời lẽ chung chung, nặng phần khen ngợi khuyến khích hơn phần phê bình nghiêm chỉnh. Người làm tổng kết không thể nào đọc được hết sách báo xuất bản khắp thế giới, phải dựa vào những lời giới thiệu thiếu xác thực của báo địa phương. Hậu quả: khi giáo sư làm liệt kê thì tốt, nhưng khi đi quá việc liệt kê, như phê bình hay xa hơn nữa là nhận định tổng quát, thì ý kiến của giáo sư thường quá lạc quan, xa với thực chất.

Nhiều người được nhờ viết bài tổng kết thấy rõ khó khăn giáo sư Nguyễn Ngọc Bích đã gặp, nên tránh né bằng cách chỉ bàn những nét chung, đưa ra những nhận xét về đặc điểm của sinh hoạt chữ nghĩa và dè dặt phỏng đoán chiều hướng của tương lai. Lối làm việc này không dựa vào các số liệu thống kê chính xác, mà cũng không dựa vào ghi nhận qua việc đọc sách. Có thể nói những bài tổng kết loại này dựa nhiều nhất vào ước vọng của người viết, và có sức thuyết phục hay không, do khả năng luận lý của người đó mà thôi.

Tôi nhớ đầu năm 1997, Đài Phát thanh Úc có phỏng vấn tôi về tình hình văn học hải ngoại trong năm 1996. Tôi trả lời chung chung, trong đó có nêu ra hiện tượng các nhà văn nữ xuất hiện khá đông đảo trở lại sau đợt xuất hiện ồ ạt những năm 1983-1985. Tôi cũng nêu ra bốn cuốn sách có giá trị được xuất bản trong năm gồm: *Marie Sến* tiểu thuyết của Phạm thị Hoài, *Thơ, v.v. và v.v.* tiểu luận phê bình của Nguyễn Hưng Quốc, *Những bài dã sử Việt* của Tạ Chí Đại Trường và *Tuyển tập Hà Sĩ Phu*. Bốn cuốn sách đều thuộc loại "giải ảo và đặt lại vấn đề". Sau khi nêu hiện tượng xuất hiện của nhiều nhà văn nữ, tôi tiên đoán văn chương hải ngoại năm sau sẽ phát triển, giống như đã phát triển sau năm 1985. Còn cô Minh Nguyệt làm việc cho Đài Phát thanh Úc thì, sau khi nghe tôi nêu tên bốn cuốn sách hay, liền tiên đoán là năm 1997 văn chương hải ngoại sẽ dứt khoát bỏ những đường mòn, mạnh dạn đổi mới. Những tiên đoán lạc quan ấy, như thời gian đã chứng minh, đều sai. Đều lạc quan tếu. Vì nghĩ cho cùng, cả tôi lẫn cô Minh Nguyệt đều không dựa vào dữ liệu chính xác nào cả, chỉ mong ước sao thì đoán vậy.

Phải thú nhận ngay từ bây giờ là theo nhận định chủ quan của tôi, có "nhiều ước mộng không thành". Từ ngày tôi trả lời phỏng vấn của Đài Phát thanh Úc, văn chương hải ngoại không cất cánh theo đoàn nữ binh tiên phong, và cũng không chịu ý cô Minh Nguyệt, không hăng hái đổi mới hay chuyển hướng. Tình trạng xuất bản những năm gần đây chẳng những không cải tiến mà còn sa sút hơn. Những nhà xuất bản uy tín trước đây ngày càng ngại bỏ tiền xuất bản sách, nhất là loại sách sáng tác như

thơ, tiểu thuyết. Số ấn bản trung bình chỉ lên đến 500, nghĩa là nếu bán hết may lắm lấy lại đủ vốn, nên dù sách xuất bản dưới nhãn hiệu nào, đa số trường hợp chính tác giả phải bỏ tiền in lấy sách mình. Tình trạng ấy đưa tới một loạt những phụ ứng: sách ra nhiều nhưng chất lượng không bao nhiêu, nhu cầu quảng cáo để bán sách giết chết ngành phê bình, độc giả đứng trước rừng sách nhiều mầu không biết nên mua sách nào sau nhiều lần "trao thân lầm tướng cướp" quyết định không mua sách nữa, không có người mua sách thì ngành xuất bản sa sút kéo theo động cơ thúc đẩy việc sáng tác... Cái vòng lẩn quẩn không lối thoát ấy có thể xảy ra cả trong nước, nhưng ở hải ngoại trầm trọng hơn do tình trạng lão hóa của sinh hoạt chữ nghĩa.

Thật vậy, ở đâu lực lượng nòng cốt để văn chương phát triển là lớp trẻ, học sinh, sinh viên, công chức, quân nhân. Như Tolstoi từng viết, những ông già bụng phệ ký giấy tuyên chiến nhưng người cầm súng tấn công lúc nào cũng là thanh niên. Văn chương cũng thế. Mơ ước văn chương cất cánh hay trẻ trung hoá, mong ước xông pha vào những con đường mới mẻ kỳ thú...chỉ có thể biến thành hiện thực khi có giới trẻ tham gia vào cuộc xuống đường. Giới trẻ ở hải ngoại có tham gia vào sinh hoạt chữ nghĩa không?

Hiện không có ai làm một cuộc thống kê khoa học để xác định số tuổi của tác giả và độc giả Việt, nhưng chỉ cần nhìn quanh các cuộc họp mặt ra mắt sách, triển lãm tranh, thảo luận văn chương, tưởng niệm văn thi sĩ quá cố...chúng ta cũng thấy kết quả khá trung thực của chuyện thống kê. Trong các sinh hoạt trên, lớp già trên 50 chiếm đa số tuyệt đối. Lác đác vài người lứa tuổi 40. Họa hoằn lắm mới có những người 30. Còn lứa tuổi 20? Đừng chờ mất công!

Cũng phải thôi! Những bạn trẻ lứa tuổi hai mươi, khi sinh ra, chế độ Việt Nam Cộng Hoà sắp hay đã sụp đổ. Nếu họ theo cha mẹ di tản ra khỏi nước từ 1975 thì bây giờ may lắm họ chỉ bập bẹ được vài câu tiếng Việt thông thường, không đủ trình độ đọc sách viết sách tiếng Việt. Những bạn ở lại Việt Nam mới qua sau này (vượt biển, đoàn tụ gia đình, HO...) thì được giáo dục trong hệ thống giáo dục cộng sản. Họ đâu có biết Bùi Giáng, Nguyên Sa, Mai Thảo là ai đâu mà cha mẹ khuyến dụ được họ đi tham dự buổi tưởng niệm các văn thi sĩ nổi tiếng này!

Lứa tuổi ba mươi có một quá trình trưởng thành phức tạp hơn: hoặc họ là những học sinh tiểu học ở miền Nam trước 1975; hoặc họ là những thanh niên trên hai mươi từng sống thời hoa niên của mình dưới chế độ cộng sản. Lớp sau tuy rành tiếng Việt nhưng không trải qua cùng một môi trường văn nghệ với lớp cha chú trong gia đình. Cha mẹ họ mê tiếng hát

Thái Thanh, Kim Tước, Quỳnh Giao, Lệ Thu, Thanh Lan...họ mê tiếng hát Nhã Phương, Bảo Yến, Cẩm Vân, Hồng Nhung...Lớp trước đến Mỹ, Pháp, Canada, Úc lúc còn học tiểu học, dĩ nhiên đã hoàn toàn Âu hóa. Cả hai thành phần của lứa tuổi ba mươi hiện đang phải học tập, đấu tranh gay go để hội nhập và thăng tiến trong xã hội mới. Phần lớn họ là những chuyên viên kỹ thuật. Muốn giữ chỗ làm, muốn thăng cấp, họ phải dốc toàn lực mới bắt kịp những tiến bộ phi mã của kỹ thuật cao cấp hiện đại. Họ không còn thì giờ cho cộng đồng, nói chi tới sinh hoạt văn hóa. Cùng lắm, họ chỉ đủ thì giờ lên Net bấm chỗ này một chút rồi bấm qua chỗ kia, thưởng thức văn nghệ dân tộc khơi khơi theo kiểu "cưỡi ngựa xem hoa". Các bạn trẻ trên dưới ba mươi ra đi từ Miền Bắc hiện ở các nước Âu châu (nhiều nhất là Đức và các nước Đông Âu) chỉ mới góp phần vào sinh hoạt chính trị, chưa tham dự nhiều vào sinh hoạt văn hóa.

Tính sổ, chỉ còn lại những người lứa tuổi bốn mươi, năm mươi và sáu mươi ra đi từ Miền Nam là nòng cốt của sinh hoạt chữ nghĩa hiện nay. Văn nghệ (từ sáng tác đến thưởng ngoạn) đòi hỏi một sự đồng thuận đồng cảm cao hơn các hoạt động xã hội khác như kinh tế, chính trị. Phở nấu ngon thì gốc Hà nội hay Sài Gòn cũng sẵn sàng lái xe hằng trăm dặm tới thưởng thức cho được. Những cuộc biểu tình chính trị có thể qui tụ được nhiều thành phần khác nhau. Nhưng đọc say mê một cuốn tiểu thuyết thì đòi hỏi người đọc đã cao, đòi hỏi người viết càng cao hơn. Phải cùng một tần số mới có thể đọc nhau, trong khi cộng đồng người Việt ở hải ngoại phân hoá manh mún vì nhiều lẽ. Cho nên thay vì cộng (để làm tổng kết), chúng ta thử làm một phép trừ. Trừ đi cộng đồng người Việt gốc Hoa, trừ đi lớp trẻ không biết tiếng Việt, trừ đi những người chỉ nói mà không đủ trình độ đọc thông tiếng Việt, trừ đi những người đọc được tiếng Việt nhưng không đủ bề dày học vấn để đọc và thưởng thức văn chương, trừ đi những người chỉ quan tâm đến mục tiêu chính trị trước mắt và xem văn chương là điều xa hoa phù phiếm, trừ đi những người mải lo chạy theo nhịp sống hối hả của xã hội kỹ thuật cao cấp, trừ đi những người đã quá chán ngán chuyện đời muốn dành thời gian ít ỏi còn lại cho việc tìm kiếm một giải thoát tâm linh, trừ đi những người chỉ còn đọc được những chữ lớn bằng ngón tay cái...Số người viết và người đọc còn lại bao nhiêu? Không có tiếp sức của giới trẻ, văn học hải ngoại tất nhiên phải bị lão hóa.

Tiếng Việt ở hải ngoại trong tình trạng cô lập với chính quốc sẽ giữ y nguyên trạng hoặc hao hớt đi từ tiếng Việt thông dụng ở Miền Nam năm 1975. Ngay bây giờ, đọc sách báo trong nước, chúng ta đã không hiểu được ý nghĩa của một số ngôn ngữ đường phố, những tiếng lóng. Ngược

lại, người Việt trong nước cũng không hiểu được cách pha tiếng Anh tiếng Pháp ngày càng nhiều vào đối thoại thường ngày của người Việt nước ngoài. Sự biến đổi ấy tất nhiên phải xảy ra, không thể khác được. Năm 1994 có dịp qua thăm Montréal vùng nói tiếng Pháp của Canada, tôi ngạc nhiên đọc thấy nhiều bảng hiệu in chữ Pháp nửa nạt nửa mỡ, đầu thì gốc Pháp nhưng đuôi lại gốc Anh. Các bạn tôi ở Montréal còn cho biết là người Montréal tuy đọc thường xuyên sách báo tiếng Pháp mang từ Paris sang, nhưng nói một thứ tiếng Pháp mà người Paris không hiểu dễ dàng. Điều đó có xảy ra cho tiếng Việt hải ngoại hay không?

Có. Nhưng xảy ra chậm hơn tiếng Pháp vùng Montréal, Québec, nhờ tiến bộ của ngành tin học. Internet đã thu nhỏ thế giới lại rất nhiều. Ranh giới chính trị không còn đủ sức chia rẽ, cô lập, bế quan tỏa cảng như trước. Với một phí tổn rất thấp, người ta có thể mặt đối mặt nói chuyện với nhau từ hai mút của địa cầu, thì các ranh giới đều phải nhoè đi, các khác biệt dễ bị san bằng. Sự cảm thông dễ dàng hơn khi thông tin dễ dàng và rẻ đến nỗi có thể ở trong tầm tay mọi người. Một thực tế khó có thể mơ ước vài năm trước: một bạn đọc ở Việt Nam, nếu muốn, có thể lên Internet đọc một bài thơ đăng báo ở ngoài nước, nghe bài hát mới nhất của nữ ca sĩ Khánh Hà, xem cuốn video mới nhất của Trung tâm Thúy Nga. Trao đổi thư từ và bài vở giữa người viết người đọc trong và ngoài nước hiện nay cũng dễ dàng. Cái họa lão hoá trong giới thưởng ngoạn nghệ thuật bớt đi, vì chúng ta có độc giả, thính giả, khán giả trẻ trong nước tiếp sức. Nhờ Internet, người làm thơ, viết truyện hải ngoại đã bắt đầu nhận thức ra một điều vô cùng quan trọng: là sáng tác không phải chỉ để người Việt ngoài nước đọc với nhau, mà còn có một giới thưởng ngoạn lớn lao bên kia đại dương lặng lẽ theo dõi, định giá và phản ứng theo cách riêng của họ. Viết là để cho cả dân tộc trong lẫn ngoài nước đọc, không phải chỉ dành cho một nhóm nhỏ của một cộng đồng ngày càng thu hẹp.

Theo tôi, nhận thức ấy là then chốt để giải quyết tình trạng lão hóa trong sinh hoạt văn nghệ hiện nay ở hải ngoại. Nhận thức ấy đặt ra những nghi vấn mới cho những vấn đề người cầm bút thường đặt ra lâu nay: Viết cho ai? Viết cái gì? Viết thế nào?

Nếu chỉ viết cho những người cùng cảnh ngộ lưu vong như chúng ta đọc, thì chúng ta cứ viết như lâu nay vẫn viết: tiếc nuối một thời hoàng kim đã mất, xót xa trăn trở với những khổ ải đã trải qua, lật từng trang album bồi hồi với những kỷ niệm, mơ ước ngày trở về có khải hoàn môn dựng trên khắp nẻo đường và gặp lại một quê hương y nguyên như thời hoàng kim cũ...Còn nếu phải viết cho cả những bạn đọc còn trẻ trong nước đọc, thì viết cái gì? Viết thế nào?

Những câu hỏi ấy cũng đặt ra cả cho người viết trong nước. Lâu lâu xem một tạp chí hay tuần báo văn chương trong nước, nhất là vào các dịp lễ lạc, tôi cảm thấy bị xúc phạm khi đọc những hồi ký hay truyện ngắn của những cây bút Miền Bắc. Trong say sưa của kẻ thắng, họ kể những chiến công, thành tích của quá khứ, điều đó không có gì đáng bàn. Điều đáng bàn, là khi nói tới đối phương (là quân đội Miền Nam, người dân Miền Nam), họ vẫn dùng những nhân xưng miệt thị như "y", hắn", "chúng", bọn ngụy", "thằng ngụy" y như trong thời chiến tranh. Rõ ràng những người viết văn ấy viết cho họ đọc với nhau, bất kể những thay đổi trong gần một phần tư thế kỷ qua. Họ không nghĩ tới lòng tự ái, tới nhân phẩm những người đọc không cùng hàng ngũ với họ, không cùng thế hệ của họ. Nếu họ nhớ những gì mình viết ra in ra, một tuần sau, một tháng sau có những người họ gọi bằng "thằng" bằng "bọn" đọc, ngòi bút say máu của họ phải khựng lại. Rồi họ cũng phải băn khoăn tự hỏi: Viết cái gì đây? Viết thế nào đây?

Trả lời những câu hỏi ấy không dễ, khi nhà văn muốn khối độc giả của mình mở rộng từ hải ngoại tới quốc nội. Chẳng những thế, còn phải kể tới các biện pháp kiểm soát và ngăn chặn thông tin của chính quyền, phản ứng của những thế lực muốn duy trì nguyên trạng. Người cầm bút bình thường, khi phải đối đầu với biết bao trở lực (trong khi sự bù đắp cho bao nhiêu công lao sáng tạo hoặc không có hoặc chẳng bao nhiêu) thường không muốn rước thêm những điều bất trắc. Thôi, cứ theo con đường cũ cho yên thân.

Văn chương đang thành ông cụ lỗi thời . Chẳng mấy chốc, cụ ngã bệnh...rồi ngậm cười nơi chín suối.❐

Cáo lỗi

Vì số trang hạn chế, Tòa soạn bắt buộc phải gác lại một số bài không bị ràng buộc vào thời gian tính và chuyển sang số Tân niên (ra ngày 1-3-1999). Trân trọng cáo lỗi cùng quí văn hữu:
Trần văn Tích (Luật thơ), Tạ Quốc Tuấn (Những bài thơ xuân đầu tiên chịu ảnh hưởng nho giáo), Nguyễn Vy Khanh (Truyện Hồ Minh Dũng...), Nguyễn Thế Việt (Quan hệ cơ bản giữa tư duy nghệ thuật và hình thái ý thức xã hội) Hoàng Nguyên Nhuận (Hành trình của chuỗi hột sen hồ Tịnh), Hoàng Chính (truyện ngắn Rác), Phạm Hải Anh (truyện ngắn Đỉnh Tuyết), Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng (Nào ngờ ảo hóa)

Văn Học

Các bài thơ xuân đầu tiên trong văn học Việt Nam

Những bài mang ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo

Tạ-quốc-Tuấn

Vì nhiều lý do đã xảy ra trong quá khứ, như chiến tranh, khí hậu ẩm thấp, hệ thống bảo quản văn liệu không được tốt, và nhất là việc người Trung-hoa trong năm lần đô hộ Việt-nam, tổng cộng hơn 11 thế kỷ (207 TCN - 939 SCN, 1407-1427), đã lấy rất nhiều tài liệu sách vở của người Việt-nam mang về Trung-quốc hay đốt hết, nên hiện nay chúng ta chỉ còn có được những tác phẩm văn học từ thời nhà Đinh (968-980).

Xét về phương diện thơ xuân, những bài thơ đầu tiên còn giữ lại được là những bài sáng tác từ thời nhà Lý (1010-1225) trở đi. Những bài thơ này mang ảnh hưởng của hai dòng tư tưởng là tư tưởng Phật giáo và tư tưởng Nho giáo. Bài này sẽ xét về những bài thơ xuân đầu tiên trong văn học Việt-nam mang ảnh hưởng tư tưởng của Phật giáo, còn những bài thơ mang ảnh hưởng tư tưởng của Nho giáo sẽ được xét trong một bài sau.

Điều đáng nói là một số những bài thơ xuân mang ảnh hưởng tư tưởng của Phật giáo lại do các thiền sư hay những người đã thấm nhuần giáo lý Phật giáo sáng tác. Hơn nữa, có một vài bài tuy nói đến xuân nhưng thực sự không phải là những bài thơ sáng tác vào mùa xuân, để tả cảnh xuân, để diễn tả ý xuân, ảnh hưởng của xuân đối với thiên nhiên, đối với con người như những thi phẩm của các thế hệ sau, mà chỉ là những bài kệ (chúng tôi tạm gọi là những bài kệ xuân) làm để trả lời một câu hỏi hoặc làm lúc tác giả sắp viên tịch. Tác giả mượn cảnh xuân hoặc ý xuân để trình bày một điểm giáo lý Phật giáo nào đó, nhất là vấn đề liên quan đến sự sống chết của con người. Tuy nhiên chúng ta cũng không nên vì lý do này mà gạt bỏ chúng.

Bài thơ xuân đầu tiên là lời kệ của thiền-sư Chân-không (946-1001).

Người đời luôn luôn có nhiều thắc mắc mà khi không giải đáp được một cách thỏa đáng thì sinh ra đau khổ, buồn sầu. Một trong những thắc mắc đó, và có thể coi là thắc mắc lớn lao, quan trọng nhất, khiến nhiều người phải bận tâm nhất, là sự sống chết của con người.

Từ nghìn xưa, con người vẫn thắc mắc là mình từ đâu đến và khi chết sẽ đi đâu, cũng như thắc mắc là con người sinh ra ở trên đời để làm chi bởi vì trước sau, sớm muộn gì, con người cũng phải chết. Do đó mới có tình trạng con người ham sống sợ chết, và con người tìm đủ trăm phương nghìn kế để kéo dài cuộc sống của mình. Việc Tần Thủy-hoàng-đế (221-209 TCN) sai một đoàn người vượt biển đi tìm thuốc trường sinh bất tử, cũng như việc Hán Vũ-đế (140-86 TCN) cho luyện kim đơn để mong được sống lâu, là những thí dụ điển hình.

Ngay cả các vị tu sĩ, vốn không nên có những thắc mắc này, cũng có nhiều người đã thắc mắc về vấn đề sống chết của con người. Chẳng hạn như có một vị tăng một hôm đến hỏi thiền sư Chân-không là khi xác thân người ta bại hoại thì sẽ như thế nào. Thiền sư Chân-không bèn đáp bằng hai câu kệ:

Xuân lai xuân khứ nghi xuân tận,
Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân.

Hai câu này đã được giáo sư Nguyễn-đăng-Thục dịch sang Việt ngữ như sau:

Xuân qua xuân lại ngờ xuân tận,
Hoa nở hoa tàn vẫn là xuân.

Thiền sư Thích Thanh-từ cũng dịch tương tự:

Xuân đến, xuân đi ngỡ xuân hết,
Hoa nở hoa tàn chỉ là xuân.

Thiền sư Chân-không đã mượn trạng thái xuân đến và xuân đi, cũng như hình ảnh hoa nở hoa tàn, để nói lên một sự thực không ai phủ nhận, dị nghị được: đó là đừng nên nghĩ rằng sau khi xuân đến rồi đi thì cho rằng xuân đã hết, đã tận, cũng như đừng cho rằng khi hoa nở thì xuân đến còn lúc hoa tàn thì xuân đã hết. Sự thực xuân chỉ có tuần hoàn, nghĩa là xuân đến rồi đi, rồi lại đến lại đi, cứ tiếp tục như vậy từ thuở khai thiên lập địa cho đến hiện tại và sẽ còn tiếp diễn trong tương lai cho đến vô cùng tận.

Nói cách khác, xuân là một trạng thái thiên nhiên bất biến; còn sự đến và đi của xuân, cũng như sự nở và sự tàn của hoa, chỉ là một sự tuần hoàn thôi.

Con người cũng vậy. Tuy nhìn bề ngoài chúng ta thấy rõ ràng con người sinh ra, lớn lên, rồi chết đi, nhưng cái mà chúng ta nhìn thấy đó chỉ là cái thân xác, cái sắc, cái tướng thôi. Nó chỉ là cái hình thể vật chất, nghĩa là cái vẻ bề ngoài, luôn luôn thay đổi, nên có tính cách phù du, tạm bợ. Đó là cái nhìn của kẻ phàm phu. Trái lại, nếu chúng ta suy ngẫm kỹ hơn nữa, chúng ta sẽ nhận thấy cái mà chúng ta nhìn thấy và gọi là thân xác ấy, thực ra chỉ là một tổng hợp của nhiều yếu tố, như: máu, thịt, da, xương, tủy, gân, v.v. Tất cả những thứ ấy là những yếu tố bất trắc, không bền vững, dễ bị hủy hoại, dễ hư nát. Đó không phải là con người thật. Giống như mùa xuân có đến có đi nhưng xuân vẫn là xuân, bởi vì xuân bất biến, con người thật tuy trải qua các giai đoạn sinh ra, lớn lên, rồi chết đi, thân xác thì hết, nhưng con người thật, nghĩa là cái hồn của con người, vẫn còn, bởi vì nó cũng bất biến.

Nếu con người đã như vậy thì còn thắc mắc đến cái còn, cái mất, cái bại hoại của thân xác mà làm chi? Chúng ta không nên chấp vào cái lý của mình để nhìn vào thế gian và sự đời, mà phải biết tự lọc lấy cái tâm mình, để có thể hòa mình vào với vũ trụ thiên nhiên. Hay như lời giáo sư Nguyễn-đăng-Thục, *"thực tại nguồn sống thường nhiên tiềm tàng linh động đằng sau hiện tượng thiên hình vạn trạng, hiện tượng hủy diệt biến đổi, ẩn hiện, mà cái nguồn sống đại đồng sinh sinh tự nhiên luôn luôn tồn tại, không có sống chết bất di bất dịch."*(1)

Tiện đây chúng tôi xin mở một dấu ngoặc để nói là câu thơ thứ hai của thiền sư Chân-không *"Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân"* nếu dịch đúng nguyên văn sẽ là *"Hoa rụng hoa nở chỉ là xuân."* Câu này đã được giáo sư Nguyễn-đăng-Thục dịch là *"Hoa nở hoa tàn vẫn là xuân,"* như vậy đã lột được hết ý của thiền sư Chân-không hơn là câu dịch *"Hoa nở hoa tàn chỉ là xuân"* của thiền sư Thích Thanh-từ.

Thực vậy, ý của thiền sư Chân-không là khi thấy xuân đi, cũng như thấy hoa tàn lúc xuân đi, thì không nên nghĩ rằng xuân đã hết, vì sau khi xuân đi rồi xuân sẽ lại đến, cũng như sau khi hoa tàn rồi hoa sẽ lại nở. Đó chỉ là những biến chuyển tuần hoàn, nghĩa là trạng thái dịch của xuân thôi, chứ xuân thì vĩnh viễn bất biến. Như vậy, từ VẪN trong câu dịch của giáo sư Nguyễn-đăng-Thục dùng đúng hơn, vì từ VẪN diễn tả được cái bất biến của xuân. Từ VẪN có ý là *"cứ như thế"*, nghĩa là nó ngụ ý chỉ sự không thay đổi, sự bất biến của một trạng thái (cũng như phẩm chất). Hơn nữa, từ VẪN nói lên ý niệm khẳng định, đề quyết, chắc chắn. Trái lại từ

CHỈ mà thiền sư Thích Thanh-từ dùng cho thấy sự không chắc chắn, thiếu khẳng định, vì từ này diễn tả ý *"có thể thôi"* hay *"không có gì khác,"* nghĩa là tuy nó nói lên một sự thực đơn độc, duy nhất, nhưng không mang ý bất biến, nên không lột được hết ý của thiền sư Chân-không.

Mặt khác, mỗi khi xuân sang, những người còn trẻ, còn sức lực, thì vui mừng đón xuân vì cho rằng xuân sẽ đem lại cho họ những cái hay, cái tốt, cái lạ, cái may mà năm qua họ không có, hay bị mất đi. Tuy nhiên, cũng có nhiều người, đại đa số là những người già, lại có thái độ bi quan, yếm thế hơn. Họ thấy rằng mỗi một mùa xuân tới họ lại già thêm một tuổi; hơn nữa, xuân lại đến quá nhanh khiến họ không sao trở tay kịp, vừa mới ngày nào *"mang tiếng khóc bưng đầu mà ra"* mà chưa chi đã lâm vào cảnh *"cái già sồng sộc nó thì đến sau."*

Thêm một mùa xuân là thêm một năm được thấy những đổi thay trong vũ trụ cũng như chung quanh họ. Tệ hơn nữa là tất cả những đổi thay này họ không cách nào ngăn chặn được, không thể kìm hãm hay níu kéo lại được, vì họ quá bé nhỏ, chỉ là những hạt cát trong vũ trụ bao la bát ngát, vì họ thấy mình bị giam hãm trong một cái khung chật hẹp là quả đất nơi họ đang sinh sống và cái khung thời gian quá ngắn ngủi là cuộc đời trên dưới một trăm năm trong khi thiên nhiên lại vô hạn vô biên, vô thủy vô chung, vô cùng vô tận. Họ giống như Khổng-tử đã thốt lên lời *"Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ!"* (Luận ngữ, q. 9, ch. 16), nghĩa là *"trôi mãi như thế kia, ngày đêm không thôi!"*, khi đứng bên giòng sông nhìn thấy nước cứ trôi đi mãi về phía chân trời xa tắp mù khơi không bao giờ cùng tận, giống như giòng đời biến hóa (thiên địa chi hóa) mãi mãi không lúc nào ngừng. Hoặc như Nguyễn-Du, họ đã phải thở than:

Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
(Kiều, câu 3-4)

Đối với những người có thái độ như vậy, thiền sư Mãn-giác (1051-1096) khuyên rằng tất cả mọi sự vật trong vũ trụ không có gì là vĩnh viễn cả, tất cả chỉ tại con người đã đem mình đối chiếu với vũ trụ và đem cái đoản sinh sánh với cái trường tồn, tất cả chỉ tại mình tự đặt mình đứng bên ngoài vũ trụ mà ngắm nhìn vũ trụ, không biết hội nhập vào vũ trụ thiên nhiên. Thiền sư Mãn-giác dạy rằng:

Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.

Sự trục nhãn tiền quá,
Lão tùng đầu thượng lai.
Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

(Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân lại trăm hoa tươi.
Sự đời trôi trước mắt,
Tuổi già đến trên đầu.
Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng sạch,
Đêm qua sân trước một cành mai.)

Theo lời thiền sư Mãn-giác, chúng ta không nên quá bi quan trước sự tuần hoàn của vũ trụ thiên nhiên, không nên quan tâm tới cảnh Xuân đến thì hoa nở, Xuân đi thì hoa tàn, cũng như sự đời trôi qua trước mắt vô cùng tận và đem đến cái già trên đầu mình. Thực vậy, chúng ta đừng nên nghĩ là lúc xuân tàn tất cả mọi bông hoa đều rụng hết, cây cối trở nên trơ trụi, bởi vì vừa mới đêm qua thôi ở trước sân đã có một cành hoa mai nở rồi. Cành hoa mai ở đây chính là cái bất sinh bất diệt của vũ trụ thiên nhiên mà nếu con người cố gắng tu luyện thì sẽ có thể vượt ra khỏi sự tuần hoàn của thiên nhiên để hội nhập vào cái trường tồn của vũ trụ.

Nói cách khác, con người phải biết gạt bỏ sự phân biệt ngoại giới với nội giới, cái ta và cái vũ trụ, mà phải biết cảm thông với vũ trụ thiên nhiên, nghĩa là đem cái đoản sinh của mình hòa với cái trường tồn của vũ trụ thiên nhiên, đem cái cục hạn của mình nhập vào cái bao la bát ngát, vô hạn vô biên của vũ trụ thiên nhiên. Đến lúc đó thì đâu còn sống chết, quá khứ, vị lai nữa mà phải đau buồn cho những gì đã qua đi, mất đi, cũng như phải lo âu cho sự gì sẽ tới, lo cho cái già đổ trên đầu mình, lo cho xuân tàn hoa rụng, bởi vì trong cái tiêu điều của xuân tàn hoa rụng đó đã có một cành mai hé nở làm vui lòng người rồi. Vì thế chúng ta chỉ nên quan tâm đến cái hiện diện của vũ trụ vĩnh cửu, thường hằng, vô thủy vô chung thôi. Được như vậy chúng ta sẽ thấy mọi sự ở trên thế gian này chỉ là huyễn ảo, mộng ảo, không đáng cho chúng ta quyến luyến nữa.

Quan niệm cuộc đời là huyễn ảo một lần nữa lại được đề cập tới trong bài kệ của thiền sư Giác-hải (khoảng cuối thế kỷ thứ 11 đầu thế kỷ thứ 12).

Xuân lai hoa điệp thiện tri thì,
Hoa điệp ứng tu cộng ứng kỳ.

Hoa điệp bản lai giai thị huyễn,
Mạc tu hoa điệp hướng tâm trì.

(Xuân sang hoa bướm khéo quen thì,
Hoa bướm luôn luôn giữ đúng kỳ.
Hoa bướm xưa nay đều huyễn ảo,
Đừng lo hoa bướm để lòng chi.)

Sự sống chết của con người đối với vũ trụ không khác gì hoa và bướm đối với mùa xuân. Hoa cũng như bướm vốn quen biết thời gian nên khi mùa xuân tới hoa sẽ nở và bướm sẽ lượn bay đúng kỳ hạn. Tuy nhiên, cái mà chúng ta gọi là hoa, là bướm lại chỉ là huyễn ảo mà thôi, chứ không là thực, cho nên chúng ta không nên bận tâm đến chúng làm chi. Sự sống chết của con người cũng vậy. Còn nghiệp duyên thì con người còn sống; nếu hết, con người sẽ chết. Sự sống chết của con người vì thế cũng chỉ là cảnh huyễn ảo, đâu phải là thực tướng của vũ trụ! Vì vậy chúng ta cũng chẳng nên quá lo lắng, bận tâm về cái sống hay cái chết của mình nữa.

Nói tóm lại, ba bài kệ của các thiền sư Chân-không, Mãn-giác và Giác-hải mượn cảnh Xuân để hướng dẫn mọi người tìm được con đường tự giải thoát những đau khổ của mình do sự lầm tưởng cảnh và thực cũng như sự tách biệt mình và vũ trụ gây ra. Con đường tự giải thoát đó là coi mọi sự vật chung quanh mình và chính thân xác mình là huyễn ảo, để khỏi quá bận tâm đến sự sống chết, đến thân xác hủy hoại của mình, và biết hội nhập với vũ trụ thiên nhiên. Tư tưởng của ba thiền sư khiến chúng ta nhớ tới quan niệm của thi sĩ Trung-hoa Vương-Duy (699-759), cho rằng trạng thái phù du của cuộc đời tạm bợ, ngắn ngủi của con người trong vũ trụ bao la, trường tồn, và bất biến, chỉ là huyễn ảo, con người không nên lấy thế mà cho rằng đời người cô đơn, cô lập bé nhỏ để rồi sinh ra bi quan yếm thế, mà phải biết tham dự vào cuộc tuần hoàn của vũ trụ, biết hội nhập vào sự vĩnh cửu của trình tự thiên nhiên(2).

Chúng ta phải đợi đến lớp người thứ hai mới thấy được những sáng tác thực sự nói về xuân nhiều hơn, tuy chúng vẫn mang nặng màu sắc triết lý Phật giáo.

Mở đầu cho lớp người này phải kể đến hai vị vua nhà Trần (1225-1400), Thánh-tôn (1258-1278) và Nhân-tôn (1278-1293). Điều đáng nói là hai vị vua này đều rất thông hiểu Phật giáo và sau một thời gian trị vì đã nhường ngôi cho con để đi tu, vua Thánh-tôn nhường ngôi năm 1278 và vua Nhân-tôn năm 1293. Tuy sau khi nhường ngôi hai vị đã giữ chức Thái thượng hoàng nhưng rất ít xen vào các việc triều chính quốc sự, ngoại trừ

trong thời gian nước Đại-Việt phải ba lần chiến đấu chống quân Nguyên xâm lăng (1257-1258, 1284-1285 và 1287-1288). Riêng vua Nhân-tôn, 6 năm sau khi nhường ngôi đã đi tu ở núi Yên-tử, lấy hiệu là Đầu đà Hương-vân, sau đổi thành Đầu đà Trúc-lâm, Điều ngự Giác hoàng. Nhà vua là người truyền thừa chính thức của phái Thiền Việt-nam Trúc-lâm Yên-tử (gọi tắt là phái Trúc-lâm).

Mùa xuân là mùa để mọi người trong gia đình đoàn tụ, bạn bè gặp gỡ, cùng nhau hàn huyên tâm sự, hoặc đi thăm những danh lam thắng cảnh, miếu chùa cổ tích, để rồi ghi lại nhiều kỷ niệm vui vẻ, êm đềm trong mỗi người. Nếu vì một nguyên nhân nào đó mà người ta không còn được thấy một cảnh cũ hoặc không được gặp mặt người quen biết hoặc thân yêu trong lúc xuân sang thì người ta sẽ bị đau buồn vô hạn.

Đó là tâm trạng của vua Trần Thánh-tôn. Trong một ngày xuân đi dạo chơi nơi khu vườn trong hoàng cung, nhìn thấy cảnh hiu quạnh của khu vườn, nhà vua chợt nhớ tới người cũ mà nay không còn gặp nữa, nên đã làm bài thơ *Cung viên xuân nhật hoài cựu*.

Môn không trần yểm, kính sinh đài,
Bạch trú trầm trầm thiểu vãng lai.
Vạn tử thiên hồng không lạn mạn,
Xuân hoa như thử, vị thùy khai?

Ngô-tất-Tố đã dịch bài này sang thơ Việt ngữ với nhan đề *Vườn cung ngày xuân nhớ người cũ*.

Cửa ngõ lờ mờ dấu bụi rêu,
Chìm chìm ngày bạc vẻ đìu hiu.
Đầy vườn rực rỡ hồng chen tía,
Hoa khéo vì ai vẫn nở nhiều.

Có lẽ nhà vua làm bài thơ này trong lúc còn đang tại vị, chưa nhường ngôi cho con và chưa đi tu. Nói như vậy không phải là do việc nhà vua đi dạo ở trong cung viên, vì việc này vẫn có thể xảy ra được sau khi nhà vua đã nhường ngôi, mà chính do tâm trạng của nhà vua khi làm bài thơ. Đó là tâm trạng của một người chưa dứt được trần duyên, chưa rũ sạch bụi đời. Tuy nhà vua lúc đó có thể đã tu tại gia, nhưng lòng trần của nhà vua vẫn chưa gạt bỏ được những nhớ nhung đến người cũ, nghĩa là nghiệp duyên chưa dứt bỏ đi được.

Đáng tiếc là chúng ta không rõ người cũ ở đây là ai, nhưng vẫn có thể

đoán được người này phải là người rất thân yêu, có liên hệ rất mật thiết với nhà vua. Hơn nữa, căn cứ vào câu thơ cuối cùng, *"Xuân hoa như thử, vị thùy khai?"*, chúng ta có thể nghĩ rằng người cũ ở đây phải là một người nữ, chứ không phải là người nam. Đấy là chưa kể theo giọng thơ, nhà vua có ý nhớ lại khi người cũ còn ở trong cung, hay, nói cho đúng hơn, còn tại thế, vườn hoa lúc nào cũng huyên náo nhộn nhịp, nhiều người qua lại – lẽ dĩ nhiên kể cả người cũ ấy – khiến cho cổng mới không đến nỗi trống không, phủ đầy bụi, đường đi không đến nỗi đầy rêu mọc, vườn không đến nỗi im lìm và ít người qua lại như bây giờ. Rõ ràng đây là những ẩn ý cho thấy người cũ của nhà vua quả là người nữ.

Người nữ đó là ai?

Chắc chắn không phải là mẫu hậu của nhà vua, Hiển-từ Thuận-thiên Hoàng thái hậu. Tuy khi còn sống (bà thọ 33 tuổi, 1216-1248) bà có thể là một trong những động lực tạo nên những huyên náo nhộn nhịp nơi cung viên, nhưng bà chỉ ở trong cung từ năm 1237 khi được chọn làm hoàng hậu(3) và lại qua đời khi nhà vua mới 8 tuổi (vua sinh năm 1240), nên chưa chắc nhà vua đã nhớ được những cảnh tượng tưng bừng mỹ lệ nơi cung viên khi bà còn sống. Hơn nữa, thời gian nhà vua sáng tác bài thơ này lại quá xa với ngày bà tạ thế từ 10 đến 30 năm (thời gian nhà vua tại vị), nên những ấn tượng về các cảnh tượng ấy ở cung viên cũng rất lu mờ để có thể làm động lòng nhà vua được.

Người đó lại càng không phải là vợ của nhà vua, Thiên-cảm Hoàng hậu (bà là con gái thứ 5 của An-sinh vương Trần-Liễu và em gái Hưng-đạo vương Trần-quốc-Tuấn), vì bà này mãi đến năm 1287 mới qua đời (không rõ năm sinh), nghĩa là 9 năm sau khi nhà vua đã nhường ngôi cho con, tức vua Nhân-tôn, và ít nhất cũng là 9 năm sau khi nhà vua làm bài thơ này.

Vậy chúng ta phải nghĩ rằng người cũ đây rất có thể là một vị phi tần nào đó đã được nhà vua sủng ái. Vị đó là ai, sử sách không hề nói tới.

Tuy nhiên, dù là ai đi nữa, sự vắng mặt, hay, nói cho đúng hơn, sự qua đời của người này phải rất gần với ngày nhà vua sáng tác bài thơ và đã để lại một ấn tượng rất sâu xa nơi nhà vua, khiến cho mới chỉ nhìn thấy cảnh thê lương và vẻ hiu quạnh của cung viên – cửa vườn trống, bụi phủ, đường đi rêu mọc đầy, vào lúc ban ngày ban mặt mà vườn thì chìm lặng, chỉ lác đác một vài bóng người qua lại – mặc dù hoa trong vườn nghìn hồng vạn tía đua nhau nở, là nhà vua đã nhớ tới cảnh tưng bừng náo nhiệt khi xưa để tự hỏi hoa nở như vậy là vì ai, khi người cũ không còn tại thế nữa.

Thơ xuân của vua cha Trần Thánh-tôn là thơ của một người còn quyến luyến thế tục. Trái lại, ba bài thơ xuân của vua con Trần Nhân-tôn

cho thấy tác giả đã đạt đến cảnh giới giác ngộ, thoát ly khỏi trần tục. Tiến trình tu luyện để đạt tới cảnh giới đó đã được thể hiện qua ba bài thơ *Xuân hiểu, Xuân cảnh* và *Xuân vãn*.

Trong bài thơ *Xuân hiểu* (Buổi Sáng Mùa Xuân) vua Trần Nhân-tôn cho thấy nhà vua đã hoàn toàn không quan tâm đến thời gian, đến độ xuân tới lúc nào không hay, cho đến một hôm mở cửa sổ nhìn ra ngoài trông thấy những cảnh tượng mùa xuân đem lại mới chợt nhận thấy là xuân đã đến.

Thụy khởi khải song phi,
Bất tri xuân dĩ qui.
Nhất song bạch hồ điệp,
Phách phách sấn hoa phi.

(Ngủ dạy mở song mây,
Xuân về vẫn chửa hay.
Một đôi bươm bướm trắng,
Phấp phới sấn hoa bay.)

Một người bình thường không thể nào không biết tới những sự thay đổi của bốn mùa, chứ đừng nói đến một ông vua là người, do chức trách, hàng ngày theo dõi và được báo cáo về tất cả những biến chuyển trong nước cũng như sự tuần hoàn của thiên nhiên. Đấy là chưa kể tới việc làm lịch từ nghìn xưa được coi là một trong những trách vụ quan trọng, nếu không thể nói đó là trách vụ quan trọng nhất, của một ông vua. Mọi sinh hoạt của quốc dân đều căn cứ vào việc này. Vì vậy, chỉ có những người đã tu luyện đến trình độ coi tất cả mọi sự trong thế gian là huyễn ảo, không có gì là quan trọng, đáng quan tâm hay bận tâm, mới có thể lãng quên thời gian, không biết gì đến sự tuần hoàn của vũ trụ thiên nhiên.

Tuy nhiên, một khi biết là xuân đã tới, nhà vua cũng hãy còn thưởng thức được cái đẹp do mùa xuân mang lại, chứ trái tim chưa đến nỗi bị cứng như đá, lạnh như băng. Hơn nữa, sự thưởng thức cái đẹp của nhà vua cũng rất cao. Nhà vua không cần phải dùng nhiều lời, nhiều hình ảnh để diễn tả cái đẹp ấy. Chỉ với một đôi bướm trắng phấp phới bay sấn trên những bông hoa cũng đang bay, nhà vua đã cho chúng ta một bức tranh không những là tuyệt đẹp mà còn là cái đẹp khách quan của thiên nhiên nữa. Nói cách khác, nhà vua thấy sao vẽ lại như vậy, không hề gửi gấm tâm tư vào trong bức tranh, cho nên chúng ta không thấy những hoài niệm, những luyến tiếc về những gì đã qua đi, đã mất đi, như vua cha

Thánh-tôn đã làm trong bài thơ *Cung viên xuân nhật hoài cựu* bên trên. Chúng ta cũng không thấy cả những mong ước, những hoài vọng của nhà vua. Nói cách khác, nhà vua đã gạt bỏ quá khứ lẫn vị lai, mà chỉ nghĩ đến hiện tại thôi.

Chúng tôi xin mở dấu ngoặc ở đây để nói về lời bàn của Ngô-tất-Tố cho rằng bài thơ *Xuân hiểu* của vua Trần Nhân-tôn là "bức tranh vẽ cảnh buồn."(4) Chúng tôi không tìm thấy một câu, một chữ, một hình ảnh nào có thể chứng tỏ bài thơ *Xuân hiểu* vẽ một cảnh buồn cả. Ngay cả việc nhà vua lãng quên thời gian cũng không thể coi là một trạng thái đáng buồn; trái lại, nó chứng tỏ nhà vua đã tu luyện được đến giai đoạn không để cho lòng mình bị ý niệm thời gian ảnh hưởng. Bài thơ *Xuân hiểu* của vua Trần Nhân-tôn làm chúng ta nhớ tới một bài thơ của thi sĩ Trung-hoa Mạnh Hạo-nhiên (689-740) mang cùng một nhan đề là *Xuân hiểu* và cùng một thái độ của người đã không màng đến sự đời, thờ ơ với thời gian qua lại và ngắm cảnh đẹp của xuân một cách hết sức khách quan.

Xuân miên bất giác hiểu,
Xứ xứ văn đề điểu.
Dạ lai phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiểu.

Trần-trọng-San đã dịch bài thơ này sang thơ Việt ngữ, theo thể lục bát, với tựa đề là *Sáng xuân.*

Ngủ say không biết sáng rồi,
Chim xuân chốn chốn vang trời hót ca.
Đêm về gió táp mưa sa,
Hoa kia rơi rụng biết là bao nhiêu.

Mặt khác, trong bài *Xuân hiểu* vua Trần Nhân-tôn cho thấy nhà vua mới chỉ đạt đến giai đoạn quên cả thời gian, nhưng vẫn chưa quên thưởng thức các vẻ đẹp của thiên nhiên, còn với bài *Xuân cảnh* nhà vua tỏ ra đã đạt đến giai đoạn coi thế sự không có gì quan trọng, không đáng lưu luyến, bởi vì tất cả chỉ là không, là huyễn ảo.

Dương liễu hoa thâm điểu ngữ trì,
Họa đường diêm(5) ảnh mộ vân phi.
Khách lai bất vấn nhân gian sự,
Chỉ bạng lan can khán thúy vi.

Bài này đã được hai người dịch sang thơ Việt ngữ với cùng một nhan đề là *Cảnh xuân*. Bản thứ nhất của Ngô-tất-Tố:

Chim hót dề dà, liễu tả tơi,
Thềm hoa mây phủ, bóng nhà dài.
Khách vào chẳng hỏi chuyện nhân sự,
Tựa bức lan can chỉ ngắm trời.

Một bản dịch khác là của Nguyễn-Lang:

Liễu rủ hoa hồng chim hót ca,
Mây chiều in bóng trước hiên nhà.
Khách vào, thế sự không cần hỏi,
Chỉ tựa lan can ngắm cỏ hoa.

Bài thơ *Xuân cảnh* có ý nói là trong khung cảnh một ngày xuân, với bóng dương liễu hoa nở nồng đậm, với tiếng chim thưa và chậm chạp, với ánh mây chiều chiếu xuống mái nhà tới thềm căn phòng treo tranh, có một người khách tới chơi. Tuy nhiên, người khách không hỏi han gì về những việc thế gian mà chỉ tựa vào lan can ngắm bầu trời xanh biếc thôi. Tất cả những hình tượng này nói lên trạng thái siêu thoát của một người đã thành công trong việc tách mình khỏi cõi nhân gian và hội nhập với vũ trụ vô hạn vô biên, vô cùng vô tận, vô thủy vô chung. Trạng thái ấy đã ảnh hưởng đến vạn vật trong vũ trụ: mọi hoạt động của thiên nhiên, cũng như của động vật, của thực vật, và của con người đều trở nên thong thả, nhẹ nhàng, nhàn nhã, không chút vội vàng hấp tấp.

Đáng tiếc là hai câu thơ đầu của nguyên tác đã không được diễn tả đúng trong bản dịch Việt ngữ của cả Ngô-tất-Tố lẫn Nguyễn-Lang.

Câu thứ nhất nguyên tác, *"dương liễu hoa thâm, điểu ngữ trì"*, được Ngô-tất-Tố dịch là *"chim hót dề dà, liễu tả tơi."* Tuy cụm từ *"chim hót dề dà"* đã diễn tả được ý khoan thai, chậm rãi ngụ trong cụm từ nguyên tác *"điểu ngữ trì"* (chim nói [= hót] chậm chạp), nhưng cụm từ *"liễu tả tơi"* đã làm hỏng cụm từ nguyên tác *"dương liễu hoa thâm."* Từ THÂM ở đây mang nghĩa *"sâu, nồng nàn, đậm,"* tức là diễn tả một trạng thái chủ động, chìm và lâu, mà từ Việt ngữ tương đương là NỒNG ĐẬM. Trái lại, cụm từ *"liễu tả tơi"* của Ngô-tất-Tố diễn tả một trạng thái bị động, nhanh và mạnh, ngụ ý là hoa dương liễu đã bị gió đánh mạnh khiến trở nên tơi tả.

Mặt khác, câu dịch của Nguyễn-Lang, *"liễu rủ hoa hồng chim hót ca,"* lại đi quá xa câu nguyên tác. Tuy cụm từ LIỄU RỦ có thể tạm coi là

diễn tả được một phần nào ý trầm lặng của nguyên tác, nhưng cụm từ HOA HỒNG ở đây lại lạc đề. Trong câu nguyên tác, và đồng thời trong toàn bài thơ nữa, không có từ nào hay ý nào khiến người đọc có thể hiểu là vua Trần Nhân-tôn muốn nói đến "hoa hồng" hay "hoa màu hồng." Theo thiển ý của chúng tôi nên thay từ HỒNG bằng từ NỒNG mới đúng với nguyên tác. Tệ hơn nữa là cụm từ *"chim hót ca"* hoàn toàn không lột được ý chim hót thưa thưa, chầm chậm của nguyên tác; trái lại, nó diễn tả tiếng chim hót líu lo, nhanh và dồn dập, vốn là hình tượng thường thấy trong tiếng hót của chim.

Câu thứ hai của nguyên tác, *"họa đường diêm ảnh mộ vân phi"*, diễn tả ý mây chiều bay in bóng trên mái của phòng treo tranh. Đây là một hình ảnh động. Trái lại, cả câu dịch của Ngô-tất-Tố, *"thềm hoa mây phủ, bóng nhà dài,"* lẫn câu dịch của Nguyễn-Lang, *"mây chiều in bóng trước hiên nhà,"* đều mang lại một hình ảnh tĩnh. Tuy nhiên, nếu so sánh hai câu dịch này chúng ta thấy câu của Nguyễn-Lang dù không lột hết ý của tác giả nhưng tương đối vẫn gần với câu nguyên tác hơn.

Khác với hai bài *Xuân hiểu* và *Xuân cảnh* có lẽ được vua Trần Nhân-tôn sáng tác lúc còn đang tại vị, vì thơ cho thấy nhà vua chưa hoàn toàn gạt bỏ được ảnh hưởng của thiên nhiên, mặc dù đã tu luyện được tới mức quên cả ý niệm thời gian và không màng tới nhân sự; trái lại, bài *Xuân vãn* dưới đây có lẽ được làm ra sau khi nhà vua đã nhường ngôi cho con và xuất gia làm đầu đà, vì bài thơ cho thấy nhà vua đã nhìn mùa xuân bằng con mắt của một tu sĩ xuất thế, khác hẳn con mắt của người còn ở trong tình trạng nhập thế.

Niên thiếu hà tằng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
Như kim khám phá Đông hoàng diện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụy hồng.

Người thứ nhất dịch bài thơ này sang Việt ngữ là Ngô-tất-Tố, với nhan đề là *Chiều xuân.*

Thuở trẻ chưa tường lẽ sắc không,
Ngày xuân hoa nở rộn tơ lòng.
Chúa xuân nay đã thành quen mặt,
Chiếu cọ, giường sư ngắm bóng hồng.

Bản dịch thứ hai là của Nguyễn-Lang, với tựa đề là *Cuối xuân*(6).

Niên thiếu chưa từng hiểu sắc không,
Xuân sang hoa sắc vướng tơ lòng.
Diện mục xuân nay từng khám phá,
Thiền tọa an nhiên ngắm rụng hồng.

Người dịch thứ ba là thiền sư Thích Thanh-từ (dịch giả không đặt nhan đề cho bản dịch).

Thuở bé chưa từng rõ sắc không,
Xuân về hoa nở rộn trong lòng.
Chúa xuân nay bị ta khám phá,
Chiếu trải giường thiền ngắm cảnh hồng.

Vua Trần Nhân-tôn đã dùng bài thơ *Xuân vãn* để trình bày hai giai đoạn trong tiến trình tư tưởng, hay nói cho đúng hơn, tiến trình giác ngộ của mình.

Trong giai đoạn thứ nhất, khi tác giả chưa xuất gia và còn ở trong tuổi niên thiếu, nên chưa hiểu được cái lẽ *"không tức thị sắc, sắc tức thị không"* (không tức là sắc, sắc tức là không), nghĩa là chưa đạt được tâm thức giác ngộ. Do đó tác giả mới thấy lòng mình rộn ràng, rung động trước cảnh đẹp mà mùa xuân đem lại. Tác giả không biết rằng những cái đẹp đó chẳng qua chỉ là những cái đẹp của hiển sắc, nghĩa là những cái đẹp hiển hiện cho ta thấy; hơn nữa, chúng là những cái đẹp của ngoại sắc, của những vật có hình chất trong thế gian.

Bước sang giai đoạn thứ hai, sau khi đã xuất gia và thấu triệt nguyên lý sắc không, tác giả đã khám phá ra được bộ mặt thực của xuân. Tác giả thấy rằng tất cả những gì mà người ta cho là đẹp do mùa xuân mang lại chẳng qua chỉ là tổng hợp của các nhân duyên, các yếu tố, các nhân tố mà thành, chứ tự tính vốn không có. Các yếu tố, nhân tố hay nhân duyên đó không có tượng trạng bền vững hay bất biến. Vì thế, cái đẹp này là cái đẹp không tướng, nó chẳng đẹp mà cũng chẳng xấu, chẳng có hình chất mà cũng chẳng không có hình chất, chẳng sinh mà cũng chẳng diệt, chẳng dơ mà cũng chẳng sạch, chẳng thêm mà cũng chẳng bớt. Như vậy, những cái coi là đẹp đó đâu còn phải là đẹp nữa. Vì đã hiểu được như vậy, tác giả có được một tâm trạng bình thản, không náo nức mà cũng chẳng u sầu, có thể ngồi trên tấm thảm bồ đoàn mà ngắm, chẳng phải là những bông hồng nở rộn tươi đẹp mà là những bông hồng héo tàn, sắp rơi rụng, lòng không chút cảm xúc, không thương tiếc sự héo tàn của bông hoa cũng như sự hủy hoại thân xác do thời gian tuần hoàn đem lại.

Nói tóm lại, những bài thơ xuân đầu tiên của văn học Việt-nam ngày nay còn giữ lại được cho thấy rõ ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo, hơn nữa lại là dòng tư tưởng đầu tiên xuất hiện trong văn học Việt-nam. Điều này không có gì là lạ. Ở Việt-nam, Phật giáo cực thịnh dưới hai triều Lý và Trần, nhờ sự nâng đỡ của các vị vua của hai vương triều này mà đa số, nhất là các vua nhà Trần, đã tu tại gia hay xuất gia tu ở chùa. Hơn nữa, mặc dù tới thời hai triều này Nho giáo và Lão giáo đã phát triển nhiều, nhưng chưa đủ mạnh để có thể áp đảo Phật giáo. Đấy là chưa kể từ thời Bắc thuộc cho đến các đời Lý và Trần, hầu hết các trường học đều do các chùa lập ra và quản trị và các giáo sư hầu hết là tu sĩ hay cư sĩ Phật giáo. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học Việt-nam trong giai đoạn này nhờ đó rất lớn mạnh. Các bài thơ xuân đầu tiên trong văn học Việt-nam mang nặng tư tưởng Phật giáo, nhất là lẽ sắc không và ý nghĩa về sự sống chết của con người ở đời, là việc đương nhiên.❐

Chú Thích

(1) Nguyễn-đăng-Thục, *Thiền Học Việt-nam*, Lá Bối, Sài-gòn, 1967, Xuân Thu, Los Alamitos, California, in lại (không ghi năm in), tr. 325.

(2) Chúng tôi đã trình bày quan niệm này của Vương-Duy trong các bài *"Không Gian và Thời Gian Trong Thơ Vương-Duy"*, Văn Học, số 102, th. 10/1994, tr. 28-40.

(3) Bà nguyên là công chúa Thuận thiên, con gái trưởng của vua Lý Huệ-tôn (1211 -1224) và chị ruột bà Lý Chiêu-hoàng (1224-1225), trước đã lấy An-sinh vương Trần-Liễu, anh của vua Trần Thái-tôn (1225-1258), và sinh được hai người con là Vũ-thành vương Trần-Doãn và Hưng-đạo đại vương Trần-quốc-Tuấn, nhưng khi bà có mang người con thứ ba (tức Tĩnh-quốc đại vương Trần-quốc-Khang) thì Trần-Liễu bị ông chú họ là Trần-thủ-Độ ép phải bỏ bà để bà lấy vua Thái-tôn.

(4) Ngô-tất-Tố, *Văn Học Đời Trần*, Mai Lĩnh, Hà-nội, 1942; Khai Trí, Sài-gòn, in lại, 1960; Đại Nam, Glendale, California, in lại (không ghi năm in), tr. 191.

(5) Từ này trong nguyên tác bằng Hán tự viết với bộ TRÚC (= cây tre) và chữ CHIÊM (= xét; cấp; nói nhiều; đến) và đọc theo âm Hoa ngữ Quan thoại là YÊN (tương tự YẾN trong Việt ngữ). Theo từ điển Từ Hải, từ này đọc là DIÊM (dư liêm thiết, âm diêm, diêm vận); ngoài ra không thấy còn cách đọc nào khác. *Hán-Việt Tự Điển* của Thiều-Chửu cũng ghi cách đọc này. Trái lại, *Hán-Việt Từ Điển* của Đào-duy-Anh, *Từ Điển Trung-Việt* của Văn-Tân, *Từ Điển Trung-Việt* của tập thể 12 biên giả, *Từ Điển Hán-Việt Hiện Đại* do Nguyễn-kim-Thản làm chủ biên, và *Từ Điển Hán-Việt* do Hầu Hàn-giang và Mạch Vĩ-lương làm chủ biên lại ghi cách đọc từ này theo âm Hán-Việt là THIÊM. Riêng *Hán-Việt Từ Điển* của Nguyễn-văn-Khôn ghi cả hai cách đọc là DIÊM (được giải thích là mái nhà) và THIÊM

Tặng vợ buổi đầu xuân
THÀNH TÔN

Tặng em một quãng đường dài
Nửa vòng trái đất chia hai phương trời
Tặng em cái nhớ tuyệt vời
Cái quen mở miệng, kín lời thân thương
Ảnh hình nhặt nhạnh bên đường
Bấy nhiêu tình ý vấn vương quê nhà

Tặng em một cuộc chơi xa
Biết thêm điều lạ, mặn mà cái quen
Tạm thời đóng cửa cài then
Hôm qua ta để bóng đèn rõi theo
Soi ta từ vực hiểm nghèo
Nhủ ta chiếc bóng còn đeo bên mình

Tặng em một cuộc mưu sinh
Bước chân thứ nhất nâng mình vượt lên

(được giải thích là mái hiên). Ở đây chúng tôi giữ lại đúng cách đọc là DIÊM.

(6) Nguyễn-Lang đặt nhan đề không đúng. Vì từ VÃN trong cụm từ XUÂN VÃN là danh từ và có nghĩa là buổi chiều, nên XUÂN VÃN phải dịch là CHIỀU XUÂN mới đúng. Trái lại, từ CUỐI trong cụm từ CUỐI XUÂN là tính từ diễn tả giai đoạn hay thời gian cuối cùng, nên cụm từ CUỐI XUÂN chỉ dùng để dịch cụm từ Hoa ngữ VÃN XUÂN (hay MỘ XUÂN) thôi.

Kỳ sau: Những bài thơ xuân mang ảnh hưởng tư tưởng nho giáo

Kinh nghiệm và Tri thức. Tác phẩm lớn

Trần Hữu Thục

Trong một bài trước, *Tâm thức trong sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương*, (1) Văn Học số 136, tháng 8/1997), tôi có đề cập đến quá trình tích lũy, tức là quá trình đi từ hiện thực ngoại giới vào tâm thức và tích lũy trong tâm thức dưới dạng những hình ảnh, khái niệm, biểu tượng. Có thể gọi đó là quá trình nhập dữ liệu (data access). Các dữ liệu được nhập có thể dưới dạng thô, hay dưới dạng đã ít nhiều được chế biến ta gọi là sơ chế, hoặc đã chế biến hoàn hảo theo một nghĩa nào đó, ta gọi là tinh chế. Những chi tiết hiện thực tồn tại trong tâm thức dưới dạng sơ chế là kinh nghiệm, và dưới dạng tinh chế là tri thức.

Kinh nghiệm: sơ chế hiện thực.

Tất cả những gì đi qua các giác quan và hình thành do trực giác, bản năng đều được tiếp nạp một cách tự động trong tâm thức dưới dạng những chi tiết. Đó là mớ hỗn độn những chất liệu hiện thực, chẳng khác gì những quặng khoáng sản nằm dưới lòng đất được đào lên. Chúng thô nhám, sù sì. Khi chúng ta dùng năng lực tâm thức để lựa chọn và tổng hợp chúng lại thì chúng bắt đầu mang những dạng thuần nhất hơn và bắt đầu mang ý nghĩa. Lúc đó, tương quan giữa chúng ta và hiện thực được thiết lập. Sự vật trở thành đối tượng. Xu hướng chủ thể hình thành bên trong chúng ta. Hiện thực mất đi tính cách hoang dã, xa lạ, vô tình trước đó của chúng. Hiện thực trở thành của ta, trong đó, ta có thể chấp nhận, loại bỏ và rút ra những tính cách cho riêng mình. Ta thử lấy bốn câu thơ Kiều sau đây để lý giải quá trình tổng hợp hiện thực: *"Buồn trông cửa bể chiều hôm. Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa. Buồn trông ngọn nước mới sa. Hoa trôi man mác biết là về đâu"*

Quá trình tổng hợp diễn tiến từng bước:

- Bước 1, tiếp nhận các chi tiết hiện thực: cửa, bể, thuyền, chiều, cánh, buồm, xa, ngọn, nước, sa, hoa, trôi

- Bước 2, tổng hợp các chi tiết: cửa bể, chiều hôm, cánh buồm, ngọn nước, xa xa, hoa trôi, thuyền ai

- Bước 3, toàn bộ hiện thực biến dạng: thuyền ai thấp thoáng, ngọn nước mới sa, hoa trôi man mác. Hiện thực đã "nhiễm tâm". Thuyền không phải là thuyền tự-nó nữa mà là "thuyền ai", rồi lại còn "thấp thoáng", nói lên cái băn khoăn trong lòng người. Ngọn nước không đổ mà lại "sa", có vẻ chao đảo, bấp bênh. Hoa không trôi bình thường mà trôi một cách buồn buồn, "man mác". Rõ ràng là thuyền, nước, hoa chẳng phải là thuyền, nước, hoa nữa rồi. Chúng chỉ là cái cớ.

- Bước 4, tìm thấy tính cách, ý nghĩa của hiện thực: "biết là về đâu". Hiện thực trở thành hiện thực "của mình". Hiện thực đó không nói lên cái gì của nó, hay cho chính nó, mà nói hộ cho cô Kiều (hay cho Nguyễn Du). Nó thành ra là phương tiện để cô Kiều nói lên cái tâm của cô, nói lên cái bất trắc, bất định, chơ vơ, không định hướng. Từng bước một, hiện thực chung quanh bị cô Kiều "chiếm hữu".

Tính chất chiếm hữu ở đây còn nhẹ nhàng. Hãy đọc đoạn văn sau:

"Thành phố của gia đình con bé ở, có những hôm trời mưa dầm dề, mưa buồn bã từ ngày này qua ngày khác. Mưa khi lớn khi nhỏ. Khi êm đềm như một tiếng đàn. Khi lộp độp trên mái tôn như dùi trống gõ vào mặt da căng cứng. Khi ướt đẫm con đường nhỏ, loang lổ những hục hang trước nhà. Khi tí tách trên những tàn cây phía sau vườn. Khi ngập ngừng trên bờ dậu đầy bìm bìm và dây leo dại. Nhưng cũng có khi lao chao lẫn trong tiếng gió rít mạnh, thỉnh thoảng làm vài cành khô gẫy, rơi rụng xuống hàng hiên." (2)

Đúng là chiếm hữu một cách "bạo động". Cơn mưa của cô Hoàng Nga chẳng còn là mưa. Nó trông giống một anh chàng nào đó kiên trì "phá hoại" thế giới chung quanh của cô bé.

Quá trình tìm thấy ý nghĩa, tính cách của hiện thực và chiếm hữu hiện thực, nghĩa là biến hiện thực thành hiện thực của tôi, hình thành nên cái ta gọi là kinh nghiệm. Chúng ta thường nói: kinh nghiệm về giáo dục, kinh nghiệm buôn bán, kinh nghiệm leo núi, kinh nghiệm chiến trường...Ta cũng có kinh nghiệm trong đời sống vợ chồng, kinh nghiệm chính trị. Xa hơn, ta có kinh nghiệm về hạnh phúc, kinh nghiệm về đau khổ. Trong đời thường, chữ kinh nghiệm gợi cho ta một cái gì đã thành thạo, rành rẽ. Đó là cái gì ta đã trãi qua một hay nhiều lần. Đó là cái gì ta vấp phải, đụng phải, chịu đựng. Đó cũng là cái gì ta hưởng được, có được, thủ đắc được. Tóm lại, kinh nghiệm cung cấp cho ta những vấn đề và cách giải quyết

vấn đề. Vấn đề cũng như hòn đá nằm chặn ngang đường mà ta vấp phải khi tiến về phía trước. Nó báo cho ta biết các trở ngại cũng như thuận lợi trong cuộc hành trình trong đời sống. Không vấp hòn đá và thấy đau, thì ta vẫn cứ tưởng "đường đời bằng phẳng mãi". Vấp hòn đá, ta đứng lại, than thở và bắt đầu tra vấn về con đường, để từ đó, tra vấn về khả năng của bản thân ta. Ta bắt đầu có kinh nghiệm.

Về phương diện sáng tạo văn chương, kinh nghiệm cung cấp chất liệu về cảnh, về người, về sự vật, sự việc và những cảm giác, những trạng thái tâm lý đặc thù liên hệ tới cảnh, tới người, tới sự việc. Trong mấy câu thơ trên, Nguyễn Du trải qua kinh nghiệm về sự bơ vơ, lạc lõng của sự vật chung quanh gắn liền với tâm trạng hoang mang bất định của con người, thứ tâm trạng "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Còn Hoàng Nga hẳn phải sống rất lâu trong cái thành phố nhỏ với những cơn mưa dầm bất tận khiến cho cô có thể nhập vai được với mưa và biến nó thành một chuỗi hình ảnh văn chương sống động. Như thế, với tính cách là chất liệu, nhà văn không sử dụng kinh nghiệm như một cách giải quyết vấn đề, mà là dựng lại, dựng nên một toàn cảnh, trong đó, hiện thực được tổng hợp thành một cấu trúc thẩm mỹ. Bởi thế mà những kinh nghiệm ít người có được, đôi khi chỉ xảy ra một lần trong đời, cung cấp cho nhà văn, nhà thơ những chất liệu vô cùng quý giá để sáng tạo. Chẳng hạn như kinh nghiệm về việc thoát chết trong được tơ kẽ tóc hay kinh nghiệm về hải tặc trong bài thơ dưới đây của Lê Thị Thấm Vân:

Nhưng trời che mắt, bịt tai, ngoảnh mặt
Con gái tuổi trăng rằm
của bà
ba lần bị
chín con vật giống đực
xịt tới tấp tinh khí
vào âm-hộ-hậu-môn-mắt-mũi-miệng-tóc-bụng-đùi...
thân xác người thiếu nữ
là bữa cỗ ngon
cho bầy cá
dưới ánh trăng rằm (3)

Kinh nghiệm, như thế, về mọi phương diện, là một thể nghiệm với hiện thực. Đồng thời cũng là một cách nhận thức về hiện thực. Kinh nghiệm bao gồm sự chọn lựa, chế biến chi tiết hiện thực, để từ đó, ta vượt qua tính mơ hồ của cảm giác, tính bấp bênh của các trạng thái tình cảm, tính bí hiểm của các trực giác để đưa đến nhận thức sự vật. Ở đây, ta thấy có sự can thiệp của một năng lực tổng hợp gọi là tư duy. Chính tư duy chỉ

đạo sự lựa chọn các chi tiết hiện thực, để nối kết chúng lại thành kinh nghiệm. Vậy kinh nghiệm là sự va chạm trực tiếp giữa chủ thể và đời sống, sự tiếp cận giữa chủ thể - đối tượng. Nó sống động, đa dạng, ăm ắp chi tiết hiện thực. Đó là một hình thức sơ chế hiện thực. Gọi là sơ chế vì hiện thực ở đây, tuy đã được sàng lọc, chọn lựa, nhưng vẫn là những chi tiết tản mạn, vụn vặt lệ thuộc vào cảm giác, các trạng thái tâm lý, chứ chưa biến thành tri thức thuần lý. Kinh nghiệm, chính là hiện thực cảm tính.

"Suốt khoảng phố gần trường toàn nhà một tầng cửa gỗ lùa lọt vào một nhà cửa sổ chấn song sắt luôn mở rộng. Có một lồng chim ngày nào đi học tôi cũng thấy treo ở phía ngoài. Chim gì chẳng đẹp. Trông như mới cỏ rối. Nhưng tiếng hót thì trong veo. Trong. Và phấp phỏng như nắng thu đang do dự rây qua ngàn vạn lá xuống phố. Nhà ấy không bán hàng. Có những đứa trẻ ăn mặc đẹp hơn tôi, chân đi dép nhựa ra vào. Chúng đến đó học đàn. Chúng làm tôi tủi thân và nhiều hơn là thẹn. Có một lần tôi bị tụt quai dép cao su và tôi chẳng còn cách nào khác hơn là lếch thếch xách cả dép lẫn cặp nhón nhén đi bộ trên hè phố trước mặt chúng nó.

"Từ ngôi nhà chúng ra vào bay ra những hợp âm thô kệch, lập cập. Thua tiếng hót của con chim giống như nùi cỏ rối. Tôi có cả một bầu trời mùa thu thanh tĩnh, cả tiếng chim kia, cả mặt phố thâm nghiêm trong bóng lá, và nắng, và gió. Nhưng không hiểu sao tôi cứ buồn buồn khi nghe tiếng dương cầm vang lên lập cà lập cập dưới ngón tay bọn trẻ con không quen biết. Cảm giác này theo tôi đến tận giờ và không bao giờ muốn lý giải." (4)

Có lẽ trong việc thưởng thức văn chương, chẳng ai thắc mắc Lê Minh Hà có đi ngang cái khoảng phố đó không, cái lồng chim có thực không, chị có bị trụt đôi dép không. Nhưng chắc chắn những chi tiết đó phải xuất phát từ kinh nghiệm hiện thực nào đó rất cụ thể, rất đậm. Bởi nếu không, chị khó có thể ví von tiếng hót của con chim "trong và phấp phỏng như nắng thu đang do dự.." hoặc "tiếng dương cầm vang lên lập cà lập cập" của bọn trẻ con. Có cảnh. Có tình. Có vật. Có tâm. Tất cả giao thoa nhau để tạo nên những hình ảnh văn chương. Tác giả đã chế biến kinh nghiệm đời thường thành kinh nghiệm văn chương.

Một biến cố, một sự việc qua đi và lưu lại trong ta vô vàn chi tiết, cảm giác. Nói chung, có những sự việc trong cuộc đời, dù không gặp phải, ta cũng có thể "suy ra", "tưởng tượng ra". Nhưng nhiều việc, nếu không từng kinh qua, ta không thể nào "nắm" hết được, ta không có những chi tiết sống động, cụ thể về vật, về người, về các cảm giác...Để bù vào sự

thiếu hụt đó, nhà văn có thể đi tham quan nơi này nơi nọ để thu thập chi tiết cũng như để "lấy cảm hứng", lấy cảm giác. Ở trong nước, những nhà văn cộng sản thường thực hiện những chuyến đi gọi là "đi thực tế". Nói cho cùng, "đi thực tế" cũng có những giới hạn tất nhiên của nó, như nhận định sau đây của một nhà phê bình văn học cộng sản:

"Nhưng không thể tìm cảm hứng, tích lũy vốn sống chỉ đơn thuần bằng những chuyến đi thực tế có yêu cầu và mục đích định trước này...Và nói chung, không có chuyến đi thực tế tập trung nào có thể thay thế kinh nghiệm, quan sát, nhận xét, cảm nhận của nghệ sĩ trong cuộc sống hàng ngày, trong môi trường anh ta sinh ra, lớn lên, làm việc thường xuyên và lâu dài. Vốn sống, nguồn sáng tạo của văn nghệ sĩ trước hết là từ cách sống sâu sắc, trung thực, có trách nhiệm hàng ngày đó". (5)

Cha ông ta bảo: "Đoạn trường ai có qua cầu mới hay"

Chẳng hạn đoạn trường "tháo chạy" năm 1975 của những người thuộc chế độ VNCH , lớp người trẻ sau này, dù có đọc, có nghe kể lại, có tưởng tượng thêm cũng không thể nào hình dung ra được hết cái ghê rợn, khủng khiếp của nó. Đúng là "bại binh như sơn đảo" (lính bại trận có thể so sánh như núi sập)! Rồi kinh nghiệm hải tặc, kinh nghiệm cải tạo...Kinh nghiệm độc nhất vô nhị thường giúp nhà văn sáng tác nên những tác phẩm bất hủ và chính chúng, trong khá nhiều trường hợp, tạo nên những nhà văn như Henry Charrière với tác phẩm "Papillon", hoặc như nhiều nhà văn hải ngoại hiện nay. Thúc bách phải nói lên những gì mình đã từng kinh qua khiến nhiều người , từ chỗ chẳng quan tâm đến việc viết văn, đi đến chỗ trở thành những nhà văn, và trong nhiều trường hợp, trở thành nhà văn nổi tiếng.

Từ kinh nghiệm hiện thực đến tri thức về hiện thực và sáng tạo

Khi tôi gọi kinh nghiệm là sơ chế, tôi muốn nói đến những kinh nghiệm đơn thuần, riêng lẻ, kinh nghiệm có được xảy ra do những tình huống không liên hệ gì với nhau. Đời sống thường diễn ra trong sự chồng chéo, chồng chất lẫn nhau của các kinh nghiệm. Sự phối hợp lẫn nhau và loại trừ lẫn nhau khiến cho kinh nghiệm về hiện thực càng ngày càng phong phú, càng cô đọng, thâm trầm, sâu sắc. Kinh nghiệm được tinh chế dần để biến thành những nhận thức tổng quát về hiện thực, về cuộc nhân sinh mà ta gọi là tri thức. Thực ra, mỗi một kinh nghiệm tự nó đã là tri thức, vì kinh nghiệm nào cũng là một tổng hợp tâm lý của tư duy. "Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau", "Một miếng giữa làng bằng một sàng trong bếp". Tổng hợp nhiều kinh nghiệm lặt vặt như thế đưa tới một thứ tri thức

về khôn-dại ở đời:

Thiên hạ đua nhau nói dại khôn
Biết ai là dại biết ai khôn

Nhưng tri thức không dừng lại ở một, hai kinh nghiệm. Tri thức luôn luôn phát triển bằng cách kết hợp nhiều kinh nghiệm lại với nhau. Ta có thể nói: tri thức là một hình thức tinh chế của các kinh nghiệm, là một hình thức tích tụ của nhiều kinh nghiệm. Không có kinh nghiệm, không thoát thai từ kinh nghiệm, không bắt nguồn từ kinh nghiệm, ta sẽ chỉ có một mớ tri thức nghèo nàn, tri thức làm dáng. Kinh nghiệm càng dồi dào thì tri thức càng phong phú, sâu sắc. Tri thức ở đây, tôi muốn nói đến kiến thức về đủ mọi mặt mà nhà văn sở đắc được từ lịch sử , tâm lý, chính trị, đạo đức, ngôn ngữ...Chỉ với kiến thức không thôi (nghĩa là không cần kinh nghiệm cá nhân) cọng thêm với một tư duy nghệ thuật vững vàng, đôi khi, người ta cũng có thể sáng tác được những tác phẩm có giá trị. Kim Dung, trong những tác phẩm kiếm hiệp, cho ta bằng chứng về điều đó. Các tác phẩm của Kim Dung phản ảnh một kiến thức uyên bác về mọi mặt. Thay vì kinh nghiệm cá nhân (lắm khi đâu có điều kiện để có được kinh nghiệm), nhà văn tìm kinh nghiệm từ người khác, hoặc tìm trong sách vở. Tôi không có ý nói một nhà nghiên cứu cần mẫn hay một người có học vị cao hay chuyên môn giỏi đương nhiên có thể trở thành nhà văn. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điểm: dù muốn dù không, tri thức là chặng đường mà nhà văn phải trải qua, đạt tới, củng cố trước khi sáng tác. Bởi thế mà khi hoàn thành, một tác phẩm, ngoài tính cách "như thật", sống động, bao giờ cũng phảng phất một tri thức nào đó về cuộc sống. Tri thức đó có thể hiển lộ ra bên cạnh những sự kiện sống, cũng có thể chìm sâu trong giòng biến cố, trong những lời đối thoại, trong cử chỉ hay trong tâm trạng nhân vật, trong những chi tiết vô cùng bất ngờ mà nhà văn đặt vào chỗ đáng phải đặt. Người ta không chỉ tả cảnh, tả tình, tả một câu chuyện là có thể trở thành tiểu thuyết. Tình, cảnh phải lồng trong ý. Và ý phải lan tỏa , bàng bạc trong tình, trong cảnh, trong đối thoại. Có lẽ chính điều này mà văn chương - dù là hư cấu, dù là thể hiện hiện thực - lắm khi, trở thành một cách đánh giá hiện thực, thậm chí, phê phán hiện thực. Nhiều tác phẩm văn chương là nguồn cung cấp chất liệu lý luận cho các triết gia, các nhà tư tưởng. Trường hợp của Dostoyevsky chẳng hạn.

Hai yếu tố tri thức và kinh nghiệm hầu như phải nương tựa nhau trong sáng tác. Cần lưu ý: kinh nghiệm con người bao giờ cũng giới hạn. Không ai có thể có dịp , có điều kiện sống qua hết mọi tình huống nhân sinh. Mặt khác, không phải hễ sống qua được một hay nhiều kinh nghiệm về một tình huống nào đó là có thể sáng tác hay thể hiện cụ thể trong sáng

tác của mình. Kinh nghiệm tự nó chỉ là chất liệu. Nó cần sự bổ sung từ nguồn tri thức. Nói một cách khác, để sáng tác được, ta phải có kinh nghiệm cá nhân về hiện thực, đồng thời phải cóp nhặt , thu góp, tìm kiếm kinh nghiệm của người khác, từ người khác. Kinh nghiệm nhân loại cô đọng thành tri thức mọi mặt. Vậy, tiếp nhận tri thức cũng là tiếp nhận kinh nghiệm. Đây không phải là kinh nghiệm đơn thuần, mà là một tổ hợp kinh nghiệm. Vấn đề còn lại chính là chuyển hóa tri thức thành kinh nghiệm như thế nào. Nếu sử dụng tri thức như là tri thức (tri thức thuần túy), ta sẽ có triết học. Nếu sử dụng tri thức như là chất liệu, ta có thể thoát khỏi lãnh vực thuần lý để đi đến nghệ thuật. Điều này đòi hỏi chúng ta phải đập nát tri thức thành những mẩu, những mảnh, những chi tiết để đưa chúng trở lại đời sống, thổi vào chúng hơi thở của đời sống. Nghĩa là, nói một cách khác, liên kết chúng vào với kinh nghiệm sống của mỗi người để tạo nên những chi tiết sống làm chất liệu tổng hợp. Không khéo sử dụng tri thức, tác phẩm trở thành một bài giảng luân lý vụng về. Khéo sử dụng, tri thức sẽ giúp ta chuyên chở, nối kết muôn vàn chi tiết đời sống vào trong một cấu trúc thẩm mỹ.

Những nhận định trên có thể tóm tắc qua lược đồ sau:

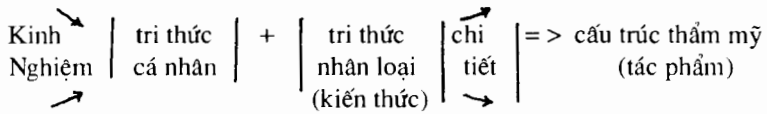

Tôi muốn trở lại ở đây một nhận định của nhà phê bình Thụy Khê về vấn đề sáng tác: *"Sáng tác chẳng qua chỉ là công việc điều chế hay nghiền nát những tư duy thâu thập được trong đời sống và trong kiến thức văn hóa của loài người để tạo thành tác phẩm của riêng mình"* (6) Tôi hết sức đồng ý với những khái niệm Thụy Khê đưa ra về vấn đề sáng tác. Theo tôi, đó không những là khái niệm mà còn là bản chất của chuyện sáng tác. "Điều chế và nghiền nát những tư duy". Những chữ đầy hình tượng đó, mô tả khá chính xác động tác sáng tạo. Sáng tạo phải hiểu là một nỗ lực, không phải là một động tác tiêu khiển phù du. Trước hết, nó đòi hỏi đập vỡ ra những gì ta tích lũy được để chọn lựa. Rồi từ những cái lựa ra đó, ta sắp xếp, bố trí lại thành một khung mới, một hình thức mới. Đấy là công việc đòi hỏi sự tập trung của tư duy - điều, đôi khi ta vẫn tưởng rằng đóng một vai trò mờ nhạt trong sáng tạo văn chương.

Từ những nhận xét trên, tôi muốn trở lại vấn đề tác phẩm lớn đã nhiều lần được đề cập đến ở trong nước cũng như ngoài nước. Đặc biệt là

bài viết của Nguyễn Hưng Quốc và những góp ý chung quanh bài viết đó của một số nhà văn, nhà báo trong các số báo Văn Học vừa qua (144, 145 ố tháng 4 và 5/1998)

*** Tác phẩm lớn là một công trình tổng hợp của cảm hứng sáng tạo, tư duy nghệ thuật, kinh nghiệm sống và tri thức.**

Cảm hứng sáng tạo bao gồm óc tưởng tượng, liên tưởng, trực giác nghệ thuật. Một số người sinh ra đã mang sẵn đặc chất này. Họ có óc tưởng tượng vô cùng phong phú, cảm quan nhạy bén trước sự vật và cuộc đời khiến họ như "thấu thị" được ngay những ý nghĩa tiềm ẩn của hiện thực, "ngộ" ngay tính cách thẩm mỹ xuyên qua những gì họ bắt gặp trong đời sống. Có lẽ chính điều này khiến cho người này thì trở thành nhà văn, nhà thơ, trong lúc người kia lại không. Theo tôi, cảm hứng sáng tạo giúp tạo nên cái chất tài hoa hiếm có ở trong một số nhà văn, nhà thơ khiến cho lắm trường hợp, ngay tác phẩm đầu tiên của họ là đã có tầm vóc. Võ Phiến có lẽ không "tếu" khi cho rằng: *"Người ta dễ có cảm tưởng mỗi kẻ có số làm văn thơ hẳn đã cầm sẵn chứng chỉ hành nghề khi từ bụng mẹ chui ra. Do Thượng Đế cấp. Kẻ ấy lớn lên đến trường học nghề sáng tác thì tiếp nhận thêm được vô số điều hay ho, thì tài năng càng tha hồ rực rỡ. Nhưng tấm "lai-xăng" thì phải hờm sẵn từ trước, từ đầu" (7)*

Tư duy nghệ thuật là khả năng sử dụng ngôn ngữ trong lãnh vực thẩm mỹ, khả năng diễn đạt hiện thực đến mức độ có thể "nói lên" hết những ý nghĩa, trạng thái mà tâm hồn bắt gặp được. Nói khác đi, tư duy nghệ thuật gắn liền với kỹ thuật diễn đạt. Phép phối màu trong hội họa, phép làm thơ, phương pháp viết văn..., tức là văn phạm thẩm mỹ.

Cuối cùng là chất liệu sáng tạo, tức là kinh nghiệm sống và tri thức, như đã đề cập ở trên.

Nhà văn, trong những tác phẩm đầu tay, thường khai thác những kinh nghiệm sống của cá nhân mình để viết. Dù dưới dạng nào, những tác phẩm đó phản ảnh chính đời sống của cá nhân nhà văn. Nói cho rốt ráo, những tác phẩm đầu tay của bất kỳ tác giả nào cũng nóng hôi hổi, chỉ vì chúng chứa đầy những tình cảm hăm hở , những suy tư cá nhân tinh khôi do sự tiếp cận thuần chất với đời sống. Chúng không hay chưa bị pha tạp, méo mó bởi một mớ tri thức và các kỹ thuật cầu kỳ, làm dáng. Đôi khi có thể xem chúng như một dạng hồi ký, cho dù chúng mang đủ dáng nét của tác phẩm hư cấu: nhân vật, cốt truyện, biến cố...Khi cái vốn sống đó bị cạn kiệt cùng với những suy tư cấp thời gắn liền với chính cái vốn sống bị sử dụng hết, con đường duy nhất để nhà văn tiếp tục là tri thức. Trong cả

bốn yếu tố nêu trên, tri thức, theo tôi, là gần như vô giới hạn. Ta có thể nói, chính tri thức bồi bổ chất liệu cho nhà văn khi tất cả những gì mình sở hữu được bị vét cạn. Kinh nghiệm sống dồi dào cọng với cảm hứng có thể tạo ra một số tác phẩm đặc sắc, nồng nàn hiện thực, nóng hổi tình cảm, nhưng khó có thể đẻ ra những tác phẩm có chiều sâu, có tầm vóc, nếu nhà văn thiếu kiến thức về tâm lý, xã hội, tôn giáo, khoa học. Nhà văn đi nhiều, sống nhiều đồng thời phải đọc nhiều, nghiên cứu, tìm hiểu nhiều. Vốn sống cá nhân cho dù được tích lũy do có cơ hội kinh qua những tình huống vô cùng độc đáo, cá biệt, những bi kịch nhân sinh lớn lao, nếu không được thấm nhuần tri thức , nghĩa là phối hợp với kiến thức, thì khó có thể hình thành nên tác phẩm nghệ thuật giá trị. Tất nhiên, với kinh nghiệm sống không thôi, người ta cũng có thể viết ra được nhiều điều,và như chúng ta biết, bất quá chúng chỉ là những ký sự, một loại ghi chép sự việc không hơn không kém. Chi tiết nhiều, sống thực đấy (và không thiếu điều bịa đặt nhảm nhí, nhất là trong các hồi ký chính trị), nhưng khó có thể tiến tới tầm vóc một tác phẩm nghệ thuật thực sự. Trong trường hợp nhà văn muốn xây dựng một tác phẩm lớn, trong đó nhân vật nhiều và đa dạng, tình huống diễn biến trên một giai đoạn dài, phức tạp hoặc tâm lý nhân vật diễn biến rối rắm, kinh nghiệm sống hoàn toàn bất túc. Theo tôi, một tác phẩm lớn, tiên quyết đòi hỏi nhà văn phải có một kiến thức bao trùm nhiều mặt - càng nhiều mặt càng tốt - của cuộc nhân sinh. Điều này buộc nhà văn phải tập trung năng lực cao độ, một quyết tâm lớn và có kế hoạch làm việc lâu dài.

Kinh nghiệm sáng tác cho thấy, không phải hễ ta kinh qua một nỗi đau khổ nào là ta có thể biến chúng thành tác phẩm nghệ thuật. Điều đó cũng có nghĩa là, không phải "thủ đắc" được một nỗi đau khổ lớn là đương nhiên ta có thể sáng tác được tác phẩm lớn. Vả lại, người ta không thể sáng tác một tác phẩm nếu tâm thức ta chìm đắm trong nỗi đau khổ. *Một tác phẩm chuyên chở nỗi đau, chứ không phải là chính nỗi đau.* Bởi thế, một nỗi đau càng sâu sắc, càng đậm đà càng phải được nghiền ngẫm lại, càng phải được làm dịu lại trước khi chuyển chúng một cách thành công vào tác phẩm nghệ thuật. Hơn nữa, một nỗi đau đâu có phải là những kinh nghiệm riêng lẻ. Nó là tổng hợp của nhiều chuỗi kinh nghiệm khác nhau, có lúc tựa như đối nghịch nhau, dính líu đến nhiều tình huống khác nhau, nhiều chủ thể khác nhau. Một tác phẩm nói lên được kinh nghiệm bất hạnh phải bao gồm nỗi bất hạnh và suy gẫm dài hơi về nỗi bất hạnh ấy cùng với những bất hạnh nói chung. Giá trị của một nỗi đau không phải là chính nỗi đau đó mà là những suy gẫm về nó. Kinh nghiệm về đau khổ phải kết thành tri thức về đau khổ. Chính ở điểm này, tôi

không đồng ý với Nguyễn Hưng Quốc khi anh cho rằng nhà văn cần phải trở thành *"những kẻ thống dâm, những kẻ tìm thấy khoái lạc khi nhìn trừng trừng vào những lằn roi quất tới tấp trên da thịt của mình hay là tự tay cào, cấu những vết thương của chính mình cho tóe máu"* (8) để viết nên những tác phẩm lớn . Theo tôi, phải làm trái lại. Nghĩa là, để viết lên được hết nỗi bất hạnh, nhà văn phải biết tìm cách băng bó vết thương lại, làm cho vết thương thành sẹo, nghĩa là, nếu hiểu xa hơn, phải biến nó thành tri thức. Hay nói theo thuật ngữ của chính Nguyễn Hưng Quốc, phải biết *hư vô hóa bất hạnh*. Cào, cấu vết thương cho tóe máu để xách động, tuyên truyền, gây căm thù thì được, nhưng tôi sợ đó không phải là phương cách tốt nhất để viết văn, lại càng không phải là cách tốt nhất để viết nên những tác phẩm lớn.

Không nhất thiết phải trải qua bất hạnh lớn để viết được tác phẩm lớn:

Sinh ra ở đời, không dưng chẳng ai mong mỏi mình được trải qua những bất hạnh, tai ương, nói gì đến chuyện trải qua bất hạnh lớn (dễ gì mong, mong dễ gì có!). Những đối với nhà văn, "lỡ" được rơi vào những bất hạnh lớn thì thật tuyệt (!), vì có vô số chất liệu để viết. Nghĩa là, nếu may mắn sinh "bất phùng thời", kinh qua được những giai đoạn lịch sử nhiễu nhương, bản thân chịu đựng những tai ách do sự nhiễu nhương đem đến, nhà văn sẽ có thừa bất hạnh để viết. Nếu không may, sinh "phùng thời", cuộc đời êm ả, nhà văn sẽ phải khổ công tìm tòi, học hỏi, suy gẫm, hay "đi thực tế" để có chất liệu mà viết. Tuy đứng ngoài cuộc chơi (nghĩa là thiếu đi bất hạnh cá nhân), nhưng vẫn viết được, với điều kiện có lòng yêu cuộc sống và ý thức sâu sắc về cuộc đời, về thân phận, về cõi trần gian ngạo ngược, khốn khổ. Lấy nỗi đau người làm nỗi đau mình. Lấy bất hạnh người làm bất hạnh mình. Trong trường hợp đó, nhà văn phải yêu người, yêu vật, thấm thía niềm hạnh phúc cũng như nỗi khốn cùng của cuộc sống.

"Nếu không say mê, không nồng nàn với cuộc sống thì liệu có gì khiến Tolstoy viết một câu chuyện ngoại tình không? Khiến Thạch Lam viết về cơn giận không? Ơ hay! Giận thì lúc nào quanh mình chẳng có giận hờn? Giận người, người, giận mình, giận có cớ, giận không cớ; giận rồi gây, chửi mắng nhau, đánh chém nhau, rắc rối đã đời. Còn ngoại tình: có cơ hội có điều kiện món ấy vẫn nảy sinh tốt, gặp trở ngại gay cấn thì khựng; chuyện như thế xảy ra đều đều, ai khiến mình vắt óc nghĩ ngợi hàng đôi ba năm trời về một vụ rồi cong lưng viết mệt ngất ngư?

Nói thế là nói theo luận điệu những người dửng dưng. Còn đối với

những kẻ trót "phải lòng" cuộc sống thì mọi động tĩnh xảy ra chung quanh mình đều làm họ giật mình, xúc động. Cơn giận, cuộc tình, niềm thất vọng, nỗi hân hoan, trận đau, cái chết...của ai đó, thấy đều là những diễn biến của cuộc sống, thấy đều có thể khiến cho lòng họ phập phồng. Người đời tỉnh bơ; họ thì nhảy nhổm".(9)

Trong cuộc sống, ở đâu và thời nào, cũng có bi kịch, "sẵn sàng" có bi kịch. Những biến cố lớn, chiến tranh chẳng hạn, làm nổi bật lên các bất hạnh, đa diện hóa bất hạnh, chồng chất các bất hạnh vốn đã sẵn có trong cuộc đời. Có chiến tranh là có chết chóc, đỗ vỡ, chia lìa, tan nát. Không có chiến tranh vẫn có chết chóc, đỗ vỡ, chia lìa, tan nát. Cuộc tử sinh, hình ảnh con tạo xoay vần, tai ương, nghịch cảnh vốn là những thuộc tính của đời sống, của cuộc nhân sinh. Đó là chưa kể đến những bi kịch siêu hình, bi kịch về bản chất, về số phận, bi kịch về sự bất lực của con người trước định mệnh do khác biệt không bao giờ lấp đầy giữa khả năng và ước vọng. Hoàn cảnh xã hội giúp đẩy bi kịch đến đỉnh cao nhanh chóng hơn, gây nhiều ấn tượng hơn. Tóm lại, tính cách của bi kịch và bất hạnh, về bản chất, không có gì khác nhau ở chỗ chúng tạo ra nỗi đau. Mà nỗi đau nào cũng như nỗi đau nào, chỉ khác nhau ở cách biểu hiện: có thứ nhứt buốt, có thứ âm thầm, có thứ sắc nhọn, có thứ trầm uất... Trò đời tự nó là một cuộc đau bất tận. Bởi thế, đề tài lớn đâu có thiếu. Chỉ thiếu người "lớn" đủ để viết. Ở đây, xin lại nhắc thêm một nhận định nữa của Võ Phiến: lớn hay nhỏ của một tác phẩm văn chương lệ thuộc vào nỗi bận tâm của mỗi người. *"Tác phẩm nghệ thuật khác nhau ở chỗ bận tâm của tác giả. Có nỗi bận tâm của con ve, có nỗi bận tâm của chim bằng"*. Vâng , chính cái bận tâm ấy khiến nhà văn phải đi tìm bi kịch giữa cuộc đời thường. Camus viết về cái phi lý. Sartre viết về những khắc khoải hiện sinh. Marquez viết về nỗi cô đơn trăm năm dằng dặc bằng cách tạo ra một khung cảnh huyền ảo khác thường pha trộn trong những chất liệu sống thực. Nhà văn phải phát hiện ra bi kịch ngay trong những gì thiếu chất bi kịch nhất, phát hiện ra bất hạnh ngay trong những gì hạnh phúc nhất. Và ngược lại. Theo tôi, những biến cố, những bi kịch, những tai ương chỉ cung cấp cho nhà văn chất liệu, đề tài, chứ không cung cấp cho nhà văn bất cứ một cái "lớn" nào cả. Cái lớn là từ nhà văn, của nhà văn. Có lẽ nói như Ma Văn Kháng, cái lớn của một tác phẩm đòi hỏi ở nhà văn *"một tầm văn hóa cao, một nhân cách lớn, với một nội lực sáng tạo dồi dào"* (10)

Vai trò của quần chúng thưởng ngoạn

Sự phát triển của một nền văn học nói chung, tùy thuộc vào người

làm văn học (sáng tác, phê bình). Đã đành. Nhưng vai trò của người thưởng ngoạn quan trọng không kém. Nếu vì lý do này hoặc lý do khác, một giai đoạn văn học bị bế tắc, không ít thì nhiều do lượng độc giả sút giảm. Có thể chất lượng văn học ảnh hưởng đến điều đó. Nhưng phải thừa nhận rằng có nhiều yếu tố khách quan khiến cho quần chúng không còn yêu thích, hăm hở thưởng ngoạn các tác phẩm văn chương. Ở hải ngoại hiện nay, vấn đề này hiện ra rất rõ. Có một tâm trạng thờ ơ đến nản lòng đối với các hoạt động văn học nói chung. Số độc giả của các tạp chí văn học đứng đắn, ngoài những người sáng tác, ít và có nguy cơ càng ngày càng ít một cách đáng lo ngại. Hiện nay, con số dường như chỉ tính hàng trăm, lạc quan lắm cũng không quá con số ngàn. Lớp người sáng tác đã không có kế thừa, mà độc giả thì giảm sút. Điều này ảnh hưởng nặng nề đến người viết. Nguồn kích thích sự viết yếu dần. Văn chương là sản phẩm, cần người tiêu thụ. Không có người tiêu thụ hoặc lượng tiêu thụ sút giảm thế tất sáng tác sút giảm cả chất lượng và số lượng là điều dễ hiểu. Tình hình trong nước không khả quan hơn. Dân số tăng, lượng người đọc tăng, nhưng số độc giả văn chương không tăng bao nhiêu, có lúc lại dẫm chân tại chỗ. Các tài liệu thống kê cho biết, số lượng in các tác phẩm văn chương trong nước bằng hoặc cũng chẳng hơn bao nhiêu số lượng in ấn ở hải ngoại hiện nay.

Rõ ràng là quần chúng không mấy thiết tha đến văn chương. Nếu đi ngược về các giai đoạn trước, chẳng có giai đoạn nào là tình hình văn học thực sự khả quan. Có thể nói, việc thưởng thức văn chương của người Việt chúng ta chưa trở thành nề nếp, thói quen. Đã thế, không có bao nhiêu người yêu thích các tác phẩm lớn. Thị hiếu quần chúng, nói chung, ở mọi thời hầu như còn thấp. Trước 1975, ở miền Nam, nhiều nhà văn quay sang viết "feuilleton" cũng chỉ vì để đáp ứng với thị hiếu ấy như nhận định sau đây của ông Bùi Xuân Bào: *"So với toàn thể dân số thì số quần chúng độc giả học thức hãy còn quá ít oi. Vì vậy họ (các nhà văn Việt Nam hiện đại) bị bắt buộc phải viết nhanh để kịp nộp bài cho các tạp chí và nhật trình. Họ khó lòng dốc tâm vào những công trình dài hơi và sâu xa"* (11). Những tác phẩm cỡ vừa, khá, có chút ít giá trị văn chương, không được quần chúng tán thưởng thì nói gì đến tác phẩm lớn. Theo tôi, chính điều đó làm nản lòng những nhà văn muốn tận lực sống vì văn chương, cống hiến sự nghiệp cho văn chương, làm nguội lạnh các tham vọng văn chương. Thế thì tác phẩm lớn làm sao ra đời được?

Thành thử, giữa nhà văn - người sản xuất - và quần chúng thưởng ngoạn - người tiêu thụ -, có một sự "đồng thuận" vô thức đáng buồn: chấp nhận tình trạng "mì ăn liền". Nhà văn viết nhanh, viết nhiều, viết gọn,

viết đại khái, viết để giữ chỗ, viết kẻo sợ người ta quên(12). Sự cố gắng chỉ được sử dụng lúc ban đầu, khi chưa có "tên tuổi". Khi đã có một chút "danh gì", thì hoặc cạn nguồn, hoặc thiếu động cơ..., là bắt đầu viết theo kiểu đặt hàng. Còn người thưởng ngoạn thì đọc nhanh, đọc nhiều và quên mau. Sản phẩm thích hợp cho tình hình đó: truyện ngắn, truyện vừa, làm thơ, đề tài thì phổ thông, tư tưởng chắp vá, hoặc không có tí tư tưởng nào. Tóm lại, như mì gói: gọn, ăn ngay được, khỏi chuẩn bị xào nấu lôi thôi, rầy rà. Nhiều yếu tố khác trong đời sống làm phát triển, và duy trì tình trạng "mì ăn liền": sự bùng nổ thông tin, áp lực của cuộc sống trong xã hội kỹ nghệ, tình trạng thiếu thì giờ...Rốt cuộc, văn chương cứ bay "tà tà", gần sát mặt đất, không cất cánh được lên cao. May mà chưa rơi xuống hẳn. Văn chương còn một khoảng cách an toàn: chưa biến thành tin tức kiểu "chó cán xe, xe cán chó", chuyện trong nhà ngoài phố và các loại phóng sự đời thường khác. Văn chương vẫn còn một chỗ đứng, tuy là "khung cửa hẹp".

Tác phẩm lớn rõ ràng đòi hỏi khung cửa phải rộng lớn hơn nhiều từ phía nhà văn cũng như từ phía quần chúng thưởng ngoạn. Nếu tất cả chỉ chú trọng đến "mì ăn liền", thì vẫn chọn đứng trong khung cửa hẹp mà đòi cất cánh lên cao, nghĩa là, nếu thế, xin hãy khoan nói đến tác phẩm lớn làm gì.

Một tác phẩm văn chương lớn đòi hỏi những tác phẩm lớn khác

Văn chương, dù là do một người viết, nhưng là sản phẩm của xã hội, thời đại, lịch sử, đất nước. Một tác phẩm văn chương lớn, ngoài chất liệu từ các biến cố xã hội, lịch sử lớn hoặc kinh nghiệm bất hạnh cá nhân, đòi hỏi những "cái lớn" khác hỗ trợ: những tác phẩm lịch sử lớn, các tác phẩm triết lý,những công trình nghiên cứu kinh tế, xã hội, tôn giáo, ngôn ngữ cũng như văn học (và phê bình văn học) lớn. Nói tóm lại, đó là những công trình tri thức lớn. Sự có mặt của những tác phẩm nghiên cứu lớn, rõ ràng, cung cấp chất liệu để đưa trình độ của nhà văn lên cũng như trình độ thưởng ngoạn của quần chúng lên. Như trên đã đề cập, tri thức mọi mặt hết sức cần thiết để hoàn thành những tác phẩm văn chương có giá trị. Lịch sử chứng minh rằng công trình suy tưởng mọi mặt của một giai đoạn lịch sử bao giờ cũng cung cấp cho các tác phẩm văn chương những chất liệu vô cùng quý giá. Chẳng hạn như tư tưởng Phật giáo trong *Tây Du Ký*,trong những bài thơ Thiền hiện nay, hay trong *Câu chuyện của giòng sông* của Herman Hess chẳng hạn; tư tưởng kinh tế và triết học của Mác trên các tác phẩm hiện thực xã hội cuối thế kỷ 19 và gần suốt tiền

bán thế kỷ 20; tư tưởng hiện sinh trên văn chương Pháp (và Việt Nam) các thập niên 50, 60..., tư tưởng Kierkegaard trên truyện của Kafka...

Mặt khác, về tâm lý, cái lớn thường kêu gọi cái lớn. Các công trình lớn hỗ trợ lẫn nhau. Những quyết tâm lớn hỗ trợ lẫn nhau. Những nhân cách lớn hỗ trợ lẫn nhau.

Chính vì thế, không nên đặt vấn đề lớn, nhỏ cho chỉ các nhà văn. Đất nước ta cần cái "lớn", cần một "không khí lớn" về mọi mặt.

(10-1998)

(1) Trần Hữu Thục, *Tâm thức trong sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương*, tiểu luận, Văn Học 136, tháng 8/1997

(2) Hoàng Nga, *Ấu thời hiu quạnh*, truyện ngắn, Văn Học 136, tr. 52

(3) Lê Thị Thấm Vân, *Giá của tự do*, thơ, Hợp Lưu 41, tr. 114

(4) Lê Minh Hà, *Những giọt trầm*, truyện ngắn, Văn Học 136, tr. 45

(5) Nguyễn Văn Hạnh, *Nhà văn và tác phẩm văn học*, tiểu luận, Hợp Lưu 37, tr. 39

(6) Thuỵ Khê, *Trả lời phỏng vấn*, Văn Học Xuân Mậu Dần, tr. 14

(7) Võ Phiến, *Nhà văn và cuộc sống*, Trả lời phỏng vấn, Văn Học 150 & 151, tr. 51

(8) Nguyễn Hưng Quốc, *Nhà văn như một kẻ thống dâm*, tiểu luận, Văn Học 144, tr. 8

(9) Võ Phiến, bđd, Văn Học 150 & 151, tr. 49

(10) Ma Văn Kháng, *Tấm gương phản chiếu văn hóa*, tiểu luận, dẫn lại theo Văn Học 145, tr. 28

(11) Bùi Xuân Bào, dẫn theo Võ Phiến, *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, Văn Nghệ (Cali) 1986, tr. 268-169.

(12) Riêng người viết bài này đã nhiều lần kinh qua tâm trạng và tình trạng đó. Nhiều tác phẩm viết vì bị sự hối thúc của "sự có mặt" trên báo hoặc vì những lý do vu vơ khác, đôi khi chẳng dính líu gì đến văn chương. Gẫm lại thấy buồn cho mình!

Tìm mua và đọc tác phẩm mới của
nhà văn Ngự Thuyết:
Đào Thoát
tập truyện ngắn
Đồng Văn xuất bản
Nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành
Giá 13 Mỹ kim

Thơ Nguyễn Khánh Hòa

Xuân phố người

Rượu đầy, chân bước thung thưng
Dang đôi tay đón nàng Xuân trở về
Đèn xanh, đèn đỏ bốn bề
Loay hoay tôi ngóng lối về quê xưa.

Bán buôn

Cuối năm đi bán cái buồn
Cho không cái khó, tặng luôn cái sầu
Đầu năm, mua lấy cái giầu
Sắm thêm cái Tết thắm mầu quê hương

Rất lâu quê nhà

Cuộn mình trong những chai bia
Đêm, tôi thắp nỗi chia lìa đớn đau
Đời sao nắng vội mưa mau
Tôi sao quên hết rất lâu quê nhà

Hỏi ra sông núi

Khi đầu cứ mãi cúi sâu
Tựa trong hơi thở có câu phường tuồng
Khi tim quên hết cội nguồn
Hỏi ra sông núi còn buồn thiên thu

Tự nhiên

Vừa huýt sáo vừa dánh răng
Mới dây mà dã từ thằng lên ... ông
Thoảng: em má dỏ môi hồng
Tự nhiên, lại muốn từ ông xuống... thằng

Cõi nghe

Em xưa chắc...người cõi trên
Nói nhiều?!? nên dọa lênh dênh cõi trần
Tội anh người ở cõi gần
Lâu lâu lại muốn xa dần...cõi nghe

Em đi

Thuyền đi...bỏ lại sóng bờ
Em đi...để lại giấy tờ ly hôn
Kèm theo một mớ hóa đơn
Thôi, thôi anh kể như đờn không dây

Sắm tuồng

Thật ra, chỉ sợ em...buồn
Đôi khi trước mặt sắm tuồng khiêm cung
Chính anh là đấng anh hùng
Trăm năm đã dám...sống cùng bên em

Cõi thơ

Nhớ em: dáng dứng điệu ngồi
Nơi mơ, chốn mộng, chỗ bồi hồi rung
Chỗ đêm ấm áp mịt mùng
Chỗ xa cõi thế, vô cùng cõi thơ

Về Ánh Sáng của Tưởng Tượng và những Bông Hoa của Thực Tại trong Văn Chương

Bùi Vĩnh Phúc

.1.

Trong quyển *Mùi Thơm Của Ổi* (The Fragrance of Guava) (1) nói chuyện với Plinio Apuleyo Mendoza về kinh nghiệm viết lách của mình cũng như về những đề tài khác, Gabriel García Marquez đã phân biệt giữa huyễn tưởng (fantasy) và sự tưởng tượng, hư cấu dựa trên sự thật của đời sống. Đại khái, ông cho rằng khi một nhà văn tự để cho mình đi lạc quá xa vào vùng huyễn địa của hư cấu mà không bám vào sợi dây thực tại của đời, ông ta sẽ chạm mặt với sự hiểm nguy trong việc trở thành một kẻ nói dối. Và sự nói dối, trong văn chương, có một hậu quả còn quan trọng hơn là trong đời sống thật sự nữa. Marquez cho rằng ngay trong những sáng tạo có vẻ như đầy nét hư cấu nhất thì chính sự hư cấu ấy cũng có những luật tắc của nó. Ông cho rằng sự tưởng tượng chỉ là một phương cách giúp cho nhà văn trình bày cái thực tại mà mình cảm nhận. Và, nói cho rốt ráo, nguồn gốc của sáng tạo luôn luôn là thực tại của đời sống.

Marquez cho rằng bất cứ quyển tiểu thuyết hay nào cũng là một sự hoán chuyển thơ mộng của thực tại vào văn chương. Tiểu thuyết, theo ông, là thực tại được trình bày qua những ẩn ngữ, với một cái mã bí mật, một thứ công án hay một thứ thai đố về đời sống. Thực tại trong tiểu thuyết khác với thực tại của đời thường, mặc dù nó được bắt rễ từ đấy. Điều này cũng giống như là những giấc mơ của con người. Chúng có gốc rễ từ trong đời sống, nhưng không phải là đời sống. Bị vặn hỏi là cách ông trình bày hiện thực, thực tại của mình trong những tác phẩm của ông– chẳng hạn như trong *Trăm Năm Cô Đơn* (One Hundred Years of Solitude)

và trong *Mùa Thu của Vị Trưởng Lão* (The Autumn of the Patriarch), đã đưa đến một dòng văn chương được gọi tên là "hiện thực huyền ảo" (magical realism)–có thể khiến cho người đọc dễ dàng nhìn thấy được cái "huyền ảo" mà khó hoặc không thấy được cái "hiện thực", Marquez trả lời rằng sở dĩ điều đó xảy ra là vì chủ nghĩa duy lý của Tây phương đã ngăn cản người ta nhìn ra những thực tại trong các tác phẩm của ông. Theo ông, thực tại không phải chỉ giới hạn trong giá cả của cà chua và trứng gà. Đời sống mỗi ngày tại Châu Mỹ La-tinh đã chứng tỏ rằng thực tại chứa đựng đầy những điều kỳ ảo, lạ lùng và bí nhiệm nhất. Ở đây, tôi sẽ để cho chính Marquez trình bày cách nắm bắt và trình bày thực tại của mình qua một vài lời đối thoại giữa ông với P.A. Mendoza:

Marquez: (...) Để làm rõ điều này [rằng thực tại chứa đựng đầy những điều huyền bí, kỳ ảo], tôi thường kể câu chuyện của một nhà thám hiểm Hoa Kỳ tên là F.W. Up de Graff. Nhà thám hiểm này đã thực hiện một cuộc hành trình không thể nào tin được xuyên qua núi rừng Amazon vào cuối thế kỷ trước. Trong những cảnh và người mà ông nhìn thấy, người ta có thể kể đến hình ảnh một dòng sông sôi nước nóng bỏng và một địa điểm mà âm thanh của tiếng nói con người có thể làm cho mưa đổ xuống như thác. Tại Comodoro Rivadavia, nơi miền cực nam của Argentina, những ngọn gió từ Bắc cực đã thổi bay nguyên cả một đoàn xiếc, và ngày hôm sau, những người ngư phủ trong khi kéo lưới của họ lên đã vớt được xác chết của những con sư tử và hươu cao cổ của đoàn xiếc này. Trong truyện *Đám Tang của Mẹ Cả* (Big Mama's Funeral), tôi đã kể về một chuyến đi không thể xảy ra và không thể tưởng tượng nổi của Đức Giáo Hoàng khi cho Ngài thăm viếng một ngôi làng của xứ Columbia. Tôi nhớ tôi đã mô tả vị Tổng thống ra chào đón Ngài là một người hói đầu và cục mịch, để tránh làm cho ông ta trông giống vị tổng thống đương thời lúc bấy giờ là một người cao và gầy. Mười một năm sau khi truyện ấy được viết ra, Đức Giáo Hoàng đã thật sự đến thăm Columbia và vị Tổng thống đón tiếp Ngài thật sự là hói đầu và cục mịch, trông y hệt như nhân vật đã được mô tả trong truyện. Sau khi tôi viết *Trăm Năm Cô Đơn*, người ta nói rằng một em bé trai ở Barranquilla thật sự có đuôi heo. Bạn chỉ cần mở báo hằng ngày ra để thấy rằng là những chuyện huyền bí, kỳ ảo xảy ra với chúng tôi mỗi ngày. Tôi biết có những người dân bình thường nhất ở đây đã đọc *Trăm Năm Cô Đơn* một cách cẩn thận và với nhiều thích thú, nhưng không ngạc nhiên chút nào cả, bởi lẽ, tất cả những chuyện được tôi nói tới, thật sự, đều đã xảy ra. Tôi không nói điều gì mà họ đã không từng cảm nghiệm trong chính cuộc sống của họ.

Mendoza: Vậy thì mọi chuyện ở trong sách của ông đều là dựa trên đời thực hay sao?

Marquez: Không có một dòng nào trong những tác phẩm của tôi mà không dựa trên thực tại.

Mendoza: Ông có chắc không? Có nhiều chuyện rất là kỳ quái đã xảy ra trong *Trăm Năm Cô Đơn*. Chẳng hạn như chuyện cô Remedios Người Đẹp bay lên trời. Chuyện những con bướm vàng cứ chấp chới bay quanh anh chàng Mauricio Babilonia...

Marquez: Tất cả những chuyện ấy đều dựa trên sự thật...

Mendoza: Chẳng hạn...

Marquez: Chẳng hạn, hãy nói về anh chàng Mauricio Babilonia. Khi tôi được khoảng năm tuổi, một ngày nọ có một người thợ điện đến nhà tôi ở Aracataca để đọc đồng hồ điện mà gia đình tôi đã dùng. Tôi nhớ như in chuyện ấy, giống như là nó mới xảy ra ngày hôm qua, bởi vì tôi rất thích thú chú ý đến cái dây lưng da mà anh thợ điện dùng để giữ cho mình treo lơ lửng trên những cột điện. Anh ta đến nhà tôi nhiều lần. Có một lần kia tôi thấy bà của tôi tìm cách đuổi một con bướm với cái phất trần. Vừa xua con bướm đi, bà vừa nói, "Cứ mỗi lần cái anh chàng này đến nhà là cái con bướm vàng này lại theo đuổi anh ta." Đây chính là cái nguồn gốc về câu chuyện Mauricio Babilonia và đàn bướm vàng.

Mendoza: Thế còn chuyện Remedios Người Đẹp? Điều gì đã làm cho ông nảy sinh cái ý tưởng cho cô ta bay lên trời như thế?

Marquez: Thật ra thì đầu tiên tôi định cho cô ta biến mất trong khi đang ngồi ở trong nhà thêu áo với Rebecca và Amaranta. Nhưng cái cách này có vẻ *cinéma* quá, không được. Tôi lại phải tiếp tục cho cô ta lẩn quẩn ở trong truyện. Thế rồi tôi nghĩ là sẽ cho cô ta bay lên trời, cả hồn lẫn xác. Thực tại ở đằng sau chuyện này à? Có một người đàn bà trong xóm tôi có đứa cháu gái bỏ nhà trốn đi vào lúc tinh mơ, bà ta tìm cách giấu sự thực đáng buồn này nên tung tin ra là cô ta đã bay lên trời.

Mendoza: Ông đã giải thích trong một bài viết là ông đã gặp khó khăn trong việc làm cho Remedios Người Đẹp bay lên, phải không?

Marquez: Phải, tôi không thể để cho cô ta tự bay lên được. Tôi bối rối, lo sợ vì không có cách nào làm cho cô ta bay lên. Một ngày kia, trong khi tôi đang nát óc vì vấn đề này, tôi đi ra ngoài vườn. Lúc ấy gió mạnh lắm. Một phụ nữ người da đen đẹp đẽ và cao lớn vừa giặt quần áo xong và đang cố gắng căng phơi chúng trên dây thép. Nhưng bà ta không thể làm được điều ấy; gió cứ tiếp tục thổi mạnh, làm cho những cái áo cái chăn cứ bay giạt đi. Tự nhiên óc tôi lóe sáng. "Đúng rồi," tôi nghĩ. Remedios Người Đẹp cần phải bám vào những chăn màn để bay lên trời. Trong trường hợp này, chăn màn là những yếu tố của thực tại. Khi tôi trở lại ngồi trước máy đánh chữ, Remedios Người Đẹp cứ thế mà bay lên, bay lên mãi mà chẳng gặp khó khăn gì nữa. Ngay cả Thượng Đế cũng không thể giữ cô ta lại được.

.2.

Câu chuyện về García Marquez cũng như những ý kiến trên của ông, về vai trò và nguồn gốc của tưởng tượng trong sáng tạo của nhà văn, làm cho chúng ta nhớ lại những lần ta có dịp đọc những ý kiến của nhiều người khác nhau, trên các tờ báo văn học của chúng ta ở đây, về vấn đề tưởng tượng và vai trò của nó trong sáng tạo văn chương. Có những người đã đòi hỏi rằng văn chương phải dựa trên sự thật. Rằng văn chương không thể mô tả những gì sai lạc so với sự thật, cho dù người viết được quyền hư cấu câu chuyện của mình. Những đòi hỏi ấy, thoạt nghe, rất chính đáng, vì chúng có gì khác với những điều mà Marquez đã trình bày đâu. Nhưng điều mà chúng ta muốn nói cho rõ ở đây là, khi đặt vấn đề như thế, chúng ta nên nhớ rằng sự thật cũng như thực tại của văn chương không nhất thiết phải là thực tại của đời thường. Hay, đúng hơn, thực tại của văn chương là một thực tại có một đặc chất riêng. Xét về mặt bản thể học, chúng có một đời sống riêng. Thế giới của tiểu thuyết chỉ bắt đầu có một thực tại khi nhà văn hòa nhập cuộc sống tinh thần của mình với nó. Và chính nhà văn là người sáng tạo ra những thực tại trong tiểu thuyết của ông ta. Thực tại văn chương không phải là cái sự thật được bày ra dưới mắt quần chúng, dưới mắt người đời (the whatness), nhưng là sự cảm nhận của nhà văn về cái xảy ra trong ông, cái sống và hiện diện trong ông (the is-ness). F. R. Leavis, một nhà phê bình nổi tiếng của Anh, cho rằng văn chương có đời sống riêng của nó, và cái đời sống ấy "chỉ hiện diện trong phút giây hiện tại nóng hổi và sống động, trong sự đáp trả đầy tính sáng tạo của những con người cầm bút" (2). Chính là trong sự đáp ứng đầy tính sáng tạo và mang nhiều màu sắc của tưởng tượng này mà con người cảm nhận được

cái "là" của sự vật, cái thực tại của cuộc đời. Điểm cốt thiết mà Leavis muốn nhấn mạnh ở đây là khoa học, khởi đầu với một thế giới mà chúng ta đang sống trong đó và quan sát nó, khác biệt với nghệ thuật, khởi đầu với một thế giới mà chúng ta xây dựng, chúng ta tưởng tượng ra. Và để lập lại lần nữa, cái thế giới này chỉ bắt đầu nở hoa thực tại khi chúng ta hòa nhập vào làm một với nó, khi chúng ta sáng tạo ra nó.

Chính là với René Descartes, người đã đưa lý trí lên địa vị độc tôn qua câu "Cogito ergo sum" (Tôi suy nghĩ, bởi vậy tôi hiện hữu) mà con người đã bị đẩy vào một thế giới bị "giải thiêng". Thế giới, qua đó, bị đối vật hóa, và con người, nó bị tách rời ra khỏi cái thế giới khách quan bao quanh mình. Khi thế giới đã bị đối vật hóa, sự liên kết đầy tính huyền thoại giữa con người và thế giới bao quanh nó, cũng như sức mạnh của tưởng tượng trong việc tạo nên huyền thoại, không còn đất sống. Vì ngôn ngữ của huyền thoại, giống như ngôn ngữ của biểu tượng, biến khuôn mặt của trừu tượng thành một khuôn mặt cụ thể, mang đầy tính con người, mà vẫn không làm mất tính trừu tượng của nó đi, và bởi lẽ sự biến đổi này được thành hình qua sức mạnh của tưởng tượng, sự phân cắt của Descartes đã tách rời tinh thần con người ra khỏi vật chất, hay đúng hơn là đã định nghĩa lại, cho rằng tinh thần chỉ là vật chất, chịu sự chi phối của những quy luật đầy tính luận lý của khoa học. Trong dòng suy nghĩ ấy, và nhấn mạnh sự quan trọng của lý trí trên tưởng tượng, Samuel Johnson, qua nhân vật Imlac trong tác phẩm Rasselas, đã có những lời hết sức tiêu cực về sự nguy hiểm của tưởng tượng. Nói về "những biến thái của tri thức", Imlac cho rằng "khi sức mạnh của tưởng tượng được để trên bệ cao hơn sức mạnh của lý trí, con người ta bắt đầu bước vào một mức độ nào đó của sự điên loạn." Samuel Johnson cảnh giác con người là không nên để cho sức mạnh của tưởng tượng lôi cuốn và không nên để cho tưởng tượng như những con chim "chắp cánh bay xa". Đối với Johnson, lý trí phải chế ngự tưởng tượng.

Những suy nghĩ thuần lý của con người phản ánh một thế giới thuần lý của thiên nhiên. Khác với thế giới kỳ bí và đầy nét huyền ảo của tưởng tượng, lý luận mang lại cho con người trật tự và một hệ thống để quan sát, cho con người những giải đáp cho những câu hỏi "cái gì" và "tại sao". Tuy nhiên, thế giới của khoa học, của những sự kiện, của luận lý chỉ là một mặt của nhị nguyên tính trong bản chất muôn đời của vũ trụ, của con người. Mặt bên kia là thế giới của tưởng tượng. Thế giới này không đưa ra những giải đáp cho những câu hỏi "cái gì" và "tại sao", nhưng nó diễn tả

"cái là", cái "chân như" của thực tại. Thực tại như nó thị hiện trong cảm nhận của con người sáng tạo. Thực tại này không gắn bó với những sự kiện mà lại quấn quít với những hình ảnh hư cấu. Và những hình ảnh hư cấu này mô tả hay, đúng hơn, tái hiện lại, sáng tạo trở lại những gì mà nhà văn đã cảm nhận. Đối với một nhà văn, hư cấu chính là ngôn ngữ của ông ta. Nó là tấm gương soi để nhà văn nhìn thấy trở lại cái nhìn, cái sống, cái thấy, cái cảm của mình. Như thế, ngôn ngữ trở thành hóa thân của tưởng tượng. Tất cả những hình tượng ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, biểu tượng, huyền thoại... là những ngôn ngữ của sự tưởng tượng mang đầy nét thơ mộng, và tất cả bi kịch, hài kịch, thi ca... của con người chỉ là những dạng khác nhau của cái ngôn ngữ đó. Tưởng tượng, như thế, mở ra cái cánh cửa của một thế giới khác, trong đó sự thực hay thực tại không thể được kiểm chứng bằng luận lý, nhưng là qua sự cảm nhận. Cũng trong cái nhìn này, ngay từ những ngày xưa, Aristotle đã cho rằng tưởng tượng chính là phương cách giúp cho con người khám phá ra sự thật phổ quát, sự thật chung nhất. Aristotle cho rằng chính thi sĩ, chứ không phải là sử gia, đã thấu đạt được sự thật này vì anh ta là một người làm nên huyền thoại. Sự thật phổ quát và chung nhất, theo Aristotle, là loại sự thật không thể bị cầm nhốt trong những mạch lý luận hay trong những hệ thống mang màu sắc duy lý, và con người cũng không thể trao truyền nó cho nhau bằng sự lý luận. Nó là loại sự thật mà chỉ có tưởng tượng mới khám phá ra được và chỉ có ngôn ngữ của thi ca (một thứ ngôn ngữ thơ mộng) mới có thể diễn tả. Và, trong dòng suy tưởng ấy, tôi muốn nói rằng, chỉ bằng tưởng tượng như một chất ánh sáng, và với một thứ ngôn ngữ thơ như một chất nước mát để vun tưới, bông hoa sự thật ấy mới có thể bừng nở trong tim và trước mắt người.

.3.

Bàn về vai trò của tưởng tượng làm tôi nhớ đến bài nói chuyện về quyển sách "Ngàn Lẻ Một Đêm" trong tập *Bảy Đêm* (Seven Nights) của Jorge Luis Borges (3). Tập sách này gồm bảy bài thuyết trình của Borges, được trình bày tại Teatro Coliseo ở Á-căn-đình từ tháng Sáu đến tháng Tám, 1977. Trong bài nói chuyện về quyển *Ngàn Lẻ Một Đêm*, Borges nói về tính chất đông phương và về định nghĩa của từ này. Ông cũng nói về lý do tại sao lại "lẻ một" mà không chẵn "một ngàn" (Ông cho độc giả biết thêm rằng trong tiếng Anh có một thành ngữ đặc biệt: thay vì nói *forever* (mãi mãi), người ta thỉnh thoảng nói "forever and a day". Ông cũng nhắc lại một câu thơ của Heine, viết cho một người nữ: "I will love

you eternally and even after.")

Theo sự tìm hiểu của Borges, những truyện *Ngàn Lẻ Một Đêm* này đầu tiên được kể tại Ấn Độ; sau đó, chúng bay sang Ba-Tư, rồi sang Tiểu Á; cuối cùng, chúng được viết lại bằng tiếng Ả Rập, để rồi được thu thập vào thế kỷ thứ XV, tại Cairo, Ai Cập, và được hình thành dần để trở thành văn bản mà chúng ta hiện có ngày nay. Tài liệu cho biết rằng có những người chuyên môn đi kể chuyện dạo vào ban đêm tại Ba-Tư ngày xưa, được gọi là các *confabulatores nocturni*. Và chính các người kể chuyện dạo ấy đã là những tác giả đầu tiên của bộ sách Ngàn Lẻ Một Đêm sau này. Borges cho rằng việc bộ *Ngàn Lẻ Một Đêm* được dịch sang các ngôn ngữ Âu châu đã là một biến cố lớn của văn học Âu châu, văn học Tây phương. Bộ sách được dịch lần đầu tiên vào năm 1704, ở Pháp. Đó là nước Pháp của giai đoạn Đại Thế Kỷ (Grand Siècle). Đó là thời mà văn học Pháp được định giá bởi Boileau, người mất vào năm 1711 và không bao giờ tưởng tượng được rằng tất cả những lý thuyết và luận giải về văn học của mình lại sẽ bị nguy ngập bởi sự tấn công của một Đông phương huyền hoặc.

Boileau, với những lý thuyết và luận giải cũng như với những cảnh báo và ngăn cấm của mình, như một quan thái sư về văn học, đã cổ vũ sự tôn sùng luận lý. Ông muốn đặt một nền tảng luận lý cho thi ca. Khi bộ sách *Ngàn Lẻ Một Đêm* lần đầu tiên được dịch ra một ngôn ngữ Tây phương, là tiếng Pháp, bởi nhà Đông phương học Antoine Galland, vào năm 1704, nó đã gây nên một chấn động lớn, như một thứ "xcăng-đan"; nhưng nó cũng làm say mê một nước Pháp đầy duy lý của vua Louis XIV. Borges cho rằng khi chúng ta nghĩ đến trào lưu Lãng Mạn, chúng ta thường nghĩ đến những niên lịch muộn hơn sau này. Nhưng, theo ông, người ta có thể nói rằng trào lưu Lãng Mạn được bắt đầu vào một lúc nào đó khi một người nào đó, ở Normandy hay là ở Paris, đọc bộ *Ngàn Lẻ Một Đêm*. Ngay lúc ấy anh ta rời bỏ một thế giới được Boileau cai trị và bước vào một thế giới của tự do theo lối Lãng Mạn. Với trào lưu Lãng Mạn, Đông phương đã bước vào ý thức của Âu châu một cách huy hoàng và đường bệ. Byron và Hugo đã là những tên tuổi đi vào ký ức của văn học lãng mạn Âu châu. Và vào khoảng năm 1890, Kipling đã có thể nói rằng: "Một khi bạn đã nghe thấy tiếng gọi của Đông phương, bạn sẽ chẳng còn nghe thấy bất cứ một tiếng gọi nào khác nữa."

Ngàn Lẻ Một Đêm là những chuyện như thế nào thì chắc chúng ta ai

cũng biết. Chúng là những chuyện được tưởng tượng ra để mua vui. Nhưng tưởng tượng như thế nào? Những người kể chuyện dạo trong đêm kia đã tìm ra chúng ở đâu? Chuyện bắt đầu với một ông vua cay đắng vì sự phản bội của hoàng hậu, ông chém đầu vợ, và trong ý muốn không để cho mình bị lừa dối một lần nữa, nhà vua quyết định mỗi đêm lấy một người vợ và chém đầu người vợ ấy ngay sáng tinh mơ hôm sau. Cho đến khi nàng Scheherazade, tự hứa là phải cứu lấy những người đàn bà vô tội, xin được tiến vào cung để làm hoàng hậu một đêm. Và nàng đã sống sót bằng cách mỗi đêm lại kể cho nhà vua nghe một câu chuyện mà kết thúc của chúng không bao giờ chấm dứt vào đêm hôm được kể. Chuyện này nối tiếp chuyện kia, chuyện kia lồng vào chuyện khác, và những câu chuyện cứ theo nhau mà kéo dài mãi. Kết quả là nhà vua yêu, lấy nàng và từ bỏ lệnh truyền độc ác của mình đi.

Một người đàn ông, hay một người đàn bà, đau khổ vì sự không chung thủy của người mình yêu. Đó là một thực tại hết sức bình thường trong cuộc sống. Nhưng từ cội rễ đó, bao nhiêu chuyện huyền hoặc và kỳ bí đã được kể ra. Những câu chuyện này, có lẽ trước hết cũng đã là những chuyện ngụ ngôn cũng như những câu chuyện của Aesop. Nhưng cái làm cho say mê bao nhiêu con người khi nghe hay đọc những câu chuyện ấy– dù là của Aesop hay của những người kể chuyện dạo ban đêm ở kinh đô xứ Ba Tư–không nằm nơi tính chất luân lý của những câu chuyện ngụ ngôn đó. Cái làm cho Aesop hay những *confabulatores nocturni* ấy trở nên những người có sức lôi cuốn đặc biệt là, trong những câu chuyện mà họ tưởng tượng ra, các con vật cũng để lộ ra cái đời sống đầy những bi và hài kịch như những con người bé nhỏ và tầm thường trong cuộc đời này. Chúng cũng nói chuyện, con sói nói chuyện với con cừu, con trâu với con lừa, con sư tử với con chim sơn ca..., và trong những câu chuyện ấy, chúng ta thấy thấp thoáng hình bóng của những con người. Chúng ta thấy đi lại, nói cười, khóc lóc, đau khổ, hạnh phúc trong những câu chuyện trong *Ngàn Lẻ Một Đêm* ấy, trước hết, là những con người mang tính cách nguyên mẫu, tính cách bản gốc, nhưng chúng ta cũng thấy được những con người mang đầy nét cá nhân, đặc thù và sáng tạo. Hẳn là những người kể chuyện ấy đã lần mò, chắp nối được những sợi chỉ muôn màu của thực tại vào trong cái guồng quay tơ của tưởng tượng mình để đêm đêm nó cứ quay đều quay đều mãi. Và thực tại hiện ra trong những câu chuyện mà họ kể đã trở nên một thứ thực tại mới mà con người chỉ có thể nắm bắt và trao gửi cho nhau bằng một thứ ngôn ngữ thơ mộng của sự tưởng tượng. Thật sự, những câu chuyện ấy cũng bắt nguồn từ thực tại của đời sống. Nhưng

bây giờ, cái thực tại ấy có một bản chất khác. Nó không còn là một thực tại khách quan, nhưng đã trở thành một thực tại hòa chung với những cảm nhận, những ước mơ của con người. Để nói lại một lần nữa, thực tại trong văn chương cũng giống như một giấc mơ. Nó bắt nguồn từ đời sống, nhưng người ta không thể lắp ráp nó cho trùng khít với cuộc đời. Và cũng chính là ở đặc điểm này mà nó cuốn hút chúng ta. Nó là một thực tại mà con người vừa có thể mơ ước tới, lại vừa có thể cảm nhận trong cuộc sống giữa đời khi chúng ta giáp mặt và tiếp cận nó với tấm khăn voan mỏng của tưởng tượng.

Chúng ta đã nói rằng thực tại trong văn chương cũng giống như một giấc mơ. Và những giấc mơ cũng là một đề tài lý thú và hay được sử dụng trong những câu chuyện *Ngàn Lẻ Một Đêm*. Chẳng hạn, câu chuyện về hai người nằm mơ. Một người ở Cairo mơ thấy được một vị thần chỉ cho ông ta đi về Isfahan ở Ba-Tư, nơi đó một kho tàng đang nằm chờ đợi ông. Ông bèn lên đường; và sau một cuộc hành trình dài đầy khó khăn gian khổ, ông đến được Isfahan. Lả người ra, ông nằm vật người dưới mái hiên của một ngôi đền để nghỉ ngơi. Ông không ngờ rằng ông đã nằm giữa đám trộm cướp. Và rồi cả nhóm đều bị bắt. Sau khi biết rõ là ông không thuộc vào tập thể những kẻ cướp kia, quan đầu tỉnh hỏi ông đến thành phố Isfahan để làm gì. Người đàn ông bèn kể lại giấc mơ của mình. Quan đầu tỉnh phá lên cười và nói với ông ta rằng: "Anh thật là một con người khờ dại và cả tin. Đã ba lần ta nằm mơ thấy một ngôi nhà ở Cairo, trong đó có một ngôi vườn, và trong ngôi vườn có một cái đồng hồ mặt trời, kế đó là một giếng nước và một cây vả, và dưới cái giếng nước ấy có một kho tàng. Thế nhưng chẳng bao giờ ta để ý một chút đến giấc mơ lếu láo ấy. Thôi, anh đừng bao giờ trở lại đây nữa. Hãy trở về quê quán của anh và làm ăn chăm chỉ." Người đàn ông nghe lời, trở về Cairo. Đến nhà, ông nhận ra là ngôi nhà của mình đúng là ngôi nhà mà vị quan đầu tỉnh ở Isfahan đã mô tả. Ông đào, tìm ở dưới lòng giếng. Và thấy được kho tàng.

Câu chuyện này làm cho tôi nhớ lại truyện "Tiêu Lộc" trong *Xung Hư Chân Kinh* của Liệt Tử. Nguyễn Du, trong *Nam Trung Tạp Ngâm*, bài "Tặng Nhân", cũng có nhắc đến giấc mơ "lấy lá chuối bọc hươu" này: *Tiêu lộc mộng trường tâm bất cạnh*. Chuyện kể một người nước Trịnh ra đồng kiếm củi, thấy một con hươu lạc, đón đánh chết được. Sau đó, anh sợ người ngoài trông thấy nên giấu xác hươu vào một cái hào cạn, lấy lá chuối phủ lên. Thế rồi, bất chợt, anh ta quên bẵng ngay chỗ giấu con hươu, bèn cho là mình nằm mơ. Gánh củi về, trên đường đi, anh ta thở

than một mình và cứ lẩm bẩm mãi về câu chuyện ấy. Có người đi cạnh nghe được, cứ thế mà truy tìm ra chỗ giấu hươu. Anh ta mang hươu về khoe vợ, và nói: "Lúc nãy có anh kiếm củi mộng bắt được hươu mà không nhớ giấu ở chỗ nào. Giờ ta tìm được thì anh kia đúng là mộng thực." Người vợ nói: "Hay là chính anh đã mộng thấy người kiếm củi bắt được hươu, chứ làm gì có người kiếm củi thật. Bây giờ anh bắt được hươu thì có lẽ là anh mộng gặp người kiếm củi thật chăng." Người chồng nói: "Đây ta cứ biết được hươu là được hươu. Cần gì phải biết rằng ta mộng hay hắn mộng nữa."

Anh kiếm củi về nhà cứ vẫn tấm tức. Đêm ấy nằm mộng thấy chỗ giấu hươu và cả người đến lấy hươu. Sáng ra, anh cứ theo mộng mà tìm lại được người lấy hươu, và đem kiện lên quan sĩ sư. Quan xử: "Anh bắt được hươu, lại hoảng lên cho là mộng; sau, mộng tìm thấy hươu, lại hoảng lên cho là thực. Còn anh kia thì vợ nó lại tưởng là mộng được hươu của người chứ không có ai bắt được hươu thật. Bây giờ có con hươu đây, thì mỗi bên lấy một nửa."

Cái án ấy được tâu lên vua nước Trịnh. Vua nói: "Ta ngờ rằng quan sĩ sư cũng thấy mình nằm mê mà cắt con hươu ra làm hai." Rồi cho đòi quan tướng quốc đến. Quan tướng quốc nói: "Mộng với lại chẳng mộng, tôi không làm sao mà phân biện được. Muốn phân biện mộng hay thực thì chỉ có ông Hoàng Đế hay ông Khổng Tử mà thôi. Bây giờ hai vị ấy đã mất cả rồi thì còn ai mà phân biện được. Thôi, ta cứ làm theo lời ông sĩ sư là xong."

Hai câu chuyện vừa kể, đều phát xuất từ Đông phương huyền hoặc, chưa cần xét đến tính cách ngụ ngôn hay triết lý sâu xa của chúng, ta cũng thấy ngay được những sợi dây nối kết chúng với thực tại. Trên một khía cạnh nào đó, chúng được nối kết với thực tại theo kiểu câu chuyện "Tái ông thất mã". Một cách đơn sơ nhất, những kinh nghiệm trong đời thường có thể được đan quyện và biến hóa với một chút tưởng tượng để trở thành những thực tại mới. Những thực tại mới này, ở những dạng thô sơ nhất, có thể còn gần gũi với những thực tại trong đời. Ta còn dễ dàng lần ra sợi dây nối kết chúng với hiện thực. Nhưng văn chương, như một ống kính vạn hoa, luôn luôn biến hóa để cống hiến cho con người những thực tại kỳ diệu, những hiện thực huyền ảo nhất. Chúng được hình thành từ những giấc mơ sâu thẳm nhất của con người, và, như là những đóa hoa, chúng có thể mọc lên từ những nơi chốn tối khuất nhất của tâm hồn mỗi một chúng

ta. Miễn là ở những nơi chốn đó, ánh sáng của tưởng tượng–chứ không phải của luận lý–vẫn có thể chiếu rọi tới. Và, nói như Fénelon, "Về những sự vận hành, hoạt động của tâm hồn, lý trí là yếu tố ít có mặt nhất."

.4.

Ở một mức độ nào đó, tất cả những mảnh vải, mảnh lụa mà con người đan dệt nên bằng những chữ viết của mình, ít nhiều tùy theo bản chất của chúng, đều có pha trộn ngay trong bản thân chúng những sợi tơ của tưởng tượng. Viết, trên và trước, là một hoạt động cần đến trí tưởng tượng. Viết là rút ra từ trong ký ức của mình những hình ảnh, những câu chuyện, những biểu tượng... và sắp xếp chúng lại với nhau theo một trật tự nào đó. Công việc này không chỉ giản dị như việc các em bé cầm lấy những món đồ chơi trong hộp hay trong bị và bày biện chúng ra trước mặt. Cho dù, trong một cách nói nào đó đầy nét biểu tượng và so sánh, người ta có thể ví von công việc sáng tạo đầy tính thiên tài của một vài nhà văn nổi tiếng như thế. Thật sự, hành động viết đòi hỏi con người nỗ lực hơn thế nhiều lần.

Chúng ta đã từng nghe nhiều nhà văn nổi tiếng phát biểu về nỗi sợ hãi của mình trước trang giấy trắng như thế nào. Làm sao để có thể bắt đầu được dòng chữ đầu tiên. Làm sao để bắt được đầu mối của một câu chuyện. Nhiều người trong chúng ta đã từng có kinh nghiệm phải xé biết bao nhiêu trang giấy trước khi có thể viết được một câu đầu tiên mà chúng ta cảm thấy đúng cho một bài viết của mình. Chuyện gì đã xảy ra trong khoảng thời gian từ lúc chúng ta bắt đầu ngồi xuống trước trang giấy trắng–hay là còn trước thời điểm đó nhiều nữa–và lúc chúng ta bắt đầu viết được một câu vừa ý để khởi đầu cho một bài viết? Chúng ta phải suy nghĩ, nhiều khi phải đi vào trong những ngõ ngách cũ kỹ và tối tăm của tâm hồn mình để tìm kiếm lại những hình ảnh, những cảm xúc xa xưa; chúng ta phải sống trở lại những ngày nắng và những chiều mưa trong quá khứ, phải sống lại những mộng tưởng và những thiết tha, những hạnh phúc và những đau đớn cũ... Tất cả những điều ấy nhiều khi đã được vùi lấp trong những vùng đặc kín sương mù của biết bao tháng năm chồng chất.

Công việc đi ngược thời gian và đi vào trong chính mình như thế cũng có thể là đối tượng tìm hiểu của tâm lý miền sâu, của những hoạt động tiềm thức, vô thức. Biên giới của nó với sự tưởng tượng, có những lúc, không thể phân biệt được. Ngày xưa, đã có thời người ta cho nhà thơ,

nhà văn, kẻ sáng tạo, là những người điên, hay những con người bị quỷ ám. Vì những điều họ nói hay viết ra, phần lớn, là những điều mà con người sống trong đời thường không thể kiểm chứng được. Chúng không thể chồng khít với thực tại. Vì chúng, như Aristotle đã nói, là "những lời nói dối". "Những lời nói dối" tuyệt diệu, phải nói như thế cho đúng tinh thần câu nói của Aristotle. Vì chính Aristotle đã đánh giá rất cao vai trò của nhà thơ, người sáng tạo, con người, theo ông, "có một nghệ thuật nói dối tuyệt diệu và tài tình" (Thi Học/Poetics, XXIV). Ông đặt vị trí của nhà thơ cao hơn vị trí của sử gia vì, theo Aristotle, sử gia chỉ là những người đi tìm sự thật qua những biến cố cá biệt và ngẫu nhiên; trong khi nhà thơ là những con người phát hiện ra được những sự thật phổ quát và có giá trị sâu sắc. Không như Plato đòi đuổi nhà thơ, con người sáng tạo, ra khỏi đất nước của mình sau khi đã lịch sự "choàng vào cổ họ một vòng hoa", vì ông cho rằng nhà thơ chỉ là kẻ phản ánh sai chân lý, vẽ về dục vọng và làm cho con người trở nên yếu đuối, Aristotle ca ngợi họ và cho rằng thơ ca, sáng vật của nhà thơ, kẻ sáng tạo, có thể thanh tẩy cảm xúc của con người và làm cho con người trở nên tốt hơn.

Trở lại với hành động viết. Nó hầu như luôn đòi hỏi sự tưởng tượng, cho dù chúng ta viết bất cứ điều gì. Nguyễn Hiến Lê trong phần "Lời Nói Đầu" cho bộ *Hồi Ký* của mình, cũng, trong một cung cách nào đó, ngầm công nhận điều ấy. Ông xin lỗi độc giả vì biết rằng trong bộ hồi ký của mình, có những chỗ, vì lý do này hay lý do kia, ông không thể hoàn toàn chính xác được. Ông cho rằng những tập hồi ký nổi tiếng nhất và được coi là gần với sự thật nhất, như tập *Confessions* của J.J. Rousseau hay tập *Autobiography* của Bertrand Russel thì cũng như vậy mà thôi... Ông viết, *"Tôi đã ghi tình cảm, suy tư của tôi lúc này về một số sự việc xảy ra trong đời tôi mà tôi đã được nghe hoặc thấy. Có nhiều chỗ tôi đã vô tình chép sai sự thật, hoặc bỏ sót, điều đó không sao tránh được. Lỗi ở kí tính con người: nó bị tình cảm sai khiến; lại thêm ở tuổi bảy mươi như tôi, nó suy giảm nhiều rồi."* Thể loại hồi ký mà cũng phải chịu sự chi phối của tình cảm như vậy thì chúng ta nghĩ sao về những thể loại khác? Nói thế không có nghĩa là cho rằng Nguyễn Hiến Lê, và những người như J. J. Rousseau hay Bertrand Russell, đã không viết thật trong hồi ký của mình. Tôi trình bày điều đó ở đây chỉ để muốn nói rằng, Nguyễn Hiến Lê, trong cảm nghiệm về cuộc sống của chính mình, đã rất chân thật và đã cho chúng ta thấy ông đã hiểu rất rõ vai trò của ký tính là như thế nào. Nó chỉ là một bộ nhớ, và khi ký ức dẫn chúng ta đi quá sâu vào những vùng mà các dữ kiện đã bị mất dấu hoặc bị xóa bỏ, con người ta sẽ bắt gặp những lỗ hổng trên

con đường trở về của mình. Nhưng tình cảm của chính con người sẽ làm công việc lấp bằng những lỗ hổng đó. Cái tình cảm ấy có thể được pha trộn với một số tưởng tượng có điều kiện, có nghĩa là những tưởng tượng này có gốc rễ từ những hoàn cảnh, biến cố nào đó trong cuộc sống của mỗi một con người, mà nếu không phải là một nhà phân tâm học, hay ngay cả khi chính mình là một nhà phân tâm, con người cũng chưa chắc biết được những điều kiện tạo nên những-hình-ảnh-không-thật kia đã xuất phát từ đâu. Tưởng tượng, như thế, có thể là một cơ chế tự nhiên giúp cho con người nối kết những mảnh rời, những khoảng cách thiếu cầu nối trong ký ức họ. Nó là một cơ chế đã được "gài" sẵn trong sự sống của con người.

Trong quyển *Bay Đêm* (Vol de Nuit) và, nhất là, sau đó với quyển *Cõi Người Ta* (Terre des Hommes), Saint-Exupéry đã viết về kinh nghiệm sống như một phi công đưa thư thời thập niên 20, lúc phi cơ vẫn còn là một "khí cụ" khá xa lạ với con người.

Giữa lòng một vài đêm thâu lục nhạt, tôi đã nhìn những tia lửa băng trời thành một đường rẽ vút như một làn gió dài dàn rộng giữa muôn sao (...)

Trước nhãn quan mình, tôi luôn luôn nhìn thấy lại chuyến bay đêm lần đầu tại Argentine, một đêm tăm tối, nhìn xuống bình nguyên, chỉ thấy một vài ánh sáng cô đơn lấp lánh thưa thớt như những vì sao.

Trong bóng tối bao la mờ mịt, mỗi ánh đèn báo hiểu mỗi hiện diện huyền diệu của mỗi tâm linh. Chốn này, người ta đang xem sách, người ta đang suy tưởng, người ta đang thổ lộ tâm tư. Nơi kia có lẽ người ta đang dọ dẫm không gian, người ta đang mỏi mòn trước những con số, tính toán mãi về tinh vân Andromede. Chốn nọ, người ta đang yêu đương. Đó đây, lác đác trên cánh đồng, những ánh lửa đang đòi hỏi được nuôi dưỡng, giữ gìn. Cho đến cả những ánh đèn kín đáo nhất, của nhà thơ, của nhà giáo, của người thợ mộc... Nhưng giữa đám sao rào rạt sống động kia, còn biết bao cánh cửa kín bưng, biết bao tinh cầu tắt lịm, biết bao con người ngủ say.

Phải gắng làm sao tiếp ứng nhau.

Phải gắng thử tương giao với một vài đốm lửa đang thưa thớt cháy trong cánh đồng bình lặng dưới kia. (...) (4)

Quyển *Vol de Nuit* của Saint-Exupéry được giải Prix Fémina năm 1931. Quyển *Terre des Hommes*, sau đó, càng nổi tiếng hơn nữa. Nó được biết khắp thế giới và được yêu mến bởi bao nhiêu triệu độc giả. Saint-Exupéry trong cuốn sách này, cũng như trước đó trong *Vol de Nuit*, đã tả về kinh nghiệm thực trong nghề nghiệp của mình. Những chuyến bay đưa thư trong những cơn dông bão trên biển cả. Những lần lạc mất trong không gian tối thẳm của đêm, chỉ nhìn thấy xa xăm vời vợi trong vũng tối bao la của không gian trước mặt một ánh tinh cầu le lói. Những lần rớt máy bay trong sa mạc hoang vu... Tất cả đã là những kinh nghiệm thật. Nhưng cách viết của Saint-Ex., cách kể lại những kinh nghiệm thật chen lẫn với những mẩu chuyện đời, những suy tư đầy tính triết học về cõi con người, đã làm cho tác phẩm của ông trở nên đặc biệt. Theo lời giới thiệu của Ban chủ biên tủ sách Time-Life Books, trong bản dịch tác phẩm này sang tiếng Anh của Lewis Galantière dưới nhan đề *Gió, Cát và Sao Đêm* (Wind, Sand and Stars, theo tựa đề cũ tiếng Pháp cho tác phẩm này của chính Saint-Ex. là *Du Vent, Des Sables, et Des Étoiles*), tác phẩm này đã làm bối rối cho ngay cả những nhà chuyên môn. Họ yêu thích nó, nhưng không biết phải xếp nó vào thể loại nào. Ba tháng sau khi được xuất bản, nó được Hàn Lâm Viện Pháp trao giải Grand Prix du Roman (Giải Thưởng Lớn cho Tiểu Thuyết). Họ cho đó là tiểu thuyết hay nhất của năm 1939. Những nhà xuất bản Mỹ, về phần họ, đã chọn *Wind, Sand and Stars* là "the best non-fiction book of the year" (tác phẩm không hư cấu hay nhất trong năm).

Fiction, theo tự điển *Oxford*, và cũng là theo cách chúng ta vẫn thường hiểu, là "những gì được sáng tạo ra hay được tưởng tượng ra, trái với sự thật. Xét về mặt văn chương, nó liên hệ đến những thể loại như truyện ngắn, tiểu thuyết, những tác phẩm tình cảm lãng mạn..." Kinh nghiệm thật sau khi viết ra được coi là tưởng tượng, sáng tạo! Đó là kinh nghiệm của một nhà văn nổi tiếng của nước Pháp và là một nhà văn được cả thế giới yêu mến. Như thế, Hàn Lâm Viện Pháp, một cách mặc nhiên, đã xác nhận vai trò của tưởng tượng trong một tác phẩm văn chương, cho dù là nó đã được viết ra gần như trong dạng tự thuật, hồi ký.

Susan Sontag, trong quyển *Tôi, v.v... và v.v...* (I, etcetera) (5), đã trình bày con người mình trong những góc cạnh khác nhau, bằng những chất giọng khác nhau, khi thì nghịch ngợm, lúc lại trầm ngâm, khi thì thương cảm, lúc lại khôi hài, có lúc lại đầy chất trữ tình tha thiết. Qua tất cả những góc độ nhìn ngắm và bằng tất cả những chất giọng pha trộn ấy,

qua tám truyện ngắn của tập truyện ngắn đầu tay này, bà đã cho chúng ta thấy được một con người tác giả đầy màu sắc trong nhiều chiều kích khác nhau. Con người tác giả này với Susan Sontag ở ngoài đời có thể chập vào nhau được không, có thể lắp ráp trùng khít vào nhau hay không, chuyện đó là thuộc về nhiệm vụ của người đọc–nếu họ muốn trả lời những câu hỏi trên. Trong nhận xét của tôi, *Tôi, v.v... và v.v...* của Susan Sontag chứa đầy sự thật mà cũng đựng đầy hư cấu. Thì tôi vẫn là tôi đấy , nhưng tôi cũng lại còn là một người khác nữa. Chính vì thế mà Borges đã viết *Borges và Tôi* (Borges and I), một tiểu luận thật ngắn và thật độc đáo mà tôi sẽ thử dịch ở đây. Tiểu luận này lại càng làm cho Borges nổi tiếng, và biến ông trở thành một huyền thoại:

Tất cả mọi chuyện là đã xảy đến cho một kẻ khác kia, cho Borges, chứ không phải là xảy đến cho tôi. Về phần tôi, tôi bước đi thong dong trên đường phố Buenos Aires, và, có những lúc, tôi ngừng lại, gần như một cách máy móc, để ngắm nhìn cái mái vòm cong khum khum của lối vào một ngôi nhà thờ kiểu cổ. Tin tức về Borges đến với tôi qua các thư từ mà tôi nhận được, và tôi có thấy tên hắn ta trong một danh sách ngắn của ban giáo sư đại học hay trong một quyển tự điển các tác giả. Tôi thì tôi mê các đồng hồ cát, những tấm bản đồ đủ loại, những kiểu in ấn thuở xưa thời thế kỷ thứ mười tám, tìm hiểu từ nguyên của các từ, thưởng thức mùi vị cà-phê, và văn xuôi của Stevenson; kẻ kia hắn cũng chia sẻ những sở thích của tôi, nhưng với một cung cách khá phô trương và có vẻ đầy kịch tính. Dù sao, cũng là một sự quá đáng nếu gọi liên hệ của chúng tôi mang tính thù nghịch. Tôi sống, tôi chấp nhận tiếp tục sống để Borges có thể chải chuốt, thêu dệt văn chương của hắn ta; và cái văn chương này lại xác định, biện minh cho chính con người tôi, cho chính sự hiện hữu tôi. Tôi cũng không thấy phiền hà hay ngại ngùng gì để thú nhận rằng kẻ kia, Borges, hắn cũng có cố gắng để viết được dăm ba trang xứng đáng, ra hồn, nhưng những trang sách này cũng chẳng cứu vớt được tôi, có lẽ vì những áng văn hay thì chẳng thuộc về một ai cả, ngay cả thuộc về kẻ kia, có lẽ chúng thuộc về chính ngôn ngữ, thuộc về truyền thống. Ngoài việc đó ra, định mệnh tôi đã được ghi dấu; tôi đã được định trước là sẽ phải đi vào lãng quên, lụi tàn dần, và, cuối cùng, cái tôi còn lại có chăng chẳng có gì hơn là một vài tia lửa hiện sinh nơi tôi bật cháy lấp lóe trong tác phẩm của kẻ kia. Từng chút, từng chút một, tôi trao gửi, giao nạp tất cả cho hắn, cho dù là tôi thừa biết cái thói xấu hay xuyên tạc lấm lem và hay cường điệu quá quắt của hắn. Spinoza đã hiểu rằng tất cả mọi sự đều muốn được tiếp tục mãi mãi trong chính bản thể của nó: Một hòn đá

muốn là một hòn đá, muôn đời như thế, và một con hổ muốn là một con hổ, mãi mãi. Và tôi, tôi phải tiếp tục sống trong Borges, chứ chẳng phải trong tôi (nếu tôi có là một người nào đó đi chăng nữa). Nhưng tôi rất ít khi nhận ra mặt mày chân tướng mình, bản lai diện mục mình, trong những quyển sách hắn viết hơn là trong những quyển sách của những tác giả khác, hoặc là không bằng trong cái cách khảy đàn rất vụng của tôi. Nhiều năm trước đây tôi đã thử tìm cách cắt rời tôi ra khỏi hắn trong việc đào bới những huyền thoại về đời sống trong các khu nhà nghèo khó ở vùng ngoại ô, cũng như là trong việc đâm đầu vào những trò chơi với thời gian và vĩnh cửu; nhưng những trò chơi này bây giờ là của Borges, hắn cũng khoái chúng, và tôi sẽ phải tìm ra một trò khác. Và thế là đời tôi cứ chảy mòn, cạn kiệt dần và tôi mất tất cả mọi sự, và tất cả đi vào quên lãng, hay tất cả là để phó mặc cho kẻ khác kia.

Tôi không thể nói được rằng ai trong chúng tôi đã viết ra những dòng chữ này. (6)

.5.

Nhưng tất cả những điều được xem là tưởng tượng, hư cấu kia, có những khi, lại dẫn người ta trở về tìm lại những thực tại được phơi bày hoặc chôn giấu trong đời thường. Một trong những tác phẩm nổi tiếng của văn chương thế giới làm tôi vô cùng yêu thích là quyển *Cầu Trên Sông Drina* (Na Drini Cuprija), giải Nobel văn chương năm 1961. Nguyễn Hiến Lê đã dịch quyển sách này rất hay (7). Tác giả Ivo Andric gọi tác phẩm này là một biên niên sử. Thật vậy, cuốn sách kể lại lịch sử trên dưới ba trăm năm chục năm của Nam Tư (Yugoslavia). Bao nhiêu là thế hệ đã trôi qua. Chiến tranh, lửa khói, lụt lội, tai ương, tang tóc cũng như bao nhiêu niềm vui, nỗi buồn, nụ cười và nước mắt của biết bao con người trong cuộc sống giữa đời đã trôi xuôi theo dòng nước dưới gầm cầu. Màu thời gian lững lờ in bóng trên mấy trăm trang sách. Đây là một cuốn biên niên sử, nhưng đây cũng là một cuốn tiểu thuyết tuyệt vời. Sân khấu của nó quá rộng, những diễn viên, nhân vật quá nhiều, và thời gian của cuốn sách cứ cuồn cuộn trôi qua như những cuộc đời cứ nối tiếp nhau không bao giờ cùng tận. Từ những ngày đọc xong quyển sách này ở Sàigòn vào năm đầu đại học, tôi đã bồi hồi sống với cuộc đời của những con người tưởng là xa lạ nhưng lại hết sức gần gũi ấy. Những con người bằng xương bằng thịt, sống và thở và khổ đau và hạnh phúc và cười khóc giữa đời. Tôi nhìn ra cái dòng thời gian lững lờ trôi chảy trên mấy trăm trang sách, và

tôi đã thật buồn khi đọc đến những dòng cuối. Tôi không muốn câu chuyện của hơn ba trăm năm lịch sử đó chấm dứt vì, đối với tôi, nó không chỉ kể lại câu chuyện của lịch sử Nam Tư. Nó kể lại câu chuyện của đất nước và con người. Ở mọi thời và mọi nơi.

Ivo Andric là một nhà văn có tài. Ông cũng là một sử gia sâu sắc. Trước khi là một nhà ngoại giao, ông đã trình ở đại học Gratz một luận án tiến sĩ về đời sống tinh thần của người dân ở Bosnia-Herzégovina dưới thời bị Thổ-nhĩ-kỳ thống trị. Là một nhà văn, đồng thời cũng là một nghệ sĩ lớn, một nhà tâm lý với một cái nhìn thật sắc cạnh, trong tác phẩm này, Ivo Andric đã trình bày chi li những khuất khúc của tâm hồn những người dân ở đây, ở Visegrad: những người Thổ và Slave theo Hồi giáo, người Serbian theo Chính thống giáo, người Croatian theo Công giáo, những thày dòng thuộc tu hội thánh Francois d'Assie , những người Do thái, những sĩ quan Áo, những bọn hảo hán lục lâm... cùng những tục lệ cổ và những huyền thoại, những truyền thuyết gắn bó lấy cuộc đời họ, những trận chiến, những nguyện ước, và những mối căm thù tàn bạo, những đam mê kinh khủng của họ. Tất cả đều quấn quyện lấy nhau và có những liên hệ mật thiết với chiếc cầu đá mười một nhịp, với chiếc vòm khum khum mở rộng. Từ chiếc cầu đó, cả một thung lũng gợn sóng tỏa ra thành hình quạt với những xóm làng cheo leo trên sườn đồi, những thung lũng mơn mởn ruộng nương, đồng cỏ, vườn mận, và lác đác đó đây là những khu rừng nhỏ cùng những bụi cây bách... Đời sống người dân và lịch sử thu gọn của dân tộc Nam Tư nổi trôi theo dòng nước mà tháng năm cuốn đi dưới lòng cầu. Tờ *The Daily Telegraph* đã cho rằng "*Cầu Trên Sông Drina* là một tác phẩm lịch sử tiểu thuyết đứng đầu trong thể loại này, là một kết hợp tuyệt vời và lôi cuốn giữa thực tại và truyền thuyết... phóng chiếu và phản ánh cả một giai đoạn lịch sử với một kỹ thuật kể chuyện tuyệt luân." J. B. Priestley thì lại cho rằng đây là "một tác phẩm đầy sức sống và sự tưởng tượng chi li, đòi hỏi một sự theo dõi cẩn trọng và một cung cách đọc thảnh thơi, thư giãn, hạnh phúc... Điều mà chúng ta có được ở đây khó có thể nói cho chắc là một tiểu thuyết, nhưng nó thuộc về một thể loại kịch-trường ca dân tộc đầy nét bi tráng, được thể hiện bằng văn xuôi".

Ivo Andric đã kết hợp nhuần nhuyễn khả năng nắm bắt hiện thực lịch sử của ông, như một sử gia, với trí tưởng tượng phong phú, linh động và sắc nét của một nhà văn để vẽ lại bức tranh lịch sử hoành tráng này. Cuốn sách là một tiểu thuyết lịch sử, có nghĩa là lịch sử đã được tiểu thuyết hóa. Và nó đã làm cho tôi cứ bị băn khoăn, ám ảnh mãi. Tôi cứ muốn tìm biết

thêm về khung cảnh làng mạc, đất nước Nam Tư nói chung và Bosnia-Herzégovina nói riêng. Tôi muốn tìm biết thêm về cuộc sống tinh thần cũng như vật lý của những người dân ở đấy. Bởi thế, chính vì không muốn chấm dứt quyển *Cầu Trên Sông Drina*, khi sang đến Mỹ, có dịp tìm tòi trong các tiệm sách cũ và các thư viện, tôi đã tìm được quyển *Chuyện Cũ Bosnia* (8) cũng của Ivo Andric. Nằm trong bộ *trilogy* (ba quyển, trong đó có cả quyển *Cầu Trên Sông Drina*) viết về quê hương Bosnia của Ivo Andric, về lịch sử, đất nước và con người Nam Tư, tác phẩm này còn dài hơn là quyển *Cầu Trên Sông Drina* nữa. Nó là tác phẩm dài hơi và vĩ đại nhất của nhà văn nổi tiếng người Nam Tư này. Cũng được đặt trong khung cảnh của xứ Bosnia, cuốn sách trình bày cuộc sống của cư dân ở một làng quê tỉnh Travnik, nơi Ivo Andric được sinh ra, trong khoảng thời gian từ năm 1807 đến năm 1814, khi Napoleon đã bị thảm bại và sự tái lập nền Dân Chủ Pháp đã khiến cho tòa lãnh sự Pháp ở Bosnia phải đóng cửa. Ivo Andric, trong quyển sách này, đã vực dậy đời sống của bao nhiêu tầng lớp người trong cái cộng đồng dân quê của một xứ sở còn rất nghèo nàn và lạc hậu gần như man rợ ấy, kể cả đời sống của một vị lãnh sự Pháp, hai vị lãnh sự Áo, và ba vị tể tướng Thổ. Ông đưa ra trước mắt người đọc một tài liệu thật sống thực và lôi cuốn về những sinh hoạt hằng ngày cũng như đời sống tinh thần của bao nhiêu con người, trong những vị trí và hoàn cảnh cá nhân của họ, mà vẫn không bị lạc mất cái bối cảnh lớn là những âm mưu chính trị và những sức mạnh vô hình vẫn đang âm thầm hoạt động và chi phối cuộc sống của tất cả những con người đang nằm trong cơn lốc của chúng. Tác giả cũng cho ta thấy rõ cuộc sống cô đơn trong cảnh bị cô lập của những người ngoại quốc khi sống giữa một nền văn hóa xa lạ, trong một bầu không khí nặng nề u uất, qua đó, cho người đọc nhận chân được những phẩm chất cao quý của con người nói chung. Những phẩm chất này được thể hiện rõ khi con người bị đẩy vào thế phải đối mặt với nỗi buồn sầu tưởng là không thể nào chịu đựng nổi của cuộc sống và sự kiên trì đầy tính cao cả của nó trong việc chấp nhận để tiếp tục giữ mình trong cuộc.

Cuốn sách làm sống dậy trong tôi cái khung cảnh xa lạ mà lại rất quen thuộc thân thương của con người và lịch sử Nam Tư. Nó làm tôi có cảm tưởng là mình đang sống với những con người nghèo nàn cùng khổ của chính quê hương mình. Nó làm tôi chia sẻ những bồi hồi lo lắng hoang mang sợ sệt nhưng cũng có những lúc hạnh phúc sung sướng của những người dân Bosnia kia, những con người cũng đã chịu những nỗi dày vò đau đớn của bao thảm cảnh loạn lạc ly tán giống như những người

dân nghèo khổ của đất nước tôi. Rồi tôi thấy mình càng ngày càng tìm sâu vào đời sống vật lý cũng như tinh thần của người dân Nam Tư qua đủ loại sách báo. Có lần tôi mua được một quyển sách xuất bản năm 1934 của Louis Adamic, mang tựa đề *Cuộc Trở Về Của Đứa Con Hoang* (The Native's Return / An American Immigrant Visits Yugoslavia and Discovers His Own Country) (9). Cuốn sách với bản khắc gỗ ngoài bìa và những phụ bản là nhiều bức hình chụp đen trắng cũ kỹ của sáu, bảy chục năm về trước, cho thấy khung cảnh đất nước, làng mạc, thành phố, chợ búa, và con người Nam Tư trong quần áo hằng ngày cũng như trong những trang phục mà họ mặc trong các dịp lễ hội, làm cho tôi thật thích. Tác giả là một người gốc Nam Tư, được cha mẹ đưa sang Mỹ di cư từ nhỏ nên đã sống và suy nghĩ như một người Mỹ. Lớn lên, trở thành một ký giả danh tiếng, tình cờ trở về quê hương, ông đã được người quê hương nhận biết và chào đón hằng ngày–trong ba bốn hôm liên tiếp trước khi ông đặt chân trở lại đất quê nhà–trên báo chí địa phương khi chiếc thuyền chở ông về nơi chôn nhau cắt rốn còn đang lênh đênh trên biển cả. Ông đã trở về và, với cặp mắt của một người ngoại quốc nhưng với một trái tim của một con người quê hương, ông đã học hỏi lại những phong tục tập quán của đồng bào mình cũng như đã tìm hiểu để thích thú khi thấy được ý nghĩa của các truyền thuyết cùng những huyền thoại đã nuôi lớn con người và đất nước ông. Cuốn sách được viết như một tự sự hồi ký nhưng lại có giá trị của một nghiên cứu nhân chủng, xã hội, tâm lý sâu sắc đầy sức lôi cuốn. Nó làm tôi say mê.

Tám năm trước, vào một mùa hè, từ một cuốn sách của Ivo Andric mà tôi đã được xem thời bắt đầu bước chân vào ngưỡng cửa đại học–một cuốn sách như một bông hoa kỳ bí nở ra trong một khung cảnh loạn lạc, máu lửa chen lẫn hạnh phúc thiết tha của những người dân thuộc thành phố Visegrad, Nam Tư; một cuốn sách như một bông hoa kỳ bí, lạ lùng nở ra trong sự nghiên cứu về lịch sử quê hương mình quấn quyện với trí tưởng tượng độc đáo của một nhà văn–tôi đã lên đường sang thăm Nam Tư. Tôi đã đi thăm chiếc cầu trên sông Drina. Được xây đi xây lại mấy lần vì chiến tranh bom đạn tàn phá, giữa cảnh núi non hùng vĩ, chiếc cầu vẫn còn đứng đấy nhìn dòng thời gian lờ lững trôi xuôi. *Màu thời gian tím ngắt*. Nó làm tôi bùi ngùi, cảm động. Tôi cũng đi thăm Dubrovnik, mà lịch sử hình thành được tính ngược trở lại từ thế kỷ thứ năm. Đây là một thành phố cổ với bức tường thành có số tuổi hơn một ngàn năm bao quanh. Rồi tôi đi Sarajevo thăm những con đường với những vọng tháp còn vương vất hơi thở của thời kỳ lịch sử Ottoman. Tôi cũng đi Mostar thăm ngôi

làng cổ cùng chiếc cầu đá một nhịp nổi tiếng khắp thế giới–được xây vào thế kỷ XVI–ở đây. Khung cảnh đây chất Thổ-nhĩ-kỳ với những con đường làng nhỏ ngoằn ngoèo, những ngôi nhà cổ với ống khói thở những hơi thở nặng nề, mệt nhọc lên trời xanh, những tiệm chạp phô bày cả ra ngoài lề đường với những ông già mặc áo kiểu Thổ, râu rậm dài xuống ngực và những cô gái mười tám hai mươi mắt đầy trời xanh ngồi bán những món đặc sản địa phương và những tấm thảm dệt đầy những đường nét kỷ hà vân vi nhiều màu sắc. Mostar là một làng nhỏ nhưng cũng mang trong nó cái hơi thở lịch sử như Visegrad và Sarajevo. Khoảng hơn một năm sau khi tôi đến thăm Nam Tư, vào tháng Chín 1991, Croatia đã đòi độc lập để tách khỏi liên bang chung mang tên gọi cũ là Yugoslavia (Nam Tư). Chiến tranh lại bắt đầu, và cuộc chiến ấy lại đẩy người dân Nam Tư vào một cơn ly loạn mới, chưa biết bao giờ mới thoát ra được. Sarajevo, Dubrovnik, và cả Mostar đã bị tàn phá nặng nề. Chiếc cầu đá một nhịp nổi tiếng của Mostar–ngày nào được đưa lên trang bìa của tờ báo TIME–giờ đã bị bắn sụp. Nghe những tin này, tôi thấy lòng quặn đau như khi nghe tin Huế bị tàn phá đổ nát trong cuộc chiến. Huế cũng như những thành phố ấy không phải chỉ là sự kết hợp của những cột đá, những đền đài, nhà cửa, đường phố, cây cối... Chúng có một linh hồn, và chúng có một quá khứ. Cây cầu ở Mostar đang được xây cất lại. Nhưng vết thương của chiến tranh ly loạn đã hằn sâu trong nó. Tôi thấy thương tiếc và đau lòng vì những cái đẹp đã bị tàn phá, bị bóp chết một cách hung bạo.

Sự tưởng tượng của một nhà văn có tài là Ivo Andric đã dẫn nhiều người, trong đó có tôi, tìm biết về lịch sử và con người Nam Tư. Cũng như chính là vì Kawabata, giải Nobel văn chương năm 1968, với những cuốn sách nổi tiếng của ông–đặc biệt là hai cuốn *Xứ Tuyết* (Yukiguni / Snow Country) và *Tiếng Rền Của Núi* (Yama no Oto / The Sound of the Mountain)–mà tôi đã để ý tìm hiểu thêm về đất nước, con người và văn hóa Nhật. Để thấy rằng dân tộc và con người ở đâu cũng mang trong mình những phẩm tính cao quý chung của loài người. Lịch sử của dân tộc nào cũng chia sẻ những khốn cùng, đau thương và những vết rạn nứt chung của trái tim nhân loại. Sự tưởng tượng, như thế, lại thúc đẩy con người tìm về với thực tại và những giá trị đích thực của chúng.

Về vấn đề này, ở đây, tôi muốn nói chút ít về một câu chuyện mà, bây giờ, đọc lại tôi vẫn còn cảm thấy lôi cuốn. Câu chuyện này cũng chứng minh cho điều mà tôi vừa nói: sự tưởng tượng có thể lại thúc đẩy con người tìm về với thực tại và những giá trị đích thực của chúng. Ngay từ

khi lên bảy tuổi, Heinrich Schliemann đã được đọc và nghe kể lại về câu chuyện thành Troy, một câu chuyện mà ai cũng tin là chỉ mang tính chất huyền thoại. Nhưng Schliemann, từ tác phẩm *Iliad* (hay *Odyssey*) mang đầy nét huyền hoặc kia của Homer, lại muốn tìm bắt thực tại. Ông tin rằng Troy là một thành phố có thật, và ông nhất quyết tìm ra nó. Vào thời ông, những năm bảy mươi và tám mươi của thế kỷ trước, ngành khảo cổ học còn trong giai đoạn sơ sinh. Thiếu hẳn những kiến thức và kỹ thuật của ngành khảo cổ hiện đại, và chỉ được trang bị với một cuốn *Iliad* quăn queo luôn luôn có trong túi áo, Schliemann, người kém khoa học nhất trong tất cả các nhà khảo cổ mà nhân loại được biết, đã tìm lại được thành Troy cùng với những chứng tích lịch sử đầy huy hoàng và lôi cuốn của nó. Schliemann trở nên cha đẻ của khoa học về khảo cổ thời hiện đại. Tưởng tượng đã cho thấy rằng nó có sức lôi cuốn và dẫn dắt con người tìm về thực tại để khám phá trở lại những giá trị đã được mã hóa trong tác phẩm. Tưởng tượng, như thế, không cắt rời con người ra khỏi hiện tại; trái lại, nó hoạt động như một chiếc cầu bắc ngang qua những biên giới vô hình để nối kết những bờ thực và mộng của đời sống. James Joyce đã nói về kinh nghiệm có tính thiêng liêng này của mình như sau: "Ô! Trong cung lòng trinh trắng của tưởng tượng, lời [chữ nghĩa] đã trở thành xương thịt." Joyce cho rằng nghệ sĩ là một "linh mục" đã biến tấm bánh mì hằng ngày của kinh nghiệm thành ra mình máu đẹp tươi, sáng láng của sự sống vĩnh hằng (10). Northrop Frye, trong *The Educated Imagination*, cho rằng thế giới của chúng ta có thể có bất cứ một chiều kích lớn lao nào mà sự tưởng tượng của chúng ta cho phép. Ông cho rằng không có gì ở ngoài sự tưởng tượng, vì trong lãnh thổ của sự hiện hữu con người, tưởng tượng đã tiếp máu cho tất cả những gì thuộc về sự sống. Frye còn cho rằng tưởng tượng sẽ không chịu ngừng nghỉ cho đến khi nào nó "nuốt trọn" tất cả mọi sự, kể cả thời gian và không gian, vào trong nó (11).

Và, chính là tôi, hay một kẻ nào khác, hay sự tưởng tượng của mình đã viết ra những dòng này trong một bài thơ năm xưa:

(...)
Rồi tôi thấy tôi lang thang ở vùng biển Địa Trung Hải
Saint-Paul-de-Vence, gần Nice, Côte d'Azur
Những con đường nhỏ lát gạch cũ kỹ ngoằn ngoèo dẫn mãi lên cao
Những kiến trúc để lại từ thời Trung Cổ
Những bức tranh của Picasso, Klee, Dufy, Utrillo, Derain
treo đầy những bức tường ở Colombe d'Or

trả giá cho những bữa ăn thời các họa sĩ còn đang lang thang đói rét
Và mộ Marc Chagall nằm trên đồi cao gió thổi
Giữa những um tùm cây cối và những tiếng đùa vọng của chim
Ánh sáng ở đây như được lọc qua những tấm kính màu
Ở Chapelle du Rosaire do Matisse làm ra
Ánh sáng thơm và mát
Chagall đã ra đi từ 1985
Tôi gõ tay vào ngôi mộ xi-măng giản dị
nguệch ngoạc hình thiên thần hai cánh tung bay tay cầm
một chân nến Hanukkah
(Ngôi mộ giản dị hơn bất cứ một ngôi mộ nào ở cái nghĩa địa gió này)
Ông cụ mở cửa hỏi tôi cần gì
Tôi bảo tại sao con người lại bay đi như chim
Tại sao con người là một nốt nhạc
Ông cụ bảo rồi anh cũng sẽ bay đi
Anh cũng là một nốt nhạc
Con người ai cũng có khả năng bay
Còn khi rung động thì họ là một nốt nhạc
Con người sẽ bay lên và họ sẽ trở thành những nốt nhạc
Nhất là khi họ yêu thương và muốn với lên những vì sao
Tôi cám ơn ông cụ và đi lang thang về những con đường,
những thành phố khác
Ở Czechoslovakia,
mùa Xuân vẫn còn đang nở tại Praha
Những con đường ngoằn ngoèo nguệch ngoạc vẫn chạy mãi vào
những trang lịch sử
Cầu Charles trên dòng Vltava
và nhà thờ Saint George ở Xóm Cũ
Tại Budapest, lịch sử Hung Gia Lợi vẫn trôi
trên dòng Danube
Con người vẫn sống vẫn thở vẫn yêu thương trên hai bờ Buda và Pest
Ở Yugoslavia,
tôi nằm nghe gió thổi miên man trên cái kapia
Cầu trên sông Drina
Ivo Andric
Những cuộc đời lại quày quả trở về
xôn xao trong tim trong mộng
Và chiếc cầu đá cổ ở Mostar
trên dòng Neretva

Bao thế kỷ rồi vẫn nhìn đời sống lướt trôi lướt trôi về vô tận
Tôi đứng trên cầu nhìn những xóm nhà heo hút
dần dần khuất bóng vào sương núi lam chiều
Ở Sarajevo, ở Dubrovnik, và ở biển Adriatic cô liêu
Những con người vẫn bay đi bay về trên dòng thời gian quạnh quẽ
Đó là một dòng chảy xanh lơ
Bây giờ máu đang chảy ra ở những nơi chốn đó
Những mộng mơ tôi nơi ấy chắc cũng hoảng hốt đập cánh tung bay
Tôi lại nhớ đến quê nhà
Những con đường và những bóng cây
Những làn khói xanh lơ và những dòng sông thuở nhỏ...

Tôi vẫn đi trên những con đường của cuộc đời
Gió mưa nắng quái và những sáng bạch chiều rơi
Những ánh sáng và những hương hoa tôi thầm ôm ấp
Có khi là những con chim dịu dàng mềm mại
chúng thổi tiếng vi vu của cuộc đời vào lòng tôi sâu thẳm
Có khi, ừ có khi, chúng biến thành những vệt gai đâm
Hay có khi chúng thành những mảnh kính sắc
Đâm cắt vào lòng rạch nát vào tim
Tại sao những mảnh kính tại sao những mẩu gai?
Tại sao tiếng cười tại sao dòng lệ?
Thế nhưng tôi vẫn yêu mãi cuộc đời
Tôi vẫn chẳng thôi yêu thương những con chim, những dấu gai,
và những mảnh kính sắc kia
Chúng dạy cho tôi biết thế nào là cuộc sống
Thế nào là dòng máu thế nào là trái tim
Thế nào là khổ đau thế nào là hạnh phúc
Và bảo rằng tôi vẫn ở giữa muôn thuở con người
Và thế nào là một niềm tin.

*

Cậu bé nhỏ vẫn còn nghe mãi những tiếng mưa rơi
Những tiếng mưa rơi mịt mù trong khu xóm vắng
Tiếng mưa chạy đuổi nhau với những vì sao
rớt về từ triệu năm ánh sáng
Tôi vẫn đứng trong khu rừng kia
Người con gái mắt mềm như lá múc tay xuống dòng sông ấy
(Dòng sông lổ đổ tiếng cười của những vì sao)

Cầm lên đưa tôi một con suối nhỏ
Con suối giờ vẫn còn xao động trong tim
và những vì sao trong đó vẫn còn thức giấc
Tôi vẫn ngồi trên một mái nhà
Những con chim con mèo con chó vẫn còn lang thang dạo chơi trên ấy
Và người con gái kia
với đôi mắt vương màu tím than của một ngôi sao chấp chới
Đêm vút lên thành một nốt nhạc
Rồi lặng yên bao phủ cuộc đời...
Tôi vẫn đi trên những con đường
Ánh sáng và bóng tối
những sớm nắng và những chiều sương
Có khi tôi hát ca có khi tôi ngồi quạnh quẽ
Một nửa ánh trăng che mái hiên đời
Những mảnh sắc, những gai đâm, những con chim, những đóa hoa, những cây lá...
Xếp lại dần thành vóc hình tôi

*

Rồi một buổi nào thì tôi cũng sẽ bay đi
Một ông cụ già đã bảo cho tôi biết trước
Tôi sẽ bước ra ngoài thời gian
Như trèo ra ngoài cửa sổ trổ ra song sóng những mái nhà
Trổ ra một bầu trời xanh xa sâu thẳm
Có những ngôi sao thơm mùi ngọc lan
Và tôi sẽ bước đi
ở một chiều biên giới khác.
(Saint-Paul-de-Vence, VII, 1993) (12)

Tưởng tượng, ánh sáng và bà mẹ của những bông hoa thực tại, ta muốn hỏi nhỏ: Trong dòng chảy lững lờ và miên man của cái-ta mỗi ngày kia, đâu là ánh sáng và đâu là thực tại đời ta?❐

Chú Thích:

(1) Plinio Apuleyo Mendoza & Gabriel García Marquez, *The Fragrance of Guava*. London: Verso, 1983.

(2) F. R. Leavis, *"The Significance of C. P. Snow"*, Spectator (tháng Chín,

1962).

(3) Jorge Luis Borges, *Seven Nights*. Eliot Weinberger dịch, Alastair Reid giới thiệu. New York: New Directions Books, 1984.

(4) Antoine de Saint-Exupéry, *Terre des Hommes*. Bản dịch Việt ngữ *Cõi Người Ta* của Bùi Giáng. Sàigòn: Quế Sơn Võ Tánh, 1960.

(5) Susan Sontag, *I, etcetera*. New York: Farrar, Strauss and Giroux, 1978.

(6) Xem *Who's Writing This?/ Notations on the Authorial I with Self-Portraits*, New Jersey: The Ecco Press (1995) do Daniel Halpern chủ biên. Đây là một cuốn sách tập hợp 57 tiểu luận ngắn của 57 tác giả. Dựa trên tiểu luận nổi tiếng "Borges and I" của Borges, những tác giả này–trong đó có những người nổi tiếng như John Fowles, John Updike, Margaret Atwood, James A. Michener, Susan Sontag, Darryl Pinckney, Alice Hoffman, Roy Blount Jr., Joyce Carol Oates, Czeslaw Milosz, Arthur Miller, Robert Olen Butler, Paul Theroux, Cynthia Ozick, Paul Theroux, Scott Turow, Peter Mayle...–đã trình bày trước mắt người đọc con người văn chương của mình. Một phần dựa trên cung cách của Borges, phần khác được diễn tả trong cung cách đặc thù của mỗi người, tất cả các tác giả này đều để lộ cho người đọc thấy cái chân diện mục của cái "kẻ khác" kia–tên bạn thiết, kẻ bắt chước, kẻ giả mạo, gã thế thân, nhà ẩn sĩ, kẻ tự yêu mình–trong chính con người mình ra sao. Mỗi tiểu luận đều được bắt đầu bằng một thứ "chân dung tự họa" do chính tác giả vẽ.

(7) Bản dịch của Nguyễn Hiến Lê dựa theo bản Pháp ngữ, *Il est un pont sur la Drina*, của Georges Luciani (không rõ năm và nhà xuất bản). Bản Việt ngữ của NHL do Trí Đăng xuất bản tại Sàigòn năm 1971. Văn Nghệ tái bản tại California, Hoa Kỳ, 1989. Cũng có thể so sánh thêm với bản dịch Anh ngữ của Lovett F. Edwards, *The Bridge on the Drina*, Chicago: The U. of Chicago P., 1977, hay một ấn bản khác của cùng dịch giả, New York: A Signet Book, 1960.

(8) Ivo Andric, *Bosnian Chronicle*. Bản dịch của Joseph Hitrec. New York: Alfred A. Knopf, 1963. Hoặc bản dịch *Bosnian Story* của Kenneth Johnstone. London: Lincolns-Prager Publishers Ltd., 1961.

(9) Louis Adamic, *The Native's Return / An American Immigrant Visits Yugoslavia and Discovers His Own Country*. New York & London: Harper & Brothers, 1934.

(10) James Joyce, *The Portrait of the Artist as a Young Man*. New York: Viking, 1956.

(11) Northrop Frye, *The Educated Imagination*. Bloomington, Ind.: Indiana University Press, 1964.

(12) Bùi Vĩnh Phúc, trích đoạn trong *Rồi Một Buổi Nào Thì Tôi Cũng Sẽ Bay Đi*.

Thời nhỏ ở vườn kinh

HOÀNG XUÂN SƠN

Lâu thật rồi thời gõ thanh sắt
tiếng leng keng trăng nước qua cầu
hương ngát lạnh, đêm, dường khuya lắm
khúc khích cười một nụ hồng au.

Môi hé dạng bình minh tươi mát
chim còn non thiếp mộng hoa vàng
chăn gối cũ ôm lòng thơ mới
Ý xuân hiền như giấc ngủ ngoan.

Ôi mắt đẹp cả trời đăm đắm
thương làm sao si dại làm sao
sương lung ảo xin đừng nắng vội
sợ tóc trần bay chút thanh cao.

Cổ ngấn trắng cho ngày bình yên tới
tay thon xinh chầm nụ mướp bông cà
đất có thắm tình ai kia rười rượi
trưa vẫn lành trăm tiếng quyên ca.

Ơi xóm nhỏ vườn kinh thương thiết
gói lại giùm núm ruột chiều sa
chừ mây trắng dùn theo sương khói
nhớ con mắt tình cũng mù loà.

Xuân về. Ta với ngựa

TRIỀU HOA ĐẠI

trên non tìm dấu ngựa
mặt trời đã lên cao
gió qua thung lũng cạn
biết mai về nơi đâu

cả ngày quanh với quẩn
tìm ra dấu ngựa què
một chân. Rồi, chân nữa
dã mỏi đường bon chua

từ trên cao nhìn xuống
ta với ngựa là hai
sáu chân đều đã gẫy
biết ngược xuôi phương nào

một đêm. Rồi đêm nữa
lất phất mưa phùn rơi
hình như là ai đó
lệ giấu đi ngậm ngùi

mặc, ngoài trời mưa bụi
kệ. Lấm tấm hoa phai
đường xa lữ khách mỏi
lo gì chuyện ngày mai

thôi thì ngựa và ta
đêm nay chờ trăng xuống
đêm nay chờ gió qua
trải chiếc khăn ngồi đợi

những bạn bè hôm kia
về đây. Về đây hết
ôn lại chuyện ngày xưa
ai một đời thê thảm
ai cõi lòng ngăn chia

ta. Cùng ta nâng chén
mời ngựa uống cho vui
gọi là mừng xuân đến
quê người. Đẫm , lệ rơi

Nhà thương quận

Mai Kim Ngọc

Đừng nhìn bề ngoài mà lầm, kẻ trộm không có bộ mặt đặc thù nào," người sĩ quan cảnh sát rổn rảng nói trên bệ. Hắng giọng, ông nói tiếp:

"Kẻ trộm là ai? Kẻ trộm là ta, không phải là ta lúc này, nhưng biết đâu trong một lúc khác, khi những yếu tố cộng hưởng hội tụ lại..."

Từ hàng ghế đầu, bác sĩ T. ngắm thuyết trình viên buổi hội thảo *'An ninh tại sở làm'* trong chương trình hướng dẫn dành cho nhân viên mới của quận. Người đàn ông Mỹ đen cỡ bốn mươi, bốn lăm, nhanh nhẹn hoạt bát, bộ đồng phục ka-ki cắt sát bó lấy tấm thân lực sĩ việt dã. Bà nghĩ ông ta sinh trưởng tại vùng này lại thêm mười mấy năm trong nghề, tất nhiên biết rõ đề tài.

Bác sĩ T. vẫn tò mò về người Mỹ đen, và bà thích thú chờ nghe những điều diễn giả sắp nói. Từ năm 75 di tản sang Mỹ, mà có lẽ từ sớm hơn, từ hồi trung học, khi đọc cuốn *Uncle Tom's Cabin*, hay khi thỉnh thoảng nghe một đĩa nhạc Jazz, bà vẫn cảm thấy sức hút mạnh như nam châm của họ. Vậy mà hơn hai mươi năm sống ngay tại Mỹ bà chưa có dịp gần họ. Bà có quen nhiều người Mỹ đen, bạn học trường y ngày xưa hay đồng nghiệp sau này, nhưng họ chẳng giúp được gì. Họ là những người Mỹ đen 'bình thường' nghĩa là chỉ còn mầu da là đen, suy nghĩ cũng như hành động đều đã rập khuôn theo giới trung lưu hay thượng trung lưu của cộng đồng lớn. Bây giờ bà được hành nghề trong ghetto giữa môi trường đen, quả là cơ hội ngàn vàng để tìm hiểu cảnh sống của sắc dân đặc biệt đã sản xuất ra những thiên tài thể thao hay ca nhạc cũng như những phạm nhân ghê gớm. Trên bục giảng, thuyết trình viên khai triển ý kiến ông gợi lên lúc nãy:

"Chiếc cát-xét Sony nhỏ, âm thanh độ chuẩn cao, lại chạy radio được...

trăm rưỡi đô la đấy, ông bạn phải thích lắm mới bỏ chừng ấy tiền ra mua... nhưng ông bạn thích thì người khác cũng thích... Thích mà không có tiền mua thì thèm, thèm thì mỗi khi thấy ông bạn dùng lại còn thèm thêm... Thèm ngày thèm đêm, và khi ông bạn bỏ máy chơ vơ trên bàn giấy, cơ hội tốt đến thì người ta lấy đi..."

Bác sĩ T. ngỡ ngàng. Cái *người ta* hay ăn cắp vặt tuy không đích danh nhưng rõ ràng là chỉ bạn đồng sở, và ông cảnh sát thực ra đang nói tới vấn đề nhân viên ăn cắp của nhau. Bà đã đọc đã nghe những lời cảnh giác về trộm cắp cũng như những điều căn dặn phải cất giữ tư trang bảo vật như thế nào, trong khách sạn, trên xe hỏa, dưới du thuyền... Nhưng chưa bao giờ bà thấy ai cảnh giác hay căn dặn như ông cảnh sát hôm nay. Bao giờ người ta cũng rào trước là trộm cắp là một thiểu số rất nhỏ, đại loại con sâu làm rầu nồi canh, còn cái tốt cái thiện vẫn là chuyện thường lệ. Tích cực về con người như vậy rồi, người ta mới nói đến cách đề phòng trộm cắp. Còn người sĩ quan cảnh sát hôm nay, ông không mất thì giờ. Ông không phán đoán xét xử, thậm chí cũng không gọi kẻ trộm là bất lương. Đồ tốt, đồ sang, ai chẳng thích, nhân tâm ai chẳng vậy. ' Kẻ trộm là ta, ta là kẻ trộm', ông đã chẳng nói thế sao. Chẳng qua là có của thì phải giữ, thế thôi... Ông dặn dò:

"Vậy thì ông bạn nên nhớ khóa cửa phòng, khóa ngăn kéo mỗi khi đi đâu, dù chỉ là đi toa-lét..."

Bác sĩ T. nhìn quanh đám công chức mới của quận đang ngồi nghe thuyết trình chung với bà. Họ không tỏ ra ngỡ ngàng chút nào. Xem chừng nếu người sĩ quan cảnh sát vì lý do nào phải bỏ dở bài thuyết trình, bất cứ ai trong cử tọa có thể đứng dậy nói tiếp giùm ông, với cùng một nội dung, một quan điểm. Trừ bà ra, mọi người có mặt hoàn toàn thuộc về cảnh sống này.

Bác sĩ T. lạc lõng trong môi trường mới. Rồi bà ghi nhận dù ở môi trường nào bà cũng lạc lõng. Bà nghĩ đến phòng mạch cũ ở Long Beach chung với chồng từ ngày hai người tốt nghiệp, cho đến mấy tháng trước khi thủ tục ly dị hoàn tất. Khung cảnh hành nghề khang trang hơn những cơ sở của quận, nhưng cái khoảng không gian bé tí lúc nào cũng ngột ngạt và căng thẳng. Mới đầu bà cho là tại vợ chồng dị chủng, nhưng về sau nghĩ lại bà thấy rõ là tại bản tính hẹp hòi tham lam ích kỷ của người người đàn ông nặng bản năng chiếm hữu, trong vai chồng cũng như vai đồng nghiệp. Bà đã sung sướng thoát ra khỏi cái môi trường ấy, sẵn sàng quên nó đi, nhất định không mang theo dù một chiếc bàn, một kệ sách, một bức tranh... Bà bỏ lại tất cả cho chồng cũ và xin vào làm y sĩ cho quận...

Nhưng môi trường trước mặt cũng không dễ hội nhập. Bà vừa khám

phá ra những người hôm nay thuộc về một văn hóa khác, khác đến nỗi họ không biết mà cũng không cần biết là bà đang ngỡ ngàng với những chuyện họ cho là bình thường.

Nhưng rồi bác sĩ T. biết mình lầm. Trong cử tọa có người đã ghi nhận được phản ứng của bà. Bà bắt chợt người đàn ông Ấn độ ngồi trước bà một hàng ghế đang nhìn bà với cái nhìn cảm thông lẫn chút ranh mãnh, như người anh lớn từng trải nhìn cô em gái mới bước ra đời. Sự trao đổi không lời chấm dứt, và người đàn ông Ấn quay lại đằng trước nghe tiếp bài thuyết trình, để lại trong trí nhớ của bà hình ảnh một khuôn mặt rắn rỏi, rất sáng, rất thông minh, với chút tinh nghịch.

Nhưng còn cái gì nữa trên gương mặt ông ta đã bắt mắt bà. Phải chăng bà tưởng tượng, nhưng đôi mắt ông không chủ tâm mà thiết tha và mềm như đôi mắt đứa trẻ mồ côi. Bà nghĩ đến cái nhìn của một sinh vật đã bị thương tổn. Bà kín đáo quan sát tiếp. Chiếc ống nghe đeo trên cổ, ông cỡ năm mươi, dáng người trung bình, gân chắc mà mảnh khảnh, phản ánh một thói quen giữ gìn thân thể và những giờ tập luyện đều đặn tại một hội thể thao của những người có khả năng tài chánh. Ông ăn mặc giản dị nhưng sang, chiếc áo vét cắt khéo bằng dạ cashmere xanh đậm với cái quần ka-ki vải ăng-lê thẳng nếp thích hợp với phòng khánh tiết của một khách sạn năm sao hơn là hội trường sở y tế quận. Ảnh hưởng Âu châu rất rõ nơi ông làm bà nghĩ đến những người gốc Ấn khá giả sinh trưởng bên Anh quốc bà đã gặp trong quá khứ... Học vấn lẫn phong nhã phát tiết ra ngoài, quả thật ông không có dáng dấp xuềnh xoàng ăn chắc mặt bền của người công chức quận an bình thủ phận. Bà tò mò không hiểu hoàn cảnh nào đã đưa ông tới làm việc tại đây.

Lúc ăn trưa, bà đảo mắt tìm ông trong cafeteria mà không thấy. Chiều đến, ông trở lại hội trường hơi trễ, ngồi xuống chiếc ghế độc nhất tình cờ còn trống bên cạnh bà. Buổi hội thảo đã chuyển tới mục '*Bạo hành tại gia*'. Trên bục giảng người sĩ quan cảnh sát đã quen với cử tọa, đổi lối thuyết trình, thay thế bài diễn văn bằng cuộc đối thoại. Ông ta yêu cầu cử tọa nhận định nguyên do của bất hòa vợ chồng.

"Tình và tiền", ba bốn phụ nữ cùng nói một lúc.

"Thế tình quan trọng, hay tiền quan trọng nào", ông đố lại.

"Tiền", mọi người đồng thanh.

Diễn viên khen chí lý, rồi mời một bà thư ký ngồi hàng đầu lên bục giảng đóng góp vào cuộc hội thảo. Bà Mỹ đen to lớn đẫy đà, tóc quăn như bụt ốc, đứng dậy tự giới thiệu. Bà nguyên là thư ký bên tòa tỉnh mới chuyển sang quận, và bà không xa lạ với vùng này. Rồi bà vào đề, kể một hôm chồng bà lấy trộm thẻ tín dụng của bà đi mua bộ hi-fi lắp vào chiếc

xe pick-up của ông ta. Bà tưởng chồng được bổng, sung sướng hưởng những âm thanh tuyệt vời của dàn máy mới mỗi khi được chồng chở đi nhà thờ hay ra hồ câu cá. Nhưng cuối tháng, bà khám phá ra sự thật.

"Đánh nhau nặng không?" mọi người nhao nhao.

"Từ từ nào. Lặng yên tôi kể cho mà nghe."

Và bà ta kể sự việc là ngay hôm đó thì không có gì, nhưng vài bữa sau cơ hội tới, bà lấy trộm thẻ tín dụng của ông đi sắm một loạt quần áo mới. Đến đây thì ẩu đả thật. Ông vặn tay bà, không bẻ gẫy xương nhưng làm bầm tím cổ tay.

"Bây giờ cũng còn hơi đau đấy," người đàn bà vui vẻ xắn cao tay áo cho mọi người xem. Trên làn da đen đậm, vết bầm đã đổi thành màu nghệ.

Thuyết trình viên gật gù:

"Tiền quả là quan trọng. Nhưng cẩn thận nhé, xô xát lỡ tay ra là án mạng, cái sảy nẩy cái ung..."

Bà thư ký bênh chồng:

"Không, không bao giờ có chuyện cái ung cái sảy đâu. Chồng tôi là người đàn ông tốt. Năm ngoái mẹ tôi đau nặng phải mổ, anh chàng không ngần ngại hiến máu... Còn nữa, anh chàng biết sức mình, biết tự kiềm chế mỗi khi thượng cẳng tay hạ cẳng chân với vợ. Mười mấy năm trời sống với nhau, chưa bao giờ tôi phải đi nhà thương..."

Rồi bà thư ký cúi xuống nói nhỏ:

"Chỉ có điều đánh nhau xong là lại làm lành hết nghỉ... năm đứa con tôi, bốn đứa thụ thai nhờ làm lành như vậy. Không, đàn bà chúng mình mà biết xử lý cho đúng thì vợ chồng đánh nhau không chết ai cả, chỉ chết mệt thôi..."

Mọi người vỗ tay rầm rầm, có người lớn tiếng hoan hô cổ võ. Người sĩ quan cảnh sát cũng cười hả hê, đồng thời gõ mạnh cây thước xuống bàn tái lập trật tự. Ông đúc kết:

"Đúng. Vợ chồng nào chả có lúc đánh nhau, mà chọn chuyện tiền để đánh nhau cũng là điều hay. Còn tốt hơn là đánh nhau vì tình... Nguy hiểm chết người là đánh nhau vì ghen đấy... Tuy nhiên, như bà nói, ta phải biết xử lý cho đúng. Dù tình hay tiền thì cốt nhất là phải cảnh giác, đừng để bạo hành trở thành án mạng."

Buổi thuyết trình cứ theo điệu ấy tiếp diễn cho đến khi bế mạc. Cử tọa thu dọn giấy tờ cất vào túi xách hay cặp da, thản nhiên sửa soạn đứng dậy. Cũng như buổi sáng, xem ra không ai tỏ ra chối tai vì những điều vừa nghe. Ngột ngạt, bà quay sang ông bác sĩ Ấn cũng cùng lúc ông quay lại tìm mắt bà, và hai người trao đổi một cái nhìn đồng tình đồng ý. Bà thở dài nhẹ nhõm, ít nhất cũng có một người nữa không chấp nhận như vậy là

bình thường. Khi cử tọa lục tục đứng dậy sửa soạn rời phòng họp, bà nói với người đồng nghiệp mới quen:

"Cảnh sống của họ khổ quá. Vì thẻ tín dụng bị chồng đánh, không chết đã coi là hạnh phúc..."

Vẫn chút tinh ranh lẫn trong ánh mắt che chở, ông nói:

"Mới nhìn thì tưởng vậy, nhưng ở lâu bà sẽ thấy họ không khổ hơn mà cũng không khổ kém đàn bà chỗ khác."

Rồi ông nói thêm:

"Cảnh sống nào chẳng khổ, chỉ khác là mỗi cảnh khổ một cách thôi."

Bà tưởng như vừa thoáng nghe một tín hiệu, một mời mọc chia sẻ tâm sự, nhưng lại nghĩ mình lầm khi thấy nét mặt người đàn ông Ấn bình thản như chỉ muốn bàn lý thuyết về đề tài buổi thuyết trình.

Nhiều tháng trôi qua, bà không có cơ hội diện kiến với ông. Thỉnh thoảng bà thấy ông ngồi ăn trưa một mình trong cafeteria. Nếu hai người tình cờ gặp mắt nhau ông sẽ cúi đầu chào, chừng mực, không thừa không thiếu cho hai đồng nghiệp đã có dịp gặp nhau. Mỗi lần như vậy, đôi mắt của ông lại làm bà chú ý. Quả thật đôi mắt ấy phảng phất cái buồn, cái chịu đựng, mà nụ cười lịch lãm và xã giao không xóa hẳn được.

Bà không ra công tìm hiểu, nhưng bà cũng để tai lắng nghe khi trong đám đồng nghiệp có ai bàn tán về ông. Thật ra họ không nói xấu, lại còn khen ông có tay nghề cao, nguyên là một giải phẫu gia bệnh tim, xin vào làm nhà thương quận vì một lý do gì rất tạm thời. Ông không thân với ai, không mời ai về nhà bao giờ, và gần như không nhận lời ai mời mọc. Không ai biết về gia cảnh ông. Nhưng mà đôi mắt ấy... bà có linh tính cuộc sống của ông đã không dễ dàng.

Bà nghĩ chuyện trò với ông sẽ thích thú một khi hai người vượt quá được buổi sơ giao. Đôi lần bà toan cầm điện thoại gọi sang khu ngoại khoa tìm ông, lấy cớ tham vấn nghề nghiệp về những vấn đề mà thật ra bà đã biết giải pháp, để rốt cuộc cũng không thi hành ý định. Có lúc bà ngạc nhiên với sự dấn đo của mình. Bà không lạ lùng gì chuyện tham vấn đồng nghiệp khác phái. Còn nữa, lẽ ra bà phải bạo dạn hơn, sau những năm trở thành đối tượng bất đắc dĩ cho sự chiêm ngưỡng thường là sấn sổ mà giới đàn ông dành cho người đàn bà vừa ly dị. 'Có lẽ tại anh chàng đặc biệt hơn những người đàn ông khác,' bà tự cắt nghĩa để rồi mỉm cười vu vơ khi thấy mình ngây thơ lãng mạn trở lại như thủa sinh viên...

Sau cùng bà gặp lại ông, nhân dịp một buổi thuyết trình hàng tháng do khu tâm thần tổ chức cho toàn thể nhân viên bệnh viện. Đề tài là *Giải đau bằng thư giãn*. Diễn giả nói đến cái đau thể xác của những bệnh ung

thư hay nội thương. Ông ta cũng nói đến cái đau tinh thần của những liên hệ nhân sự thất bại, chủ yếu là trong đời sống lứa đôi... Đề tài lẽ ra rất gần với cảnh bà, nhưng bác sĩ T. theo dõi được mươi phút thì ngã lòng không muốn nghe thêm nữa. Nội dung đã không mới, ngôn ngữ lại chuyên ngành khô khan, câu chuyện lơ lửng trên đầu cử tọa, rõ ràng không được hưởng ứng. Bà chỉ ngạc nhiên thấy người đàn ông Ấn ngồi chăm chú nghe. Lúc tan họp, gặp nhau tại hành lang, bà hỏi nửa đùa nửa thật:

"Hôm nay ông có học thêm được cách giải khổ mới nào không?"

Nhưng người đàn ông không đùa. Ông nghiêm chỉnh nói:

"Tôi nghĩ bài thuyết trình hay. Chỉ khiếm khuyết chút ít vì dàn bài có thể không chặt. Tuy nhiên nếu ai cố gắng một chút, tôi nghĩ sẽ bắt được ý ông ta khá dễ dàng..."

"Ông ấy muốn nói gì?"

Người đàn ông ngần ngại như câu chuyện dài dòng, khó một lúc mà nói cho cạn được. Nhưng sau cùng ông cũng nói:

"Có lẽ đáng ghi chú nhất là ông ấy phân biệt cái *đau* với cái *khổ*. Cái đau thì ta không kiểm soát được. Thí dụ như ung thư thì phải đau, vợ chồng phụ bạc thì phải đau. Ta không thể cấm người thân phụ bạc hay cấm mụt ung thư xuất hiện. Nhưng khổ hay không khổ vì những cái đau ấy là hoàn toàn trong quyền định đoạt của ta. Khổ chỉ là một trong nhiều thái độ để ứng xử với cái đau. Và ta có thể chọn một thái độ khác là không khổ..."

Bà thành thực khen:

"Ông giảng rõ ràng và mạch lạc như một chương sách."

Bà ngạc nhiên khi ông trả lời:

"Không, chuyện này không hẳn từ sách vở đâu."

Bà bỗng dưng thấy mình đang đứng ở một ngưỡng cửa quan trọng trong sự giao thiệp với người đàn ông, nửa muốn bước vào mà nửa chùn chân ngần ngại. Bà muốn bông đùa một câu để đưa tình thế về lại chỗ sơ giao, nhưng chậm quá ông đã nói tiếp:

"Tôi suy nghĩ nhiều đến chuyện ấy, vì chính tôi cũng khám phá ra cách xử lý cái đau như vậy..."

"?"

"Tôi vừa ly dị..."

"Tôi xin lỗi..." bà lấy giọng lúng túng nói.

Nhưng bà thoáng nghi ngờ. 'Lại tín hiệu chăng?' bà tự hỏi, để rồi thấy mình thiếu khoan dung. Bà lại nghĩ chắc phải đau lắm mới tìm ra cách giải đau tiêu cực như vậy. Giải đau bằng tự dối mình thì tội nghiệp lắm, liên hệ vợ chồng của ông tệ hại đến thế sao. Trong đầu bà hiện ra

hình ảnh một người vợ ích kỷ, chiếm hữu, nhậy cảm về những thiệt thòi bản thân đồng thời chai sạn về những thương tổn vô tình hay hữu ý gây ra cho người khác. Người đàn bà không có chân dung, khác phái, nhưng có tất cả những nết xấu của chồng bà.

Bà ái ngại. Khi người đàn ông nhìn đồng hồ rồi rủ, "Còn sớm quá, chúng ta ra ngoài ăn trưa đi", thì bà nhận lời tức thì. Bà nhận lời không chút kiểu cách, như một đền bù một nhân nhượng dành cho người thiệt thòi.

Câu chuyện bữa ăn trưa tâm đắc, và bà khám phá được rất nhiều về ông. Tuy cũng mới vào làm nhà thương quận, ông không xa lạ với thế giới của người da đen. Hai mươi năm trước tốt nghiệp y khoa, ông không học chuyên ngành giải phẫu ngay mà bỏ ra ba năm làm cho sở y tế cộng đồng New York, để trang trải nợ nần từ mấy năm đại học.

Hồi ấy ông cũng tò mò như bà bây giờ về nếp sống của người da đen. Ngoài giờ khám bệnh, ông theo chân y tá đến phát thuốc tại gia cho mấy khu nghèo, cùng họ xông pha vào những ngóc ngách công viên hay gầm cầu xa lộ để tham quan cảnh sống của đám người vô gia cư. Ông tháp tùng điều tra viên y tế, mạo hiểm vào những khu gia cư dành cho người nghèo, những cao ốc thiếu trùng tu kinh niên đã trở thành ổ điếm hay trạm mua bán xì-ke. Ông đã leo những cầu thang xoắn ốc mấy chục tầng kiêm thêm công dụng không chính thức là trạm đổ rác, với đầy báo cũ, vỏ hộp, tã dơ, đôi khi còn thêm vũng nước tiểu hay đống phân người còn bốc khói. Còn thang máy, không ai tiên đoán chuyện gì xảy ra khi cửa mở. Có lần ông bắt gặp một cặp trai gái đang làm tình trên sàn. Lần khác, một xác đàn bà lăn ra ngoài, mặt mày xưng vù và đẫm máu, quần áo xé nát, cánh tay trái gấp ngược lại không phải theo khuỷu tay, mà ngang vết gãy giữa xương ống quyển...

Ông có sợ không ấy ư? Sợ chứ, nhưng rồi cũng quen đi... Biết cách hòa mình với môi trường, từ ăn mặc tới đi đứng, thì chẳng ai vô cớ phiền hà. Bà thích thú khi ông bảo ông chưa bao giờ nghe nói dân địa phương hãm hại mục sư hay y sĩ của họ, dù trong những khu vực bất an ninh đến đâu. "Con người dù sao cũng là con người," ông cả quyết. Lòng tin gần như ngây thơ của ông về sự tốt lành bẩm sinh của nhân tính làm bà cảm động, và câu chuyện Harlem của ông vẫn thanh thoát, mặc dầu nheo nhóc rác rưởi tàn bạo... Bà nghĩ nó thanh thoát hơn cái lịch sự hoa hòe hoa sói của những người đàn ông bà đã gặp trong đời sống hậu ly dị mấy năm nay, những người đàn ông mà những bay bướm cửa miệng chỉ là mánh khóe thuận lợi để gạ gẫm dục tình.

Quãng đường chót về lại bệnh viện, bà cảm thấy lâng lâng hạnh phúc. Sau cùng bà gặp được người bạn cùng tần số, cùng sở thích, cùng cái nhìn, cùng trình độ nhậy cảm với đời sống. Từng hành động, từng lời nói, từng phản ứng, người đàn ông này phù hợp với mẫu đàn ông bà mong đợi mà không gặp được nơi chồng cũ hay các bạn trai.

Một tuần sau đi thăm khu người Ấn của quận với ông, bà cảm thấy như đang bước vào một vùng rất riêng tư của người bạn quý mới quen. Hai người ăn tối trong một nhà hàng trang nhã, cái lịch sự rất chỉnh tề của Anh quốc mượn chút đằm thắm của đôi nét Ấn độ. Dưới ánh bạch lạp trên khăn bàn trắng muốt, ông kể cho bà nghe chuyện bên Luân Đôn nơi ông sinh trưởng, những vùng thôn dã thơ mộng của Ái Nhĩ Lan, hay vùng cao nguyên hoang vu hùng vĩ của Scotland. Ông cũng kể cho bà nghe những chuyện quê cũ Ấn độ huyền bí của ông, chuyện du lịch trên sông Hằng, chuyện những người fa-kia khổ hạnh ngồi trên đinh đi trên lửa, chuyện rắn hổ mang múa theo nhịp sáo của người chăn rắn, chuyện lâu đài Taj Mahal của mối tình vương giả xa xưa... Xong bữa ông dẫn bà tản bộ. Họ song đôi trên hè phố giữa kẻ đi người đi lại tấp nập, ngắm những bức thảm thêu công phu, những bình trà cao cổ bằng đồng, những điếu bát có dọc tẩu cong queo cầu kỳ, những tiệm đồ khô ngào ngạt hương liệu. Ngang qua tiệm hoa, ông mua một bó hồng đỏ tặng bà. Ánh đèn đường xuyên qua cành lá lỗ chỗ trên mặt hè như ánh trăng, và bà lâng lâng như đi trên bông. Mọi chuyện như mơ như mộng cho đến khi họ ngang qua một ngôi đền Ấn.

Ông đưa bà vào thăm đền, giảng cho bà một vài nét chính về tín ngưỡng của người đồng hương, về sự tích những pho tượng thần linh bầy trên chánh điện... Ngang qua một bức vách chạm trỗ, bà dừng lại ngắm để phát hiện tức thì những hoa văn miêu tả những cặp nam nữ khỏa thân quấn quýt lấy nhau trong những tư thế giao hợp lộ liễu và phức tạp. Bà đã đọc ở đâu đấy về những tạo tác tín ngưỡng như vậy của những ngôi đền Ấn, và sau bao năm trong nghề y, bà không còn bé em để bị chúng xúc phạm. Vậy mà bà ngạc nhiên vẫn thấy khó chịu, không phải cái nôn nao của dục tình bị khêu gợi, mà một cảm giác ngai ngái say say như người ăn phải hoa trái dại... Bà thoáng nghĩ chắc tại buổi tối cửa đền đóng kín nên bí hơi, mùi nhang Nị hăng hắc và ngòn ngọt lẫn với mùi mốc của thảm cũ gỗ cũ đồn lại đến mức ngột ngạt. Nến lại thắp la liệt trong những ổ khoét trong tường hay trên các bàn thờ toả ra một thứ ánh sáng vật vờ trên những pho tượng kỳ dị... Bà biết đền đài của những tín ngưỡng lâu đời đều có một kiến trúc đặc biệt, sử dụng không gian và ánh sáng rất hữu hiệu để tạo

ra những cảm xúc sâu đậm phù hợp với đức tin của tín đồ. Nhưng sự nhận định không giúp bà trấn an được những cồn cào đang dâng lên. Sự khó chịu tăng mãi không ngừng, và bà nghe rất xa như trong một giấc ngủ thôi miên tiếng ông giảng giải lẫn với tiếng tụng kinh đều đều bí hiểm như thần chú từ một góc nào của chánh điện vọng lại... Ma lực u uẩn và huyền bí thấm thấu không gian, và mồ hôi thái dương bà rịn ra.

"Chị có làm sao không?" ông nói gần như hoảng hốt.

"Không sao đâu, tôi bỗng hơi chóng mặt," bà nghe mình trả lời. Và bà cảm thấy tay ông đỡ lưng bà, như đẩy nhẹ bà ra khỏi bức tường khắc hoa văn.

Trên đường về, bà tỉnh táo trở lại, nhưng cái vui lâng lâng nhẹ nhàng không còn nữa. Biết mình vô lý, nhưng bà không ngăn nổi nỗi buồn mênh mông từ cốt lõi dâng lên. Và bà nghe chán chường mệt mỏi lan rộng ra toàn thân xác. Ngồi yên lặng bên ông trong xe, bà trân trân nhìn bó hồng. Nó biến hình thành hàng chục bó hồng bà đã nhận từ tay bao nhiêu đàn ông những năm hậu ly dị. Chúng hiện ra như những bó hoa nhà đòn đưa đám ảo tưởng của những cuộc tình quá khứ đã chết, để lại lộ liễu những động lực thực tế, những ước vọng thực tiễn của những người lỡ làng...

Xe đến chung cư thì bà hoàn toàn phục hồi. Ở cổng vào, ông nắm tay bà một giây lâu hơn bình thường. Ông nói:

"Để tôi đưa chị vào nhà. Tôi không yên tâm... Vả lại tôi còn có chuyện muốn nói với chị..."

Bà rùng mình, cảnh này sao mà quen thuộc. Đã bao lần sau những buổi ăn tối hay khiêu vũ, cũng lời thỉnh cầu này, cũng dáng điệu săn sóc này đã dẫn tới những liên hệ vừa lụp chụp vừa suồng sã với những người đàn ông khác nhau. Vậy mà bà đã tưởng người đàn ông này đặc biệt...

Rồi bà nghi ngờ chuyện ghé thăm ngôi đền Ấn không phải tình cờ, và khi vào đền rồi thì lối đi ngang qua bức vách có khắc hoa văn là sự lựa chọn có dụng ý. Bà bỗng thấy bã trong miệng như cảm thấy lại cái chán chường trì trệ của những buổi sáng hôm sau, khi thức giấc một mình trong dư vị ê chề của những gì đêm trước còn trá hình là lãng mạn, hay tình tứ, hay đam mê. Đàn ông là đàn ông, thế thôi, chân lý hiện ra trong đầu bà.

"Chắc không được đâu, mai tôi có việc phải đi sớm," bà dứt khoát từ chối. Ngạc nhiên hiện ra trên mặt người đàn ông. Rồi lịch thiệp chấp nhận thất bại bằng một lời tạ từ đúng phép, ông dứt khoát quay gót bước ra xe. Trước khi lái đi, ông quay lại vẫy tay chào. Bà nhìn theo không hối tiếc.

Lên tới chung cư, bà chỉ thấy mệt và uất ức nghĩ đến cái vòng phấn

xã hội vẽ ra xung quanh những người đàn bà mới ly dị như bà. Bước vào vòng phấn ấy, đàn ông tự cho phép họ cái quyền trông đợi một liên hệ thể xác dễ dàng, tựa hồ như người đi chợ thịt. Hai chữ chợ thịt lần đầu bà nghe từ miệng một người bạn gái thô bạo, làm bà nghiến răng căm giận... Và bà tủi thân ghi nhận, có khi cô đơn quá bà cũng có lần vào đấy bầy hàng. Gần sáng bà ngủ thiếp đi với ý nghĩ cuối cùng, là bà đã phá cái vòng phấn đó ít nhất là một lần, ít nhất là với người đàn ông bà đã nâng lên thành thần tượng, trong một mối tình mà tất nhiên chuyện thể xác sẽ tới, như không tới bằng sự rạo rực kế hoạch bởi những hoa văn trên vách ngôi đền Ấn...

Bà không gặp lại người đồng nghiệp. Mới đầu bà không để ý, nhưng sau cùng bà được biết ông ta đã lên San Francisco trở lại nghề mổ tim. Thời gian làm việc chóng vánh với quận chẳng qua là để ông chờ đợi một công việc cũng như chỗ làm thích nghi. Té ra hôm ăn tối với bà là chủ nhật cuối cùng ông còn ở Los Angeles.

Khi mới biết tin, bà ân hận nghĩ ông có thể thật tình lo lắng cho bà, cũng như ông có chuyện muốn nói với bà hôm ấy. Ít nhất là chuyện giã từ. Tối đến, thay quần áo lên giường, bà dần dà nghe chút tiếc rẻ. Biết đâu câu chuyện cuối cùng của ông chẳng là một câu chuyện quan trọng vì nó sẽ nói ra thành lời những gắn bó âm thầm giữa hai người. Và cũng biết đâu vì vậy mà giã từ đã trở thành tạm biệt, và sự xa cách chỉ là tạm thời để sửa soạn cho một liên hệ trường cửu... Nhưng dù sao mọi chuyện đã quá trễ, bà chép miệng, thế cũng xong.

Nhưng sự việc không hẳn là xong. Bà bắt đầu nghĩ đến ông, và bà khám phá ra ông không giống những người đàn ông tạm bợ đã đến với bà. Ông cũng không giống người bạn trai hiện tại bà mới bắt được liên lạc qua một buổi tiếp tân của nhóm bạn chung.

Bà moi lại ký ức không tìm được một nét suồng sã hay trai lơ hay sáo hay dởm của họ nơi cố nhân. Kiểm điểm lại, bà chỉ thấy cái cảm thông rất sớm, ngay trong buổi đầu khi bà còn ngỡ ngàng với nếp sống mới của công chức quận... Bà tự trách mình tại sao đã cư xử rất trẻ con với ông, đã gán cho bó hồng vô tội những xấu xa oan uổng. Cuộc sống của ông có thực chất. Nhớ lại cách ông xử lý cái đau cái khổ mà ban đầu bà cho là thụ động đáng thương, bây giờ lại trở thành rộng lượng duyên dáng... Và bà thấy một cánh cửa mở ra cho một cảnh sống rất phù hợp với bà, một cảnh sống hứa hẹn rất nhiều khám phá ly kỳ và biết đâu hạnh phúc lứa đôi. Ngậm ngùi bà nghĩ cánh cửa ấy bà đã không bước vào.

Bà bắt đầu nằm mơ về người đàn ông, những giấc mơ của người đàn bà trẻ nhậy cảm tế nhị không bạn tri âm. Có những giấc mơ ly kỳ bà theo

chân ông khám phá đời sống đặc thù lý thú của người da đen. Những giấc mơ ấy đầy hãi hùng của đời sống ghetto nhưng vẫn thanh thoát, vì bên ông bà tìm được thơ mộng hay tốt lành ngay trong dữ dằn thô bạo. Còn nữa, cũng có những giấc mơ rất đẹp, bà bước êm như trên bông trong ánh đèn đường loang lổ như ánh trăng trên mặt hè của khu phố người Ấn, nghe lá cây xào xạc và gió mát lao xao mùi hương liệu... Nhưng cũng có những giấc mơ kỳ dị quanh quẩn xung quanh những hoa văn trần trụi của bức vách nơi ngôi đền Ấn. Khi tỉnh nghĩ lại, bà không tìm được lý do tại sao chúng quấy nhiễu bà đến mức ấy. Bà đã thỏa mãn với sự giải thích của bà, là tất cả chỉ là một sự trùng hợp hội tụ của không gian, ánh sáng, âm thanh và khứu giác... Vậy mà bà không quên nổi cảm giác khó chịu lúc thấy chúng lần đầu lúc thức, cái cảm giác mỗi ngày mỗi khó chịu hơn về sau trong những giấc mơ. Bà định một buổi sáng nào giữa thanh thiên bạch nhật, trong ánh sáng khác, âm thanh khác, hương vị khác, bà sẽ trở lại ngôi đền chiêm ngưỡng lại những hoa văn ấy để giải toả sự ám ảnh của chúng... Nhưng để làm gì, cơ hội kết bạn với người tâm đắc đã vĩnh viễn trôi đi.

Lễ Tạ Ơn, bà nhận được tấm bưu thiếp của ông, một tấm bưu thiếp thân ái và lịch thiệp như cung cách thường lệ của ông. Ông thăm hỏi, và mời bà khi nào có dịp đi San Francisco thì gọi cho ông để ông tiếp đón. Bà biết cánh cửa đã mở lại, nhưng trong vô thức, bà vẫn dùng dằng nửa muốn nửa không với ý định bắt lại liên lạc. Và bà như người mộng du, khuôn mặt đẹp của người đàn bà đang yêu đồng thời lại u buồn như một mối tình tuyệt vọng. Cứ như thế, cho đến buổi khám bệnh cuối năm.

Người bệnh cuối cùng bước vào thì ngoài cửa sổ trời đã nhá nhem tối. Vừa ngồi xuống ghế, anh ta đã khoe:

"Bác sĩ ạ, hôm qua tôi uống bia thả giàn, uống không cần đời, uống một hơi hết nguyên cát-tông 6 chai..."

Bà chưa kịp phản ứng, anh ta đã nói tiếp:

"Chao ôi, mấy rồi tháng bà bắt kiêng rượu, được uống bia thật là đã..."

Bây giờ thì bác sĩ T. cau mày. Người bệnh bị lao phổi này năm tháng trước khi cảnh sát tìm thấy dưới gầm cầu xa-lộ chỉ còn là nắm xương bọc da nằm chờ chết trên chiếc nệm rách. Bao công lao chữa trị, hôm nay anh mới lại người, mắt mới có thần, và lưỡng quyền không còn lộ ra như bộ xương chết đói. Mọi người ở đây đã làm những cố gắng phi thường để cứu anh. Riêng bà, bà còn xin sở xã hội cho anh một phòng khách sạn rẻ tiền để tiện trị liệu. Bà xoay cho anh đủ mọi thứ phiếu, phiếu thực phẩm tươi

từ chợ, phiếu thực phẩm chín ăn ngay tại quán Hamburger, phiếu đi xe buýt, phiếu lãnh sinh tố, bơ đường, phó mát... Thuốc lao bà cũng cho người mang tới tận nơi rót nước cho uống. Phần anh vẻn vẹn chỉ có việc kiêng rượu. Vậy mà cũng không xong.

Bà đã nhắc đi nhắc lại cho anh rằng thuốc lao tuy bản chất kể như lành, nhưng uống chung với rượu lại trở thành món độc dược tai hại nhất. Bản thân anh cũng đã biết quá rõ. Bốn tháng trước vì không nghe lời căn dặn, anh đã suýt mất mạng vì rượu. Bị nhiễm độc, anh vàng ủng như nghệ. Độc tố thấm lên đến não làm anh hôn mê. Phải một tuần nhập viện với sự săn sóc ân cần và vất vả của mọi người, anh mới tỉnh lại. Thoát chết, anh thề với bà là sẽ không bao giờ uống rượu nữa, ít nhất cho đến khi bệnh lao khỏi hẳn...

Bà thầm nghĩ bản năng tự hủy chắc hẳn là chuyện có thật... Học vấn hay không học vấn xem ra không ăn thua gì. Người bệnh này đã tốt nghiệp khóa hóa học hai năm tại một đại học cộng đồng, nhờ quỹ trợ cấp dành cho cựu quân nhân. Học xong anh kiếm được chân phụ tá phòng thí nghiệm cho một nhà máy đường. Suốt bảy năm ròng, anh sống như một người Mỹ trung lưu, có vợ, có con, có xe, có nhà, có chó... Lần thăng thưởng cuối cùng, anh bắt đầu uống rượu để đối phó với những khó khăn chức vụ mới. Rồi anh thành nghiện, và khi nghiện rồi thì công việc căng hay chùng không còn quan trọng nữa... Anh uống là uống, uống cho vui, cho khoái, cho đã cơn thèm. Anh uống cho đến khi mất chức, mất việc, mất nhà, mất vợ con, mất đời sống bình thường và trở thành kẻ vô gia cư...

Nhưng rồi bà hơi nghi. Người bệnh thay vì lúng túng, lại có vẻ như tinh nghịch. Bà cũng không nghe hơi rượu phả ra như lần trước khi anh quá chén. Bà sực nhớ người da đen vui tính hay đùa, và đúng như bà đoán, anh ta trấn an:

"Bác sĩ khoan nổi nóng nhé. Chuyện uống rượu của tôi chỉ có vui chứ không có hại."

Rồi anh kể, đêm qua anh nằm mơ uống bia. Anh nằm mơ hồi anh mới mười bảy, chưa già, chưa bệnh, chưa ngủ đường ngủ chợ, chưa xuống nước như thế này. Chán học anh đăng lính thủy quân lục chiến. Mẹ anh đang ở cữ với người chồng không hôn thú thứ tư của bà, không can ngăn anh nhập ngũ.

Anh về thăm bà ngoại trước khi lên đường. Anh kể ngoại sống một mình. Ngoại có tất cả tám người con với những người đàn ông khác nhau, tất cả đã khôn lớn không còn ở với bà nữa. Ngoại đã yếu và không còn xốc vác như trước, cái trại nhỏ không được chăm sóc, cỏ hoang mọc đầy... Nghỉ ngơi một đêm, hôm sau anh dậy sớm cắt cỏ vườn trước vườn sau,

luôn tiện chặt mấy cành táo chết, sửa lại hàng dậu gỗ. Còn mấy khúc củi tạ, anh bổ nhỏ ra xếp lại thành đống gọn ghẽ. Mặt trời đứng bóng thì công việc tạm xong, và anh ngưng tay nghỉ trưa. Ngoại nấu chitling đãi anh. Ngoại chuyên trị món chitling, ông mục sư làng mỗi khi thèm là xin ngoại nấu cho một nồi. Anh mở dấu ngoặc để cắt nghĩa, chitling là đặc sản của người da đen, nấu toàn bằng lòng heo lòng bò lòng gà vịt, và rau già. Phải rau già mới được, rau non không ngon đâu. Sự tích là thời xưa khi người da đen còn làm nô lệ, chủ đồn điền da trắng hàng tuần cho giết heo giết bò làm gà làm vịt, thịt thì họ ăn còn bộ lòng thì cho đám nô lệ gia nhân. Nô lệ còn được dành những lá rau già bọc ngoài cải bắp hay xà-lát. Không đủ thì lấy lá bồ-công-anh mọc dại ngoài nương dặm thêm vào. Đời này qua đời khác món chitling vẫn nấu bằng những đầu thừa đuôi thẹo như vậy, nhưng mắm muối nghệ thuật hơn, trở thành món ăn rất hợp khẩu vị. Người da đen ở mọi từng lớp dù có làm đến tỉnh trưởng, thẩm phán, hay tướng tá, vẫn thích món chitling. Có điều tức cười là bây giờ kiếm đâu ra rau già. Thành thử phải mua rau thừa ra, lá già giữ lại, lá non ăn không hết thì phải bỏ úa rồi vứt đi.

"Nhưng chuyện tôi muốn kể cho bác sĩ nghe hôm nay vẫn là chuyện bia," người bệnh da đen trở lại đề tài chủ yếu. Anh trở lại cái cát-tông sáu chai bia lạnh ngoại anh cho... Ngoại biết anh thích bia, uống vụng từ khi đi học. Khi anh vờ vĩnh bảo chưa đến tuổi, ngoại bảo vẽ chuyện. Mày đến tuổi đánh giặc, mày đến tuổi làm con gái người ta chửa thì mày đến tuổi uống rượu. Đứa nào đến đây hỏi thẻ mày thì đã có ngoại. Uống đi, chủ nhật đi lễ tao xin mục sư tha tội cho mày.

Không bia nào ngon bằng bia của ngoại. Hôm ấy đã ngon mà mấy chục năm sau nằm mơ uống lại vẫn còn thấy ngon... Trời Georgia nắng chang chang, công việc làm vườn cho ngoại không vất vả, nhưng đủ vất vả để đổ mồ hôi ướt áo, và để nghe cái khát ở miệng. Anh cao hứng, "Ô cái khát giữa trưa hè làm bia lạnh ngọt như mật trong thánh kinh mà ông mục sư làng vẫn kể trong bài giảng chủ nhật...". Và anh liếm môi như bọt bia còn dính ở đấy.

Uống xong, ngà ngà say, anh tựa lưng vào cây sồi cổ thụ làm một giấc. Gió man mát, anh lơ mơ nhìn ra cánh đồng trồng toàn bông trải dài cho đến chân đồi, quả bông trắng như tuyết lốm đốm trên những cây bông đã bắt đầu héo lá. Anh ngủ gà ngủ vịt, lơ mơ nhìn những mảng rêu Tây-ban-nha nhẹ như mạng nhện rũ xuống từ những cành sồi cao. Và cứ như thế, nửa ngủ nửa thức, anh nghe tình bà cháu thương và mềm như bông mới cán...

Ngoài cổng trại có tiếng lao xao... Anh lắng nghe, thấy ngoại to tiếng

với một người đàn bà giọng nói rất quen... Anh ngẩng lên thì thấy bác sĩ T. đã vào đến giữa sân. Bác sĩ mắng ngoại y, "Bà *giết* cháu bà, bà có biết không? Thật là phí công tôi chữa cho nó."

Người da đen kể tiếp, giọng nghiêm trang quan trọng:

"Tôi biết thế là bác sĩ nguy với ngoại tôi rồi. Bác sĩ động tới mấy chữ ta-bu của ngoại. Chỉ cần nghe chuyện cháu mình bị giết, là ngoại nổi cơn điên lên rồi..."

Anh bảo ngoại điên như vậy từ khi chứng kiến thằng em anh say rượu đánh nhau với bạn, bị bạn đâm chết. Thằng bạn đâm nó bằng cây đinh ba xới rơm, răng đinh ba xuyên từ ngực ra lưng. Tất nhiên là hung thủ đi tù mút mùa. Ngoại chôn cháu xong, đem cây đinh ba dính máu cất đi, tuyên bố hễ thằng kia tù ra là bà đâm nó... Con mắt đền con mắt, cái răng đền cái răng, mạng đền mạng, chuyện ngoại phải làm đã rõ trong kinh sách. Về sau ngoại có giết nó không ấy à? Không, tại vì anh nghĩ nó say không biết trời đất gì nên mới lỡ tay giết bạn. Anh báo trước cho nó hay, và ở tù ra nó lên thẳng New York và biến mất vào rừng người da đen đông chủng trên đó... Nghe nói về sau nó đổi căn cước xuống tầu hàng Bồ đào nha làm thủy thủ...

Để trở lại câu chuyện bác sĩ với ngoại tôi. Bác sĩ làm ngoại nổi điên. Ngoại chạy vô nhà rồi chạy trở ra với cây đinh ba. Ngoại hươi cái nông cụ có ba chiếc răng dài nhọn lên, ngả người ra sau lấy đà để đâm bác sĩ... Nằm mơ thật tức cười... toàn những chuyện không đâu vào đâu mà lại ráp với nhau. Ngoại tôi mất cả hơn ba chục năm rồi, chắc trước cả khi bác sĩ sang đây. Mà có cùng thời đi nữa, thì ngoại có bao giờ ra khỏi làng quê sinh quán bên Georgia mà gặp bác sĩ. Những chuyện vô lý như vậy khi mơ mình vẫn thấy hợp lý vẫn bình thường...

Bác sĩ có thoát chết không ấy ư? Bác sĩ hỏi, tôi mới nhớ là tôi không nghĩ gì hết về chung cuộc chuyện này. Bác sĩ không chết mà cũng không sống, vì tôi không mơ tiếp về vụ bác sĩ có chết hay không... Sự thật là tôi mơ tiếp về một ngả khác rất tĩnh, rất trầm, rất chậm, so với đoạn trước quá sinh động. Tôi mơ thấy rất buồn, thấy sợ chết vì đã uống bia chung với thuốc lao. Thậm chí thấy ân hận đã không giữ lời hứa với bác sĩ và các cô y tá tại bệnh viện...

Và tôi không còn thấy bia ngon nữa, không còn thấy gió nông trại của ngoại mát nữa... Tôi chỉ thấy buồn, buồn đến lạnh sống lưng. Tỉnh giấy mới biết đã gần về sáng, và lưng mình hở vì chiếc mền rơi xuống đất tự bao giờ."

Người bệnh đã kể xong chuyện mơ, bây giờ anh kể sang chuyện tỉnh. Anh cho biết khi trị liệu hoàn tất tháng tới, anh cũng đã cai rượu được bốn

tháng rồi. Và một người bạn đồng khóa trong lớp cai rượu của anh hứa kiếm việc cho anh tại xưởng máy của bố y. Tương lai tốt lành.

Anh còn có tin mừng lớn hơn để khoe. Một đứa con gái, cũng da đen, trong đám cai rượu, mới đầu né tránh anh vì sợ lây bệnh lao, dần dà có cảm tình với anh. Nó làm gì ấy à? Còn làm gì nữa, anh cười. Nhưng nó hoàn lương rồi, lại sắp sửa có việc, lương tối thiểu. Cai được xì ke thì cũng đủ sống, không cần phải làm lại nghề cũ. Tháng trước anh khoe với nó là anh hết lây rồi, nó cũng khoe lại là nó đã khỏi hẳn bệnh hoa liễu, và thử Aids cũng không có trùng... Nó rủ anh dọn lại sống với nó. Anh móc tấm ảnh 'vị hôn thê' cho xem.

Anh hồn nhiên dễ dàng với đời sống. Chuyện nghiện ngập bệnh tật, chuyện thằng em bị bạn đâm đinh ba chết tươi, chuyện những người đàn bà trong gia đình anh, từ ngoại anh cho đến mẹ anh, chị em gái anh, người nào cũng một thân một mình lam lũ nuôi đàn con lúc nhúc đẻ với ba bốn người đàn ông, chuyện tổ tiên nô lệ ngày xưa mấy đời quen ăn đầu thừa đuôi thẹo để trở thành nghiện món chitling, chuyện người yêu mấy tháng gần đây còn đi khách, giờ đã khỏi hẳn bệnh hoa liễu lại may mắn không có siêu vi trùng Aids... tất cả hành lý nặng nề ấy, anh xách nhẹ như không, lạc quan lạc quan và bông đùa... Cái vui của anh lây sang mọi người. Bà y tá làm bộ bênh vực người bệnh sau ngót năm chữa trị đã thân gần như bạn:

"Bác sĩ khó thật. Người ta đã trốn vào giấc mơ để uống rượu mà bác sĩ vẫn theo vào để làm khó dễ."

Bác sĩ T. không trả lời câu nói đùa. Giờ đã trễ, bà đứng dậy khám cho người bệnh và kê toa thuốc.

Người đàn ông Mỹ đen ra về, hai thầy trò ngồi viết nốt những hàng hồ sơ cuối cùng. Bà y tá bỗng dừng tay hỏi:

"Bác sĩ có hay nằm mơ không?"

Vờ đi như không biết bà y tá muốn nói gì, bác sĩ T. hỏi ngược lại:

"Thế bà có hay nằm mơ không?"

"Ai chả nằm mơ," bà y tá tủm tỉm cười.

" Tôi muốn nói đến nằm mơ những chuyện cấm kỵ kìa," bà hỏi gặng.

Bà y tá làm bộ không vừa:

"Tất nhiên là có, nhiều lắm. Chuyện cấm kỵ gì ấy ư?"

Ngần ngại đôi chút rồi bà ta nói tiếp:

"Tôi có thằng em chồng. Nó mười hai tuổi, người lớn thì tất nhiên không phải, nhưng con nít thì cũng không còn con nít nữa. Nó giống anh như tạc, nhưng học giỏi và ngoan đạo lắm, chắc lớn lên sẽ làm mục sư...

Khi nào biết tôi buồn vì xô xát với anh nó hay vì công việc đời sống khó khăn, nó mon men đến an ủi, an ủi lối con nít ấy mà... Tôi thương nó như em ruột...

"Nhưng mà thôi, tôi không kể hết cho bà nghe được đâu... Chỉ có điều mục sư tôi bảo đạo hạnh lúc tỉnh đã là quý lắm rồi... Làm chuyện cấm khi ngủ thì đỡ làm chuyện cấm kỵ lúc thức..."

Rồi hóm hỉnh, bà ta nói:

"Tôi không dại như anh bệnh lúc nãy đâu. Bị cấm uống bia mà được uống lúc nằm mơ thì phải tận hưởng... Uống tha hồ, đã không phải mua lại cũng không hại gan. Cuộc sống khi thức làm gì có những ân huệ như vậy... Vậy mà cũng ân hận, thật là tội nghiệp..."

Bác sĩ T. biết người bệnh không cần tội nghiệp. Anh ta không ân hận như anh ta nói. Mọi chuyện dễ dàng với anh, anh vui vẻ đón nhận không chút rầy rà rắc rối những gì cuộc sống cho anh, tỉnh cũng như mơ. Bà nhớ đến tấm ảnh 'vị hôn thê' anh đem ra khoe. Cô điếm có khuôn mặt của cô điếm, nhưng khuôn mặt anh ta khi ngắm ảnh vợ chưa cưới lại là khuôn mặt của sự hồi sinh từ nắm xương bọc da nằm chờ chết trên chiếc nệm rách trải dưới gầm cầu xa-lộ...

Bàn tay cầm viết của bà lướt trên mặt giấy ghi lại sự phục hồi của bệnh lý, mà đâu óc bà miên mang suy ngẫm về sự hồi sinh của hy vọng, một sự hồi sinh chỉ đòi hỏi những điều kiện rất khiêm nhượng... Và khi bà viết đến chữ trị liệu *hoàn tất*, thì bà bỗng hiểu được tất cả những kinh nghiệm sau một năm làm việc ở đây.

Bà hiểu được sự rộng lượng của người cảnh sát cũng như bạn đồng sở của bà với chuyện trộm cắp. Không có sự rộng lượng ấy, không có những tiêu chuẩn dễ dàng ấy làm sao họ tha thứ được những bất công thô bạo phi luân mà người da trắng đã đổ lên đầu họ mấy thế kỷ qua... Bà hiểu được cái hạnh phúc khiêm nhượng mà bà thư ký phát biểu trong buổi họp đầu năm, bị chồng bạo hành mà vẫn còn tự hào ở nỗi chưa bao giờ vì vậy mà phải đi nhà thương. Người đàn bà đón nhận như một ân sủng chuyện gối chăn hung bạo sau mỗi trận đòn chồng không còn làm cho bà tội nghiệp hay khinh khi, và bốn đứa bé thụ thai từ những cuộc làm tình thảm thương ấy không vì vậy mà không khấu khỉnh như những đứa bé mắt to, mì dài, tóc quăn, bụ bẫm bà thường thấy bố mẹ dẫn đi khám bệnh... Rồi bà khám phá ra bản thân đã được đời đãi ngộ rất nhiều mà bà vẫn thấy khổ, chỉ vì bà khó tính. 'Khổ khác đau,' lời bạn nói hôm đã lâu bây giờ bỗng nhớ lại bà nghe ngộ nghĩnh vui vui, và bà mỉm cười một mình. Bà còn nghe ấm ấm trong lòng.

"Tuần nghỉ lễ cuối năm, bác sĩ làm gì?" Câu hỏi của người y tá làm bà

Thơ Thái Tú Hạp

nẻo về

dấu hài em lạc vườn thơ
cho anh thấu triệt dôi bờ tử sinh
hương trầm xuân ngát tâm kinh
xua sau nguyện giữ tinh anh nẻo về

bồi hồi cỏ hoa

nghiệp cây mùa phục sinh chồi
đá xanh nghe chuyển bồi hồi cỏ hoa
từ thiên cổ lục hải hà
trong vô thủy có tình ta vô cùng
diệp trùng sông núi quê hương
có em đứng đợi nửa vừng trăng xanh
bể dâu hưng phế bao lần
lụa đào xin giữ tơ tằm uyên nguyên

sực tỉnh. Bây giờ thì bà cả quyết. Bà biết bà sẽ làm gì.

Bà nghĩ đến câu hỏi mà bà y tá lúc nãy nửa đùa nửa thật trêu bà, là giấc mơ cấm kỵ nào phá rối giấc ngủ của bà. Bây giờ thì bà tin rằng không còn những giấc mơ cấm kỵ nữa... Bà không còn cái sợ kỳ dị của những hoa văn trên vách ngôi đền Ấn, cũng không còn thấy cần thiết phải trở lại một buổi sáng thanh thiên bạch nhật để đối đầu với chúng trong một không gian và ánh sáng thuận lợi cho bà. Trong không gian mới và ánh sáng mới của nội tâm bà bây giờ, chúng đã mất hết quyền lực của buổi tối hôm nào... Bà còn biết bao giờ có thì giờ tìm hiểu trong đúng văn cảnh kinh sách của, bà sẽ lãnh hội được những lý do triết học uyên thâm hay siêu hình nào làm chúng được thờ phụng như vậy...

Nhưng hiện tại, bà không có thì giờ cho kinh sách. Bà nghĩ đến tấm bưu phiếu có ghi rõ địa chỉ và số điện thoại... Và bà nghĩ đến những chuyến bay hàng giờ của hãng South West nối liền Los Angeles với vùng vịnh trên ấy..❐

Cuối năm

Hồ Minh Dũng

Người đàn bà: "Gặp anh lần nầy là lần cuối."

Lát sau nói thêm: "Chính em cũng không tin lời em nói ra. Bàng hoàng vì nó. Anh hiểu chứ? Em sẽ nhớ anh lúc xa. Phải có ngày như thế. Tất cả đều là số phận. Anh đừng bận tâm, nhé."

Người đàn ông: "Mình yêu nhau tính vừa chẵn hai chục năm. Ngày mới yêu em, đúng hơn là ngày chúng mình yêu nhau, cũng như thế nầy, anh muốn nói về không gian. Điển hình là những đám mây kia. Em thấy đó không? Có hàng trăm con thiên nga trắng nõn đang náo nức lội làm cho bầu trời nghiêng về một bên."

"Vâng, Em thấy rồi. Anh là người cẩn trọng hơn em và có lẽ hơn nhiều người. Lúc nầy, chúng ta cũng nên nhắc qua một chút dĩ vãng. Ngày ấy, cũng bầu trời nầy, cũng những đám mây nầy. Đã hai mươi năm, đáng lẽ phải thay đổi, sao không có gì thay đổi cả, anh nhỉ?".

Người đàn ông nhìn ra ngoài cửa xe. Sương muối xuống đầy trời đêm.

Họ yêu nhau đúng hai mươi năm. Một khoảng thời gian dài và đáng quý biết bao của đời người. Mỗi năm họ gặp nhau một lần, không nhất thiết phải về mùa nào. Người đàn bà có hứa, mỗi năm, sẽ đem đến cho chồng cũ một sự ngạc nhiên. Người đàn ông nói cám ơn. An phận, chịu đựng nó như đã chịu đựng nhiều thứ có thể chịu đựng được trên đời.

Năm ngoái, người đàn bà báo cho chàng biết nàng vừa sinh được một đứa con trai với người đàn ông đến sau. Chàng hỏi một câu như để ủi an: "Có giống ai bên ngoại không?" Nàng trả lời: "Không. Nó giống một con vượn còi, giữa rừng. Lúc mới lọt lòng em đã phát hiện ra nỗi bơ vơ trống trải trên gương mặt con. Nhưng khi nó ngủ là một thiên thần. Em thích nó ngủ li bì suốt ngày." Năm kia, nàng nói một trong những nguyên nhân em phải xa anh, là vì anh không biết hư trương thanh thế. Bên ngoài, anh

không có một lực lượng nào để phô phang đánh lừa thiên hạ. Bên trong, tâm hồn anh quá đỗi thiệt thà. Anh không thấy đường rơi của những ngọn lá phong kia không? Dù là rơi, nó vẫn bay lượn vòng vèo. Năm kia nữa, nàng không nói gì, chỉ ôm chàng hôn liên tiếp nhiều cái. Mãi đến mấy tháng sau, chàng vẫn níu giữ hương vị nụ hôn ấy và phân tích tính chất phức tạp của nó. Và chàng kết luận có lợi cho mình: Đàn bà quả thật cần thiết. Thắm đẫm nồng nàn như hồi hai người mới yêu nhau, tình đầuà

Năm nay, họ gặp nhau ở một công viên, cuối năm. Mùa thu qua lâu mà tất cả lá phong còn đỏ rực. Nàng nói quê em lũ lụt nước lên lút gò mối cao nhất ngoài đồng, làm thiệt hại mùa màng và nhiều người mất mạng. Chàng nói, thủy quái còn trèo lên nằm nghênh ngang trên cả đê Hoàng Hà bên Trung Hoa nữa kia. Thực vật thủy sinh cả mấy trăm dặm không còn một mống. Chắc là báo hiệu năm 2000, tận thế.

Suy nghĩ một hồi, người đàn bà lên tiếng:

"Vậy thì câu đầu tiên em nói với anh đêm nay, em rút lại. Em chí sợ cái lúc gọi là tận cùng. Nó không đơn giản và dễ chịu chút nào. Chờ xem năm 2000 ra sao đã nhé."

"Cám ơn em. Còn đêm nay, em có gì thay vào?"

"Em đọc cho anh nghe một bài thơ, em sáng tác từ lúc còn rất trẻ. Hồi song thân em còn sống, em có đọc, cả hai người nghe xong đều khen hay, tán thưởng. Cha mẹ em, có thể vì tình máu mủ mà thiên vị. Anh nên tiếp đón nó khách quan."

"Phải lắm, lá phong đỏ trời thế nầy nghe thơ là hợp lý. Em đúng là người tạo ra hoàn cảnh. Thời nào, đất trời cũng dung nạp thơ trong phạm vi thuộc quyền tác động của mình."

Người đàn bà đọc thơ:

Thuở chưa gì còn hồng hoang
Vui hơn vui buổi bàng hoàng có nhau
Hỏi người có trước, có sau
Còn con nước rút ở đâu, phen nầy?
Mong chi, lan nở cánh đầy
Khép nhanh nhánh rộng, tháng ngày vơi không?
Đêm còn mấy giọt mưa đông
Thấm, không thấm cõi má hồng, thấm đâu?

Người đàn ông hỏi:

"Chừng nầy thôi sao?"

"Vâng, chỉ chừng nầy"❐

Atlanta tháng 12.98

Tháng Giêng em nhớ mềm hương nếp

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Tặng Nguyễn Đắc Thành

Diều về bay rợp miền trí nhớ
Chị về nhặt lại mảnh gương xuân
Mùa xưa trổ đóa mây thơm giấc
Quạt reo nô núc vạt dẫm lưng.

Võng ru dẫy diệu trưa thơ ấu
Nắng mồ hôi dọng sợi tóc mai
Chị ơi, em nhớ lòng tay ngửa
Thả mộng bạt ngàn chim bỏ vai.

Tháng Giêng em nhớ mềm hương nếp
Tết trào lặng lẽ bờ mi cay
Vườn nhà mọc rối rào che lá
Áo người xa thắm trăng trắng bay.

Bên đời chị dẫm bàn chân nứt
Ruộng cằn một nắm đựng hơi tàn
Nửa vành trăng ốm thoi thóp ngực
Xuân lạnh, chị ơi, nỗi tro than.

Nơi em vẫn vậy ngoài trở giấc
Bóng ngày quạnh quẽ vàng khói hương
Tuyết đầu năm trút buồn dâng đất
Ảnh bài vị nhuốm màu hoang mang.

Diều về bay rợp miền trí nhớ
Em về chắp phướn reo réo vui
Ráng chiều loang máu con nước lợ
Áo chị chập chờn khua sớm mai.

Trường An Tây Vọng

Trần Hồng Châu

Văn đạo Trường An tự dịch kỳ
Bách niên thế sự bất thăng bi
Đỗ Phủ
Trường An tây vọng bất kiến gia!
Lý Bạch

Trời ban mai mờ nhạt còn vương vấn chút sương mù. Con đường nhựa băng qua mấy cánh đồng xanh mát, rải rác đây đó hồng dòn chín đỏ hay lê vàng, như mời mọc du khách. Cũng những ngôi nhà nhỏ, những điếm canh, những bờ mương, những đường làng quanh co, như miền châu thổ sông Hồng của thời thơ ấu khó quên. Mặc dầu đây là Bắc Trung Hoa với dải đồng bằng hoàng thổ mênh mông và nhiều cơn bão lốc bụi vàng mù trời. Có thể cảnh vật biến đổi là do mùa hạt giống mới vừa trải lên đất đai một tấm thảm xanh tươi. Có thể là do mầu sắc tưởng tượng của người mang nỗi nhớ *hương quan hà xứ thị* đang cố tìm một phong cảnh vật chất nào đó để bám víu vào, hầu xoa dịu nỗi buồn lữ thứ.

Xe lăn bánh trên chiếc cầu nhỏ bắc qua một giòng chảy, nước vàng đục lờ lờ "Đây là một con lạch dẫn đến sông Vị gần Trường An", lời người hướng dẫn vang lên. Thực ra thành phố đó có tên là Tây An, nhưng trong lòng người hoài cổ dường như chỉ có một Trường An bất tử, bất di dịch. Tôi sắp đến Trường An!... Tự nhiên thấy rung động toàn thân. Cảm thấy nhớ nhớ, quên quên. Một cái gì vừa lạ lẫm, vừa thân thiết. Một tuổi trẻ chìm trong Đông Chu Liệt Quốc, Thất Quốc Chí, Hán Sở tranh hùng, Tam Quốc, Tùy Đường... Một tuổi trung niên với những nghiền ngẫm, suy tư, về một nền văn hóa bền vững bốn năm thiên niên kỷ. Nền văn hóa của một phần tư nhân loại, cho đến nay, vẫn chứng tỏ một sức sống phi thường, vượt không và thời gian. Vẫn thế, vẫn năng động. Vẫn đi về phía trước, trong khi nhiều mảng văn hóa khác, không kém rực rỡ và xuất hiện đồng thời, nay chỉ còn được nghiên cứu như những cổ vật và tử ngữ nằm bất động trong bảo tàng. Trường An! Đã từ lâu tôi mơ đặt chân đến miền linh địa này. Một quê hương tinh thần chắc sẽ làm phong phú thêm lòng yêu

đất tổ, quê hương truyền thống, quê hương máu thịt, minh châu trời đông, của mỗi con người Việt chúng ta...

Trường An! Dù Bắc Kinh có là kinh đô Trung Hoa bây giờ, đó vẫn chỉ là một thành phố ít nhiều hãnh tiến, thủ phủ của những rợ Bắc phương Mông Mãn, mới mang tước hiệu quý tộc đích thực từ đời Minh Thành tổ mà thôi. Nhưng Vĩnh Lạc có thiên đô từ Nam về Bắc Kinh chắc cũng chỉ vì lý do an ninh, muốn về gần hậu cứ của ông – ông vốn là Yên Vương – và chắc cũng vì muốn xóa bỏ vết nhơ kẻ tiếm vị, cướp ngôi của cháu! Chỉ có Lạc Dương là so sánh được với Trường An, vì xuất hiện sớm hơn từ đời Thương, nhưng cũng lại sớm mai một. Vị trí phong thủy của Trường An thật là đặc biệt. Thế đất long bàn hổ cứ xứng đáng là nơi khởi nghiệp đế. Gần, nương theo dọc sông Vị, thung lũng ấm áp. Bắc, được cao nguyên Thiểm Tây che chở chống các rợ phương Bắc và gió buốt vùng thảo nguyên cùng sa mạc Mông Cổ. Nam, có dải Tần Lĩnh làm ỷ dốc chiến lược. Đông lại sẵn quan ải thiên nhiên trấn giữ. Như vậy là hơn hẳn Lạc Dương, kinh thành bỏ ngỏ trên bờ Hoàng Hà bốn bề không phên dậu, mặc dầu có lợi thế về tiếp vận lương thực bằng đường thủy.

Từ xưa Trường An vẫn là trái tim Hán tộc, kinh đô một số đời vua trong hàng ngàn năm. Nhà Chu với tư tưởng Khổng Lão và kỹ thuật đúc tế khí đồng đen có hoa văn. Nhà Tần với Vạn Lý Trường Thành, A phòng cung, và Binh mã dũng ở chân núi Ly Sơn. Nhà Tây Hán với tập đại thành Nho giáo Đổng trọng Thư và nghệ thuật áo mảnh ngọc khâu chỉ vàng, lan rộng tới tận cổ mộ Trường Sa, Mã vương đô, và Triệu văn vương ở Quảng Châu. Sau một thời gián đoạn, Trường An cùng Lạc Dương lại đến với nhà Tùy của Cổ vận hà vĩ đại, chỉ đứng sau Vạn lý trường thành. Rồi nhà Đường, vượt bực về mọi mặt, nhất là văn học nghệ thuật và giao thương quốc tế, điều hiển nhiên như sự thực. Chỉ cần nhớ là Hán và Đường là những triều đại lâu bền, có lịch sử huy hoàng và tiêu biểu nhất. Đến nỗi người ta đã dùng những từ như Hán tộc, Hán tử, Đường nhân... để chỉ chủ nhân ông dải đất cổ kính này!

Xe tiếp tục lăn bánh trên đường vắng. Sau mấy cánh đồng xanh ngọc thạch, trước những rặng núi chấm phá xa xa phía chân trời là từng dãy "đồi" tròn trịa, đều đặn, cỏ xanh mát mắt, đem tới một không khí thực là thanh bình, yên ổn. Lại tiếng người hướng dẫn: Đây là cổ mộ các vị đế vương Hán, Đường, đôi khi còn sót lại cả nơi an nghỉ cuối cùng của các vua nhà Chu nữa! Mộ vua chúa xưa, sau khi xây xong, liền được đắp đất chùm lên thành những ngọn đồi nhỏ. Để tránh không cho người đời sau khai quật vì có chôn theo vàng bạc châu báu. Cùng lúc cũng... chôn theo cả bọn tùy tùng và nghệ nhân xây lăng mộ. Tất cả chỉ để bảo mật! Để bảo

vệ đế quyền!

Trường An! Trường An! Tôi đi giữa thành phố lớn nhất vùng Tây Bắc Trung Hoa hiện thời, cư dân đến hai triệu người. Mức xây cất và kỹ nghệ hóa nhanh. Phố phường người không để đâu hết! Công ốc, khu thương mại và cư xá sầm uất. Đi trong thế kỷ 20, nhưng vẫn chỉ nhớ Trường An xưa đầy màu sắc và huyền thoại. Tâm trí vẫn choáng lòa vì kỷ niệm Trung Hoa cổ điển, mắt vẫn chẳng màng đến những khối xi măng sắt thép khổng lồ thường gặp ở bất cứ đô thị nào trên thế giới.

Giác quan chùng xuống. "Tây An mới" như mờ nhạt dần. Biến mất. Bị một lực hút tan thành chân không. Để dần dần được thay thế bằng Trường An, bằng những mảng quá khứ Chu, Hán, Tùy, Đường tới tấp từ bốn phương thượng nguồn thời gian chuyển về. Mỗi bước đi lại dội vang từng phiến đá cổ kính, từng kỷ niệm lịch sử xưa. Mỗi hơi thở lại thoảng mùi hoa cũ, vấn vương tình cảm buồn vui, nụ cười nước mắt của một tập thể nhân loại xa vời nhưng cũng thật là gần gũi, thân thuộc...

Trạng thái "đi trên mây" đưa tôi đến cổ thành Trường An lúc nào không hay. Tòa tháp canh đồ sộ trên Tây môn ngập lụt trong bóng hoàng hôn vàng nhạt. Tháp sừng sững, góc cong nhọn như cánh chim ưng. Bờ thành đá tảng, góc cạnh, sắc nét, in đậm trên nền trời đang chuyển dần sang màu hoa cà. Thành một tổng thể hoành tráng, uy nghiêm, thôi thúc như chất men Phần tửu đã có lần thưởng thức trong quán rượu Yên kinh. Những kẻ xưng bá đồ vương, dù Đông hay Tây, đã gặp nhau trong nghệ thuật và kỹ thuật bảo vệ, bám chặt lấy quyền bính. Các thành phố, nhất là kinh đô, biểu tượng cho vương quyền luôn luôn có lũy thành kiên cố bao vây, chặt như chiến bào, giáp sắt. Tường thành hùng vĩ, chắc như đá núi, chung quanh có hào sâu. Mặt thành, xưa ngựa xe ào ào lúc chuyển quân, đầy lỗ châu mai, trạm thám báo cầm canh. Trống trường thành, khói hỏa đài..., gần như đâu đâu cũng những mô thức tương tự. Dù trên bờ sông Rhein của các lãnh chúa Đức trung cổ đại. Dù ở vùng yết hầu Punjab và Rajasthan, trấn giữ đường từ Hy Mã đổ xuống đồng bằng sông Hằng. Ngay cả những lâu đài "hiền hòa" hơn trên bờ sông Loire của dòng họ Valois cũng vậy. Những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và quân sự tương đối giống nhau đã sản sinh ra những mô hình kiến trúc và xa hơn nữa... tư tưởng tương đồng. Dù đó là những thế giới Đông và Tây khác biệt, đóng kín, ngăn sông cách núi, không đường giao tiếp, không hề biết nhau. Có phải Durkheim hay Grousset đã nhận xét như vậy và coi đó là một định luật lịch sử và xã hội học?

Tôi mường tượng những tảng đá lớn thô sơ nhưng kỳ vĩ, còn sót lại hôm nay trên cổ thành, phải là của nhà Chu. Phải là ngay nơi U vương

phóng hỏa đài, cùng lúc sau này với tiền trạm trên Ly sơn, báo hiệu cho quân chư hầu bôn tập về Trường An phó hội. Nhưng thực ra vọng gác trên tòa thành này chỉ phản ảnh kiến trúc Minh, kém hùng tráng, và sau này lại nặng thêm mầu sắc Thanh cung, nhiều hoa văn đỏ xanh. Đá lát trên mặt thành chắc cũng không còn là Đường, Hán, Chu. Chỉ là đá thế kỷ 14, 15 đời Hồng Vũ và Vĩnh Lạc. Vì, trên khắp đất nước Trung Hoa, triều Minh đã một tay xây dựng lại hầu hết các di tích của lớp tiền triều lần lượt đổ nát theo những đợt sóng phế hưng.

Trường An, linh địa... Tôi nhặt một hòn đá tròn, nâng niu, vuốt ve. Mặt đá mòn nhẵn có lẽ vì lăn lóc quá lâu trong biển thời gian. Thời Hán Đường ai đã đặt trong lòng bàn tay, kể lể buồn vui với hòn đá nhỏ này. Hay nó còn nằm sâu trong lòng Ly sơn như một tập hợp nguyên tử khoáng thạch gắn chặt với các nếp gấp địa chấn tiền sử. Hay nó còn nằm sâu, chìm trong thẳm cùng lòng sông Vị hay sông Hoàng, những dòng chảy chưa ngừng chảy từ thời hồng hoang. Đột nhiên tôi muốn bắt chước Malraux, trước cảnh hoang tàn Đế thiên, dấu nhẹm đi một mảng phù điêu sa thạch thời Jayavarma. Nhưng lại rụt rè chùn tay, vì quả không có cái thế cũng như cái liều của Malraux trong giai đoạn lãng tử phiêu bồng vào giữa thập niên 30. Đành bằng lòng với viên đá nhỏ như cái mốc đánh dấu một chuyến "viễn du tình cảm" khó quên.

Đứng trên bờ thành dọc theo hàng lỗ châu mai, cửa răng cưa, nơi xưa xạ thủ và lính thám báo quan sát tấn công đối phương. Gần bên cửa thành đồ sộ, gợi cảm, với nhiều phiến đá rêu phong, chợt nghĩ đến cảnh chiến trường xưa trong sách vở, trên sàn sân khấu. Những võ tướng uy nghi lẫm liệt, hàng cờ nhỏ hay đôi lông trĩ phất phơ sau mũ đâu mâu, đang mời chào hoặc nhiếc mắng kẻ thù, theo đúng bài bản nhập trận giữa đám ba quân hàng hàng lớp lớp. Bóng dáng trường thành ở hậu cảnh vào giờ phút đó là điều không thể thiếu.

Cũng như nhiều du khách, muốn nhập quá khứ bên cổ thành hùng vĩ, đã không ngần ngại chụp vài tấm ảnh kỷ niệm. Khoác áo thiên tử và hoàng hậu giữa cố đô vàng son... Cửa hàng kỷ vật Trường An, ngay trên mặt thành, đã có sẵn... long xa chờ đón ngoài cửa cho thêm phần hiện thực. Chỉ tiếc là ở đây hơi ít mũ áo Hán Đường, còn vương miện và hoàng bào Thanh triều thì thực là kém phần mỹ thuật. Sao mũ vua lại chỉ như chiếc nón trẻ con úp chụp lên đầu với vành mũ lật ngược? Thực xứng truyền thống chiếc đuôi sam dài, không hợp mắt chút nào, của dòng tộc Nữ Chân suốt từ Hắc Long Giang đến Liêu Ninh.

Và cuối cùng điểm nổi bật ở Tây An-Trường An là khi cổ thành chăng đèn vụt sáng trong đêm. Đi trên phố phường về khuya, luôn luôn

gặp những khoảng trống, để lộ ra từng phần sáng rực của tấm thêu dentelle khổng lồ. Ánh sáng rừng đèn lồng đêm Nguyên tiêu xưa khi trai thanh gái lịch cùng đắm say hò hẹn lúc xuân về? Đêm hội hoa đăng nhiều duyên kỳ ngộ, nhiều trao đổi như đã định từ tiền kiếp. Cửa đông, cửa tây, hay gần bên một vọng gác cùng chung nhìn về một hướng dưới chân thành tấp nập ngựa xe? Ánh sáng từng tràn ngập đôi mắt quan Kinh triệu doãn Hàn Dũ khi nửa khuya đi thăm dân cho biết sự tình. Từng làm thi tiên Lý Bạch lúc phiêu du ở Trường sa và thi thánh Đỗ Phủ trong những ngày đoạn trường tại Ba Thục, phải buồn nhớ xao xuyến. Và cả hai cùng ngước mắt vọng hướng về Bắc khuyết trong niềm vô vọng, mong tìm lại vầng sáng hoa lệ của đế kinh ở tận chân trời xa thẳm.

Dentelle ánh sáng. Dentelle châu ngọc. Những lỗ châu mai mắc đèn trên mặt thành kéo dài một đường viền rực rỡ bao bọc, trìu mến thành phố của những thành phố. Bao bọc cả một quá khứ đẹp. Cả một vầng sáng mà tay chân và trí óc con người đã khổ công xây dựng. Một quá khứ có lẽ chỉ có cẩm thạch Hy Lạp, quần thể kim tự tháp trên sa mạc Ai Cập hay đền đài, cung điện của hai miền đồng bằng Lưỡng hà và Ấn hà là có thể so sánh được thôi.

Huyền Trang là một trong những trí thức du học nổi danh của cổ đại Trung Hoa. Tìm hiểu một hệ thống triết học hay tôn giáo tận chính cội nguồn, nơi chốn phát sinh, với những tư liệu nguyên bản, đích thực nhất! Còn lời mời chào nào đầy hấp lực và kích thích tinh thần lớn hơn? Vượt qua hàng trăm sông núi hiểm trở, âm u, lam sơn chướng khí đầy mình, trong những điều kiện ngặt nghèo nhất. Bảy năm trường Tây trúc khổ công ma luyện. Sau chặng đường hồi hương không kém phần gian nan lại tiếp tục dịch kinh Phật hàng chục năm trong ngôi chùa Từ An, do Đường Cao tông xây cho mẹ, nơi có tháp Đại nhạn tàng kinh nổi danh. Cuộc viễn du tầm sư học đạo, có một không hai, đã được ngọn bút tài hoa và tưởng tượng phong phú nhất của Ngô Thừa Ân đời Minh diễn lại, làm say mê bao thế hệ độc giả. Người viết mấy dòng này cũng tự coi là may mắn có mối duyên hạnh ngộ những kỷ vật Huyền Trang. Ở Phật học viện Nalanda, gần bờ sông Hằng, từng chiêm ngưỡng nơi là gian phòng đăng hỏa nhập đạo của vị cao tăng. ở Trường An hôm nay lại được bước lên dấu chân người xưa. Tưởng như nghe rõ mồn một tiếng ngọn bút lông chạy dài thành những lời kinh, lời kệ bất tận trên giấy bạch chỉ chất cao từng từng trong lòng cổ tháp.

Đường tới tháp dài rộng, trải chín hàng đá phiến lớn, đều đặn, tưởng như đâm thẳng vào tháp, điều có thể nghĩ là cấm kỵ theo phong thủy.

Thực ra đây là nơi công cộng, thờ phụng, chắc không thể áp dụng quy luật chi phối các tòa nhà riêng. Vả lại đây ngay trước mặt tháp còn một khám thờ lộ thiên, rồi tới một ngôi chùa nhỏ chắn ngang như bình phong hộ vệ. Thực ra nếu không có những công trình xây cất này chắc tầng dưới sẽ thoáng hơn và tháp, được chiêm ngưỡng trong toàn bộ, có thể sẽ đẹp, hùng vĩ hơn nhiều.

Tháp ở vào một vị trí đặc biệt, dưới chân bốn mùa hoa nở. Bảy tầng gạch xây theo góc hình vuông, càng lên cao càng nhỏ dần. Tường ngoài mầu nâu-hồng nhạt không chạm trổ. Không mái cong ở mỗi tầng. Nét khỏe, đơn giản, vươn lên tới trên 60 thước. Tại sao lại Đại nhạn? Sau này còn có Tiểu nhạn, chùa và tháp do Vũ hậu xây để tưởng niệm Cao tông. Có thể là do truyền thuyết nhạn trắng bay tới khi xây tháp. Có thể là do mượn tên cổ tháp Ấn Độ trên ngọn đôi hình nhạn xòe cánh... Đến gần, tháp sừng sững, càng đồ sộ hơn. Trong khi kiến trúc Đông phương tỏa rộng theo chiều ngang với mái đình chùa là là mặt đất thì những cổ tháp, một ngoại lệ, lại theo chiều dọc vươn lên trời xanh thành một lời cầu nguyện, giống như các quần thể kiến trúc Tây phương thường có bề cao đồ sộ. Trên hàng cửa võng ở tầng thấp nhất, một loạt hình khắc cảnh đời Như Lai, lẫn lộn nét khắc đời Đường và Minh. Như tình trạng những di vật khảo cổ thuộc nhiều triều đại, chồng chất hay lẫn lộn, dưới mắt và dụng cụ của người khai quật. Tháp vuông, góc tường sắc nét, khác hẳn hình tròn hay bát giác của nhiều cổ tháp Âu châu, Ấn Độ và ngay cả Trung Hoa như Tiểu nhạn gần bên, như Lục hòa tháp ở Hàng Châu, hay tháp Ngô Vương trên đỉnh Hổ sơn lâm, Tô Châu.

Đứng trên tháp, từ cao, nhìn qua những cửa mạch nhỏ, sẽ thấy quang cảnh toàn thể Trường An, vốn vẫn là một đô thị lớn từ cổ đại. Đô thị từng làm choáng mắt Marco Polo ở thế kỷ 12. Đô thị phức tạp, thăng trầm, *thế sự bất thăng bi* như lời thơ Đỗ Phủ. Gần bên tháp là dấu vết con đường dẫn từ hoàng thành đến Đại nhạn, nơi Đường Cao tông thường viếng chùa lễ Phật và tôn vinh mẹ. Thời Cao tông và Vũ Tắc Thiên, Phật giáo, nhờ thế lực triều đình, đã bột phát. Chùa chiền, đài tháp, được xây dựng nhiều như hoa nở rộ suốt một dải từ Hoàng Hà đến Giang Nam, do đó mới có phản ứng mãnh liệt của Nho gia, dưới sự lãnh đạo của Hàn Dũ. Một biến cố văn hóa tương tự, tuy nhỏ bé hơn, đã xẩy ra ở Việt Nam vào đời Trần. Trương Hán Siêu, một Hàn Dũ phương Nam, đã soạn nhiều bài văn như Linh tế tháp ký, trong đó có không ít lời phê phán Phật giáo về phương diện tín ngưỡng và sản xuất.

Nhìn ra xa chút nữa, từ đỉnh tháp về phía Đông, có thể thấy toàn cảnh Ly sơn, luôn luôn gắn bó với kỷ niệm Tần Thủy Hoàng khó quên. Rồi,

hơn 700 năm sau, đó lại là nơi chốn đi lại thân ái của những người tình vương giả nổi danh là Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi.

Cũng nhìn từ tháp về phía tây bắc, trên bờ sông Vị, nằm trong khu vực Đại Trường An, là Hàm Dương kinh đô Tần Thủy Hoàng. Và ở bên bờ đối diện là A phòng cung, xưa được nối liền với Hàm Dương bằng một đường cầu dài quanh co, có mái che. Cầu này, một kỳ quan mà ta chỉ biết qua trí nhớ các sử gia và họa gia, phải chăng là tiền thân những trường lang, loạn sắc cầu vồng, của Tử cấm thành, Hoa thanh cung, và nhất là Cung điện mùa hè Bắc Kinh. Đường cầu A phòng cung, như đại sảnh tòa nhà chính, chứa hơn 2000 người, theo sử sách, cũng như bài *A phòng phú* của Đỗ Mục và *Tần cung nữ oán Bái công văn* đã nói lên đời sống xa hoa, đài các, vô cùng mỹ lệ mà cũng bất công, tàn bạo, của bậc đế vương xưa. "Đi năm bước lại thấy lầu, đi mười bước lại thấy gác, lớp lớp hành lang uốn cong như tấm lụa, mái nhà từng từng cao nhọn như mỏ chim ưng". Cái nhìn rất thơ của Tiểu Đỗ còn cho thấy "mỗi buổi sớm khi phi tần, cung nữ bắt đầu điểm trang thì ngàn gương lấp lánh như sao, ngàn mái tóc xõa như mây xanh rối loạn, dầu sáp đổ đi như nước sông Vị đầy, hương liệu xông lên như khói chiều tà, tiếng chân người và ngựa xe di chuyển qua cầu ầm ầm như sấm động". Chúng ta biết là trong cuộc chạy đua Hán Sở, đạo quân Hạng Vũ, kẻ tới sau, đã san bằng Hàm Dương và A phòng. Đến nay chỉ còn lại hồn thu thảo và bóng tịch dương trên một khoảng đồi rộng, hình tam giác, cao sáu, bẩy thước, mà người ta bảo là nền móng một trong hàng trăm ngôi điện của nhà Tần.

Cũng ở phía Tây, nhưng dịch lên miền Bắc trung tâm Trường An, là dấu vết Cung Vị Ương triều Hán (còn hay không bóng dáng kiều mị của hai chị em Triệu Phi Yến mình gầy như liễu?) xây từ thế kỷ 2 trước Công Nguyên, gần bên vài mảng cổ thành đổ nát còn sót lại từ Hán, Đường, cao đến hơn 10 thước, rộng 5 thước ở chân thành.

Phía Tây, xa hơn nữa, là lăng Hán Vũ Đế, Mao lăng. Theo tài liệu xưa, người anh hùng quang phục nhà Hán được chôn trong một bộ hoàng bào, áo ngọc chỉ vàng, theo thời trang các triều đại hậu duệ Lưu Bang. Gần lăng Quang Vũ, do một tình cờ nào đó, lại là mộ Dương Phi, người đẹp xuất hiện cách sau gần 700 năm. Hào quang quanh khuôn mặt ngọc Quý phi sủng ái vẫn sáng chói như thuở nào. Nên hôm nay, người đàn bà nào ghé qua đây cũng cảm như có bổn phận phải lấy chút đất nhà mồ thoa lên mặt. Như một chút yên chi huyền hoặc. Để ít nhiều được lây hơi hướng vẻ đẹp người xưa!

Xa xa, dọc theo sông Vị, về phía Bắc là một dẫy đồi lăng mộ các vị vua Chu, Hán, Đường... tiếp theo những cổ mộ đã thấy trên đường từ phi

trường về thành phố. Như một lớp trường thành. Như một đội ngũ vệ binh bao bọc, bảo vệ cho Trường An. Trái đất mang nhiều người chết hơn người sống! Luôn luôn bị chi phối bởi quá khứ. Hồn người xưa vẫn đi về trò chuyện, cảm thông với người và sự vật hôm nay. Từng giờ từng phút, tất cả đều như đang cùng nhau thân ái *nhàn tọa thuyết Huyền tông* trong khi kinh *hoa tịch mịch hồng* cho hợp cảnh, vẫn trải dài dưới chân cổ tháp.

Tất cả chỉ là nhìn từ trên cao, qua một khung cửa mạch nhỏ bé của đỉnh Đại nhạn, xa vời nhưng gần gũi, như một hải đăng tâm linh không bao giờ tắt lửa. Khung cửa trên đỉnh cao đưa về biên thùy một quá khứ vàng son, nay chỉ còn lờ mờ là những bãi cỏ, những phiến đá rêu xanh. *Thạch bi hôi mộng văn đài bích*. Tất cả như nặng tâm tư vui buồn của người xưa, làm tâm tư người hôm nay cũng rộn ràng, vơi đầy, không biết lấy ai mà kể nỗi hàn ôn. Tất cả trải dài trong một chiều lữ thứ khi sương và lá chớm thu vàng đã khởi sự rơi rụng ngoài đường vắng...

Hồn xưa có tỉnh giấc trong ngôi cổ mộ nổi danh ở chân Ly sơn? Mộ Tần Thủy Hoàng. Khi xe chúng tôi dừng bánh, thì chiều cũng nghiêng đổ trên mồ, ngọn đồi nhỏ, cỏ vàng cỏ xanh. Từ dưới chân lên đỉnh, ngay chính giữa lằn đường cân xứng của đồi là hàng trăm bậc thang đều đặn, ngay ngắn. Chúng tôi đứng lặng im vì thực ra chẳng ai biết vị trí đúng đắn của ngôi nhà mồ. Một bài thai bí hiểm. Đoàn tùy tùng và thợ xây mồ đều đã bị chôn sống để bảo mật theo truyền thống các bạo chúa xưa!

Gần đây thế giới khảo cổ đã xác định được cửa hầm vào lăng. Nhưng việc khai quật phải tạm hoãn vì những cạm bẫy, cung nỏ, máy giết người vẫn còn lưu lại, sẵn sàng tiêu diệt kẻ đến gần quan quách. Theo Tư Mã Thiên, Tần Thủy Hoàng bản kỷ, ta được biết đại khái hầm mộ hình dung một tiểu vũ trụ đầy đủ trăng sao, vòm trời, sông núi và biển cả đầy thủy ngân thay nước chảy. Thực phẩm, kho lẫm đầy đủ, nội dịch, quân hầu bị chôn sống theo thiên tử tưởng như vẫn tiếp tục cuộc sống nô tỳ cho đến muôn đời. Có thể người xưa, dù là Ai Cập hay Trung Hoa, tin chắc là hình hài giữ được lâu bền thì linh hồn bất tử sẽ có chỗ nương tựa, đi về thoải mái. Dù sao, tập tục chôn cất người chết dưới những nấm cổ khâu, hơn là hỏa táng, vẫn lưu lại hậu thế nhiều lăng mộ gợi cảm trong đó con người chắc sẽ hòa hợp bền chặt với đất trời hơn.

Con người bất động trong ngọn đồi nhân tạo ngay chân Ly sơn là con người xây Vạn lý trường thành và A phòng cung, con người phần thư, khanh nho, giết hàng triệu sinh linh vô tội. Cuối cùng chỉ còn là một nắm xương khô, chẳng hơn gì một tên cùng đinh không đất cắm dùi. Không còn gì. Không thấy gì. Chúng tôi lặng trở gót đi ngang qua tấm biển xanh

của Liên Hiệp Quốc chứng nhận gò đất này là một di tích lịch sử được quốc tế công nhận và bảo vệ. Cũng như Trường thành, núi Thái sơn và một vài điểm khác nữa trên lục địa Trung Hoa cổ kính.

Nhưng chúng ta còn đoàn Binh mã dũng bất hủ bằng đất nung! Không thể không nói đến tập hợp vệ binh, ngự lâm quân của Tần Thủy Hoàng chôn cách mộ chính khoảng một dặm Mỹ về phía Đông, và mới chỉ khám phá được hơn 20 năm trước đây. Cũng nằm trong hệ thống phong thủy của lăng mộ đại đế. Cũng trong quan niệm đoàn tùy tùng phải túc trực bên chủ hầu canh phòng, bảo vệ, ngay cả ở bên kia cõi chết.

Binh mã dũng! một khai quật cổ vật làm chấn động thế giới. Một khám phá có tầm quan trọng ngang, nếu không hơn, công trình nổi danh của nhà khảo cổ Schliemann. Công trình tái sinh thành Troie xưa, nơi chốn đi lại của những thần linh, danh tướng và giai nhân trong cuộc công hãm thành trì gay go nhất lịch sử văn hóa Tây phương. Ấn tượng trước đoàn Binh mã dũng thật là mãnh liệt, tuy du khách đã được sửa soạn trước bằng sách vở, phim chiếu, và triển lãm lưu động khắp thế giới. Hàng hàng lớp lớp đều đặn, binh khí, giáp trụ đầy đủ cơ đội sẵn sàng trong tư thế tác chiến. Đây không phải là đêm liên hoan mà là đêm phòng vệ, nhưng đầu người cũng *nhấp nhô như sóng biển ngang tàng*. Những con người về từ thiên thu... Đúng ra phải là gần 2200 mùa thu! Tuy chỉ là đất nung bất động, đông cứng với những dáng điệu cố định, chiến sĩ Tần, miền Quan Trung cổ vẫn trừng trừng nhìn chúng ta. Như có linh hồn. Như có một luồng sinh khí, dòng nhân điện lan tỏa từ những bắp tay, chòm râu, đôi mắt...

Mỗi người một vẻ, mỗi người là một thế giới riêng. Nghệ nhân thô sơ, tiền thân của tác giả đồ sứ miền Cảnh đức trấn Giang Tây, cũng giống như thượng đế nhào nặn mỗi con người chúng ta thành một đơn vị độc sáng, độc nhất, chỉ thể hiện một lần, chẳng ai giống ai. Văn võ y quan đầy đủ bình thiên, giáp trụ. Người làm dấu hiệu chỉ huy, kẻ chắp tay suy nghĩ. Quân lính người đứng kẻ quỳ, người cung nỏ, kẻ trường thương trong tư thế sẵn sàng. Sắc diện động tác từng người một đều cá biệt sinh động. Cho đến từng con ngựa trận cũng như đang kể lể công lao hãn mã. Có con đứng một mình gần bên kỵ binh chủ nhân. Có con thuộc bộ tứ mã kéo chiến xa hai bánh lớn, mui hình lọng hay dĩa úp. Người chiến sĩ cầm dây cương "y như thiệt" có lẽ không hùng dũng bằng Ben Hur hay những đội trưởng La Mã xuất hiện gần hai thế kỷ sau trên ven biển Địa Trung, nhưng rõ ràng là vững chắc, oai nghiêm, năng động qua tài hoa của nghệ nhân vô danh. Đặc biệt là hình thù chỏm mũ để phân rõ cấp bực, và ủng lớn, áo dài, cổ cao, có lớp giáp sắt trùm ngoài trên vai, cánh tay, và trước ngực.

Đúng là phục sức của đoàn hùng binh *dữ oai hùm*. Sẵn sàng trực chiến tại cao nguyên Hoa bắc lạnh lẽo. Sẵn sàng đồng hóa với hoàng thổ lưu vực sông Hoàng để bảo vệ quân vương, để chiến thắng.

Những đôi mắt trừng trừng nhìn chúng ta... Tuy chỉ là đất nung, nhưng đủ mọi hình thái biểu cảm, trao đổi... Cuồng tín, hăng say hay mỏi mệt, chán chường, thờ ơ, lãng đãng... Có đôi đầy nộ khí như Phàn Khoái giữa yến tiệc Hồng môn. Có đôi xa vắng phiêu diêu như Phạm Lãi, Tử Phòng khi rũ áo từ quan. Nhưng tất cả là sinh động. Đất sét lạnh, bỗng nóng lại, gửi đi những thông điệp, những tâm sự từ lâu âm u, ẩn ức trong lòng đất. Ta chợt thấy kinh hoàng, lảo đảo như đêm khuya lạc lối giữa một huyền hội với đoàn quân ma khổng lồ, nanh vuốt của một bạo chúa xa lạ. Bằng phù phép nào hơn tám ngàn người, gần một sư đoàn quân đất nung, rải rác dưới chân Ly sơn, có thể thành sức mạnh phi thường để bảo vệ một nắm xương khô, ở gần đâu đó, nhưng không biết đích xác chỗ nào. Nắm xương khô điển hình bạo quyền. Niềm chua chát của lịch sử. Có những vua chúa bị người đời nguyền rủa nhất, như Tần Thủy Hoàng, đã để lại nhiều kỳ công. Như Vạn lý trường thành và Binh mã dũng mà ngày nay chúng ta còn thán phục, trầm trồ ngợi khen, coi như đỉnh cao cuộc hành hương về quá khứ nhân loại. Mặc mồ hôi, mặc nước mắt hàng triệu sinh linh chết dưới chân Trường thành, hay Ly sơn. Thủy Hoàng dù sao vẫn có thể tự coi như có điểm tích cực. Néron trái lại khi ra lệnh đốt thành La Mã và đàn địch ca hát chỉ là tiêu cực, tuy đã tỏ bản chất nghệ sĩ (!) biết tìm màu sắc lạ và cảm giác mạnh.

Nhìn kỹ hàng hàng di vật võ biền đó có thể thấy, ở một vài chỗ, những lớp men, những nét son chấm phá, pha hoàng thổ, chỗ còn chỗ mất. Nét sơn, nét son hơi giống màu đỏ Pompei, ấm và ở độ hồng lý tưởng, không quá non không quá già. Độ hồng làm những người yêu nghệ thuật say mê một cách lạ lùng. Sao lại có thể trùng hợp như vậy? Màu hồng Pompei và màu hồng Binh mã dũng? Chỉ có thể nói nhân loại là một. Dù ở kinh vĩ tuyến không gian hay thời gian nào cũng ít nhiều có điểm tương đồng, giao thoa.

Những thế hệ nối tiếp từ mấy ngàn năm trên đầu đoàn Binh mã dũng! Vó ngựa Lưu Bang, người đương đại, rồi một tháng sau quân Sở Bá vương về Hàm Dương reo rắc tàn phá và đau thương trên khắp địa bàn Đại Trường An. Vó ngựa Tùy Dạng đế, vó ngựa Lý Uyên rồi Lý Thế Dân cho đến hết Đường triều, hết Ngũ Đại. Rồi Triệu Khuông Dận lập nên nghiệp lớn nhà Tống, dời đô về Biện kinh, thuộc hạ lưu Hoàng Hà. Từ đó đám hậu sinh bỏ quên cả Trường An lẫn Lạc Dương, quên cả Ly sơn, Vị Hà và đoàn Binh mã dũng nằm sâu trong lòng đất!

Thương hải tang điền... Đồng ruộng, đồng cỏ xanh tươi nối tiếp phủ lên cung điện, hoàng thành xưa, lên buồn vui, tham vọng lớn lao hay thất bại ê chề của những hồn xưa, những *anh hùng tận*, những *bóng hoàn bội tưởng ra vào Lạc phố!* Cho đến mãi 1974, khi lưỡi cuốc thuổng đào giếng của một đám nông dân xuống sâu, sâu mãi vào lòng đất gần chân Ly sơn. Và thay vì mạch nước tìm thấy như thường lệ, lại là một bộ phận tứ chi và đầu cổ, mũ mãng của một tượng võ tướng đời Tần. Từ đó người nông dân Trung Hoa, chuyên gia về thâm canh giỏi nhất, làm ruộng tỉ mỉ như làm vườn, cũng trở nên người khám phá ra sư đoàn Binh mã dũng.

Thế hệ chúng ta thật may mắn nếu không kể những đau thương, bất hạnh riêng của lịch sử quê hương ở hậu bán thế kỷ. Chúng ta đã sử dụng được nguyên tử năng, thoát khỏi hấp lực trái đất, đi vào mê hồn trận của tin học, đồng thời lại khám phá ra dấu vết Helena người đẹp thành Troie và khí thế oai hùng của đoàn Binh mã dũng!

Từ cái khô khan, cứng cỏi hoành tráng của thế giới đoàn quân huyền thoại, thế giới đàn ông, từ đất nung, binh khí, ngựa trận xe chúng tôi từ từ chuyển bánh sang Hoa thanh cung, Hoa thanh tuyền, suối nước ấm từng vỗ về làn da mịn màng của Dương Quý Phi. Thế giới cung điện thanh tú, mầu sắc nhịp nhàng của hồ nước trong, dương liễu sắc, túy hoa xuân, thế giới dịu dàng mỹ lệ của đàn bà. Hai bình diện sống tương phản, hai khí hậu tinh thần ấm lạnh khác nhau.

Nhưng ở hậu cảnh của hệ thống Mộ Tần Thủy Hoàng-Binh mã dũng-Hoa thanh cung luôn luôn hiện diện ngọn Ly sơn như một hòa giải, một tổng hợp âm dương. Như một điệp khúc nhịp nhàng gìn giữ cho "nền" bản nhạc được cân bằng. Như nhạc trưởng điều khiển một giao hưởng tam khúc vui buồn lạnh lẽo ấm áp, đủ mầu sắc tâm hồn. Ly sơn cây cỏ xanh tươi vươn lên chỉ hơn ngàn thước, thế núi phù hợp, cân xứng với kích thước con người. Ly sơn mà mỗi lần nhắc đến ta lại trào dâng cảm xúc. Như khi nghe dội vang trong tâm khảm tên Tản Viên Sơn thần kỳ, tên đồi Acropole trái tim Nhã Điển, hay địa danh Linh Thứu, một hội tụ kinh mạch tôn giáo ở lưu vực sông Hằng. Ly sơn! Ly sơn! Núi đồi nhịp nhàng, xanh lục mát mắt, nổi lên giữa vùng cao nguyên trơ trụi của Thiểm Tây như một ốc đảo mà cũng là bình phong cho Trường An, chắn đóng ngay cửa ngõ miền Đông. Cung Hoa thanh gồm nhiều lầu son gác tía, mái ngói lưu ly, nhiều đình tạ, đài bát giác đỏ xanh. Lạ thay những mầu đậm nét mang sắc thái trang trí nội ngoại thất, kiểu Thanh triều, đôi khi làm ta mỏi mắt tại Tử cấm thành Bắc Kinh mà nay sao lại đẹp hơn, hợp tình hợp cảnh hơn. Có phải vì vóc dáng Ly sơn yểu điệu, vì liễu chương đài hay vì đây là

nơi đi về của Quý Phi họ Dương với đoàn tùy tùng *giai lệ tam thiên nhân*.

Từ cửa lớn vào Hoa thanh cung rẽ sang tay trái, khách tới một bờ hồ lớn, Cửu Long hồ. Gần ngay đó, bên bờ hồ, đá tảng chồng chất, là tượng Dương Phi. Một khối cẩm thạch trong thế đứng và phục sức lộ liễu như tượng phụ nữ Tây phương. Sao thế nhỉ? Quý Phi chắc phải có dáng vẻ và cung cách riêng của người gái sông Hoàng, thời Huyền Tông, ở tiền bán thế kỷ thứ 8 chứ! Cả kiểu tóc bới, nét mặt và áo quần nói chung. Sao thế nhỉ? Hình như nhà điêu khắc thiếu bản lĩnh, thiếu cái an nhiên tự tại của người nghệ sĩ độc sáng, nên phải bám vào một mẫu hình xa lạ, khác biệt. Cả đến những điệu múa Đường nhạc nữa. Lịch sử âm nhạc, khảo cổ học, sử địa cổ đại, mỹ thuật và văn học chắc đã phần nào cung cấp dữ kiện cần thiết cho việc tái tạo lại cốt lõi Nghê thường khúc. Nhưng không hiểu sao, dự một đêm Đường vũ nhạc tại Trường An, tôi lại cảm thấy nuối tiếc một cái gì. Thầm nghĩ, trong các biên đạo Trung Hoa, có nhiều cựu du học sinh tại Nga có lẽ vẫn còn bị ám ảnh bởi phong thái nhuần nhuyễn tình cảm của G. Ulanova hay kỹ thuật điêu luyện nhịp nhàng của Plyceskya. Trong thế giới nghệ thuật, có lúc phải đau lòng vứt bỏ hết, phải thể hiện chân không nơi tâm tư hầu sáng tạo hay tái tạo một mô hình nghệ thuật độc đáo, riêng biệt, không lai căng? Đó phải là một lời tâm niệm!

Dọc theo ven hồ lớn, vẫn về phía Đông, đằng sau nữa, và về phía Nam, dựa vào Linh sơn là nhiều lớp mái nhà cung điện, đài tạ, nội đình, giếng suối, liên trì. Vẫn hàng cột và tường đỏ son, vẫn mái nhà xanh biếc, vẫn những mầu cơ bản Thanh triều đậm sẫm, ít khi dám đặt gần nhau, vì e sợ lòe loẹt, rườm rà... baroque. Nhưng ở đây cảm giác thật bất ngờ. Ở đây, hình như mọi chuyện đều được hóa giải. Phải chăng vì, nửa in đậm trên nền trời Trường An, nửa dễ dàng hòa nhập, dựa vào sườn đá núi và cỏ cây Ly sơn. Cho nên cuối cùng vẫn là một tổng thể đẹp kỳ thú, chẳng cần tuân theo quy luật sắc mầu hòa hợp nào cả. Lạ nhất là khi tình cờ đứng gần bên một tòa lầu bát giác đặc biệt Thanh cung đó. Ta bỗng thấy hàng cột đỏ, tường son trở nên mảnh mai, thanh tao hơn. Lớp mái xanh cong vút dường như cất cánh bay lên trời xanh. Toàn thể giờ đây tự nhiên như có nhân dáng ngậm ngùi một Tân phi đầu tóc búi gọn, đứng trầm ngâm bên gốc liễu xanh nhìn ra xa về phía Ly sơn. *Em đi đá núi cũng si tình*. Đối tượng đẹp và người vinh danh đẹp hình như đồng hóa trong mờ ảo chan hòa.

Hoa Thanh cung phần lớn được trùng tu thời Minh, Thanh, nhưng tâm hồn hoài cổ vẫn chỉ thấy lầu son gác tía Thịnh Đường bên Cửu Long hồ. Vẫn là khúc Nghê thường không thể quên. Vẫn là bóng dáng *Quý Phi túy tửu trầm hương các*, hay mỉm cười nhìn về phương Nam nơi vó câu kỵ

mã đang tung bụi mù trời, gấp đem trái lệ chi, còn đẫm sương mai, về dâng người đẹp *Nhất kỵ hồng trần phi tử tiếu.*

Gót chân lữ khách vẫn lướt qua những tòa nhà có gác cao, bốn bề liễu rũ, những đình tạ, liên trì nhỏ, hướng về Ly sơn. Sau cùng đến suối nước nóng nổi danh và bồn tắm Dương Quý Phi được tái tạo theo mẫu xưa. Cái nôi cẩm thạch đẹp mà hàng ngày *ôn tuyền thủy hoạt tẩy ngưng chi,* suối ấm trôi trôi lớp mịn màng, theo lời thơ Bạch Cư Dị. Họ Dương là một trong tứ đại mỹ nhân của Trung Hoa cổ điển. *Quý Phi tu hoa*, đẹp đến nỗi hoa phải thẹn mà biến mất. Quý phi sinh và tử ở Thiểm Tây, từng làm nghiêng ngửa cả nghiệp đế nhà Đường, nhưng theo Nguyễn Du thì đó là oan, *uổng giao thiên cổ tội khuynh thành*. Truyền thuyết và lịch sử còn ghi danh một người gái Bắc phương nữa: *Điêu Thuyền bế nguyệt*, làm trăng phải lặn vì hờn ghen. Điêu Thuyền yêu nước, danh nổi như sóng cồn vào thời Hậu Hán, đất nước hỗn loạn, phân liệt. Còn lưu vực Trường Giang ấm áp ở Nam phương thì là nơi cố quận của *Tây Thi trầm ngư* (cá lặn), Tây Thi tung sa, giặt lụa gần Tô Châu đã đưa Ngô Vương, Phù Sai, vào đường diệt vong. Mỹ nhân cuối cùng, *Chiêu quân lạc nhạn* (chim sa) cũng quê miền Nam, vùng Phụng tiết, Ba đông, nơi có huyền thoại Vu sơn thần nữ và Sở tương vương... Chúng ta chỉ có thể kết luận là đất với người luôn luôn gắn bó, và linh địa bao giờ cũng sinh ra nhiều tài tử, giai nhân, anh hùng, hiền sĩ nổi trôi theo vận nước.

Du khách có thể thong thả vào khu tắm riêng bổ khuyết bộ sưu tầm về ôn tuyền trên thế giới, rửa mắt trần nơi những tia nước ấm phun từ một bông sen nhân tạo khổng lồ... để lây hơi hướng người xưa. Hay chỉ giản dị ngồi bên bờ hồ trên *mỏm đá trắng, để thả cái hồn thơ.* Cũng có thể đứng im chiêm ngưỡng pho tượng thâu góp những nét kiều mị nhất của người phi tần sủng ái. Cái đẹp thời Đường, cái đẹp Dương ngọc Hoàn, hình như tuân theo những nguyên tắc và tiêu chuẩn riêng. Mỹ nhân phải nở nang, đầy đặn, có da có thịt (Cái đẹp Thúy Vân?). Chắc là khác hẳn cái nhìn Hán triều, thời chị em Triệu Phi Yến, lưng thon, mình gầy như liễu, được hoan nghênh quá mức. *Chưởng trung khinh*. Nhẹ đến nỗi có thể nhảy múa trong bàn tay quân vương! Tranh tứ đại mỹ nhân có bán trong khu vực, từ lối bình dân lòe loẹt đến tranh lụa nghệ thuật cao. Tất cả phản ảnh cái mâu thuẫn xấu, đẹp, thượng vàng hạ cám, trong con người và không gian sống của thế giới mênh mông "khôn xiết tả" là Trung Hoa. Nhưng nói chung, xem tranh, so với các mỹ nhân khác, Quý Phi họ Dương luôn luôn bị gán cho nhiều nét nặng về phô trương nhục cảm. Cho đến bây giờ oan khiên dường như vẫn chưa dứt!

Trở về phía hồ Cửu Long, du khách lại tiếp tục lướt qua một dãy nhà

lớn, kiến trúc thanh nhã, cộng thêm đình tạ và liễu tóc buông lơi phất phơ trước gió. Nhiều liễu. Rất nhiều liễu. Đúng là một phong cảnh Giang Nam đặt giữa vùng mạc bắc mới chớm thu. Người hướng dẫn cho biết đây là khu nghỉ mát của các "hoàng đế mới", dù tả hay hữu, kể từ Cách mạng Tân Hợi. Một biến cố đáng nói trong lịch sử Trung Hoa hiện đại là "sự kiện Tây An", 1936. Tưởng Giới Thạch đang nghỉ tại ngôi nhà mát Ly sơn thì nửa đêm súng nổ rền, và quân phiến loạn do Trương Học Lương, lãnh chúa Mãn châu cầm đầu, đột nhập. Tổng thống Trung Hoa Dân Quốc chỉ còn đủ thì giờ rút ra cửa sau...quên cả giày dép và đang mặc áo ngủ. Rút cuộc, ông cũng bị bắt. Kết quả là một tạm ước giữa họ Tưởng và người trí thức tiểu tư sản Chu Ân Lai đã biến thành vô sản trước đó 15 năm. Hai bên cùng ước hẹn chung để kháng Nhật, nhưng cuối cùng mọi cố gắng hòa hợp nước và lửa chỉ là số không!

Chúng tôi lại đi ra phía cửa chính, ngắm nhìn một bờ đê nhỏvà chiếc cầu ngăn đôi hồ Cửu Long. Hai đầu cầu sừng sững hai lầu bát giác, cột đỏ mái xanh, dành cho khách thừa lương. Lầu mang tên gợi cảm là Bình Minh và Hoàng Hôn. Thời gian chiếu lên không gian mặt hồ. Bình minh và hoàng hôn của *phù dung như diện liễu như mi*, của tình yêu, của kiếp người, của những vương triều trôi theo dòng lịch sử. Tiếp theo gần tới cửa là một du thuyền cẩm thạch đứng im, trầm ngâm trong nước lạnh ven hồ, như đã từ lâu, rất lâu. Rồi chợt xuất hiện một hành lang dài , quanh co, sơn son thếp vàng, nối liền mấy ngôi nhà xinh xắn bao bọc cỏ xanh và liễu gợn tình...Trường lang và Thạch thuyền.Cung điện mùa hè Bắc kinh đã bắt chước Tây hồ Hàng Châu, lại còn in thêm dấu ấn Hoa Thanh cung nữa chăng? Hay ngược lại?

Chúng tôi rời Cung nước ấm nhưng lòng vẫn lạnh. Có phải vì dư nước mắt khóc người đời xưa? Có thể là vậy, vì người đồng điệu NguyễnDu, trước đây khi nghĩ tới Dương Quý Phi trong chuyến Bắc du, cũng từng trải rộng cả một tâm tư. Tâm tư nòi tình, nòi thơ thương lục tiếc hồng!

Lang tạ tàn hồng vô mịch xứ
(Thu) phong thành hạ bất thăng tình
((Tìm mảnh hoa tàn đâu thấy nữa
Dưới thành gió thoảng biết bao tình)

Tôi lại trở về lũy thành Trường An như một ám ảnh. Tây môn? Nam môn? Tìm mua mấy bản cổ văn, được chép lại hay vỗ đá bia, in trắng đen dưới hình thức chữ thảo xưa. Dĩ nhiên chỉ các nhà cổ tự học thông thái mới đọc nổi. Nhưng, người ngoại đạo nhìn vào (chỉ nhìn thôi!) cũng thấy một niềm hoan lạc vô biên. Chẳng phải văn tự, chẳng phải tranh vẽ. Những

nét dài, uốn lượn dọc ngang, không còn là vật chất nữa. Bảng lảng như tơ chiều. Thanh thoát như én lượn. Giấy trắng mực đen mà là gấm hoa. Sản phẩm con người trần gian mà là tặng vật rơi xuống từ cao xanh! Phạm Trọng Yêm, *Bài ký Nhạc dương lâu*, Lý Bạch, *Bài tự đêm xuân tiệc rượu ngoài vườn đào lý*...

Đứng trên thành như từ một Hy mã tâm hồn, đưa mắt nhìn xuống thành phố nằm dưới chân trước khi giã biệt. Tôi đã sống tại Trường An những phút giây phong phú, có trọng lượng nhất. Như niềm vui lớn tràn trề tấm thảm nổi danh *Les très riches heures* của nghệ thuật Tây phương. Tôi vẫn bay là là cánh thiên thần lẩn vào mây gió. Nhất định chỉ biết có khu vực Đại Trường An xưa! Làm gì có Tây An với những nhà cao tầng, những phòng ăn tập thể ồn ào ở các xí nghiệp. Những diễn văn dài dòng khoa trương. Những bảng thống kê, những đồng phục vô hồn và vô duyên.

Ngoại trừ Cổ thành, Đại nhạn, Hoa thanh cung, vô số lăng tẩm Chu, Tần, Hán, Tùy, Đường...Ngoại trừ hòn đá, ngọn cỏ trên nền cung điện võ vàng, tịch liêu của Hàm dương, A phòng, Vị ương. Ngoại trừ Chung lâu, Cổ lâu, Tây ngũ đài, Đại minh cung mà ít người có dịp lui tới. Tất cả là những bệ phóng đưa người hoài cổ từ Tây An vút thẳng về quá khứ. Về Trường An đầy hoài niệm và suối nguồn mỹ cảm. Trường An *bất kiến sử nhân sầu* của trích tiên Lý Bạch. Trường An *bất thăng bi* của Đỗ Thiếu Lăng. Của mối u tình Lý Thương ẩn, của Tiểu Đỗ bạc hãnh danh. Trường An của Ngọc Hoàn và Phi Yến, tượng trưng cho hai quan niệm đối lập về vẻ đẹp phụ nữ. Trường An của Lý Tĩnh và Hồng Phất Nương, của Tùy Dạng Đế và quỳnh hoa thần thoại, của cuộc chạy đua Hán Sở về sông Vị, của U vương phóng hỏa đài và nụ cười Bao Tự sầu bi, định mệnh. Đây là Vị thủy, là Ly sơn. Những đỉnh cao. Những vùng địa linh nhân kiệt. Tôi đã may mắn làm một cuộc hành hương, không thể quên, về một thời gian, một không gian tưởng như ngoài kích thước con người. Chẳng phải đất. Chẳng phải trời. Chẳng phải hôm nay, chẳng phải ngày qua... Đứng trên cao khoác áo dài, dệt bằng những sợi thần phong êm dịu, vỗ về, tôi hít thở tràn lan khí trời không bợn hồng trần. Thực phẩm thần tiên. Thực phẩm của Bất diệt và Tuyệt đối. Của những đỉnh ngọn tâm hồn.

Trong phút giây kỳ ảo, tôi thấy bị đưa vào một từ trường huyền hoặc. Bị bủa vây, cuốn hút. Chợt nhớ đến Renan, nhà sử học Tây phương lừng danh, hiện thân của lý trí và tình cảm đam mê. Người có lần từng chết lặng trên đỉnh đồi Acropole. Chiêm ngưỡng và cầu nguyện. Bị mê hoặc bởi những đường nét hài hòa, những khối hình cân đối của kiến trúc điện Parthéon. Một bài thơ bằng cẩm thạch. Bước chân nhịp nhàng đoàn trinh nữ trong ngày hội lớn của tầng lớp danh gia vọng tộc Athens xưa. Bức phù

điêu khổng lồ trên mặt tiền điện. Athena, Panathenaea...Trong cơn mê sảng Renan, kẻ tân tòng, cầu nguyện, van xin nữ thần Athena: *"Tôi chỉ yêu một nàng, chỉ thờ phụng một nàng thôi...Tôi sẽ vứt bỏ kỷ niệm xưa ra khỏi trái tim!"* Renan hầu như đã quên nơi xuất phát. Quên tọa độ bản thân. Quên hết cả những xác tín lẫn phong thái trí thức xưa của cha ông. Và trong vườn tín ngưỡng, văn học nghệ thuật của kẻ tân tòng đã có nhiều pho tượng bị đập phá ngổng ngang.

Tôi mê Trường An, ôm thành phố trong vòng tay ấm nóng. Cảm thông thấm thiết, nhưng sẽ tỉnh táo hơn tác giả *L'avenir de la science*. Vì bước chân lữ thứ đã có hơn một ngọn đuốc dẫn đường soi sáng. Gần 200 năm trước, bậc tiền bối Nguyễn Du, trên đường đi Yên kinh, vẫn luôn luôn nhớ về cố quận Hồng Lam, mặc dù đã tận hưởng cảnh non xanh nước biếc, điện đài, thành quách của lân quốc, vừa lạ vừa quen. Ở Tiềm sơn lộ, An Huy, cũng như khi tới gần Hàm Đan hay Vũ Xương, chỉ có hình bóng quê nhà, dạy dứt, ám ảnh:

Hồng lĩnh cách niên hư túc mộng
Bạch đầu thiên lý tẩu thu phong
(Ngày cũ non Hồng còn mộng hão
Dặm ngàn đầu bạc gió thu vương)

Cũng như lúc một mình trầm ngâm ở Tam giang khẩu và Thái bình thành, Quảng Tây. Vì quê hương Việt Nam *cách vạn trùng sơn*, người sông Lam chỉ mong *gia hương nhập mộng tần*, mong quê nhà đi vào giấc mộng. Kẻ hậu sinh vốn mang tinh thần Nguyễn Du, từ thuở bắt đầu yêu thơ, tự cảm thấy mãi mãi là người lữ khách phân thân, khắc khoải, trên những nẻo đường thời gian và không gian mầu sắc khác biệt. Cho nên lòng vẫn nhủ lòng: "Giữa những trường lực đan xen, chồng chéo phải cố nhìn rõ xem đâu là dòng chủ lưu. Cố tìm lại một thế quân bình, một niềm an lạc viên mãn cho tâm hồn."

Đèn khuya bỗng rực sáng suốt chiều dài Cổ thành. Như một chuỗi minh châu trên ngực Trường An tự dịch kỳ. Dâu biển, thăng trầm. Hôn xưa lại trở về ân cần, thắm thiết. Có phải đâu đây, dưới chân thành, còn dội lại bước đi lang thang của Ôn đình Quân, nhà thơ sinh bất phùng thời? Có phải Vương Duy, kẻ sĩ hiển đạt, thay vì ở Vị thành, đã tới đây mời bạn cạn chén ngoài cửa Tây môn? Vì mai đây, bạn đi về phía Dương quan xa xôi, sẽ chẳng còn cố nhân, *Tây xuất Dương quan vô cố nhân*.

Tôi sẽ trở lại Trường An của những văn nhân đa tình, những người đẹp bội ngọc, những phiến đá rêu phong, những đình tạ và liễu xanh. Trường An bất diệt. Trường An, chất xúc tác kỳ diệu, dòng suối thơ không bao giờ ngừng chảy...❐

Lạnh ở dưới phố

TRẦN MỘNG TÚ

Không còn chiếc lá nào
trên những cành thu muộn
ở dưới lớp vỏ cây
có nỗi sầu nằm cuộn
ở trong thân khẳng khiu
có mùa đông đang trốn.

Gió duổi trên mặt hè
tiếng lá khô rên khẽ
Người đi sát vào nhau
chia một hơi thuốc lẻ.

Chiếc túi khoác trên lưng
hai tay giấu trong túi
áo dạ dài quá chân
đầu ẩm trong mưa bụi
Có người đi rất vội
mà không biết đi đâu.

Có người nằm góc phố
co tay lên gối đầu
gió thổi mang mang hận
lá có tìm thấy nhau.

Có người mồi cối thuốc
khoái thả không định nơi
Câu thơ tình mùa cũ
người yêu xa cuối trời.

Có người bước rất nhẹ
như tựa hẳn vào lòng
của người đi bên cạnh
chia nhau hơi thở cong.

Có người đứng cuối phố
lạnh thấm cả vào xương
cúi xuống nhặt chiếc lá
nhặt lên một phiến buồn.

Sabrina

Song Thao

Sabrina gật gật đầu, nheo nheo mắt, chỉ tay vào ngực rồi khoát ra cửa, môi miệng cầu tài uốn éo làm điệu trước khi luồn người ra ngoài cửa phòng. Tiếng Hưng trong ống điện thoại giật giọng:

- Em có nghe anh nói không? Em đang làm gì mà ú ớ vậy?

Cái khoát tay bảo Sabrina cứ đi đi cùng vài ý nghĩ rời rạc về con nhỏ này chợt ập tới làm tôi hẫng câu chuyện với Hưng.

- Không, có làm gì đâu. Con nhỏ Sabrina lại nhờ coi phòng dùm để nó xuống với con nó. Phiền con nhỏ này quá!

Hưng châm chọc:

- Sao em không mang con theo cho cân bằng. Khỏi phải phiền cái đầu tức tối.

- Em tức hồi nào đâu! Có điều con nhỏ này cưng con đến phát mệt. Mà anh khôn vừa vừa chứ. Em mang con theo để anh rộng cẳng đi chơi sao?

- Chơi đâu mà chơi. Anh hùng thấm mệt rồi.

- Mệt mấy hồi. Khỏe mấy hồi. ở đó mà tin đàn ông các anh!

- Không tin sao lại chịu xỏ cái nhẫn vào ngón tay. Ấy chết! Cu ra đây với ba. Thôi cúp nghe. Thằng nhỏ này phá quá, lôi hết cả sách vở xuống rồi kìa!

- ừ, anh nhớ cho con uống nước trái cây nghe!

Tôi nhìn lên đồng hồ treo trên tường, tay bỏ chiếc phôn xuống bàn. Mười một giờ. Đi làm ngày thứ bảy như thi hành một bản án. Bản án của tôi cứ bốn tuần đến một lần. Sở có tám ngoe. Mỗi phiên trực thứ bảy hai người. Tôi cùng phiên với Sabrina. Tính nó tốt, vui vẻ nhưng mặt nó buồn đến thương hại. Cũng phải thông cảm cho cái mặt buồn của nó. ở hoàn cảnh nó mấy ai mà nhếch mặt lên được. Tội cho nó. Mà cũng tội cho hai đứa con nó. Thằng Vincent, bốn tuổi, cặp kiếng cận làm nó như một người

lớn. Chẳng cứ cặp kiếng, cứ coi cách nó nhường nhịn con em nó cũng đủ thấy xốn xang trong lòng. Con nhỏ Isabelle, lững chững biết đi, có khuôn mặt giống mẹ như tạc, làm trò hề suốt ngày. Chỉ nguyên nhìn cái dáng đi bì bạch kéo theo đôi mông thây lẩy vì đống tã lót bên trong cũng đủ muốn ôm nó vào lòng nựng nịu rồi.

Thương ba mẹ con nó chẳng phải chỉ có mình tôi. Ông trời cũng để mắt tới nó nên sắp đặt cho sở làm nằm ngay trên tầng lầu của một khu thương xá. Trong thương xá có một chỗ giữ trẻ cho cha mẹ rộng rãi thời giờ nhẩn nha tiêu tiền vào các cửa hàng. Tiền giữ trẻ tính theo giờ, rẻ mạt. Người ta không chú trọng tới những đồng tiền cha mẹ trực tiếp trả cho chỗ giữ trẻ mà chú ý tới những đồng tiền, lớn hơn, họ vứt vào việc mua sắm những món cần thiết và, nhiều khi, những món không cần thiết nhưng vì bị mà mất vào cách quảng cáo nên tay mở bóp tiền một cách mạnh bạo. Thời buổi làm ăn tinh xảo ngày nay, họ tính như vậy là đúng. Nhưng đối với Sabrina, họ bị hố nặng. Giữ Vincent và Isabelle trong tám tiếng, họ chẳng moi được thêm đồng tiền nào khỏi túi của Sabrina như đã khôn ngoan tính toán mà còn khổ sở vì sự thăm chừng thường xuyên của nó.

Có lần tôi đã nửa đùa nửa thật đề nghị với Sabrina:

- Tao muốn cá với mi một chuyện quá. Mi chịu không?

- Mi phải nói là chuyện gì tao mới trả lời được chứ. Mi đúng là người... đặt cái cày trước con trâu!

Đôi môi mỏng hồng của Sabrina vẽ ra một nụ cười đắc thắng. Chưa cá mà tôi đã bị thua. Chẳng là trước đây trong một lần tâm sự chuyện nhà với Sabrina, tôi đã hứng chí bê nguyên câu ví von nhà quê này ra dịch cho Sabrina nghe. Thế mà nó nhớ, bây giờ chơi trò boomerang mang ra phang lại nguyên con cho tôi tuy cả đời nó có bao giờ biết cái cày là gì còn con trâu thì chỉ thấy trong hình, một khối đen xì chẳng có gì hấp dẫn, nói chi tới cái cày phải đi trước hay đi sau con trâu. Mặt tôi có lẽ đã pha màu mặt trời, mặc kệ, đỏ thì càng có vẻ hồng diện chứ sao! Tôi giả lả cố tình dẹp cả cái cày với con trâu vô duyên và ý nghĩ hồng diện lăn tăn chạy trong người.

- Xin lỗi! Đôi khi tao ngốc nghếch như vậy đó. Tao muốn cá với mi là trong hai tiếng đồng hồ mà mi không chạy xuống với hai đứa nhỏ thì mi thắng. Ngược lại thì tao thắng. Chịu không?

Sabrina rộn ràng:

- Mi muốn cá cái gì nào?

Biết ý thích của con nhỏ, tôi nhẩn nha vứt ra miếng mồi ngon:

- Một chầu cà phê bánh ngọt ở Second Cup dưới nhà!

Mắt Sabrina sáng lên rồi hờ hững hai vành mi khép xuống.

- Cà phê bánh ngọt thì tao thích nhưng chắc tao là người trả tiền quá. Tao chẳng dại. Mi...đi guốc trong bụng tao!

Lại một cú trả đũa hóm hỉnh của con nhỏ thông minh. Tôi dẫm phải...chất thừa của mẹ tôi nên cứ có dịp là lòi ra một câu ví von dân tộc. Nói chuyện với Sabrina tôi cũng không bỏ được cái tật đó, lại còn nghịch ngợm dịch ra cho nó hiểu, những thứ bí hiểm quá không có chữ dịch, tôi phải giải thích lòng vòng, nếu cũng không xong phải viện tới hai tay làm hình tượng, đôi khi tay cũng bất lực thì phải vẽ ra giấy. Đôi guốc tôi không có chữ dịch chính xác nên diễn tả sao cho tới lúc cái đầu đầy tóc vàng của Sabrina gật gù ra vẻ hiểu. Còn hình ảnh đôi guốc nằm trong cái đầu tròn vo của nó thì chẳng biết méo mó ra sao cho tới khi, trong một trưa thứ bảy thả bộ xuống thương xá đi ăn, tôi mừng muốn chết khi thấy họ bày bán những đôi guốc bằng nhựa. Tôi đưa đôi guốc cho Sabrina cầm, chua thêm một câu thông là ở nước tao nó được làm bằng gỗ, nặng hơn nhiều là mọi sự sáng tỏ hoàn toàn. Ai ngờ có lúc cái đôi guốc sờ được bằng tay đó được Sabrina dí dỏm phang lại tôi thẳng cánh.

Nói phang là nói theo cách bộp chộp của tôi chứ Sabrina là một đứa hiền lành dễ thương có mà phang ai. Chỉ bị phang thì có. Nặng nhất là cú chồng nó ly dị nó. Nặng đến nỗi thay đổi cả con người đáng thương này. Trước đó nó là người tin vào đời, tin vào người, cặp mắt hài hòa với cuộc sống. Thời gian đó nó chưa vào làm chung với tôi nên tôi không biết con người hạnh phúc của nó rõ ràng ra sao. Chứ bây giờ, tuy vậy, nó cũng chẳng đến nỗi sầu ai lắm. Nó có phải là một thứ lan huệ héo trong tươi ngoài hay không thì tôi không dám chắc. Nghe nó tâm sự tôi lựa lời.

- Thì bây giờ tao thấy mi vẫn có lửa với người, với đời đấy chứ. Với tao thì mi còn giỡn như quỷ là đằng khác. Buồn để vào nơi đâu, mi làm ơn cho tao biết với!

Nó nở nụ cười gượng gạo.

- Buồn lắm thì cũng phải tới lúc đổ nước vào cho nó lạt bớt mùi vị đi chứ. Mi ghiền cà phê như tao chắc thừa biết là cà phê pha loãng uống vào thấy lạt thếch có ra cái gì đâu. Nếu ăn với bánh ngọt thì cà phê lại càng đoảng vị hơn nữa. Bánh ngọt là hai đứa con của tao đấy!

Tiếng chuông điện thoại vang lên từ tốn. Hai đứa nhìn nhau. Sabrina hất đầu.

- Chắc của mi đấy. Tao có bao giờ có điện thoại vào ngày thứ bảy đâu!

Tôi nhấc điện thoại. Tiếng Hưng reo trong ống nghe:

- Em đấy hả?

- Không! Sabrina đây. Tôi đang được hân hạnh nói chuyện với ai

vậy?

Câu tiếng Pháp của tôi chắc chẳng tròn trịa như giọng nói của Sabrina. Hưng cười vang.

- Còn làm bộ xài tiếng tây!

Tôi méo miệng cười xuống nước.

- Tiếng tây của em cứng lắm hay sao mà anh biết ngay vậy?

- Không, em nói tiếng tây như đầm phân biệt làm sao được. Chỉ có mỗi một điều hơi khó tin là cô đầm này hiểu tiếng Việt. Anh hỏi bằng tiếng Việt, em trả lời liền bằng tiếng tây. Lộ tẩy ngay là cái cẳng!

Tôi giận mình ngu thật. Cũng bởi cái tính bộp chộp! Thôi, đánh trống lảng cho đỡ mất mặt bầu cua. Giọng tôi trang nghiêm hẳn lên:

- Có chuyện gì không anh?

- Cũng chẳng có gì quan trọng. Phôn để nghe tiếng em cho đỡ nhớ ấy mà!-Lỗ mũi tôi chưa kịp nở ra thì giọng Hưng đã đổi chiều- Nghe thế chắc có người sướng lắm đấy. Ninh vậy thôi chứ anh định hỏi là thằng cu nó có mùi, chờ em về hãy thay tã có được không?

Tôi cụt hứng đâm khó tính.

- Trời đất ơi! Anh làm ơn bịt mũi thay liền cho nó đi. Còn hai tiếng nữa mới tan sở chờ cái nỗi gì! Cúp điện thoại thay dùm ngay cho tôi nhờ đi ông ơi!

- Cứ từ từ rồi thay, đừng nóng! Em đi làm thứ bảy hoài chắc anh thành babysitter nhà nghề quá! Mai mốt chắc anh nhận thêm mấy đứa nữa cũng được. Em kiếm thêm cho anh đứa nữa được không?

Tôi sướng ngầm trong bụng vì câu hỏi chồng vợ thân mật của Hưng nhưng cái miệng nghịch ngợm của tôi bẻ quẹo qua lối khác.

- Có hai đứa con của Sabrina đây này. Hay là muốn babysit cả mẹ chúng luôn đấy?

Hưng cười muốn bể điện thoại nghe phát ghét. Sông bao nhiêu nước cho vừa? Câu ví von của mẹ tôi chẳng trật với một anh đàn ông nào cả. Tôi nạt Hưng:

- Thú vị quá hả? Thôi, thay tã cho con đi. Thúi um lên bây giờ!

Tôi chun mũi, nhăn môi trên, làm như có Hưng trước mặt để châm chọc. Sabrina ngỡ ngàng nhìn tôi.

- Mi làm cái gì vậy?

Ngượng trân, tôi cười xí xóa.

- Tao giỡn với Hưng!

Sabrina buồn bã.

- Mi sướng thiệt!

Tôi thấy như có lỗi với bạn. Thắp đèn phô bày hạnh phúc trước mắt

người đã bị đánh cắp mất hạnh phúc là một điều bất nhẫn. Tôi cố vớt vát.

- Mi cũng sướng chứ bộ! Nhìn cung cách của mi với hai đứa con, tao thấy mi có tới hai nỗi sướng.

Sabrina không nói gì. Mắt nó nói dùm cho nó. Vẫn là đôi mắt sậm nâu nặng chĩu. Nặng chĩu không kém là giọng nói của nó.

- Đáng lẽ tao không nên gật đầu làm đám cưới với Lucien!

Tôi bỗng sượng ngang. Như một người đang tung tăng dạo phố bỗng đi lạc vào lòng một giáo đường ngoài giờ hành lễ. Âm thanh thoát ra từ miệng tôi nghe nặng nề và vấp váp.

- Hồi đó tụi bay không yêu nhau sao?

Sabrina thở dài.

- Yêu chứ! Yêu mới sanh tội. Tình yêu làm cho người ta dễ dãi quá, nhắm mắt làm ngơ như không biết trước những viên đá ngổn ngang trên đường đi.

Tôi vuốt theo tiếng thở dài của Sabrina.

- ừ, tình yêu như tấm da che mắt ngựa dễ làm cho người ta chín bỏ làm mười.

Sabrina dựng mắt.

- Mi nói gì tao không hiểu.

Đó, lại một câu nói của mẹ tôi trơn tru tuôn ra khỏi miệng tôi. Tôi cố gắng giải thích.

- Tao muốn nói là khi người ta dễ dãi thì ai nói chín cũng gật mà mười cũng gật.

Sabrina nhếch môi cười.

- Mi có nhiều câu nói gọn gàng mà tượng hình quá. Đúng như vậy đó, đáng lẽ khi quyết định một ngã rẽ quan trọng trong cuộc đời mình, tao phải tỉnh táo mở to mắt nhìn cho kỹ, suy nghĩ cho lung rồi mới quyết định. Đằng này cái bộ vó bên ngoài của Lucien làm tao ngộp thở chẳng biết đằng nào mà ngoi lên được.

Lucien có bộ vó ngon lành thật. Tôi có gặp hắn một hai lần chi đó khi hắn có chuyện tới tìm Sabrina tại sở. Nhìn cái dáng cao lớn bảnh bao của Lucien người ta dễ có ý nghĩ đó là một chỗ dựa vững chắc và an lành. Tôi vẫn thầm tiếc cho Sabrina nhất là khi biết nó tứ cố vô thân chẳng có cha mẹ họ hàng cũng chẳng có anh chị em chi. Nhưng Sabrina coi bộ dứt khoát. Không tiếc. Chỉ có nỗi buồn dấu kín thỉnh thoảng trồi lên làm nấu nhàu khuôn mặt thanh tú của nó.

- Tao hỏi mi là mi có thể chung sống với một người đại ích kỷ, chỉ biết có mình thôi không? Lucien là một người không xấu nhưng không biết đến ai ngoài chính anh ấy. Cái tôi của anh ấy lớn quá che lấp tất cả

mọi người xung quanh kể cả vợ cả con. Tệ lậu nhất là anh ấy trăng trối có đó như một điều tất nhiên, không dấu diếm mà cũng không cảm thấy sai trái gì trong đó.

- Nếu Lucien không dấu diếm thì mi phải biết ngay từ những ngày mới quen nhau chứ?

- Biết chứ sao không!

- Biết mà vẫn nhào vô?

- Bởi..

Sabrina bỏ ngang câu nói , cười nhạt. Nó sững người, đôi tay vô hồn xếp đi xếp lại mấy cuốn sách trước mặt. Tôi nhìn nó muốn chia sẻ cái cục nặng trĩu trong người nó mà chẳng biết làm sao. Cây viết trên mặt bàn bị tôi lật đi lật lại phát ra những tiếng kêu rời rạc lạc lõng. Sabrina như thoát ra khỏi cơn mê.

- Mi có biết trước khi ký tên vào tờ hôn thú tao phải ký vào một tờ hợp đồng không?

Tôi nhổm người về phía Sabrina như được điều khiển bằng một cái remote control.

- Hợp đồng gì?

- Hợp đồng sống chung! Đại khái như là tiền ai nấy giữ, người kia không được nhòm ngó tới. Tiền ăn tiêu trong nhà cứ chia đôi sòng phẳng. Lương tao ít hơn lương Lucien nên thấy thì có vẻ công bằng nhưng thực ra tao lãnh phần thiệt thòi. Tiếp theo đó là những điều Lucien không phải làm. Nhiều mục lắm mà cũng vặt vãnh lắm. Đại loại như làm bếp, rửa chén, lau nhà ấy mà. Lớn hơn một chút là những quyền của Lucien mà tao không có quyền cấm cản như mỗi tuần đi chơi khuya với bạn bè một lần, được tự do coi tất cả các trận hockey khi vào tới vòng play-off . Còn một lô các điều vặt vãnh khác. Chán lắm! Tao chẳng muốn nhớ tới mà chắc mi cũng chẳng muốn nghe.

Chuyện tôi muốn nghe là chuyện khác. Con người hiệp sĩ giữa đàng thấy chuyện bất bình chẳng tha trong tôi nổi dậy. Chẳng tay kiếm tay cung gì được nhưng ít nhất cũng đòi cho ra cái quyền bình đẳng. Tôi xăn xổ tiến tới.

- Thế còn mi có những quyền gì?

Sabrina èo uột xuội lơ.

- Tao có đòi gì đâu!

Phật chán chường. Tôi cố vớt vát thứ chính nghĩa đang tuột dốc.

- Thế sao lại đi tới ly dị?

- Tại vì thằng Vincent!

Mặt tôi đơ ra. Cứ như một khúc phim đang ngon trớn bỗng nhiên

máy chiếu ngừng chạy để lại một tấm hình chết đứng trên màn ảnh. Miệng há hốc, mắt trợn trừng, tai dựng đứng, thần sắc như dọa nạt người trước mặt.

- Thằng Vincent? Tại sao lại thằng nhỏ dễ thương đó?

- Tại tao cưng nó quá!

- Thì tao cũng cưng thằng nhỏ con tao vậy! Đẻ con ra, nhất là con đầu lòng, mẹ nào mà không thương. Tội vạ gì chuyện đó?

- Tại vì chồng mi không ghen.

Cứ như là Sabrina vừa giật cả túm tóc tôi lên. Người tôi dựng đứng.

- Ghen?

- Chứ sao! Tao xoắn xuýt với thằng nhỏ quá không săn sóc thằng lớn mới ra chuyện.

Tôi tuyên phán như một quan tòa.

- Cái thứ người như vậy dẹp qua một bên là phải. Mi bỏ liền như vậy là đúng.

Sabrina như châm chọc tôi.

- Tao có bỏ liền đâu. Lucien hắn bỏ tao trước đấy chứ!

Tôi thất vọng nhìn con nhỏ. Tìm đâu ra nơi nó một chút lửa cho vừa lòng tôi. Dù sao, làm chung với nó, tôi cũng phải dựng nó dậy.

- Hiền như mày, xinh như mày thiếu gì người ưa. Cứ ngẩng đầu lên mà sống rồi thế nào cũng có đứa quì xuống xin bàn tay mi cho coi. Tin tao đi. Tao không phải là đứa không biết nhìn người. Hậu vận mi sẽ khá. Tao chắc như vậy!

- Tao chán mấy thằng đàn ông lắm rồi. Trăm thằng chẳng được một thằng!

Đã lỡ trớn, tôi bơm thêm cho Sabrina.

- Mi nói thế. Ngon lành như mi mà không kiếm ra được một thằng ra hồn sao?

Tài bơm của tôi chắc cũng vào loại khá. Sabrina nheo mắt với tôi.

- Có một thằng ra hồn thì mi chớp làm của riêng mất tiêu rồi còn gì nữa!

Tôi nhoài người đấm vào vai Sabrina.

- Tới lượt tao ghen ạ!

Tôi nghĩ tới Hưng với cu Mỹ ở nhà. Cuộc đời tôi đó. Ba mái đầu dưới một mái nhà an bình làm thành một nơi chốn lúc nào tôi cũng muốn về. Sabrina cũng có một mái nhà như vậy nhưng là một căn nhà không có ngọn lửa trong lò sưởi trong những ngày đông giá. Ly dị nhau nhưng nó và Lucien vẫn ở trong nhà cũ, phòng ai nấy ở, phận ai nấy lo, rủi có đụng đầu nhau thì lơ đi hoặc chào hỏi qua loa như hai người hàng xóm không

được lòng nhau lắm. Đối với tôi, đó là một điều kỳ cục nhưng Sabrina tỉnh bơ giải thích lý do. Nhà mới xây rất tốt nhưng ở vào một khu khó bán, treo bảng bán chỉ có một người duy nhất tới coi mà chẳng thèm trả giá. Thực ra nếu muốn bán rẻ cũng có thể nhờ nhân viên địa ốc bán được nhưng lỗ quá thì cả hai không muốn. Đành chia nhau mà ở!

- ở như vậy mà mi ở được à?

- Có gì đâu mà không được? Mi không thấy người ta share phòng với người lạ hoắc còn được nữa à?

Câu hỏi của tôi được Sabrina trả lời bằng hai câu hỏi ngược lại. Con nhỏ này đâu có phải vừa! Tôi cũng đâu có chịu cái lối so sánh của nó.

- Chẳng thà là người lạ! Đằng này, đã từng ăn ở với nhau, khác chứ.

- Tao cũng coi hắn như người lạ, có khác gì đâu!

Sabrina nói bằng cái giọng ráo hoảnh. Thiệt tức con nhỏ này! Khác như vậy mà nó khăng khăng không khác. Đã ly dị nhau thì ít nhất đã nhìn thấy cái xấu của nhau, đâu còn muốn nhìn mặt nhau nữa. Thậm chí, tôi còn nghĩ là có thể phải thù hận nhau nữa. Đàn ông không nói làm gì, nhưng đàn bà, một khi ly dị là coi như bị lỡ cả cuộc đời. Cái chén bể đôi, dù có được gắn lại khéo léo đến đâu đi chăng nữa, vẫn là cái chén bể. Huống chi chẳng gắn ghiếc gì cả. Đau thất thần như vậy mà vẫn tỉnh bơ được mới là kỳ quái. Tôi soi mắt Sabrina xem có chút kỳ quái nào trong đó không. Đôi tròng mắt nâu lạnh tanh. Mắt tôi đen ấm. Làm sao có cái nhìn giống nhau được. Tôi tinh quái xỏ xiên.

- Tao hiểu ra rồi. Dám vợ chồng cũ không rủ cũng tới lắm!

Miệng tôi như nói thay cho mẹ tôi. Lối nói của bà đã nhập tâm trong tôi. Sabrina phắt ngẩng đầu lên, phác ra một nụ cười thú vị nhìn tôi.

- Mi nói chi vậy?

- Thì như mẹ tao hay diễn tả kinh nghiệm của tổ tiên tao, đã từng là vợ chồng, nếu có cơ hội, thường xáp lại nhau.

Sabrina phá cười lớn.

- Mi có lối phê phán sự việc bằng những câu nói ngộ nghĩnh thiệt! Nhưng tao hỏi thật mi nhé, xáp là xáp thế nào?

- Có thể là xáp luôn, cứ như là... gương vỡ lại lành.

Sabrina xẹt vô.

- Mi lại nói theo mẹ mi phải không?

Tôi bị bắt trúng phóc chẳng chạy đi đâu được.

- Mi tinh thật. Tao cứ mở miệng nói...chữ nghĩa một chút là mi biết tao nói theo mẹ tao. Mà có đúng vậy không?

- Không đời nào! Làm sao tao có thể trở lại với Lucien được? Bây giờ tao...lớn rồi chứ bộ! Đâu có dại nữa.

- Vậy thì có thể mi xáp theo lối...du kích!

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là xáp vào rồi buông ra ngay.

Tôi tưởng câu nói hóm hỉnh của tôi sẽ hái được tiếng cười của Sabrina nhưng nó ngồi im, mặt chình ình, cả mắt lẫn miệng thẫn thờ xa vắng.

- Có thật mi ạ!

Tôi tủm tỉm cười đắc thắng. Cứ như anh thày bói chuyên nói dựa bỗng được thân chủ gật đầu xác nhận là trúng phóc. Nụ cười của tôi chắc tanh banh vẻ chế giễu làm Sabrina nhột nhạt.

- Mi nghĩ gì vậy? Tao thừa biết đang có gì trong cái đầu lắm chuyện của mi. Chuyện xảy ra không phải như mi nghĩ đâu. Chẳng có gì mùi mẫn cả mà như một thương vụ của hai nhà buôn nhiều tính toán vậy thôi.

Tôi sững người. Mắt tôi ngơ ngác tròn.

- Bây giờ tới lượt mi nói gì tao không hiểu.

Sabrina bối rối lựa lời.

- Chắc mi không biết là khi ly dị tao mới chỉ có thằng Vincent thôi.- Tôi ngạc nhiên lắc đầu chờ đợi- Sau đó tao cảm thấy cô đơn quá nên tính toán tham lam. Đời tao không thân thích xa gần nên sợ cô đơn quá rồi. Hai mẹ con chắc không đủ tạo nên một gia đình, tao muốn có thêm một đứa con gái nữa. ít ra phải ba người trở lên mới được, tao cảm thấy như vậy. Tính tao, mi biết đấy. Nghĩ là làm. Một buổi tối, tao nốc một ly rượu mạnh, tìm Lucien đề nghị hắn cho tao một đứa con nữa. Rồi tao có con Isabelle!

Tôi chẳng ngờ nói giỡn chơi loanh quanh lại bật ra một tiết lộ khá bối rối cho cả tôi lẫn Sabrina. Căn phòng im phăng phắc. Nếu có con ruồi chắc mặc tình lên tiếng vo ve. Tôi nhìn quanh chờ đợi một tiếng động làm giãn ra bầu không khí ngột ngạt lạnh ngắt. Chỉ có cái điện thoại có thể lên tiếng nhưng nó nằm ngủ ngon lành. Tôi muốn đứng lên kêu cho Hưng nói chuyện với vẩn nhưng không nhấc được người lên khỏi ghế. Chịu không nổi, tôi đâm ra thiếu tế nhị.

- Mi làm như vậy được sao?

Sabrina nhướng mắt nhìn tôi, giọng bất cần.

- Có gì mà không được? Còn hơn là nằm ngửa với một thằng đàn ông xa lạ! Dù sao, với Lucien vẫn được hơn. ít nhất hai đứa con tao cũng có cùng một cha!

- Lucien hắn nghĩ sao?

- Có gì đâu mà nghĩ! Cầm bằng như hắn đi chơi điếm không tốn tiền vậy!

Sabrina cay đắng đến tàn nhẫn. Tôi bỗng giận sự vô ý của mình, ngồi

Lô Cốt

LÊ THỊ HUỆ

Tôi lớn dậy cùng những lô cốt chắn đường
Tử thủ phố phường ướt những đêm kinh con gái
Máu chảy lai láng trong bản tin chiến trường buổi sáng
Những xác lính tuôn tràn từ lằn kẽ dưới da

Lô cốt! Lô cốt! Những hàng rào kẽm!
Gai đâm ngang mặt trời quê hương chiến tranh
Tôi không được biết mùi hương của nụ hoa chanh
Nở cốm xanh trời Việt Nam những trưa hè lưu tán

Chỉ thấy bóng đàn ông bọc sắt đi ngang cửa nhà
Những tên chiến thầu viết trên những biểu ngữ hoa
Hồ Chí Minh Nguyễn Văn Thiệu Kennedy Kissinger
Thay phiên hiếp dấu hai mươi trang sử ký đời tôi

Họ để lại những lô cốt những cái bướu trâu
Mọc u óc khắp tử cung tôi thời hậu chiến
Chúng nổi tự bao giờ làm sao tôi hiểu thấu
Những lô cốt còn lại từ một cuộc chiến tranh

thờ thẫn lười biếng nhấc tay nhấc chân. Sabrina uể oải lấy áo khoác ra về. Bữa nay tới lượt tôi tắt đèn đóng cửa. Với tay bấm từng nút điện, tôi chậm rãi như người mới đau dậy. Tiếng giày của Sabrina e dè từng bước ra cửa. Tôi nhìn theo. Sabrina đưa tay lên ra hiệu chào. Cái vẫy tay của nó nghe ra như cũng biết buồn.

Bên cạnh một lá thư

Trúc Chi

Loay hoay vậy mà lại đã thêm một mùa thu nữa rồi. Sương sớm của một buổi chiều chớm lạnh đã nhắc cho những bà mẹ bận rộn bếp núc rằng không còn để cho lũ trẻ cứ mặc quần cộc rồi đánh trần ra mà nô đùa được nữa ở cái sân rộng phía sau nhà. Những đấng hiền mẫu trẻ tuổi trong cái khu chung cư này đã mặc cho chúng một cái quần dài, một chiếc áo ấm. ở đây, bếp chiều không tỏa khói. Nhưng mà mùi xào nấu hẳn ấm lòng cho những người chồng lúc về đến nhà sau một ngày kiếm sống. À mà có lẽ chưa hẳn là nhà nào cũng vậy. Bởi vì sáng sớm hôm nay, không hiểu bất bình chuyện chi mà anh thợ tiện người Đại Hàn hầm hầm đóng cửa xe đánh rầm một cái rồi phóng nhanh ra đường, mặt đầy nộ khí. Tưởng nét mặt của Kinh Kha lúc giã biệt thái tử Đan mà qua sông Dịch có giận dữ cũng đến thế là cùng. Mà cũng không thấy người vợ cầm cái hộp nhựa đựng phần cơm trưa cho chồng như thường lệ. Ra đi cái kiểu đó thì khi về nhà chưa chắc đã vui gì. Chắc cũng cần phải có một loại đàm phán sơ bộ nào đó trước khi ngưng bắn thật sự, không phải ngưng bắn theo kiểu hiệp định Paris năm 1972. Nhưng mà một mâm cơm dù đạm bạc đi nữa, mà lại được cái tình vợ chồng, cái nghĩa phu thê nó chăm chút cho chu đáo, kể cũng đủ dẹp một trận phong ba nhất thời. Cứ nghĩ vậy cho nó đẹp. Cho lòng mình nó dịu xuống theo cái lành lạnh của một ngày chớm thu.

Tôi ngồi vào bàn chiều nay với ý định viết nốt thư trả lời cho một bức thư khá dài, một bức thư thuộc vào loại "tâm sự" của một người bạn gái. Nếu bà hầu tước de Sévigné sống ở thời buổi điện thoại và E-Mail này chắc chắn là bà sẽ không tìm đâu cho ra cái đất dụng võ để mà thi thố sở trường về một cái thể văn vốn rất khó viết cho hấp dẫn - loại thư tín. Ai có thì giờ đâu mà đọc cho hết những bức thư dài hàng chục trang. Nhấc cái ống nói lên phỏng có gọn hơn hay không. Bấm một cái nút gửi điện thư có

phải nhanh hơn hay không. Thành ra bức thư dày cộm của Hoài, tên bạn tôi, đã làm tôi hơi ngạc nhiên. Mà cái tình bạn giữa Hoài và tôi, nó không cho phép tôi thăm hỏi qua loa xuyên qua đường dây điện thoại, để rồi lại lí nhí mấy tiếng cám ơn bạn đã bỏ ra rất nhiều thì giờ mà viết một bức thư dài cho mình. Cho nên tôi đã viết thư trả lời. Bức thư ấy, tôi bắt đầu cách đây đã hai tuần lễ mà rồi công việc lu bu, hết chuyện này đến chuyện khác,

không tài nào viết cho xong được.

Chỉ có một bức thư cho bạn mà cứ dềnh dàng mãi không xong thì những chuyện khác trong đời mình, trọng đại hơn, làm sao hoàn tất được. Tôi đã tự hỏi tôi như vậy, nhưng mà rồi, nghĩ lại, ngoài cái chuyện tự dằm mình trong biển thanh sắc để mà say sưa cho trọn cái kiếp một con người trót mang nhiều hệ lụy với một cái tuyệt đối nào đó mà chính tôi cũng không rõ, ngoài chuyện ấy ra, hình như mọi chuyện đối với tôi là thứ yếu cả. Tôi vốn không phải là một người mất ăn mất ngủ vì quá lo cho tương lai của nhân loại. Cái nhân loại có Paul Cézanne, có Johann Sebastian Bach, có Nguyễn Du, có Trang Tử, rồi cũng cái nhân loại ấy, chở đủ mọi thứ bênh hoạn trong đầu óc cũng như trong cơ thể, cho đến nay có vẻ như nó vẫn tự lo cho nó một cách đầy đủ, không cần đến tôi.

Hoài ơi,

Chậm trả lời thư cho Hoài vì nhiều lý do trong đó có cái tính làm biếng viết thư của tôi. Mà cũng vì một đôi điều khó nghĩ mà tôi chưa biết nói ra sao cho nó tiện. Về những điều Hoài hỏi tôi trong thư, tôi không thể vòng vo Tam Quốc mà tránh né hoặc tìm cách khéo léo mà nói quanh. Chỉ nó một cách thôi: đó là thành thật mà trực diện nhìn thẳng vào vấn đề rồi cũng thành thật mà trình bày nhưng gì tôi nghĩ Hoài nên làm đứng trước một tình huống khó xử.

.....

Bây giờ là gần mười ngày sau khi tôi viết những hàng trên đây.

Trong mười ngày đó, kể như hôm nào tôi cũng nghĩ đến chuyện cháu Chuyên, đến nỗi khổ tâm của Hoài. Nghĩ đến thì có, nhưng mà không hề lý luận gì với chính mình để tìm ra một giải đáp cho cái bài toán mà Hoài nói rằng Hoài và tôi cần phải chung sức may ra mới làm xong được. Hoài ơi, tôi biết cháu Chuyên quí tôi vì nó hợp với tôi, mà một phần cũng vì nó biết tôi là bạn thân của bố nó. Nhưng mà...

Vừa đọc lại bức thư bỏ dở mà tôi viết cho Hoài, tôi sực nghĩ rằng mới mươi hôm trước đây, nóng ngồi không xuống. Cái thềm xi-măng trước nhà đến tám chín giờ tối rồi mà còn hắt lên cái bao lơn nhà tôi từng đợt

hơi nóng hâm hấp. Vậy mà bây giờ mấy cành trúc bên khung cửa sổ không còn nhún nhẩy nữa. Lá ẩm hơi sương rồi, trọng lượng không đáng kể của một làn hơi sương mỏng vậy mà cũng đủ điểm cho những chiếc lá trúc già một chút ủ ê.

Nhìn lên tờ lịch treo trên tường, tôi sực nghĩ rằng thư của Hoài, tôi nhận được đã hơn hai tháng, mà bây giờ mới trả lời. Không phải tôi lơ là với tình bạn của chúng mình đâu Hoài ơi. Mấy ai đã dám dửng dưng với những gì đã từng để lại trong lòng mình đôi niềm vui dịu nhẹ, dăm chút hân hoan mong manh.

Hoài ơi, ở lớp tuổi Hoài với tôi, tôi nghĩ rằng chúng mình đã từng sống với khá nhiều biến cố trong một đời người. Hai chữ "biến cố" nó hàm một cái ý thông thường, chỉ những đổi thay bất ngờ mà đột ngột. Mà có cái đổi thay đột ngột nào mà không tạo ra chút mất mát cho một số người, dù có hay không liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với biến cố, nhất là những người hứng chịu hậu quả của biến cố mà không có phương tiện hoặc khả năng mà chống đỡ.

Tôi đã nghĩ như vậy khi nhớ đến cái buổi chiều mà Nhân, Hoài và tôi đứng nấp mưa bên thềm một ngôi nhà của một người Pháp gần Petit Lycée, trên con đường dẫn vào suối Cam Ly. Nhân đã chỉ vào đàn kiến lửa đang tha trứng lũ lượt bò ngược lên cái cột xi-măng ngoài hiên mà đùa rằng "sở khí tượng của loài kiến vốn nổi tiếng là giỏi vậy, mà cũng không đoán trước được cơn giông chiều nay. Coi, chết cả đống."

Hôm ấy, cơn giông chiều của miền Hoàng triều Cương thổ dù khiến cho áo quần chúng mình ướt hết, mà chúng mình vẫn vui, vẫn huyên thuyên đùa giỡn. Bởi vì ngày ấy, chúng mình còn trẻ lắm. Bởi vì Hoài và Nhân đang yêu nhau. Bởi vì, như về sau này tôi đã từng kể cho Hoài nghe, Hoài cũng là một trong vài cái bóng nó loáng thoáng ẩn hiện trong những bài thơ mà bây giờ tôi đã quên hết, nhưng mà có nhớ, chắc phải lấy làm mắc cỡ vì chữ nghĩa non nớt của tác giả. Bởi vì tiếng đàn dương cầm rộn rã của người đàn bà Pháp lọt qua khung cửa sổ đã được đóng kín, cũng vô tình mà đệm cho chuỗi cười trong trẻo của Hoài sau một câu nói đùa Nhân mà nay tôi đã quên mất.

Giọng cười của Hoài hôm ấy đã khiến tôi nghĩ đến người thiếu nữ trong một chuyện ngắn của Tourguenev, trong quyển sách mà Hoài cho tôi mượn hồi đầu niên khóa năm ấy, quyển Histoires d'Amour. Thật ra, những quyển sách có những bức thư kẹp trong đó mà Hoài gửi cho Nhân, có bao giờ tôi hỏi mượn Hoài đâu, nhưng mà mỗi lần nhờ tôi đưa thư cho Nhân, Hoài vẫn e lệ nói: "Cho anh mượn đó, đọc đi, hay lắm." Chắc chắn là Hoài vẫn còn nhớ những bức thư ấy. Nhưng mà xa lắm rồi Hoài

ơi, những bóng dáng của mấy quyển tiểu thuyết diễm tình ấy, và cũng xa lắm rồi, tôi nghĩ vậy, những rung động của mùa cũ trong lòng Hoài, trong lòng những thiếu nữ chưa "theo chồng mà bỏ cuộc chơi", như câu thơ nọ của Hàn Mặc Tử.

Lũ kiến của chiều giông hôm ấy đang khiến tôi nghĩ đến một câu chuyện không ăn nhập chi với những điều mà tôi định nói với bạn tôi trong bức thư này. Dẫu sao thì Hoài và tôi, bạn bè chúng tôi cũng không khác chi lũ kiến đó cho lắm.

Tháng sáu năm 75, chân ướt chân ráo chạy sang Paris, tôi đã gặp một người quen biết với gia đình tôi, lúc bấy giờ đang giữ một chức vụ khá cao cấp trong bộ máy hành chính của Hà Nội. Nghe tôi thuật lại cái chết của một người bạn đồng liêu của ông từ cái hồi ông còn là một vị đường quan của chính phủ Nam triều, lương có kém những người "ăn ngạch Tây" bên phía Nhà nước Bảo hộ, nhưng đàng nào thì cũng là một vị "dân chi phụ mẫu", ông đã hạ một câu mà tôi không tài nào quên được:"ừ thì trong buổi giao thời, cái số người bị giết như vậy, bao giờ cũng có!" Đồng ý. Mỗi một cái là giữa tôi và bậc phụ chấp ấy có một sự khác biệt trong cái lối nhìn. Cái chết của một ai đó, riêng đối với tôi, vẫn là cái chết của người đó, nó không có thể chỉ là một phần của một tổng số nạn nhân.

Và qua những biến cố trong mấy chục năm vừa qua trên quê hương, tôi nghĩ rằng, Hoài và tôi, hai cuộc đời trong cái số thành của bài toán trừ khủng khiếp đẫm máu và chất ngất hận thù ấy - có lý luận, có ngụy biện, có quỷ biện cách nào đi nữa thì hậu quả của một cuộc nội chiến nào đó bất cứ ở một nước nào cũng chỉ có thể là một bài toán trừ thôi - chỉ còn chút tình đối với nhau là đáng nâng niu. Cho nên, tôi chậm trả lời thư cho Hoài không phải vì hững hờ với Hoài, lơ là với tình bạn mà chính vì tôi không muốn tình bạn của chúng mình lại bị suy suyển đi nếu tôi không thành thật với Hoài.

Tôi đánh diêm thắp cái tẩu thuốc để mà xếp đặt những điều tôi sắp sửa nói với Hoài, nhưng mà không được. Bởi vì, qua làn khói thuốc đang tan dần vào lớp sương mỏng của một buổi chiều chớm thu, cái loại thời tiết thường vẫn có cái ma lực dìu mình về với chuyện cũ, với người xưa, bóng dáng của Hoài trong nhiều lần gặp lại nhau kể từ khi rời trường, gặp lại nhau ở Đà Lạt, Sàigon, Huế, Paris, San Francisco, bóng dáng của Hoài đang trở về từ một cõi chết sống động, cõi chết sống động ấy, Hoài ơi, chính là cái quá khứ mà lúc đầu, khi ngồi vào bàn, tôi muốn ôn lại cho đầy đủ để viết thư này cho Hoài. Nhưng mà tôi chợt nhận ra rằng, không

cần phải cố gắng chút nào cả, mà tự nhiên Hoài, Nhân và tôi, ba cái ảo ảnh ấy của ngày trước cứ thi nhau mà tỉ tê trò chuyện, mà đùa giỡn với nhau, mà làm cho tôi tiếc, tôi nhớ, tôi buồn, tôi vui.

Tôi thấy Hoài, với dáng đi nhún nhảy của một thiếu nữ mạnh khỏe, chân bước cứ như là có lò xo, thoăn thoắt ẩn hiện qua những gốc thông già trên sườn đồi phía sau trường. Tôi thấy cô dâu Hoài rạng rỡ với chiếc kiềng chạm trên màu đỏ tươi của áo cưới, bên cạnh một anh chàng Nhân, cũng hân hoan không kém, súng sính trong bộ khăn đóng áo dài. Tôi thấy nét buồn buồn của Hoài vài năm sau ngày cưới, mỗi lần Hoài tâm sự với tôi về cuộc sống chung đôi của Hoài và Nhân. Chuyện Hoài và Nhân "hết yêu nhau", ngày ấy, tôi chỉ làm thinh mà nghe Hoài nói, tôi không hỏi làm chi, dù rằng trong bụng, thật tình hết sức tò mò muốn biết rõ hơn nữa. "Tôi cũng không hiểu tại sao mối tình của chúng tôi, đẹp như vậy mà chỉ mới có ba năm đã ra thế này." Tôi thấy cái vẻ băn khoăn của Hoài những khi Hoài kể cho tôi nghe cái lạt phai của những gì là đằm thắm nhất trong mối tình mà ngày ấy bạn bè cung trang lứa đều cho là "lý tưởng".

Đọc lại bức thư dài của Hoài chiều hôm qua, tôi đang cố tưởng tượng ra dáng Hoài ngồi bên khung cửa sổ cạnh bàn viết của Hoài, cái khung cửa sổ mà đã có một lần tôi tỳ tay vào đó mà nhìn xuống hàng cây platane có những nhánh lá đã bắt đầu thay màu vào một ngày thu cũng đã xa lắc xa lơ. Chén trà Thiết Quan Âm mà Hoài pha cho tôi hôm ấy lạnh ngắt tự bao giờ, vậy mà vừa nhìn mấy người bộ hành đã bắt đầu co ro trong lớp áo ấm, tôi đã nhấp cạn để thấy rằng cái hương cái vị của một loài lá dại có kích thích tố của thiên nhiên, vẫn còn dịu, còn ngọt. Hình như trà nó khác cà phê ở cái điểm đó. Có những tách cà-phê, dù là hột cà phê arabica thượng hạng, vì nguội mà bị bỏ dở. Bởi vì, có dốt lòng mình đến mấy đi nữa, hương của nó cũng không còn mà vị thì chua, thì đắng. Còn chén trà nguội mà người ta uống nhanh trước khi ra về, trước khi chia tay, luôn có cái dư vị quyến luyến của nó, dù chát mà vẫn ngọt..

Nhớ đến tách trà, buổi tái ngộ đầu tiên sau tháng Tư năm 75 ở Paris tự nhiên mà tôi thấy Hoài đẹp lạ lùng. Nét cười xinh xắn tự những ngày Hoài mới có 17, 18 tuổi, để lộ hàm răng trắng đều, cái nét cười ấy hơn hai mươi năm sau tôi vẫn còn thấy trên làn da ngăm ngăm đen của Hoài lúc ấy đã loáng thoáng vết tích của ngày tháng. Nhìn bức thư mà tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần, tôi hình dung ra được cảnh một người đàn bà đang tâm sự với một người bạn - qua giấy mực lẽ tất nhiên - ở vào cái lúc mà năm đã hồ hết, vào cái lúc bóng chiều của cuộc đời đang nghiêng nghiêng trên cái thao thức của một chuyện tình không trọn vẹn, một cuộc đời không hẳn là đầy gian nan trắc trở, nhưng mà cũng không lấy gì làm song suốt

lắm, hình ảnh ấy của Hoài ngồi viết thư bên khung cửa sổ nhìn xuống một con đường nhỏ của thành phố Paris đang bắt đầu run rẩy theo những đợt gió lạnh đầu mùa đã khiến tôi phải tạm gác chữ nghĩa sang một bên, để tự rót cho mình một ly rượu mạnh. Tôi đang cần một chút men rượu để mà say thêm, để mà ngây ngất với một thoáng rung cảm.

Bởi vì, cái hình ảnh ấy riêng đối với tôi, nó đẹp vô cùng. Nó đẹp hơn cả cái người giai nhân đã "vương vấn nợ thi nhân" nữa. Tôi chủ quan mà cho rằng người con gái bên khung cửa của Lưu Trọng Lư chưa từng đau khổ, mà Hoài thì đã từng khổ đau. Cái đẹp của một thiếu phụ từng khổ đau nó thấm thía lắm đối với tôi, một người có đủ cái ê chề bầm dập trong cảm xúc, trong suy tư của mình để mà thấy rằng chỉ có những chuỗi cười dòn dã của ngày lên đường mà bước vào cuộc đời, cuộc sống là trọn vẹn một niềm vui, còn thì....Tôi chưa bao giờ mê Kiều vào cái hồi người con gái họ Vương này mới đến tuần cập kê, nhưng mà tôi vẫn tự để cho mình đắm đuối theo cái nhan sắc của người đàn bà đã đủ bình tĩnh, sau mười lăm năm sóng gió, để nhìn thẳng vào những bất trắc và bất hạnh mà mình đã từng kinh qua trong cuộc sống, nhìn thẳng vào lòng mình mà tỉ tê với người tình cũ rằng còn chi là cái hồng nhan. Mà người tình cũ lúc ấy cũng không còn nghĩ đến làn nước mùa thu, dáng núi ngày xuân trong đôi mắt, trên đôi mày của Kiều nữa mới thốt ra được cái câu "trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa". Đậm đà lắm Hoài ạ.

Bởi vì, quen thân nhau cũng đã mấy chục năm nay, Hoài biết rõ tôi lắm rồi. Và hẳn Hoài cũng dư biết rằng, cứ mỗi lần có một chút đẹp nó len vào tâm hồn tôi, vào rung cảm của tôi, là tôi lại muốn sống cho trọn vẹn, cho chung thủy với nó. Cả một cuộc đời tôi, tôi vẫn chạy theo ảo ảnh - mà dĩ nhiên, mình không bao giờ nắm được ảo ảnh - của cái Đẹp. Tôi muốn say sưa với nó, tôi để cho nó ray rứt, cấu xé tôi, dằn vặt tôi, tôi muốn đi cho đến chỗ tận cùng của cái Mỹ, mà rồi thành ra đôi khi quá lơ là với cái Thiện và cái Chân. Say mê nó đến độ lắm khi quên béng đi cả cái khoản sơ đẳng nhất của cái luân lý đạo đức trong cách xử thế thường nhật của chính mình.

Cái thứ rượu vodka này của người Ba Lan, thường đã nồng và cay, giờ này lại đậm đà lắm. Bởi vì nó đang đưa tôi về với một buổi chiều hè trong một quán rượu ở đường Montparnasse, có Hoài, có tôi, có nhiều mất mát. Vẫn biết, như câu chuyện cũ trong sách giáo khoa, mình mất người khác được, nhưng những thứ mà Hoài và tôi từng bị đời cướp mất, lại không ai buồn lượm cả. Thành ra cái buổi hội ngộ sau tháng Tư 75 ấy, nó nhuốm một chút bùi ngùi, đượm một chút chua chát.

Hôm ấy là lần đầu tiên Hoài nói thật với tôi rằng Nhân quyết định ở lại Việt Nam, không phải vì Nhân thích "bên kia" như tôi vẫn tưởng, mà chính vì Nhân không thể xa người đàn bà ấy, vốn cũng là bạn của tôi. Trong cái nháo nhào, trong cái tuyệt vọng của số đông vào cái ngày 30 tháng Tư năm ấy, có hai tâm hồn tự tách rời ra khỏi những biến cố trọng đại của lịch sử để mà xây một cái tổ ấm trên cái đống tro còn nóng của một thời khói lửa. Kể cũng can đảm. Mà cũng đẹp chứ không phải không. Cái anh chàng Nhân bạn học của tôi, tôi nghĩ mà thương. Ngày còn thanh niên, Nhân vui vẻ, hay đùa giỡn, trêu thầy, chọc bạn. Ra đời nhờ bẩm sinh thông minh lanh lẹn, lại thành công sớm trong ngành thầu xây cất. Tôi biết rõ Nhân lắm, con người hoạt bát và lịch lãm ấy hẳn không phải là không nát óc, không nát ruột khi phải chọn giữa bên vợ và bên bồ. Tôi nghĩ đến những vở kịch thời cổ bên Hy Lạp mà cốt chuyện được dựng trên cái xung đột nội tâm của nhân vật chính. Tôi nghĩ đến cái dằng co giữa Hiếu và Tình, giữa Trung và Hiếu trong một đôi tuồng hát bộ.

Phải rồi:
Song phủ cứu lai chánh hậu
Ngửa vái trời soi thấu lòng ngay
Xót thân hổ với cao dày
Phơi gan giúp chúa, chau mày phụ cha

Xót xa lắm chứ. Tôi còn thấy được hình ảnh khổ đau của nhân vật này trong tuồng Sơn Hậu, nếu tôi không lầm, đôi lông mày nhíu lại cơ hồ chỉ còn có một đường ngang dưới trán, hai tay dang ra với một vẻ sững sờ hầu như là tuyệt vọng khi kẹt trong một cái thế lưỡng nan: giết cha hay là phò chúa. Vậy nhưng mà trong lòng những con người thời trước, có cao dày, có trời đất chứng giám cho, còn ở trong lòng người bạn hiền mang tên Nhân, mà tôi biết là không tin ở một đấng nào trong cõi siêu hình cả, động cơ nào đã thúc đẩy anh đi đến quyết định bỏ Hoài mà ở lại với người đàn bà rất tài hoa kia? Hình như nó là cái chữ Tình thì phải. Chữ Tình mà người đời trước đã tự hỏi xem nó là cái chi chi!

Rắc rối mà đặt vấn đề chơi cho vui vậy thôi, chớ tôi biết Nhân lụy Mỹ Phụng, tên người vũ nữ và nghệ sĩ tài hoa ấy, cũng dễ hiểu. Người đàn bà ấy mỗi lần bước ra vũ trường mà để cho đôi chân thon dài dập dìu trên sàn nhảy, để cho cái thân hình mềm mại uyển chuyển uốn theo từng nhịp của một bản tango hay một bản valse, mỗi lần như vậy thì toàn thân Mỹ Phụng là cả một tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Một lần, đêm cũng đã về khuya, trong vũ trường chỉ còn lơ thơ vài cặp ngồi nán lại mà nói chuyện gẫu trước giờ giới nghiêm ở Sàigòn, tôi đã bật cười về cái lối nói bạo mà nhí nhảnh của Mỹ Phụng:

"Em biết nhảy trước khi biết đi. Mà hình như anh Nhân cũng vậy, phải không anh?"

Hôm ấy, Nhân chỉ mỉm cười, lẳng lặng kéo Mỹ Phụng ra sàn nhảy mà "đi" hết đoạn cuối một bài slow rất tình tứ. Họ nhảy thật là nhịp nhàng, bốn gót chân ấy như lơi lả mà gắn lấy nhau, nói rằng định mệnh buộc bốn bàn chân ấy vào nhau kể cũng không sai lắm. Bởi vì bước chân của họ chập chờn ẩn hiện trên hầu hết các tiệm nhảy ở Sàigòn trong khoảng mấy năm trời như cái bóng dáng vô hình của một sự an bài trong đó họ không đóng vai chủ động.

Đã vậy, Mỹ Phụng lại còn mang trong người một giọng hát rất ngọt. Cái hôm Mỹ Phụng thốt ra câu nói đùa mà tôi ghi lại trên đây và vào lúc mà nét mệt mỏi đã hiện rõ trên nét mặt, trên động tác, trong hơi thở của mấy nhạc công ngồi gần sân khấu, Mỹ Phụng đã vì tôi mà hát một bản nhạc ngoại quốc có lời ca tiếng Việt. Khó mà quên được cái dáng hơi chán chường mà Mỹ Phụng đã cố tạo khi nghiêng đầu cho mớ tóc rủ xuống để mà tô một nét khá ê chề vào cái câu... "đời ca hát ngày tháng cho người mua vui...đời son phấn làm mất bao ngày thơ ngây"...Vào cái hôm mát trời ấy của một thành phố Sàigòn đang đi vào một giấc ngủ chập chờn có tiếng đại bác ì ầm từ xa vọng về thay cho tiếng trống điểm canh thời trước, lúc rời tiệm nhảy tôi đã phải thở mạnh một hơi mươi cái tiếp để mà lọc không khí trong buồng phổi đầy khói thuốc lá và hơi men, mà cũng để xua đuổi luôn một đôi ý nghĩ chán nản vô cớ sau khi để cho lòng mình mềm đi vì lời ca, vì giọng hát của một người vũ nữ có cái duyên rất đậm đà ở trên đôi môi, những khi người ấy nở một nụ cười nửa mời mọc, nửa khiêu khích. Mê khiêu vũ như Nhân thì Nhân và Mỹ Phụng mê nhau cũng là phải. Có vẻ như cặp giò dẻo dai của Nhân đã tìm được một người bạn đồng hành đồng điệu trong đôi chân lả lướt của Mỹ Phụng, và đảo lại. Thôi thì cái số của hai người nó xui ra vậy. Trong văn minh và văn hóa nước mình có cái anh "số" này thật quả là được việc. Hoàn cảnh, tình huống nan giải, phức tạp đến mấy đi nữa mà cứ gọi cái anh "số" này ra là hầu như được đa số chấp nhận ngay, dù lắm lúc không tán đồng.

Rồi thì đến bây giờ, hơn hai mươi năm sau, Hoài, bạn học của tôi, bạn của tôi từ những ngày vô tư nay đã đi biệt mù tăm như cánh hạc vàng trong bài thơ cổ nọ, nay lại viết cho tôi một bức thư dài giọng đầy mệt mỏi - cái mệt mỏi của những người đã từng phấn đấu nhiều - để hỏi ý kiến tôi về phương thức đối phó với một tình huống khó xử: Chuyên, con đầu lòng của Nhân và Hoài, hiện đang mê một người gái nhảy (chữ của Hoài, tôi viết rõ ra như vậy vì thật tình tôi vẫn thích hai tiếng vũ nữ hơn.) ở tận bên Hương Cảng. Hoài viết thư cho mà...vấn kế trong cái mục tiêu kéo lại

đứa con trai mà Hoài cho rằng Hoài sẽ mất luôn nếu cứ để cho "hai đứa nó lấy nhau."

Hoài ơi, tôi hiểu cái tâm trạng một người đàn bà bị chồng phụ, kỳ vọng vào tương lai của đứa con mà Hoài đã hy sinh nhiều trong những năm khó khăn lúc đầu mới chạy sang Pháp để lo cho nó có được một tương lai sáng sủa, sáng sủa hơn là những ngày tháng cực nhọc của Hoài trong cái appartement chật hẹp mà Hoài đã từng mời tôi một chén trà Thiết Quan Âm, chuyên ra một cái tách thường vẫn dùng để uống cà phê, vì như Hoài đã thành thật ngỏ cho tôi biết:"Tôi chưa có đủ tiền để mua cho được một bộ đồ trà tử tế."

Chắc Hoài cũng còn nhớ là cái năm cháu Chuyên tốt nghiệp kỹ sư rồi liền sau đó, kiếm ngay được một chỗ làm trong cái công ty xuất nhập cảng mà tôi quên mất tên, tôi đã gửi cho cháu một cái carte mừng và đồng thời, tôi có gửi biếu Hoài một bộ đồ trà. Tôi biết rằng từ những ngày thiếu thốn cho đến năm ấy, chắc chắn là Hoài đã có phương tiện để sắm một bộ đồ trà, nhưng món quà mọn của tôi ,Hoài cũng biết rồi, chỉ là một chút chân tình của một người bạn cũ đối với một người bạn cũ....Năm ngoái, lần ghé sang Hương Cảng, tôi có gọi điện thoại cho Chuyên, rủ cháu đi ăn sáng. Trả lời cú điện thoại hôm ấy là một giọng nữ mà sau tôi biết chính là giọng của Heather Xu, bạn gái của Chuyên. Người Hoa kiều ở Hương Cảng thường vẫn có một cái tên tiếng Anh như vậy, còn họ lại là họ Tô, nếu phát âm theo tiếng Hán-Việt. Và người con gái họ Tô này, cứ như những cái nhìn đắm đuối, những khi xé một miếng dầu cha quẩy mà tiếp cho Chuyên để cho nó đi kèm theo bát cháo đậu hủ nóng của người Hồ Nam, cho nó đúng điệu, thì tôi cũng thừa biết là cái đôi uyên ương này gắn bó với nhau lắm rồi.

Cho nên...

Mà cứ cái điệu này thì không biết bao giờ tôi viết cho xong cái bức thư này. Nói với Hoài như thế nào bây giờ? Viết thư cho Chuyên theo lời của Hoài để mà khuyên người thanh niên si tình này những điều gì bây giờ? Cái giòng máu của Nhân, chảy vào huyết quản của đứa con trai đầu lòng, nó chở nặng cả hàng triệu tế bào mê say khiêu vũ. Tôi uống cạn ly rượu vodka rồi ngồi im mà nghe cái cái tịch mịch của một ngày chớm nó xâm chiếm lòng mình. Biết nói gì bây giờ?❐

Lục bát viết từ Việt Nam

KHOA HŨU

Lời cảm ơn từ Việt Nam

Buồn ơi thương tiếc ta không
máu nhăn trang giấy chữ dòng xương khô
thương thân ta kẻ lưu tù
tiếc thơ ta tiếng bơ vơ giữa đời
mưa lầm nắng hạn chưa nguôi
trăm năm sông lấp bãi bồi chưa yên
lòng ta gan dá chưa mềm
bút thiên bi sử ngọn đèn thiêu thân
buồn ta - như cỏ vô tâm
sớm căng da thú tối câm bóng già
buồn ta, sao nỡ giết ta
tóc bay kim cổ bóng tà huy phai
thơ ta đau những đêm dài
đời ta cát bụi một đời phù sinh

Người ơi ta cảm ơn tình
cảm ơn ta đứng thụ hình hai vai
buồn ơi ta cảm ơn người
mười năm thơ cũng ngậm ngùi cố nhân

Đêm chinh phụ đọc tập Thơ Khoa Hữu

Thơ - như tự thuở can qua
tiếng gươm tiếng dáo trên da thịt này
giấy thơm mùi mực phân thây
tay con lần mở dã gầy bóng con

Hai mươi năm thập tự non
bước đi khổ nhục chưa mòn đá kia
khắc xương trăm họ làm bia
tội chung thiên hạ họa chia đa vàng

Sau đêm chinh phụ

Thơ ta như súng đạn bày
như đêm bạo loạn như ngày động binh
dọc ngang mồ mả bất bình
thuộc da deo cổ hoạ hình đất sâu

Thơ ta chật thế gian sầu
mưa nanh gió vuốt viết câu diên cuồng.

Về nơi yêu dấu

Ta về dây dất phúc âm
hồn thơm môi bướm vai trần cỏ hoa
tội người, sao giết thơ ta
ngày chôn tư tưởng đêm thu gối sầu
dòng sông ơi dã biển dâu
thời gian ơi dã bạc đầu giấc mơ
mai sau ta chết tình cờ
dấu chân gió bãi trăng bờ dã yên
còn chăng, mây nụ hoa đèn
nhớ ta đong đuổi thương em bóng chờ
mắt xanh nào lá tương tư
áo xanh nào khoác mịt mù khói sương

Mưa trường giang

Mưa trường giang lớp lớp mau
phân thân thiên địa gõ đầu trăm năm
lòng ta một dải lụa băng
khói mây ngọn sóng u trầm ngàn thu
mưa trường giang giọt giọt mù
mưa như khóc kẻ ngồi tù mênh mông.

Cổ thạch

Buồn ta lên đỉnh thiên thu
lang thang gió mỏi vật vờ mây hoang
núi bầy xanh mộ hồng nhan
cỏ cây mặc áo đại tang đứng hầu
môi cồn khát mắt biển đau
trán nhăn thời trẻ tóc râu nỗi già
hỏi đây rằng đá hay ta
hỏi ngàn năm ấy rằng ma hay người.

Bài cổ thi cho người tình

Buồn ơi lăng tẩm lòng ta
chôn xương ác thú treo đa đất người
tảng đời ta nặng muốn rơi
áo xiêm em khoả thân ngồi muốn đi
ngón tay mềm vóc xuân thì
gót chân cỏ hạnh lối về âm dương
hẹn em, hẹn đến vô thường
hẹn ta thiên địa hoang đường hẹn nhau
dòng thơ niên sử còn khâu
vết thương ta trước em sau cũng gần
mười năm, đuối mắt tình nhân
tóc ta trắng ngọn phù vân bời bời
ta về mưa tẩm nắng phơi
trái tim cổ tích dưới trời hạ điên.

Bức họa chân dung biển

Ta ngồi lên thét thinh không
chớp đen nỗi giận chập chùng biển cơn
gió đi những bước chân dồn
trầm luân lũ dá dúng còn trơ trơ
sóng hôn môi bãi điên rồ
nước ngâm xương trắng tình xưa dã tràng

Ngàn năm dất ải bụi tang
hối thân cát lở kinh hoàng ngọn lau
mấy lòng bể mấy hồn dâu
còn dây mảnh áo mai sau mảnh trời.

Vua tôi

Người ngồi đồng dá cũng den
khói hương phận mỏng bon chen đất dày
khuôn thiêng một góc cỏ bày
hoa nhân giả, trả nghĩa này thế u?

Ta ngồi trơ mặt dá nhu
mắt chua đủ khóc thân chua dủ đền.

Ngôn ngoại

Tâm Thanh

Tôi về Việt Nam ăn Tết, khi trở ra, gặp một truyện trên máy bay, tới bây giờ vẫn còn lấy làm lạ. Tôi cũng hơi áy náy nữa, nên mong bà ngồi bên tôi chuyến đó, ghế số 27E, tình cờ đọc được bài này sẽ cho tôi biết tin bà có bình an không, mặc dầu khi chia tay, bà ra dấu hiệu "Cứ yên tâm".

Đầu tiên khi lên máy bay tôi đã thấy bà chiếm chỗ của tôi, 27D, mà ngủ i bì. Lạ thật, mới lên máy bay đã ngủ. Tôi không dám đánh thức vì thấy mặt bà co giật một cách khổ não, chỉ sợ đụng phải lỡ bà lăn đùng ra thì mang vạ. Đấy, cái gì tôi cũng cứ nói thật, xin bà bỏ qua. Cuối cùng, vì bị hành khách đi sau thúc quá, tôi đành bước qua người bà mà vào chỗ ngồi tạm. Trước khi máy bay chuyển bánh ra phi đạo để cất cánh, cô tiếp viên tới kiểm soát, thấy bà chưa cài dây an toàn, lại bảo tôi cài cho bà. Một sự lầm tưởng tai hại. Nhưng tôi không đủ lanh trí để cải chính một cách tế nhị, chẳng lẽ tự dưng tôi nói "bả không phải vợ tôi"? Vả lại, cài giùm cái dây có cần gì phải là vợ chồng? Tôi nghiêng qua người bà tìm mối dây bên kia, nghe nồng nực mùi dầu cù là. Tôi nín thở cài khóa, tiếng kim loại ăn khớp kêu crắc xác nhận là tôi đã làm chu đáo một nhiệm vụ nhỏ, nhưng có thể trở thành lớn, nếu nói dại có trục trặc gì xảy ra. Nhưng máy bay cất cánh an toàn. Khi đèn báo hiệu cho phép cởi dây an toàn, tôi cởi cho mình, rồi tần ngần nghĩ đã cài cho bà, thì tôi cũng nên cởi cho bà.

- Ê! Làm gì kỳ vậy, cha già mắc dịch!

"Chát!" Bàn tay tôi bị bắt quả tang đang thò sang lòng bà. Tôi vừa giận vừa xấu hổ, ức quá mà không dám gây sự lại. Thôi thì phải tự an ủi là bà chưa ngoác mồm tuôn ra một tràng xỉ vả nặng hơn nữa, và còn may là hành khách chung quanh coi bộ không ai chú ý tới lời "vu cáo" trắng trợn kia. Tôi đành im lặng chịu trận cho tới khi nghe bà nói trổng:

- Mắc đái thấy mụ nội. Bao giờ máy bay mới ghé đổ nước, cho hành

khách đi đái không biết?

Được dịp "đáp lễ" sự lỗ mãng của bà bằng sự đàng hoàng và kẻ cả của mình, tôi chỉ giùm làm phước:

- Toilette ở trước mặt kia kìa, bà.

Bà ngơ ngác nhìn lên rồi ngơ ngác nhìn lại tôi:

- "Toa với lết". "Lết" đi đâu cha nội? Tui mắc đái xón ra quần bây giờ nè. Chạy te không kịp, ở đó mà "lết".

Tôi bỗng nhận ra bên cạnh tôi là một người đàn bà, mặt thuôn dài, lưỡng quyền cao, khá đẹp, nhưng quê như một cục đất. Tôi hết giận:

- Bà có biết đọc ... xa tới đằng kia nổi không?

- Chữ ta thì đánh vần được chớ, sao không? Mắc cái chữ Tây ôn dịch gì đâu. Mà biển gì kẻ chữ bằng con kiến!

- Bà khỏi cần đọc chữ cũng được. Lên đó, thấy có cái cửa nào có vẽ hình ông Tây với bà Đầm, thì bà vào mà ... đái.

Bà vừa nhổm dậy đã bị sợi đai trì lại, la to:

- Ối chu cha! Con mẹ đứa nào nó cột eo ếch tui, tế mồ tế mả nhà nó!

Tôi im thin thít, không dám tự thú nhận "tội ác" của mình, chỉ giúp bà mở khóa dây. Giữa lúc không hề dám mong đợi, tôi lại được bà ban cho một nụ cười tươi rói, và một giọng ỏn ẻn:

- Té ra hồi nãy chú tính cởi trói cho tui hả? Không biết đứa mắc dịch nào đi tầu đi xe mà còn phá.

Rồi bà lảo đảo đi lên cầu tiêu, lâu lắm mới thấy trở lại:

- Không thấy nhà cầu đâu hết. Chú giắt tui đi được hôn?

Tôi tính nói "bảo đảm bà không kiếm ra cái cầu cá tra trên máy bay đâu", nhưng lại im lặng hướng dẫn bà lên cầu tiêu, mở một cửa trống chỉ cho bà vào. Bà ngạc nhiên:

- Thì hồi nẫy người ta cũng chỉ cho tui cái tủ kín bưng như vầy. Có cầu kiểu mẹ gì đâu?

Đã trót thì trét, tôi kéo bà vào hẳn bên trong, chỉ cho bà cách ngồi cầu, xé giấy, cách bấm nút xối cầu, rửa tay bằng xà bông, và thoa nước thơm v.v. Để chắc ăn, tôi bảo bà làm ơn thực tập thử cái thủ tục quan trọng nhất là nhấn vào cái nút xối cầu. Bà vừa thò tay nhấn nút, tiếng cống hút rồ lên như cọp táp gà con, bà ôm chầm lấy tôi la:

- Trời đất thiên địa ơi! Con gì nó rống quá trời!

Khi tôi để bà ở lại và đi ra, có một một cậu Việt Nam đứng chờ, nhìn một cách hóm hỉnh nói nhỏ:

- Ông bà tình ghê!

Câu này, chắc hôm đó bà không nghe đâu, nhỉ? Về chỗ, tôi vẫn ngồi vào cái ghế đã bị đổi, đầu tràn ngập những dấu hỏi về người đàn bà kỳ lạ.

Bà đi với ai? Đi đâu? Làm gì? Khi bà trở lại, lò dò mãi không tìm thấy chỗ, tôi phải vẫy tay, kêu:

- Bà ơi! Đằng này nè!

Tôi nghe từ hàng ghế sau, phía bên trái có giọng đàn bà, tiếng Việt:

- Ông già lấy được bà vợ đẹp, chỉ tội quê không để đâu hết.

Bụng tôi thon thót theo mỗi bước chân của bà, chỉ lo ngại cho những cái đầu người ngồi dẫy bìa bị tay bà quơ phải, lỡ mà bà nhằm cái đầu tóc giả của một ông Tây mà vịn thì tôi phải tuyên bố "ly dị" ngay tại chỗ. Nhưng tôi thở phào khi cuối cùng bà tới được chỗ ngồi bình an, gieo bàn tọa cái rầm, thả ra mùi "eau de Cologne" pha lẫn mùi dầu cù là lổn ngổn.

- Bà đi máy bay lần đầu?
- Chớ lần mấy?
- Bà đi đâu ạ?
- Phần-lan.
- Bà đi thăm bà con bên đó, chắc?
- Bà con hồi nào? Theo chồng.
- Ông nhà sang Phần-lan lâu chưa?
- Chả người Phần-lan ...

Bà kể bà làm nghề chèo ghe đưa khách tại bến đò Vĩnh Long. Chở bạn hàng cũng có, mà sau này chở khách du lịch cũng có. Thường thì bà chậm chân, không tranh được mấy mối khách du lịch béo bở. Một hôm bà để ý có một ông khách Tây cứ ngồi uống cà phê đá mà nhìn bà cả buổi, "cái đầu xồm không nhúc nhích" và "cái môi đỏ chót liếm lia". Cuối cùng ông đứng lên ra bến, đưa tay gạt hết mấy thằng giành mối ra một bên, mà tiến thẳng lại ghe bà, chẳng nói chẳng rằng, bước xuống, và bà chèo ghe cho ông coi cảnh trên sông Cổ Chiên. Bà nói tiếp:

- Tối về chả rút bóp ra một xấp tiền đô. Tui hổng dám lấy. Thằng chả xòe ra biểu lấy một ít cũng được. Nhưng chú tính coi - ai lấy kỳ vậy?

Cô tiếp viên đưa khay ăn tới. Tôi giúp bà hạ bàn con xuống, chọn nước uống, và chỉ bà cách dùng mấy thứ lỉnh kỉnh như dao nĩa, khăn ăn v.v. Và tôi ngạc nhiên tại sao một người chèo đò nhà quê mà có bàn tay búp mang đẹp như vậy. Bà cầm dao ăn như cầm búa, nhưng ăn vén khéo và rất ... bạo -so với các mệnh phụ phu nhân khác. Vẻ tự nhiên của bà và những món ăn hấp dẫn với rượu vang khiến tôi phấn chấn tinh thần. Tôi thấy đã đủ thân mật để nói đùa:

- Bà không lấy tiền, chứng tỏ bà mê ông rồi?

Bà cười khinh khích:

- Mê cái mốc xì họ. Bộ ghe chùa sao? Tôi lấy cái tờ có vẽ số 1.
- Sao bà không lấy tờ vẽ số 10 hay 20?

- Lấy đủ công mình thôi chớ.

- Rồi sau đó?

- Sau đó hả? Mấy bữa sau, bữa nào chả cũng trở lại thuê ghe tui đi chơi lòng vòng... Rồi chả đòi lấy tui.

- Ý! Chết mẹ người ta chưa!

Dầu biết trước bà đang trên đường đi về nhà chồng, tôi buông ra một câu sững sờ như thế vì hồi kết cuộc tới một cách đột ngột quá. Không ngờ tiếng reo của tôi đã đậm đà giọng của bà, thốt ra mà thấy sướng cổ họng. Nhưng thấy sau đó bà im bặt, tôi lại lo bà giận tôi lỗ mãng.

- Xin lỗi nhé!

- Lỗi gì?

- Dạ, không.

Tôi chờ đợi một câu truyện hấp dẫn, có đầu đuôi hơn. Tôi muốn biết buổi hẹn hò đầu tiên ở đâu? ông tỏ tình thế nào? tại sao bà biết ông thương mình thiệt? cái gì làm cho bà thích ông? ông làm nghề gì? có tổ chức đám cưới không? Nhưng bà không kể nữa, tiếp tục ăn món tráng miệng, khen ngon.

Tôi uống sang ly Cognac thứ ba, nghe ra giọng nhừa nhựa của chính mình:

- Dô! Dô! Mừng cho mối tình của bà! Đẹp thấy ... mẹ!

Bà nhìn tôi, cau mặt:

- Ê! Chú hổng nên bắt chước tui ăn nói cái kiểu ẩu tả đó.

Thế ra bà vẫn biết mình ăn nói khác thường. Tôi chữa:

- Bà nói ngon lành hết xảy, chứ đâu có ... ẩu tả.

- Chú nói thiệt tình hay xí gạt tui?

- Tui xí gạt bà làm mẹ gì? Bà là người tốt muốn chết.

- Chú coi bộ cũng được, nên tui khuyên chú đừng bắt chước tui. Tui trót học thói xấu, không sửa được. Không muốn sửa. Thằng khốn nạn đó

Tôi ngạc nhiên, tại sao mới "thằng chả" thân mật đã lên cấp "thằng khốn nạn"?

- Bà nói ai ... khốn nạn?

- Thằng chồng của má tui.

- "Chồng của má", tức thị là cha ?

- Cha ghẻ tui đó. Mà tui có kêu chả bằng cha đâu.

- Sao vậy?

- Nó nhậu say rồi đánh đập mẹ tui tối ngày. Một hôm nó định giở trò súc vật với tui, mẹ tui bắt gặp, nó đánh mẹ tui bất tỉnh nhơn sự, tui quơ con dao yếm, huơ cho nó ớn mà giang ra, ai dè nó tự lao thây vào lãnh dao, chết ngắt. Đúng là số chả chết. Bị thần lưu ly vật. Tui .. tui không cố

ý. Ông tà cũng xét cho tui như vậy. Tui chỉ bị ba năm cải tạo. Lúc má tui đau nặng, người ta lại thả cho về sớm gần năm để nuôi bả.

Bà ngưng kể, khóc. Tôi im lặng để bà khóc tự nhiên, nhưng thấy bà khóc mãi, tôi an ủi:

- Việc đã qua rồi. Bà đừng buồn nữa.

Bà mủi lòng, khóc mùi hơn:

- Tui nhớ má tui với thằng Mẫn quá. Tui bỏ đi thiệt là tệ. Không ai coi chừng má tui với nó hết trơn.

- Thằng Mẫn là ai?

- Nó là em cùng mẹ khác cha với tui. Nó bị tàn tật, què giò.

- Cha em là ai?

- Thằng chồng mắc toi của mẹ tui, chứ ai?

Tôi quay nhìn khuôn mặt hiền lành đẫm nước mắt và nghĩ có lẽ chính khuôn mặt này đã làm cho các quan tòa giảm khinh cho bà tội vô ý giết người. Phải tay tôi, đã cho bà trắng án. Rồi như bấm nút, bà nín bặt, chùi nước mắt, nói ráo hoảnh:

- Bảy năm cãi lộn với thằng cha ghẻ và hai năm cải tạo, hết thảy chín năm, tui quen ăn nói ba trợn. Sửa lại thấy ... miệng lạt nhách.

Bà nói xong than:

- Tui mắc ói quá. Trước khi lên máy bay đã uống ba viên thuốc, mà còn mắc ói.

- Hèn gì bà vừa lên máy bay đã ngủ li bì.

Tôi vừa kịp banh cái bao ói thì bà ọc ra. Bà lại lấy dầu cù là ra xức. Cái nồng nàn của những chuyến đò đêm, cái ngất ngưởng của những chuyến xe đò trưa nắng, cái bệnh viện lưu động đó, dầu cù là con hổ. Hai mươi năm mới gặp lại, gặp lại vẫn nồng. Tôi bật ghế cho bà nằm nghỉ. Tôi cũng ngả người, nhắm mắt, suy nghĩ miên man về câu truyện của bà. Thỉnh thoảng tôi hé mắt, thấy bà chăm chú coi phim trên bàn ảnh truyền hình. Tôi chỉ cho bà đeo ống nghe. Tay chạm phải bộ tóc thật rậm, khỏe mạnh.

Không biết máy bay đã bay tới đâu và mấy giờ ở dưới mặt đất. Tôi có cảm tưởng thời gian và không gian như đọng lại ở một nơi xa lạ, không liên quan tới trái đất. Nhưng tôi vẫn tưởng tượng dưới đó hàng mấy tỉ người đang lao xao cười, khóc, nói thật và nói dối, thông cảm và ngộ nhận, bằng nhiều thứ ngôn ngữ, chân ngôn xen lẫn ngụy ngôn.

Tôi thức giấc đã nghe nhiều người rục rịch. Bà đã bật ghế thẳng, ngồi đan áo, tôi hỏi:

- Bà không ngủ?

- Ngủ mẹ gì được. Vừa chợp mắt đã nghe tiếng gà gáy.

Tôi ngạc nhiên:

- Trên máy bay, làm gì có gà kìa?

Bà không do dự:

- Chắc nó gáy trong đầu tui. Bị ở nhà quê, nghe gà gáy riết, quen đi, cứ gần hừng sáng là nghe gà gáy trong tai.

Hình như bà giao tiếp với thế giới bên ngoài bằng trực giác. Thuần trực giác. Tôi chắc người đàn ông gặp bà trên bến đò Vĩnh Long cũng có trực giác rất mạnh. Tôi thích nghe tiếp câu truyện về họ.

- Tại sao ông không về Việt Nam ... rước dâu?

- Chú đừng kiêu ngạo tui... Chả đòi sang đó chớ. Nhưng tui không cho. Tui nói dìa chi tốn tiền. Tui xin món tiền đó cho thằng Mẫn ăn học, chả bằng lòng, gởi tiền dìa rồi.

Khi bà dẹp len và kim đan để chuẩn bị ăn điểm tâm, tôi hỏi:

- Bà đan áo cho ông?

- Bển nghe nói lạnh lắm.

Chúng tôi ăn xong, máy bay qua một vùng "ổ gà trời", hổng lên hổng xuống. Đèn báo nhắc cài dây an toàn. Lần này tôi chỉ cho bà cái khóa. Hành khách đi máy bay gặp những báo hiệu cài dây thế nào cũng ít nhiều lo lắng. Rủi ro, ai biết? Loa phóng thanh loan báo có bão, nhưng hành khách có thể yên tâm. Tôi lòn tay dưới gầm ghế, lấy cái phao cấp cứu. Bà hỏi:

- Cái gì vậy?

- Cái phao cấp cứu. Tôi chỉ kiểm soát xem nó có đó không, để mình yên tâm.

- Tui đi sông đi nước hai chục năm trời, chẳng phao phiếc gì, cũng chẳng chết. Hôm đầu thằng chả xuống ghe cũng bày đặt hỏi phao, tui nói không cần, chả cũng chịu. Riết rồi chả nói đi ghe với tui mà không mang phao mới thích.

Bà không lộ một thoáng lo âu nào. Tôi có cảm tưởng người đàn bà này bay trên 10 ngàn bộ cao mà tưởng mình đang bơi xuồng trên sông Cổ Chiên, xuồng lật, chỉ việc nhào xuống nước bơi. Tôi cất phao trở lại chỗ cũ, hỏi:

- Bà có chắc ông sẽ ra đón không?

- Tui chắc mà. Tui biết ai là người tin được. Tui biết thằng cha này không bao giờ nói xạo.

Tôi nhớ một sự tích trong Tân ước: Một hôm thuyền của các môn đệ gặp sóng gió, Chúa Giêsu đi trên mặt nước ra với họ, nhưng họ càng sợ hơn vì tưởng là ma. Chúa nói "Thày đây, đừng sợ". Đại môn đệ Phêrô mừng quá nói "Nếu là Thày thì xin cho con đi trên mặt nước đến với

Thày". Chúa phán "Con lại đây!". Phêrô bước xuống, đi trên mặt nước, được mấy bước, thấy sóng to quá, ông đâm hoảng, và chìm xuống, Chúa phải đưa tay ra đỡ lên thuyền. Ngài trách yêu "Cái đồ yếu lòng tin!".

Tôi cảm phục lòng tin của bà lắm, bà ạ: Bà bước thẳng lên mây đến với chồng. Tôi nghĩ mọi người trên chuyến bay này đều biết trước về cuộc hành trình, và biết điểm tới. Chỉ có bà nhắm mắt mà bước lên mây, không biết điểm tới nằm chỗ nào trên mặt đất. Bà đi tới với chồng, chứ không đi tới một nơi nào cả. Không một giây hồ nghi. Câu hỏi "Liệu ông chồng có tới đón không?" chỉ bám vào đầu tôi, một con người thường thấy quá nhiều sóng lớn trên biển đời, lòng tin thường bị nhận chìm, đến nỗi mỗi bước đi về sau trở thành một dấu hỏi?

Tôi phải chờ bảy tiếng đồng hồ tại Copenhagen để được chuyển máy bay đi Oslo. Lịch trình bay đã ghi như vậy từ đầu. Còn bà, theo lịch trình lẽ ra chỉ phải chờ ba tiếng để chuyển máy bay, nhưng vì trục trặc đình công sao đó, phải thêm hai tiếng trễ nải. Chính hai tiếng trễ nải này khiến cho tôi lo ngại giùm bà. Tôi đề nghị:

- Bà nên báo cho chồng bà biết máy bay trễ.

- Chả biết mà ... Cái gì chả cũng biết hết đó.

"Cái gì chả cũng biết", đã tin ắng đi như vậy, thì thôi, kệ bà. Tôi hướng dẫn bà đi coi các gian hàng trong sân bay. Bà bị kích thích mạnh vì vẻ choáng lệ và đồ vật bày trong các cửa hiệu. Bà trầm trồ, reo vui. Tôi hỏi bà có định mua cái gì làm quà cho chồng không, vì đồ ở đây miễn thuế, rẻ hơn ở ngoài, bà nói:

- Tui mang theo nhiều đồ lắm, khỏi cần mua. Chú đừng cười nghe, tôi may ba bộ birama, kho một nồi tôm, và mua năm ký bánh phồng tôm, hai ký kẹo dừa. Nghe nói mấy thứ này ở bên tây không có. Mèn ơi! Tây u gì mà nó thích ăn tôm kho tầu gì đâu ...

Đi với bà, tôi có cái vui thích như đi bên cạnh một đứa trẻ tò mò. Trẻ ngoan nữa, vì bà từ chối khi tôi đề nghị mua tặng một cái máy sấy tóc mà bà rất thích.

- Ai lại để chú mua, kỳ chết. Để chả mua cho tui, nếu tui còn thích.

Theo tôi, bà có một bộ tóc mây quá đẹp. Tôi hy vọng ông chồng sẽ thuyết phục được bà đừng uốn tóc. Tôi thăm dò:

- Tóc bà để tự nhiên như thế đẹp hơn.

- Biết đâu thằng chả.

" Biết đâu thằng chả", thế là cả nhan sắc bà cũng giao cho ông luôn.

- Hèn gì.

- Chú lẩm bẩm cái gì?

- Dạ, không. À, tôi định nói con gấu bông kia nhỏ bé quá, hèn gì ai

cũng muốn bồng.

Tuy nhiên, bà càng tin tưởng, phó thác một cách ngây thơ, đầu óc đầy sạn của tôi càng nghi ngại. Rủi chồng bà không tới, bà sẽ xoay xở ra sao ở nơi xa lạ? Khi đi qua một trạm điện thoại, tôi đề nghị:

- Bà nên điện thoại cho ông báo tin bấy bay trễ, để ông khỏi lo.

Bà ngẫm nghĩ, rồi trả lời:

- Chú nói có lý. Nhưng làm sao ra nhà dây thép gió bây giờ?

Tôi lấy cái thẻ nhựa của tôi tra vào máy điện thoại, và quay số bà ghi trong một tờ giấy nhét cẩn thận trong bóp. Chuông điện thoại reo. Bỗng tôi ngại ngùng, có thể nào người đàn ông nghe tiếng tôi ở đầu dây bên này, biết tôi đứng bên cạnh vợ ông và đâm ghen không. Tôi vội trao máy cho bà trước khi đầu dây bên kia trả lời. Tôi nghe bà la oang oang bằng tiếng Việt :

- Ê! Ông Ron đấy hả! Ê ông có nghe không, Ron, Ron, Ron?!

Bà nói liên hồi, xăng xái. Bà bụm bàn tay trước ống nói mà hét lên, cũng không có tiếng trả lời. Tôi nhớ chúng ta thử lại nhiều lần, bà nhỉ. Nhưng không ai trả lời. Tôi an ủi:

- Có lẽ ông đã đi đón bà, và đang chờ ngoài phi trường.

Sắp tới giờ bà phải lên máy bay, tôi cần được giải đáp vấn nạn lớn nhất rằng tại sao một con người ăn nói mộc mạc như bà lại có thể làm cho một người đàn ông lạ say mê cưới làm vợ. Và, mặc dầu bà thường kể "chả biểu, chả nói", nhưng nói bằng ngôn ngữ gì? Suốt cuộc hành trình, tôi biết bà không hiểu một chữ tiếng Tây tiếng Mỹ, làm cách nào ông bà hiểu nhau, hiểu một cách thâm sâu như thế? Cụ thể nhất là có thiệt ông hẹn bà sang Phần-lan chuyến này? Và có chắc tất cả mọi truyện không bắt đầu từ một sự ... hiểu lầm nào đó do bất đồng ngôn ngữ? Tôi hắng giặng hỏi:

- Tôi hỏi không phải, ông bà nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt hay tiếng Phần-lan?

Bà xăng xái:

- Tiếng Việt mình, thằng chả có hiểu con mẹ gì. Còn cái tiếng quỉ tiếng ma gì của chả, tui cũng đách hiểu.

Cũng hay. Nhờ không biết tiếng Việt, ông khỏi cần hiểu "con mẹ" với "cái đách" là gì. Có lẽ chỉ cần hiểu gật đầu là *"có"* và lắc đầu là *"không"* , hai tín hiệu mà nếu thông suốt, minh bạch, con người đỡ được bao nhiêu phiền trược trong cái biên giới u minh nửa không, nửa có, của ngôn ngữ. Tôi nghe nói bộ óc điện toán cũng chỉ biết "gật đầu" và "lắc đầu". Phương chi, con người, không phải chỉ có bộ óc, mà còn trái tim kỳ diệu. Điều này làm cho tôi, khi tiếng loa mời hành khách đi Helsinki vang

Thơ tình năm 86, viết muộn

PHẠM VIỆT CƯỜNG

tiếc chi héo úa hết tự bao giờ nụ hoa thềm xưa
quãng đường em đi qua mỗi ngày - lệ úa
lá vẫn rơi êm đềm như chưa từng chia xa
nắng phố bùi ngùi mười mấy năm thất lạc

tiếc chi trôi nổi tìm nhau qua nhiều mùa gió dữ
những bức thư ướt nhòa nước mắt quê người
nghiến răng quên đi lời hẹn hò ở Prague
tín hiệu bão giông không níu gọi được nhau về

tiếc chi không ngăn nổi triều hôn mê cuốn xoáy
tháng lụn năm tàn kinh hoảng thanh xuân
khàn đục quá chút âm hao ngoài bóng tối
nên chẳng dành dụm nổi mình trong trẻo mối tình

tiếc chi khi run rẩy ôm nhau và chia tay lần nữa
không kịp phút giây nào bước sang góc đời riêng
từ tốn ném rải xuống mênh mông biển lớn
rồi nhìn gió cuốn tàn tro hai trái tim buồn..

lên, cảm thấy bớt áy náy. Cái gì làm cho một người đàn ông từ Helsinki sang tận bến đò Vĩnh Long gặp bà, thì cũng đang hướng dẫn bà từ Vĩnh Long sang Helsinki bình an.

Bà le te ra cổng số 39, tươm tất trong cái áo vét xanh đậm và quần tây thẳng nếp. Tôi đứng ngoài, bịn rịn nhìn theo, bà quay lại vẫy tay. Cái vẫy tay cũng không giống ai, bàn tay đưa ngang vai, lòng úp xuống, ngón tay phẩy phẩy ra phía ngoài, như giục tôi cứ đi đi. Cứ yên tâm.❐

Chờ cho trăng lặn

Nguyễn Văn Sâm

Sự đời thà khuất đôi tròng mắt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương. (NĐC)

Thằng Thành vừa khom lưng vét chút nước mấp mé dưới đáy lu vừa ngước mặt ngó lên đám mây thành đương sơn màu hồng lợt bằng chút nắng quái le lói của ngày tàn. Mấy lùm tre đằng đông đã bắt đầu mờ mờ nhưng phía nầy ánh thái dương vẫn còn ngự trị. Nó rảo mắt theo dõi mấy cụm khói lam chiều tỏa lên đằng xóm nhà lá xa xa mà nôn nóng trong bụng. Mới đi xốc lá ủ về, tay chưn mình mẫy dơ dáy, rửa ráy rồi chút nữa sẽ thả bộ tới nhà chú Năm Dậu. Càng cà rà kề rề càng lâu càng tốt để ngó con Kén cho mãn nhãn. Ôi đôi bông tai chạm bông búp nhỏ xíu đậu trên hai trái tai trắng nuốt của nó thấy mà muốn rụng tim! Đi đã, cơm nước tính sau! Làm túi bụi rộn ràng cả ngày chỉ chờ có lúc nầy thôi. Có cuốn Hậu Vân Tiên má nó xì ra hồi sáng, nhập với mớ thơ truyện đủ thứ, năn nỉ thiếu điều gãy lưỡi mới muợn được đằng nhà bác Hương Giáo hồi hôm qua, nó sẽ đưa hết cho bà Hai mượn chuyền. Bà vui lòng không than mỏi lưng buồn ngủ thì buổi nói thơ với bàn chuyện Nam Tào Bắc Đẩu càng dài, càng vui.

Cái gáo dừa cạ xột xột vô chỗ quét xi-măng-nước dưới đáy lu, má nó nói ê răng ghét lắm, mỗi lần nghe là mỗi lần ngầy-ngà vậy mà nó thấy vui vui. Lu hết nước, ló cái u dưới đáy, ánh lên màu rêu mốc xanh xám, ngời chiếu. Nước cặn quá mạng! Nó lấy đầu gối đẩy thành lu cho hổng đít lên, tay trái kềm nghiêng nghiêng, tay mặt vét mút chút nước ít oi còn xót lại. Vài con lăng quăng bất hạnh bị múc vô gáo, đem lên ánh sáng, khó chịu, búng lên búng xuống một hồi rồi mệt mỏi thả chìm từ từ xuống đáy gáo như một cử chỉ chấp nhận thua cuộc. Thằng Thành ngó mấy cái đầu bự bằng đầu kim gút mà tưởng tượng trong đó có đôi mắt nhìn van nài đừng quấy động, rồi mỉn cười một mình. Thường, buổi trưa trời nắng, khát

nước, nó uống ừng ực luôn ba bốn hớp đầy, cố ý chừa mấy con lăng quăng ra. Rủi ro một vài con hết thời trôi vô tọt luôn thủy liêm động thì cũng chẳng chết thằng Tây thằng Ma-rốc nào, sao bữa nay mắc chứng gì mà rửa tay rửa chưn cũng để ý tới mấy con vật nhỏ nhỏ tung tăng đó?

Nó xối một cách hà tiện chút xíu nước vô tay cho ướt rồi vuốt vuốt mặt. Nước mưa để lâu ngày mát lạnh da thịt một cách dễ chịu. Chừng một tháng nay con Kén đưa tách nước trà mời khách không biết vô tình hay cố ý mà lần nào cũng đụng vô tay nó. Cũng mát lạnh như vậy, dầu sự đụng chạm rất ngắn ngủi và phần giao tiếp giữa tay nó với tay con Kén cũng nhỏ híu bà hiu. Vậy mà bữa nào nó cũng thấy vui như mở cờ trong bụng. Vui tới tàn cuộc về chui vô nóp cong mình lại dỗ giấc ngủ muộn màng mà cũng vẫn còn vui. Giờ nầy chắc bên đó xong xả hết chuyện cơm nước rồi. Có lẽ họ đương sửa sọn đèn đuốc, trà nước. Chút nữa hỏng bày cuộc đọc truyện Tầu thì chém chết cũng nói thơ. Tiếc là thơ truyện họ không có nhiều, quanh đi quẩn lại cũng mấy cuốn đó. Truyện thì cũng Phi Long diễn nghĩa kể chuyện Triệu Khuôn Dẩn anh hùng khí khái, Trịnh Ân lỗ mãng nhưng nhiệt tình, Sài Vinh thiệt thà lại nhác hít. Ba người kết nghĩa anh em phiêu bạt giang hồ. Thơ thì cũng Phạm Công đi đánh giặc mang quách vợ theo, cũng Tào thị mẹ ghẻ ác nhơn sát đức, cũng Lang Châu châu cùi nhưng được người đời đối đải tử tế, cũng chàng Vân Tiên bị tam tai bát nạn. Nhàm chán và không hấp dẫn bằng tấm thân nho nhỏ mảnh mai của con Kén đi ra đi vô rót nước châm trà hay lút thút trong buồng mà cái bóng dáng in đẹp mất hồn trên tấm màn bông treo ngăn ngang nhà ngoài với nhà trong. Mẹ họ, không biết phải tình yêu mới tượng không mà lúc nào cũng thương nhớ không ngui. Gần thì mất lúc nào cũng không rời hình dáng nó, xa thì mãng tơ mãng tưởng không làm công lên chuyện xuống gì cho xăn xái, lắm khi còn ngớ nga ngớ ngẩn như bị bùa mê thuốc lú....

Thằng Thành mấy tháng nay sanh chứng, làm tốt hết cỡ. Nó vô nhà lấy lượt, trở đầu nhọn của cán, vít một chút bi-dăng-tin, dòm vô miếng kiếng nhỏ vắt trên vách lá, trét trét chải chải lên đầu, ngắm tới ngắm lui mấy chục bận, khi thấy đường ngôi thiệt thẳng, tóc rẽ hai bên thiệt đều, mới chịu gắn lược sau tấm kiếng đi ra. Vừa đi nó vừa quẹt mỏ chùi mấy giọt mồ hôi tươm ra trên mí mép đã bắt đầu hiện lơ thơ một vệt râu non.

Nhà thầy giáo Năm Dậu chơi sang bữa nào cũng thắp hai cái đèn khí đá sáng rực. Lại còn vặn nước xuống nhiều, lửa xanh ở đầu béc đăng xa thấy ảo ảo như ma trơi.

Nó bước vô hàng ba, đứng êm tiếng vừa lấy bình tĩnh chờ tim bớt đập vừa coi nhóng tình hình.

Tiếng thằng Cò ê-a thơ Vân Tiên:

Vân Tiên iên iên chém Cốt Đột rơi,
Đầu treo eo eo eo cổ ổ ngựa phản hồi bản quân.
Ôi thôi ôi ôi ôi ..bốn phía những rừng,
Trời đà à à à tối mịt biết chừng gần xa...

Tiếng Bà Hai chận ngang:

"Thằng Cò mầy có đọc kỹ không đó mậy? Sao lại chém rơi. Đầu nào rơi, đầu nào Vân Tiên treo cổ ngựa?"

Thằng Cò bị sửa lưng tức mình cải mà không cần coi lại:

"Phải mà nội, chém thì phải rơi xuống chớ. Rơi tức là rớt xuống như tiếng của mình đó nội. Chữ nghĩa người ta nói rơi. Quê mùa mình nói rớt, rụng. Đầu giặc rơi rồi thì tướng lượm lên treo trên cổ ngựa để thị oai."

Năm Dậu xa gần rầy con:

"Chà thằng Cò bữa nay bảnh quá ta! Dám dạy bà nội nó tiếng Việt mình nữa chớ! Bà nội từng tuổi đó mà không rành bằng mầy sao mà phải cắt nghĩa con! Cái thằng! Đâu coi kỹ lại coi. Chưa coi lại gì hết đã cải bướng rồi. Chữ quốc ngữ bây giờ ba cái dấu sắc huyền hỏi ngã dị hợm lắm. Sai một li đi một dặm à. Có một cái dấu không mà thầy tu thành thầy tù đó. Cư an trở thành cử ăn tao thấy hoài. Không phải như chữ An Nam đâu!"

Thằng Cò không sợ bà nội bằng sợ ba nó, ổng nói cà rởn vậy mà bạt tay đau thấy ba bốn ông trời hồi nào không hay. Nó đưa cuốn thơ lên ánh đèn dò lại. Thằng Thành lựa lúc nầy mới bước vô nhà, xá chào những người trưởng thượng, kính cẩn chìa cái gói thơ truyện cho chú Năm Dậu rồi ngồi ké né bên mép bộ ván ngựa, chống chưn xuống đất kế bên thằng Tâm-cán-vá. Chiếc chiếu lác đương bằng cỏ u-du đã trải sẵn kế bên mà nó cũng không dám đụng. Nó liếc ngang thằng Tâm. Cha chả mình tới sớm vậy mà cũng trễ bộn, thằng nầy còn lết đít tới sớm hơn. Bộ tới đây đâu hồi tưng bửng sáng chắc? Coi bộ nó còn lạm con Kén hơn mình nữa kìa. Nhưng mà cái thằng ba trợn nầy dở mã, không đáng lo. Như chim mới vừa đủ lông, chưa dập bụng cứt, biết gì đâu!

Năm Dậu ngó khách, lúc đưa tay nhận gói sách anh không nói gì, cũng không mời ngồi. Có lẽ đã quá quen khách, có lẽ đã đi guốc vô bụng bọn trai tơ như lứa thằng Thành, thằng Tâm. Đúng là bộ điệu của mấy ông già có con gái đẹp! Tay tôi xá chơn tôi quỳ xá gì cái tấm thân tôi. Con Kén đâu không thấy ha! Nhớ tới nó là bao nhiêu ngượng ngịu cũng chịu được hết. Không mặt dầy, ưa mắc cở thì làm sao có dịp nói chuyện hay thấy được mặt nó?

Thằng Cò cũng vẫn còn dò dò kiếm kiếm, không chú ý tới khách

mới. Nó khựng khựng một lúc hơi lâu rồi nuốt nước miếng làm tỉnh như không có chuyện gì xảy ra nãy giờ, đọc lấy đọc để:

Vân Tiên iên iên chém Cốt Đột rồi,

Đầu treo eo eo eo cổ ổ ngựa ựa ựa phản hồi bản quân.....

Ngoài kia tiếng ảnh ương hòa dạ khúc mừng bóng đêm, trong nầy thằng Cò ê-a làm vui lòng tía má với nội. Mỗi nghệ nhơn có thính chúng riêng, ai có sân khấu nấy, không ai muốn so tài cùng ai vậy mà sao coi mòi thằng Cò lép vế bộn. Nó đọc càng lúc càng nhão giọng trong khi dàn hợp xướng bên ngoài càng lúc càng uyểnh-oang vang vọng hơn do đông bọn góp sức.

Thấy thằng nhỏ buồn ngủ, bà nội nó giải quyết:

"Cò, đâu mầy lật chỗ bà già Quỳnh Trang biểu con nhỏ Thể Loan ra đón Vân Tiên coi. Họ thấy Vân Tiên thi đậu họ mới săn đón đưa rước. Trước đó thì đừng có hòng! Tao nghe chỗ đó không biết bao nhiêu lần rồi mà mỗi lần nghe lại tao đều ứa gan, lộn ruột. Đồ cái thứ đàn bà hư thân mất nết không biết xấu hổ!"

Thằng Cò mắt nhắm mắt mở lật lật kiếm kiếm, rồi cũng xong. Nó cất giọng hào hứng như lúc ban đầu ê-a. Bà nội nó phẩm bình chêm vô giữa chừng cũng không làm nó mất trớn:

Loan rằng mình ở chẳng hay (biết vậy thì tốt!)

E người còn nhớ những ngày trong hang (thứ đàn bà trời đánh!)

Trang rằng con có hường nhan (cái nết quý hơn cái hường nhan chớ!)

Cho chàng thấy mặt thời chàng ắt ưa. (Khéo bẹo dạng bẹo hình!)

Dầu chàng còn nhớ tích xưa (Ác quá ai mà không nhớ!)

Mẹ con ta lại đổ thừa Võ công (ai mà tin?)

Cùng nhau bàn luận đã xong,

Soi gương đánh sáp ra phòng rước duyên (Đồ mặt dầy!)

Thằng Cò để tập thơ xuống hỏi Bà Hai:

"Có hường nhan là có cái gì hả nội?"

Năm Dậu trả lời hớt:

"Là đẹp đó! Như má mầy vậy! Tiếng cười dòn nổ ra khắp nhà. Tiếng thiếm Năm Dậu ở dưới nhà bếp vọng lên vui vẻ. "Cái đó là tui hỏng biết à nhe!"

Thằng Thành cảm thấy bớt bở ngở. Nó cười lớn hơn ai hết thảy, lại còn khen hùa để mua lòng. "Đúng quá đúng quá! Chú Năm nói không trật một chút nào hết." Nói mà nó ngó con Kén thiếu điều rớt hai tròng con mắt.

Thằng nhỏ chưa chịu im:

"Chị Hai có hường nhan nhiều hơn má mà! Mấy anh trong làng ai cũng nói vậy hết, anh Thành nè, anh Tâm nè. Cậu Hai Xách-Lu nè. Bữa hôm cậu còn đọc cho con, biểu con về đọc lại cho Chị Hai nghe, Con rắn năm khoan bò ngang đám tép. Tao thấy chị Hai mầy đẹp đẹp tao thương. Đất vườn lên líp xẻ mương, mất em hột nhãn anh thương hết hồn...

Thằng Thành tức giận ói gan mà cũng bắt tức cười. Con Kén mới trổ mã hai ba năm nay, làm tốt, xức dầu dừa, chải đầu chải cổ óng mượt thì cũng ưa nhìn đó. Ưa nhìn thôi, chớ làm sao sắc xảo bằng mấy con nhỏ lớn hơn một hai tuổi ở Ô Môn, Bình Thủy mà nói có hường nhan? Nó ngó theo bộ hậu con Kén khi con nhỏ đỏ mặt đứng dậy cái rột đi vô buồng lẹ như chạy trốn. Đã vậy khi đi ngang qua chỗ thằng Cò ngồi, ẻn còn kí đầu nó một cái cốc nghe không thôi cũng thấy đau điếng. Cả nhà ai nấy đều cười nghiêng ngửa. Bà Hai cười chảy nước mắt, vừa kéo khăn chặm mắt vừa cố gắng nín cười.

Có tiếng lớn họng ngâm nga ngoài ngõ: Vân Tiên Vân Tiển Vân Tiên, Ai cho tôi tiên tôi nói chuyện Vân Tiên rồi cậu Hai Xách-Lu bước vô nhà, thơm phức dầu thơm thành thị. Cái đầu ngúc ngắc, cái mặt vát hất như mặt thằng đánh bông, thấy ghét không chịu được, thằng Thành chưởi thầm trong bụng!

"Chào ngoại, chào chú thiếm. Ủa thằng Thành với thằng Tâm cũng có mặt ở đây nữa hả. Cũng biết nghe nói thơ sao mấy bậu?"

Câu hỏi bỉ đá chuyền vô trong không khí, người đáng lẽ trả lời làm bộ không nghe, người hỏi cũng không cần câu đáp. Mấy người lớn ngó nhau. Không khí đọng lại cở chừng một phút. Cậu Hai trân trọng đem để trước mặt bà Hai một gói trầu cau, nói "Con mới ra chợ Ô Môn, thấy trầu cau ngon mua về cho ngoại dùng. Có cái ống ngoái đồng nữa. Cái của ngoại nứt hết rồi cũ quá, vói đóng đầy miệng ngoái khó khăn!" Bà Hai ừ chừng cho qua tang lễ, coi mòi không thích lắm chuyện quà cáp, cũng không đưa tay đụng tới gói quà. Cậu đem tới Năm Dậu một gói lớn xộn nãy giờ xách tòn ten, nói là thịt heo quay với bánh bò, thấy họ mới đem ra, còn nóng, mua về cho chú Năm nhậu chơi. Chục nem bì là nem Bình Thủy có người cho ông già, sẵn dịp qua đây đem kiến biếu chú Năm ăn lấy thảo. Năm Dậu có hơi mắc cở với thằng Thành, thằng Tâm nên ngượng nghịu tiếp nhận rồi kêu con Kén ra lấy đồ đem cất. Buổi đọc thơ lại tiếp tục. Bà Hai ngó theo con Kén rồi ngó cậu Hai. Cử chỉ của bà điềm đạm như tư thuở giờ, hai tay vẫn ngoái trầu, cái ống ngoái được kềm giữa hai bàn chưn, mặt không lộ vẽ ghét thương gì về sự có mặt của cậu Hai. Bà vẫn tiếp tục điều khiển cuộc nói thơ:

"Có, đâu con lật chỗ Vân Tiên gặp Nguyệt Nga đọc cho bà nghe coi.

Sao bà thương hai đứa đó quá! Xứng lứa vừa đôi mà trắc trở cả mười năm mới gặp lại nhau."

Thằng Cò đã quá quen với cách nghe đọc thơ kiểu nhảy tới nhảy lui của bà nội nó, kiên nhẫn thấm nước miếng kiếm đoạn được yêu cầu. Nó lại ê-a...

"Riêng than trâm hỡi là trâm,
Đã vô duyên bấy ai cầm mà mơ.
Đưa trâm chàng đã làm ngơ,
Thiếp xin đưa một bài thơ chớ từ."
Vân Tiên ngó lại rằng: "ừ,
Làm thơ cho kịp chừ chừ chớ lâu."

Tâm Cán-Vá lặng yên thinh thít nãy giờ, mở màn bình luận, giọng ồ-ề của trai mới bể tiếng:

"Cái anh chàng Vân Tiên nầy hay cãi trời! Con gái người ta đưa trâm nghĩa là trao tình rồi, cứ đưa tay ra là được mèo thôi, vậy mà còn từ chối. Chắc làm bộ quá. Chín hấu mại hơi là cái chắc"

Thằng Cò bỏ cuốn thơ xuống ván ngựa, sẵn dịp lấy tay vò vò chỗ đau trên đầu rồi ngóng mỏ về phía người nói. Thằng Thành thấy dạng miệng cũng góp ý:

"Không phải làm bộ làm tịch gì đâu, đàng hoàng với đàn bà con gái đó. Hỏng thấy Vân Tiên biểu khoan khoan ngồi đó chớ ra, nàng là phận gái, ta là phận trai hay sao? Đàng hoàng là nhờ theo thầy học đạo thánh hiền. Sách dạy nam nữ thọ thọ bất tương thân...."

Cậu Hai Xách-Lu ra dấu không đồng ý với thằng Thành nhưng thằng nầy cứ coi như không, nói tiếp:

"Cái khác của Vân Tiên với thằng Lía ở chỗ đó. Vân Tiên người ta có đi học thành tài - nó nhấn mạnh tới hai chữ thành tài -, người ta là tướng, là vua nên người ta đàng hoàng. Thấy gái người ta khoan thai chậm rãi. Còn thằng Lía đi học không tới đâu hết đã bị đuổi rồi - nó cố tình đưa ra chi tiết nầy - nên thấy gái, dầu là gái có chồng cũng tò vè, tọc vạch ép uổng. Cho nên về sau chết vì gái. Chết mà hỏng ai thương."

Cậu Hai thấy mình bị nói xỏ xiên, giận cành hông. Tao bị đuổi vì tao chán học. Mấy thằng Tây dạy trên trời dưới đất tao có thấy xài được giống gì đâu mà học cho mệt. Về đây góp lúa ruộng mấy trăm mẫu, coi hai cái nhà máy xay, vừa ăn vừa phá suốt đời cũng không hết, học làm chi cho mệt thân? Bị đuổi tao còn nói được tiếng Tây, còn mầy là thằng con nít hỉ mũi chưa sạch, đừng có nói xỏ xiên, lộn xộn.

"Vân Tiên làm bộ nhát gái đó. Đạo đức giả ai mà không biết. Có người đã thấy rõ Vân Tiên là người đạo đức giả nên tức mình đặt câu hát

nói huych tẹt ra..."

Cậu quay qua Bà Hai:

"Xin lỗi ngoại, thằng nầy nói con tức quá nhịn không được. Nói chỗ nầy khó lắm. Mà ngoại có cần đi ra sau xúc miệng cổ trầu để uống nước không? Nước của ngoại nguội rồi đó. Để con rót cho ngoại nước khác, nóng uống cho ngon miệng."

Bà Hai hiểu ý, thở dài rồi bỏ chưn xuống ván quơ quơ dưới đất kiếm guốc sửa soạn đi ra nhà sau. Tuy vậy bà vẫn nói:

"ờ! Nhưng mà tao trở lên liền đó nghen! Bây có nói gì thì nói lẹ đi."

Sau khi ngó ra nhà sau, chắc chắn không có đàn bà con gái ở gần, cậu Hai Xách-Lu mới nói, giọng nhỏ hơn bình thường:

"Phàm người ở đời thì không ai tránh khỏi cái tật gái tham tài trai tham sắc. Nói không tham không ham là nói ngoài lỗ miệng thôi, trong bụng mình thì ai cũng như ai, toàn cứt không. Bởi vậy cho nên thấy Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu đạo đức giả người trong đồng quê rẫy bái mình, vốn tính thiệt thà chơn chất, nghĩ sao nói vậy, mới có câu hát Vân Tiên núp dựa bụi môn, chờ cho trăng lặn bóp lồn Nguyệt Nga. Xin lỗi Chú Năm, cái thằng Thành nầy không nói rõ nó không hiểu tình đời."

Là con trai mới lớn, nghe tới món đó thằng Thành hết hồn, câm miệng. Thuở giờ nó cũng có nghe câu nầy chớ chẳng phải không. Nghe nhiều lần nữa là khác. Nhưng mà kín đáo riêng tư giữa con trai cùng lứa, chớ không phải giữa thanh thiên bạch nhựt có người lớn tuổi cở cha chú ngồi ở kế bên, ở đây nói lên câu đó là không phải chỗ rồi. Càng trật hơn là đáng lẽ nói mí mí lại nói huych tẹt. Đã đành là bạch tuột nhưng mà vừa vừa phải phải thôi chớ, ai lại bạch tuột kiểu lỗ mãng như vậy. Ngoài nhà sau có ba người đàn bà, chắc gì họ không nghe? Gái tham tài trai tham sắc, nói cả mớ vậy sao được, nước giữa dòng khi trong khi đục, người ở đời kẻ tục người thanh chớ. Bá nhơn bá bụng mà!

Ba người phụ nữ lên lại nhà trên. Thiếm Năm Dậu với con Kén bưng chè-xôi-nước mời từng người. Khi ngồi yên vị rồi, và thấy mọi người ai cũng có một chén chè nóng trước mặt, bà Hai mở đầu lại:

"Đâu nãy giờ bây bàn chuyện gì đâu nói nghe coi. Để bà già nầy phân coi ai phải ai trái, ai có lý ai vô lý."

Cậu Hai lẻo mép:

"Đâu có bàn gì đâu ngoại. Nói mà nghe chơi thôi. Con nói là người mình đã chê ông Nguyễn Đình Chiểu lúng túng không biết làm gì cho phải, chủ trương đánh Pháp hay hòa với người Pháp. Đánh thì đánh không lại. Hòa thì khác nào như kêu dân mình xuôi tay mặc tình bọn nó ức hiếp. Cái lúng túng đó thấy rõ trong cử chỉ của Vân Tiên trước mặt Nguyệt Nga,

mắt thân tình như an ủi người bại trận. Có khi cậu còn đọc thơ Bắt lươn ai nắm đằng đuôi, bởi anh vô phận lươn chùi xuống hang hay Bầu sao anh để trên dàn, duyên anh xe lỏng em phụ phàng duyên anh. Lần nào nó cũng mỉn cười thông cảm với cái hể hả của cậu nhưng trong lòng lại có niềm vui riêng dầu rằng vết thương tình đổ mủ trở lại. Mẹ họ, tôi vô phận hay anh nhờ cha mẹ giàu có được cho đi học một mớ chữ, không nên thân nên hình gì nhưng so với người vô phước sống lòng vòng ở đây từ nhỏ tới lớn, anh cũng hơn được nhiều. Gặp thời bọn ngoại nhơn cần tay sai, nó cử anh làm chức nầy chức nọ trong làng trong xóm, anh nghiễm nhiên có chức có phận. Gia đình con Kén sợ bóng sợ gió, phần chú Năm Dậu thích làm xui với nhà giàu, ham nhậu nhẹt với anh nên gả ép con. Nó bị tía nó đánh đập chết đi sống lại bao nhiêu lần nó mới ừ anh có biết không? Thân người ta con gái mà đòn bọng, bầm dập tháng nầy qua tháng khác thì sao mà chịu cho thấu! Mẹ họ, tình tôi bời rời không dính, tơ duyên tôi xe lỏng lẻo bị tuột hay anh tước mối tơ duyên gắng bó của tụi tôi ra, xe cái tơ duyên áp đặt của anh vô đó? Tôi biết ruột gan con mèo của tôi mà. Bao nhiêu lần ngồi cùng nhau dựa bụi môn, muốm ẵm muốn bồng, muốn nắn muốn bóp lúc nào cũng được, làm gì nó cũng cho cũng ừ mà tôi có thèm làm đâu. Còn y nguyên cho anh để ngày nay anh có dịp hí hửng. Ngó cuộc diện tôi biết hai đứa có tình yêu thì được, duyên chồng vợ thì không ngơ. Các hữu kỳ phận. Quan trọng là cái tình, cái hồn của nó. Bây giờ tuy là chồng nhưng anh có biết cái tình, cái hồn nó nằm ở đâu đâu nà!

Và lần nào cũng vậy nó bắt tay bổ xua Thầy Hai Phó Hương Quản mà lòng thương hại cho kẻ đến sau. Dầu là đến sau trong tâm hồn một người con gái quê.

Nhiều lúc khi Thầy Hai Phó Hương Quản đi rồi, nó thơ thẩn ngâm ngaVân Tiên ngồi dựa bụi môn rồi chưởi đổng:

"Mẹ họ, cái quí nhứt trong tình yêu, cái tình tứ tuyệt vời của đời trai là con mèo của mình đồng lòng ra ngồi dựa bụi môn với mình, đồng lòng cùng ngồi chờ trăng lặn để nói chuyện sang đàng, tuy không đâu vô đâu nhưng thỏa lòng mong nhớ. Núp lén trong bụi trong bờ, đợi con gái người ta đi qua ơ hờ, làm ba cái chuyện kia thì hay ho gì đâu mà phải khổ công đợi chờ trăng lên với trăng xuống."

Nó cười khan một mình. Má nó xán bịnh nặng mấy tháng rồi mất cả năm nay. Xóm Gò Xoài giờ đây mỗi bóng cây dáng nắng, từng ánh trăng con nước, từng tiếng vạc sành kêu hay cú rúc đều như chứa chất mối u tình nặng trĩu lòng nó, nặng nhưng vẫn còn đủ đẹp để lôi chưn nó lại không cho cất bước giang hồ tìm quên.❐

Ngày Xuân trả nợ quê hương

CAO XUÂN TÚ

Có gì giữa hai bờ mộng thực
Hiện về mấy chấm phá hỗn mang
Dài ngón tay lóc cóc nửa đêm
Múa trong đầu một con rối chữ

Sáng rửa tai tiếng Chà tiếng Mỹ
Lót lòng báo lá cải cháo tàu
Soi mặt mình nhặt dỡ gương ai
Thêm một ngày lăn hoài cục nợ

Có gì trong lối ngang về tắt
Trời tháng giêng say nắng tháng mười
Gặp cố nhân dù dị ứng hắt hơi
Vẫn nợ nhau cái liếc dài ngạt thở

Ôi cuộc dời không chi dễ dãi
Cứ từ nhà xuống phố phom phom
Chẳng gặp vài bộ mặt đám dua
Một nụ cười chưa quen đã nhớ

Chẳng dễ gì làm con mọt sách
Mãi nằm dài chấm mút câu thơ
Chú gián nhà kĩu kịt đánh đu
Trên khung chữ nhẵn tờ giấy nợ

Những nợ tình có bao giờ trả
Chán lại chơi canh bạc tay ba
Nợ cỗ hòm ngán bãi tha ma
Nợ áo cơm mỏng như làn khói

Ma lưu vong ngày xuân trẻ lại
Gậy ba lô trả nợ quê hương

Tôi trở về dưới rặng thùy dương
Theo bãi sò tìm dấu chân mộ

Em ơi quê mình đây xứ Nghệ
Chớ ngó ngang nhỡ tuột bản đồ
Xế bóng trưa thót một tiếng gà
Con gió khạc bụi tre già trọ trẹ

Nước Lam xanh hồn tôi tắm mát
Mướt rong rêu từ thuở chưa xa
Bước chiều mịn hao dần mỏm cát
Ngây người nhìn mảnh đất ông cha

Bứng dâu những nóc nhà tiêu thổ
Tượng đồng bia đá hóa ra tro
Đất này thiêng lắm thầy ít ma
Còn dãi nhau ân tình cá gỗ

Bồ nông sà xuống gò lún cỏ
Miếng ruộng cùn bén rễ sắn khoai
Còn khói bom trong cái ấm sứt tai
Sao cay mắt hay bốc nhầm khói bếp

Đường lên khó xứ Mường bản thượng
Quay về thêm hiu hắt phận người
Những bước đời chôn chân tại chỗ
Những mộng cuồng theo nước ra khơi

Đêm Diễn Châu sưng phù châu thổ
Chó tru buồn hơn tố khổ bốn đời
Chọa ghiền câu thi xã ngâm chơi
Em nổi gai ớn con thuyền xứ Nghệ

Thôi cũng bõ lần đi về tạm bợ
Tôi trả nợ ai người hết nợ tôi
Cứ yêu nhau mối tình cá gỗ
Say trăng nằm phơi rốn Cửa Lò.

Huyền Trân

Nguyễn Trung Hối

Có lẽ đối với mọi người trong gia đình tôi, cái Tết nầy là cái Tết ý nghĩa nhất, sung sướng nhất, tự hào nhất; lại còn là cái Tết đoàn tụ vui vẻ, đông đủ mọi thành viên trong nhà. Nhưng, chỉ riêng tôi, tôi có một ý nghĩ khác. Không vui. Không buồn. Chỉ ray rứt, dằn vặt khôn nguôi. Tôi không thể thổ lộ cùng ai, kể cả anh tôi là người tôi thương mến nhất. Để làm gì cơ chứ ? Có ích lợi gì đâu? Có nói gì thì tôi cũng đã nói rồi. Nhưng chẳng biết anh có hiểu không. Còn chị ấy ? Tôi không hiểu biết nhiều về người Tây phương. Nhất là đấy lại là một phụ nữ. Người ta không thường nói đàn bà là khó hiểu hay sao? Cả tôi nữa, thật tình có nhiều lúc tôi cũng không hiểu nổi chính tôi !

Có thể tôi sẽ viết lại câu chuyện nầy. Rồi e-mail cho chú Giáp, người tổng biên tập một tờ tạp chí văn học ở California mà tôi đã được gặp năm 1996 khi cùng với phái đoàn sinh viên học sinh chuyên Anh sang thăm San Francisco theo lời mời của một trường đại học ở đấy. Tôi sẽ không để tặng ai, nhất là Pat, như chị ấy đã mong muốn. Tôi cũng không muốn Pat đọc truyện nầy. Vì tôi sẽ mang tiếng là một con bé lí lắc, ngồi lê đôi mách. Người ta thường mỉa mai rằng những nhà văn nữ, trước hết là viết chuyện của mình, sau đó đến chuyện của bạn bè. Bao giờ cũng "thành thật khai báo", tưởng như thế là "cách mạng sẽ khoan hồng", à quên, độc giả sẽ...chịu đọc mình. Tôi chưa bao giờ dại dột như thế. Trừ lần nầy. Tất nhiên, tôi sẽ đổi hết các tên người, hoàn cảnh, tình tiết...Tôi viết, như vẫn thường viết, không phải có một sứ mệnh gì cao cả hay để "để đời", mà chỉ muốn giải tỏa một ẩn ức, một băn khoăn. Là vì tôi không biết nói cùng ai.

Gia đình tôi là một gia đình trí thức, nề nếp từ bao đời nay. Ông nội tôi là một "y sĩ Đông dương", về sau cũng được vinh phong là bác sĩ. Ba tôi, thạc sĩ y khoa, giáo sư thực thụ, chủ nhiệm ngành tim mạch trường đại

học y dược Sài Gòn. Sau năm 1975 vẫn được "lưu dung" với chức vụ cũ ở trường y thành phố. Hiện nay ba tôi đã về hưu, hàng ngày chỉ gặp gỡ bạn bè, ngâm họa thơ văn với các cụ mà thôi.

Chồng của chị Hai tôi cũng là một bác sĩ, tuy chưa phải là thạc sĩ, nhưng nhờ học ở Pháp về, lại là con rể của ba tôi nên cũng được vào giảng dạy ở trường và lần hồi cũng lên đến chức phó giáo sư. Anh Ba của tôi cũng là một bác sĩ, sau hai năm cải tạo, anh vẫn hành nghề bác sĩ tư ở Biên Hòa là nơi anh vốn có nhiều thân chủ từ trước 1975. Anh Tư tôi, tức là anh Tân, vượt biên năm 1980, hiện nay là tiến sĩ kinh tế học, lương hàng năm trên một trăm nghìn mỹ kim, công tác trong một cơ quan của chính phủ Hoa Kỳ ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Vợ của anh Tân, Patricia Lancelotti, người Mỹ gốc Ý, cũng là một bác sĩ. Còn tôi, con út trong gia đình, đang học năm cuối trường địa học tổng hợp, ban Anh văn. Tôi yêu thích văn thơ, nên thỉnh thoảng cũng có một vài bài thơ hay truyện ngắn của tôi được đăng báo.

Sáng ngày 29 Tết, vợ chồng anh Tân về đến Tân Sơn Nhất. Gần hai mươi năm xa cách, cả nhà tôi, ai cũng có mặt ở sân bay để đón hai người , kể cả Trang bạn tôi và là người yêu cũ của anh ấy. Tuy Trang biết lần nầy anh Tân về còn có cô vợ người Mỹ cùng về nữa. Trang đã có một đời chồng, nhưng chưa có con. Chồng Trang đã vượt biên với người tình mới, âm thầm lặng lẽ không cho Trang biết. Nếu không có tôi hết lòng săn sóc an ủi, con bé đã tự tìm cái chết khi gặp phải nỗi đau đớn ê chề ấy rồi.

Chị Hai tôi vốn là tiếp viên hàng không,nay đã lớn tuổi nên chỉ làm việc ở sân bay, nhờ thế gia đình tôi được vào bên trong phòng đợi để đón vợ chồng anh Tân. 11 giờ 55 máy bay hạ cánh. Chúng tôi chầu chực sẵn ở cổng để chờ xe ca chở hành khách vào. Ai cũng nôn nóng. Rồi anh Tư tôi hiện ra. Ai cũng nhận được ngay. Người anh cao lớn và trẻ đẹp như tài tử điện ảnh Hồng Kông Quách Phú Thành vậy !

Má tôi ôm lấy anh mà khóc ngon lành !

Nhưng khi anh giới thiệu người vợ Mỹ của anh thì mọi người tưởng có thể ngất đi được : thì ra Patricia Lancelotti, người Mỹ gốc Ý, bác sĩ y khoa tốt nghiệp ở Harvard, nàng dâu mới của gia đình tôi là một cô gái da đen ! Ba tôi, mặt chỉ thoáng buồn, nhưng nhanh chóng lấy lại được sự trầm tĩnh thường nhật của ông, bắt tay cô dâu đen như một cục than hầm và nói bằng tiếng Anh :

"Hoan nghênh con đã đến với chúng tôi !"

Cô Mỹ đen, chị dâu tôi nói tiếng Việt khá sõi :

"Chào ba !"

Má tôi, tưởng như muốn quỵ xuống, nếu không có chị Hai và chị Ba

tôi nâng đỡ ở hai bên. Mặt của má tôi trắng như một tờ giấy chưa viết chữ. Người chỉ lắp bắp lời gì đó không rõ khi cô dâu da đen nói :

"Chào má !"

Tôi thấy da mặt cô ta đen bóng như lọ nồi. Mắt và răng trắng nhởn. Môi lại thoa son toe toét. Cô ta mặc một cái áo màu đỏ, cổ thật cao che kín cả hai tai trông như kiểu áo của các vua chúa phương Tây ở các thế kỷ trước, chân lại mang một đôi bốt da cao đến quá đầu gối, trong lúc Sài Gòn của tôi đang nóng muốn chảy mỡ ! Quê ơi là quê ! "Việt kiều hồi hộp" cũng không đến nỗi như thế !Thật tội nghiệp cho anh tôi, một con người thanh lịch, trí thức như thế, tại sao lại vơ phải một cô vợ đến nỗi nầy ? Tôi xấu hổ với Trang quá, trong khi Trang chỉ lặng yên không nói gì. Nhưng sau đó Trang xin lỗi tôi không cùng về nhà tôi dùng cơm như đã hứa.

Tôi không hề có ý kỳ thị. Anh tôi lấy vợ da đen cũng được. Nhưng nếu là người không xinh đẹp như Vanessa Williams thì ít ra cũng...đen vừa vừa thôi. Như Janet Jackson hay Naomi Campbell chẳng hạn. Ở đây thì Patricia Lancelotti lại đen quá cỡ !

Cô dâu gốc gác châu Phi chỉ nói những tiếng chào ngắn ngủi khi anh Tân giới thiệu chúng tôi :"Chào anh Hai !", "Chào chị Hai!","Chào anh Ba!"...bằng tiếng Việt. Đến lượt tôi, anh nói nhiều hơn với vợ, cũng bằng tiếng Việt :

"Đây là cô Năm, "bà cô nhọn mồm" của em đó ! Người Việt Nam thường nói "chị dâu, em chồng". Em

liệu mà lấy lòng cô văn sĩ của chúng tôi !"

Pat nói với chồng : "Em biết rồi", rồi đưa tay cho tôi bắt, cười rất tươi với tôi,hình như chị cười cả bằng mắt nữa, nói ;

"Chào em, Kim Đính."

Bây giờ tôi mới thấy chỉ có nụ cười và đôi mắt của chị là được thôi. Tôi yêu ngay nụ cười và đôi mắt ấy. Tôi hỏi lại :

"Chị biết tên em ?"

Pat đáp lại với vẻ tự hào :

"Biết chứ ! Tôi còn biết Kim Đính là một nhà văn nữa. Hy vọng có ngày tôi sẽ được em tặng cho một tác phẩm em viết."

Điều duy nhất an ủi mọi người là Pat nói tiếng Việt rất giỏi, mặc dầu có chữ chị nói còn ngọng nghịu. Tuy nhiên, hình như cách cư xử của Pat còn quá vụng về. Bắt tay chúng tôi, kể cả ba tôi, Pat cũng không biết tháo bao tay ra , mặc dầu trời rất nóng. Và khi chị Hai tôi, vốn là người từng bay đi đây đó, quen giao thiệp với người ngoại quốc, muốn ôm hôn Pat thì bị cô ta đẩy ra ! Mọi người chung quanh đều nhìn thấy, làm chị Hai ê mặt.

Cả anh Tân cũng thấy, anh sửng sốt một chút rồi mỉm cười xin lỗi chị Hai:

"Chị đừng để tâm. Có thể là Pat không chịu được cái nóng ở đây."

Cho nên, khi chị bảo hai vợ chồng anh " hai em đi xe chị", thì anh Tân vội vàng hỏi ngay :

"Xe chị có máy lạnh không ?"

Rồi anh ôm vai vợ âu yếm nói :

"Em chịu đựng một lúc nữa nhé ! Về đến nhà là xong."

Câu nầy anh nói tiếng Anh với chị ấy. Tôi nghe cũng hiểu. Pat nhìn lại chồng với vẻ vùng vằng, giận dỗi. Tôi xem chừng hai anh chị yêu thương nhau khăng khít lắm.

Trên xe của anh Chung, chồng chị Hai tôi, tôi ngồi băng sau với vợ chồng anh Tân. Người ngồi giữa là Pat. Nhưng chị ấy cứ ngồi sát vào anh tôi, hình như không muốn gần tôi, làm tôi bị mặc cảm đến phát bực. Tôi nghĩ :"Bà làm như bà sợ lây cái màu da đen thui cho tôi hay sao chớ ?" Tôi giận nên không thèm nói năng gì. Cũng may cho tôi là ở người Pat thoang thoảng bay ra một mùi nước hoa dễ chịu, nghe như mùi Chanel số 5 hay CK số 1 gì đó, tôi chưa phân biệt được. Tôi sợ cái mùi dầu hôi của các bà Mỹ già như các bà giáo sư của tôi !

Tôi nhận thấy hình như chỉ có anh Chung là chẳng hề tỏ ra có ý gì với cô em dâu da màu. Có thể anh đã quen với nhiều năm ở nước ngoài và có thể vì Pat lại là đồng nghiệp của anh nữa. Tôi nghe hai người trao đổi với nhau về nghề nghiệp của mình. Mặc dầu tôi thuộc loại sinh viên xuất sắc về tiếng Anh, nhưng vẫn có nhiều câu tôi nghe không kịp. Anh tôi thỉnh thoảng phụ họa vào một đôi câu, thường là những câu ca ngợi vợ mình. Tôi ngạc nhiên khi nghe anh nói sau khi đi Việt Nam về, Pat sẽ tham gia phái đoàn bác sĩ thiện nguyện đi Somalia hay Ethiopia gì đó...Tôi đã đọc truyện "Chỉ Có Một Tình Yêu" của Erich Segal và cũng vừa mới xem cuốn phim quay dựa vào tác phẩm ấy của một người bạn cho mượn. Tôi thích cuốn phim của đạo diễn người Hà Lan Gerrit van der Meer nầy hơn là cuốn sách của Segal. Cuốn phim có nhiều sáng tạo, nhiều tình tiết hợp lý, tôi không kể việc dùng Amsterdam thay thế Paris, vừa thân mật, vừa nên thơ rất nhiều, mà là đạo diễn đã thực hiện cuốn phim "đạt" hơn điều mà Segal muốn làm, nhưng không được. Và tuyệt vời nhất là về phần âm thanh, nhạc trong phim. Tôi lại thấy Gomba hay Ethiopia thì cũng thế. Tình trạng hiện nay ở đâu thì cũng nguy hiểm như nhau. Tại sao anh tôi lại bằng lòng cho vợ tham gia vào một chương trình phiêu lưu như thế ? Chẳng lẽ vì chị ấy vốn là người gốc Phi châu?

Lúc xe về đến nhà, việc đầu tiên là Pat hỏi phòng tắm ở đâu để xin được đi tắm. Anh tôi lấy xà phòng, khăn tắm và áo quần cho vợ một cách

sốt sắng, ân cần quá mức. Điều ấy làm tôi ngạc nhiên không ít, vì thấy anh yêu cô vợ da đen của mình biết bao ! Trong lúc Pat đi tắm thì cả nhà ngồi quanh bàn ăn, nhưng chưa ai cầm đũa, vì còn phải chờ đợi chị. Má tôi nói mệt, không muốn ăn, nên đi nằm. Mọi người im lặng nhìn anh Tân, nhưng không ai nói gì cả. Không khí tự nhiên trở nên nặng nề. Anh Tân thì chỉ bình thản mỉm cười. Hình như anh không hề bận tâm và lấy làm phiền lòng vì sự lạnh lùng của mọi người đối với vợ anh một chút nào cả. Tôi thấy hình như anh còn có vẻ vui nữa là khác. Tôi nhìn đôi mắt của anh là hiểu. Anh chỉ hơn tôi hai tuổi và từ bé vẫn chơi đùa với tôi thân mật hơn các anh chị khác. Tân nghịch lắm, quậy phá nhất nhà nhưng vô cùng thông minh. Đó là hai đức tính trái ngược khiến cho ai cũng ngán anh nhưng lại rất yêu thương anh.

Pat tắm thật lâu. Chị Ba nóng lòng nên bảo nhỏ tôi :

"Sao mà lâu thế ? Nhưng có tắm cả đời cũng không sạch được cái mầu đen ấy đâu cô Năm nhỉ ?"

Anh Ba tuy không nghe vợ nói gì nhưng cũng đoán được phần nào liền răn đe chị :

"Thôi, không nói năng gì cả đấy nhé !"

Anh Chung bỗng lên tiếng :

"Cô ấy là một bác sĩ giỏi. Chỉ cần nói chuyện một lúc là chúng tôi biết."

Anh Tân bây giờ mới lên tiếng :

"Cám ơn anh. Pat ra trường đậu thủ khoa với bằng khen của hội đồng khoa. Cô ấy được bệnh viện Mayo mời hợp tác, nhưng Pat còn phải đi Phi châu một thời gian ."

Tôi nói ra ý nghĩ của tôi lúc còn ngồi trên xe :

"Tại sao anh để cho chị ấy đi? Em nghe nói vùng ấy đang có chiến tranh."

Anh tôi đáp :

"Vì cô ấy muốn thế."

"Anh không sợ chị ấy gặp nguy hiểm sao ?"

Anh Tân chưa kịp đáp thì chị Ba đã nói ngay :

"Vì cô ấy là người Phi châu mà ! Thì cũng như người mình về giúp nước mình vậy."

Anh Tân cười tự nhiên, không để ý đến vẻ mỉa mai trong lời nói của chị Ba :

"Chắc là như vậy."

Ba tôi hỏi :

"Con gặp cô ta hồi nào ? Ở đâu ?"

"Chúng con cùng học ở Boston. Nhưng Pat học y khoa."

"Con dạy cho cô ấy nói tiếng Việt đấy à ?"

"Dạ không phải. Pat học tín chỉ đàng hoàng. Pat còn học cả chữ Tàu nữa, vì đã học châm cứu với một giáo sư người Trung hoa."

Nói xong anh vội đứng dậy :

"Thưa ba, để con vô coi má..."

Ba tôi cản :

"Không sao đâu ! Con biết tính má con quá mà. Cứ để má con nằm trong ấy cho yên."

Anh tôi có vẻ băn khoăn :

"Vậy để con vô coi nhà con. Cả nhà cứ ăn trước đi. Xin đừng chờ nữa."

Anh Tân vừa đi khỏi, chị Ba nói ngay :

"Không ngờ thím ấy là một con mọi đen !"

Anh Ba mắằng vợ :

"Bà ăn nói bừa bãi quá ! Ai là con mọi ?"

Ba tôi cũng không bằng lòng nên nói :

"Đừng nên nói thế. Dầu sao nó cũng là em dâu của các con và cũng là người có học thức. Vả lại, phải là người thế nào thì thằng Tân mới lấy làm vợ. Tính thằng Tân, ba nghĩ các con biết rất rõ. Để từ từ xem sao..."

Anh Chung nói :

"Kỳ thị chủng tộc bây giờ là lạc hậu rồi. Người da đen cũng có cái giá trị của người da đen. Ngày xưa, công chúa Huyền Trân nhà Trần cũng đen thế thôi, nhưng mà giá đến liên châu Ô, Lý đấy. Còn hơn cả nghìn vàng nữa."

Tôi vui miệng nói chêm vào :

"Nếu không thế thì sao bác sĩ Trần Khắc Chung lại liều mạng sang tận Chiêm Thành cứu nàng về, phải không?"

Chị Hai liền mắng tôi :

"Em đừng nói giỡn, không nên. Đó là tướng Trần Khắc Chung, chớ không phải anh Hai."

Tôi cũng thấy mình hơi quá đáng nên hướng về anh Chung xin lỗi :

"Em chỉ nói đùa. Xin lỗi anh Hai !"

Anh cười vui vẻ :

"Không sao. Cũng may, anh là Đỗ Đức Chung, không phải là Trần Khắc Chung."

Lúc ấy bỗng có tiếng má tôi từ nhà trong đi ra :

"Cha mẹ tụi bay ! Thì cũng do cái thằng Tân bày đặt chớ gì ? Lớn đầu rồi mà còn nghịch như quỷ sứ ! Tụi bay làm tao muốn chết luôn."

Má tôi hiện ra ở cửa với khuôn mặt rạng rỡ...Đi sau má là anh Tân, cười to thành tiếng. Vẫn cái cười tinh nghịch phá phách ngày nào. Và đi sau anh Tân là...một cô gái mặc áo dài Việt Nam màu vàng nhạt, mái tóc dài ôm hờ một khuôn mặt trắng hồng, mắt sáng, hai hàng lông mi cong vút và môi cười như hoa nở. Cả nhà đều đứng bật dậy, kể cả ba tôi. Thật bất ngờ cho tôi. Đây là chị Tân, là Pat đó sao?

Má tôi giải thích :

"Thì ra bày đặt vẫn là cái thằng quỷ sứ này. Có vợ rồi mà vẫn còn quậy như hồi nhỏ, chẳng khác chi !"

Anh Tân cười :

"Nếu không thế thì làm sao má nhận ra con bây giờ ?"

Cô dâu Mỹ trắng, đẹp lộng lẫy như một nàng tiên đến trước ba tôi , chắp hai tay nói rất lễ phép :

"Xin lỗi ba, xin lỗi cả nhà. Vì anh Tân bắt con hóa trang nên con phải nghe theo. "Xuất giá tòng phu" mà, phải không ba ?"

Ba tôi cười, khen :

"Đúng. Nhưng không phải cái chi cũng nghe theo chồng cả đâu nghe con. Nghe theo mà làm cho má con đứng tim là có tội đó."

Pat nói :

"Chúng con đã nghiên cứu rồi. Ba là chuyên gia về tim mạch, thử hỏi làm sao tim của má có vấn đề được ?"

Mọi người vỗ tay hoan hô câu nói khéo léo của Pat. Người tự hào nhất tất nhiên là ba tôi. Anh Tân nói :

"Lúc mới qua Mỹ con ở miền Nam, thấy người da đen bị kỳ thị, nên bực mình bỏ lên miền Bắc. Không ngờ vừa rồi nhà mình cũng ngấm ngầm phản đối ghê quá !"

Ai cũng cảm thấy lòng mình chợt băn khoăn vì lời nói của anh tôi. Pat thông minh đã nói lấp ngay :

"Cũng vì bênh vực mấy người da đen, Tân đã bị đánh cho phải vào nằm nhà thương..."

Má tôi nghe thế vội la lên :

"Trời đất ! Rồi có sao không?"

Ba tôi cười :

"Có "sao" hay không thì lúc bị đánh mới thấy. Bây giờ thì sao cũng tất rồi, còn hỏi gì nữa."

Mọi người đều cười lên vui vẻ.

Pat đi đến trước chị Hai tôi, vòng tay ôm lấy chị :

"Bây giờ xin chị hãy hôn em đi ! Lúc ở sân bay, chị hiểu vì sao mà em không dám để chị hôn rồi chứ ?"

Chị Hai hôn vào hai má Pat, khen :

"Em đẹp lắm ! Cậu Tân thật có phước khi lấy được em."

"Cám ơn chị. Em cũng có phước khi lấy được ảnh."

Hôn chị Ba xong, Pat đến bên tôi, cười thật dễ thương :

"Bây giờ thì Kim Đính hiểu tại sao lúc ngồi trên xe chị cứ né tránh em rồi chứ gì ? Là vì cái áo mới quá đẹp của em đấy !"

Rồi chị ôm hôn tôi. Môi chị êm như nhung khi chạm vào má tôi. Tóc mầu hạt dẻ, sợi nhỏ và dài, chứ không đen và rối như ổ quạ như khi hóa trang. Chị thật đẹp quá. Lời nói của chị, câu nào cũng khéo léo, tế nhị. Cho nên ai cũng vừa lòng.

Những ngày sau đó, gia đình tôi thực sự sống trong hạnh phúc. Pat rất được lòng mọi người, nhất là má tôi và bọn trẻ con trong gia đình. Má có vẻ hãnh diện về cô dâu người nước ngoài này lắm. Đi đâu má cũng dẫn Pat đi. Đi chùa, đi thăm họ hàng, đi chợ...Má tôi thương chỉ lắm. Mà thật ra thì Pat ai mà không thương mến ? Đã có học, lại nhũn nhặn, người thì quá đẹp, ăn nói rất khéo léo. Ở nhà, chị thường vào bếp nấu món nầy, món nọ. Chị bảo, đối với người Mỹ chuyện nấu ăn không phải chỉ là công việc của người phụ nữ. Đàn ông cũng sành nấu ăn, lặt rau, nướng thịt, rửa chén...

Sau những ngày Tết, Pat được anh Chung giới thiệu với giáo sư Nguyễn Dậu để đến thực tập châm cứu ở Y viện Dân tộc. Y viện này là bệnh viện Dung Anh ngày xưa của giáo sư Trần Đình Đệ nên rất tiện đường đi làm của chị Hai. Buổi sáng ,Pat đi với chị Hai. Chiều có anh Hai vào chơi với giáo sư Dậu rồi đón chị về. Anh Tân hàng ngày gặp gỡ bạn bè cũ hoặc được mời nói chuyện ở các trường đại học. Có một tuần, anh theo má về thăm quê ngoại ở Cần Thơ và hội thảo với các giáo sư trường đại học ở dưới ấy.

Rồi một tháng cũng trôi qua. Ngày anh Tân và chị Pat trở về Mỹ đã đến. Tôi vốn buồn trước những nỗi buồn sẽ xảy ra nên cũng không hụt hẫng lắm. Tuy thế tôi thật sự quyến luyến Pat. Điều tôi quý chị nhất là chị biết rõ đam mê của tôi và cũng biết trình độ thưởng thức văn học của tôi nữa nên đã tìm tòi mang về làm quà cho tôi một mớ sách báo văn học Mỹ. Không phải là những cuốn sách bìa dày hay bìa mỏng của các tác giả gọi là "bestsellers" nổi tiếng nhưng tầm thường. Mà là những tác phẩm thực sự "văn học" của các giáo sư đại học trong AWP, những tên tuổi tôi chưa hề nghe thấy, nhưng khi đọc những tác phẩm của họ, mình mới thấy được tiềm lực tương lai của nền văn học ở một quốc gia có tổ chức là như thế nào !

Qua những lần ngồi nói chuyện văn chương với Pat, tôi càng quý

trọng chị hơn. Pat đọc nhiều, hiểu nhiều và nhất là thuộc rất nhiều thơ. Không những giỏi về y lý, văn học cũng rất sành. Chị cũng có tâm hồn lãng mạn và cũng có những giây phút mơ mộng. Trong một lần đang ngồi nói chuyện ở phòng tôi, tôi bỗng thấy Pat thẫn thờ như người mất hồn và viết đi, viết lại mấy câu thơ của Lord Houghton, rồi xóa đi. Đó là khổ cuối của bài thơ "Chỉ Có Chúng Mình" mà tôi đã học ở trường nên tôi biết :

"Môi trên môi và mắt trong mắt
Yêu để yêu, dầu sống, hay chết
Không còn anh và không còn em
Chúng mình và chỉ có chúng mình thôi."

Như một áng mây đen báo hiệu cho cơn mưa sẽ đến. Tôi bỗng dưng cảm thấy lòng bất an. Tôi liền nói cho Pat biết ý của tôi là không muốn chị đi Phi châu. Tôi không nói với chị là tôi đã đọc và xem phim về cuốn tiểu thuyết mới của Segal. Tôi chỉ nghĩ trong tâm trí thôi. Và tôi thấy rằng tình yêu của Sylvia và Matthew thật đẹp. Họ thật tình yêu nhau, nhưng định mệnh tai ác đã chia cách họ. Và tôi không chấp nhận thứ tình yêu nhục thể, dễ dàng của Denise và Francois. Rõ ràng là thứ tình "trên bộc trong dâu", chỉ cốt giải tỏa những thèm khát nhục dục khi phải giam mình giữa sa mạc toàn bệnh tật và tử thần.

Tôi thương anh tôi, nên tôi cần phải giữ Pat lại. Một người như Pat mà phải xa chồng hàng tháng trời. Ai mà biết sẽ có chuyện gì xảy ra. Nghe tôi nói, Pat chỉ nhìn lại tôi, nhưng không trả lời.

Tôi thấy như Pat chẳng hiểu tôi nói gì. Thật là lạ. Tôi mơ hồ hiểu rằng hình như Pat không còn quan tâm cả đến chính bản thân mình nữa. Chị như muốn buông xuôi tất cả...

Vì điều tôi lo lắng ấy đã xảy ra rồi.

Đêm cuối cùng của vợ chồng chị ấy ở Sài Gòn, gia đình tôi làm tiệc chiêu đãi. Anh Tân lỡ hẹn trước với các bạn học cũ nên xin lỗi được vắng mặt. Pat cũng cáo mệt, nên từ chối lời mời không đi với chồng, nằm miết trong phòng.

Khi bà con đến đông đủ cả, má tôi sai tôi vào tìm chị.

Khi tôi xoay nắm cửa thì cửa khóa bên trong. Có tiếng Pat hỏi :

"Ai đấy ?"

"Em đây". Tôi đáp. "Má bảo em vào mời chị ra họp mặt với bà con."

Pat đáp lại :

"Được rồi. Em cứ ra trước đi. Chị còn phải thay quần áo, chị ra sau."

Tôi lại nghe tiếng Pat nói, nho nhỏ thôi, có lẽ quá mệt mỏi mà phải ra

tiếp bà con nên chị càu nhàu chăng ? Tôi đã định bước đi nhưng trí tò mò bắt giữ chân tôi lại. Tôi nghe có tiếng mở cửa, hình như là cửa sổ ở trong phòng, rồi tiếp theo là có tiếng cửa đóng sập lại. Có người nào đó đã đi ra bằng phía cửa sổ? Tôi bước vội đến cuối hành lang, có cái cửa sổ nhìn ra vườn sau, thì bỗng mắt hoa lên, tưởng có thể ngất được khi tôi nhìn thấy anh Hai vội vã đi ra cổng sau để ra đường. Tôi nhìn theo thì thấy chiếc Camry màu cà phê sữa của Chung đậu khuất sau hàng rào, nổ máy rồi chạy đi...

Khi tôi trở lại trước cửa phòng của Pat thì chị cũng vừa mở cửa đi ra. Chị thật sự giật mình khi thấy tôi vẫn còn ở đây

"Kim Đính vẫn còn đứng đây à ?"

Chị hỏi và khi nhìn thấy chiếc cửa sổ cuối hành lang mở rộng thì tái mặt. Tôi nhìn chị thì thấy đôi mắt đẹp của chị mà hàng ngày tôi vẫn thường chiêm ngưỡng bỗng cụp xuống. Tôi không biết lúc bấy giờ đầu óc tôi nghĩ gì. Tất cả đất trời như đảo lộn, quay cuồng. Tôi bỗng thấy thương cho chị Hai và anh Tư của tôi quá. Tôi cũng thấy thương tiếc cho cả Pat nữa, khi thấy đôi mắt chị hơi đỏ và hình như còn ngấn lệ. Vậy là tình cảm của Pat dành cho Chung đã quá sâu đậm. Có lẽ Pat đã yêu anh ấy ? Như thế thì thật tội nghiệp cho Pat, vì Pat có biết đâu Chung với cái mã bề ngoài là giáo sư du học ở Pháp về đã quyến rũ bao nhiêu cô gái ngây thơ...Nhưng lần nầy thì không thể tha thứ cho "hắn" được. Thật là bỉ ổi !Lại dám tình tự ngay trong nhà của ba má tôi nữa. Bây giờ thì tôi hiểu tại sao Pat cáo bệnh để không đi với chồng.

Khi ba tôi hỏi :"Sao không thấy anh Hai của các con?" thì chị Hai vội đáp :

"Nhà con bận trực đêm nay, thưa ba."

Tôi làm như không nghe hai người đối đáp. Tôi ngồi im, không nhìn ai và nhất là không nhìn Pat. Tôi ăn một cách uể oải, chẳng biết ăn những món gì và mùi vị ra sao.

Suốt đêm trăn trở mãi nên tôi đã định không đưa anh Tân ra sân bay vì quá mệt. Hơn nữa, tôi không muốn nhìn thấy Pat nữa. Tất cả những cảm tình tốt đẹp tôi đã dành cho chị đều bay mất. Tôi ghê tởm những con người trí thức đẹp đẽ như Pat, như Chung...

Nhưng cuối cùng tôi vẫn đi, là vì anh tôi.

Ở sân bay, tôi đứng xa hai người, ở sau tất cả mọi người. Trước khi lên máy bay, bất ngờ Pat tìm đến tôi. Đôi mắt của chị thật buồn, và mệt mỏi. Có lẽ cũng vì mất ngủ, nhưng không chắc là cùng nguyên nhân với tôi.

"Tôi sẽ rất nhớ em, Kim Đính !" chị nói.

Tôi đốp chát lại ngay, bằng tiếng Anh:

"Tôi không cần chị nhớ. Chị nên để trái tim và đầu óc của mình để nhớ đến anh tôi !"

Pat ngỡ ngàng thấy rõ. Anh Tân cũng ngạc nhiên không kém, nhưng anh tươi cười nói với tôi :

"Điều ấy thì em khỏi lo. Pat không nhớ anh thì còn nhớ ai?"

Tôi vẫn gay gắt :

"Nếu anh thật sự yêu chị ấy thì nên quan tâm đến chị nhiều hơn nữa. Và em khuyên anh không nên để chị ấy đi Phi châu!"

Không biết Pat có hiểu hết câu nói của tôi không. Tôi nhìn thấy chị quay đi, rồi quay vội lại, mắt ngơ ngác dõi tìm ở đâu xa : Hôm nay không có Chung ra sân bay. Tôi thấy buồn và tiếc cho Pat. Trông chị ấy lộng lẫy quá, đẹp quá nhưng tôi vẫn mơ hồ có một cái gì đó rất mong manh. Tự nhiên trong đầu tôi bỗng nẩy ra một ý nghĩ kỳ quặc : "Giá chị ấy là một viên huyền ngọc, một cô gái da đen như lúc mới về có lẽ tốt hơn !"❐

HỢP LƯU

TẠP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ĐỘC KHẢO

P.O.BOX 277 Garden Grove CA 92842 USA

Tel: (714) 537 5229 Email tchl@aol.com

Xuất bản hai tháng một số Phát hành khắp thế giới

Chủ biên: KHÁNH TRƯỜNG

Dày 256 trang. Bìa Full color với mỗi kỳ một tác phẩm của một họa sĩ
Nơi qui tụ của các cây viết tên tuổi trong, ngoài nước
Với nội dung cấp tiến, phá vỡ mọi định kiến trong mọi lãnh vực

Giá mua dài hạn (một năm)

Nội địa Mỹ và Canada: Four class ☐: 40MK. First class ☐: 50MK

Âu châu: Đường thủy ☐ : 50MK. Máy bay ☐ : 70MK

Úc, Á châu: Đường thủy ☐ : 50MK. Máy bay ☐: 80MK

Trả bằng Mỹ Kim. Check (Mỹ, Canda) . Ngoài Mỹ bằng International Money Order, cho HỢP LƯU

Kẻ lạ

Hồ Nhu

Khi chiếc phi cơ đang hạ dần độ cao, tôi nhoài người nhìn ra ngoài cửa kính. Có thấy gì không? Nick hỏi. Tôi lắc đầu. Mãi đến vài phút trước khi hạ cánh, tôi mới thấy vài ánh đèn rải rác trong đêm tối. Nick nhìn tôi, nhưng tôi tránh mắt anh. Tôi sợ anh sẽ hỏi: Có cảm thấy gì không? và tôi sẽ phải lắc đầu lần nữa.

Ngoài phi cơ, hơi nóng ẩm tạt vào mặt tôi. Chị cán bộ chung chuyến bay (mới đi nghiên cứu sinh ở Mỹ về) quàng đủ mọi thứ khăn len cùng áo bông, gồng mình như sắp phải sẵn sàng lao vào cơn gió lạnh buốt mùa đông của Hà Nội cô ta suýt xoa nói đến ở sân bay Đài Bắc. Trong chiếc áo khoác mỏng, tôi nghe mồ hôi bắt đầu rịn lên chân tóc. Trên chiếc xe ọp ẹp đón khách từ sân bay vào bên trong làm thủ tục, Nick dành được cho tôi một trong những chiếc ghế hiếm hoi dọc hai bên chiếc dài xe. Anh học được trò chen lấn ở đâu thế? Tôi hỏi. Sự sấn sổ luôn là thế mạnh, anh nháy mắt.

Phòng làm thủ tục trống trải, lạnh lẽo. Cũng như những phi trường khác ở mọi nơi. Nhân viên hải quan hách dịch và quạu quọ. Chị cán bộ chỉ tay vào cô bé lấp ló nơi cánh cửa mở rộng bên trong, khoe với nụ cười hãnh diện: con gái tôi đấy. Cô bé ốm mảnh, e thẹn, giấu mặt sau bó hoa bọc giấy nhựa trong. Việt Nam bây giờ giống Tây nhỉ, tôi nghĩ. Không biết cái trò mang hoa tặng nhau ở phi trường có từ bao giờ? Mình lạc hậu mất rồi. Nick kéo khuỷu tay tôi, bắt tôi trở lại trước mặt gã cán bộ mặt non choẹt đang hất hàm ra dấu tôi đưa giấy tờ. Tôi chìa giấy thông hành và giấy nhập khẩu. Chúng biến mất sau quầy. Cái quầy cao kiểu này thật thuận tiện cho việc hối lộ. Gã cán bộ săm soi giấy tờ của tôi, chắc hẳn để

tìm cách vặn hỏi điều gì đấy, vì không có tờ đô la nào nằm kẹp giữa tấm thông hành dán hình bộ mặt ngớ ngẩn của tôi. Cuối cùng, gã liếc Nick, và quăng lại giấy tờ cho tôi. Không phải là đồng đô la, thì vẫn là một sản phẩm Mỹ quốc che chở cho tôi tại xứ sở của mình. Tôi mãi mãi là kẻ phản bội Tổ Quốc, còn Nick đã được nâng lên hàng bạn bè từ lúc Mỹ bãi bỏ cấm vận Việt Nam.

Nick và tôi là hai người cuối cùng tìm thấy vòng xoay hành lý. Ngoài cánh cửa ra sân, một đám người đứng lố nhố tìm người quen và chào khách. Một hai người sấn đến bên tôi: Cô có cần xe về Hà Nội không? Giọng Bắc rặt hơi nặng vang lùng bùng trong tai tôi, lạ lẫm. Vài người khác vây quanh Nick, tuôn ra những tràng tiếng Anh, tiếng Pháp bập bẹ. Không thấy tôi có phản ứng nào rõ rệt, Nick nhận lời một anh chàng tài xế trẻ măng. Trên con đường về Hà Nội, anh ta cho biết anh đã tốt nghiệp Đại Học, 26 tuổi đời. Hăm sáu mà trẻ thế, tôi nghĩ. Và chợt thấy già. Và nhận ra rằng con người ta cũng mau già khi có quá nhiều sự lựa chọn.

Phòng khách sạn nực lên mùi ẩm mốc. Nick hỏi tôi có muốn tìm khách sạn khác? Tôi nhún vai, nhìn tấm thảm đỏ rẻ tiền không sạch lắm dưới chân, tấm nệm nhão nhoẹt, và tấm khăn phủ sa tanh hồng thêu hình đôi chim câu lồng qua trái tim. Nick khó chịu: Em chưa nói câu nào cả buổi tối? Cảm xúc quá chăng? Tôi quay ngoắt đi. Ngoài tấm màn thưa che cửa sổ, mái ngói rêu đen và bờ tường vàng úa hiện ra. Trái tim tôi lặng lờ, như lúc ý nghĩ sắp nhìn thấy Hà Nột lướt qua trí. Mười mấy năm rồi còn gì. Tôi đã thành kẻ lạ.

Tám giờ sáng, Nick lôi tôi dậy. Để làm gì, tôi hỏi. Em không tò mò ngắm phố phường hay sao? Tôi vào phòng tắm, mang theo chai nước suối. Em không muốn liều mạng thử xem hệ thống nước ở đây lọc sạch cỡ nào, tôi giải thích với Nick. Anh có sao đâu, anh nói. Tôi cáu kỉnh đóng cửa phòng tắm thật mạnh.

Tỉnh táo rồi, tôi nhận ra những tiếng động xuyên qua bức tường không cách âm kỹ của khách sạn. Nhiều nhất là tiếng còi xe. Con đường trước cửa khách sạn cũng là con đường buôn bán, như có lẽ hầu hết những con đường trong những thành phố Việt Nam. Nick và tôi len lách qua những món hàng bày trên hè, xe gắn máy đậu, và người đi lại. Hình như ai cũng quay lại nhìn chúng tôi. Cái nhìn soi bói, lục lọi như thể họ đang chờ tôi làm một cử chỉ lạ lùng nào đó. Tôi tụt lại sau Nick xa hơn. Đến ngã tư, anh

không biết đối xử với đàn bà con gái thế nào cho phải cách, theo kiểu đàn ông con trai hay theo kiểu tiên nho thánh hiền..."

Bà Hai chận ngang:

"Bây nói nhiều quá ai mà theo kịp! Đâu người mình đặt câu hát gì chê cụ Đồ Chiểu đâu?"

"Dạ thì thiên hạ đọc hoài đó. Vân Tiên cõng mẹ trở ra, đụng phải cột nhà cõng mẹ trở vô.Vân Tiên cõng mẹ trở vô, đụng phải cái bồ cõng mẹ trở ra. Vân Tiên cõng mẹ trở ra. Đụng phải bà già cõng mẹ trở vô... Cứ vậy mà trở ra trở vô hoài, hết ngày hết tháng hết năm hết đời, như là ông Nguyễn Đình Chiểu lúng túng giữa cái văn minh vật chất Tây phương và cái nền nếp luân lý cùng trung quân ái quốc Á Đông, lúng túng giữa đánh và hòa, không biết chọn đường nào.."

"Tao không học nhiều ở trường Tây trường u như bây nên không thấy cái liên hệ so sánh ấy là phải hay không phải. Từ câu hát kia tới kết luận nọ tao thấy xa xôi quá, cầu cả chục sào lận, theo muốn điều hụt hơi mà cũng còn chưa kịp. Tao chỉ biết là ông bà mình hát Phạm Công cõng mẹ trở ra.... chớ không nói Vân Tiên cõng mẹ trở ra bao giờ. Phạm Công đắt mẹ đi ăn mày thì cõng cũng là phải thôi. Mẹ già như chuối ba hương, mẹ đi không nỗi nữa thì con cõng. Chớ mẹ Vân Tiên mất trong khi Vân Tiên đương trên đường lai kinh ứng thí thì mẹ nào cho Vân Tiên cõng?

Bây đặt bậy bạ, bây lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia rồi bây cắt nghĩa đùi nầy nọ về chuyện của người xưa thì tội lắm đa nghe. Tội với cổ nhơn đã đành nìa tội với chữ nghĩa thánh hiền mới là trượng! Lút đầu!"

Thấy bộ mặt tiu ngỉu của Cậu Hai, Năm Dậu mới ngoắc ra hàng ba, nói ba điều bốn chuyện để xoa dịu khách:

"Mới có một vố nhẹ nhẹ mà sao coi cậu bầu nhàu quá vậy? Có gì đâu!" Ngừng một lúc Năm Dậu thân tình. "Cậu Hai học trường Tây mà bàn chuyện văn thơ Việt Nam cũng được ớn đó chứ! Cậu ở Sài-gòn nhiều chứ ở xóm Gò Xoài mình đâu có lâu mà coi mòi cậu thuộc câu hò, câu hát nhiều ghê hen? Hai câu mà cậu đọc cho thằng Cò tôi chưa nghe chưa biết bao giờ? Tôi thuộc lòng quyển Câu Hát Góp của ngài Đốc Phủ Của mà cũng không thấy mấy câu đó."

Cậu Hai nghe nói trúng tủ, thay vì bẽn lẽn lại hào hứng khai thiệt, giọng cố tình bình thản nhưng không khỏi phưởng phất trong đó đôi chút tự hào:

"Thì cháu đặt tuồng bụng thôi. Cứ nói bậy bạ gì đó ở câu trên, xuống câu dưới cho có vần là xong chuyện. Cháu làm hoài trong mấy bài thi môn Annamite ở trường mà có ông thầy nào dám hỏi dám nói gì đâu. Câu hát câu hò của người mình ngàn trùng san dã như lá trên rừng như sao trên

tinh, nghề đôi mách xứng hơn xốc lá. Như thiếp khéo biết làm nem làm chạo, tài cũng hay bán bộ bán thuyền....."

Năm năm trời trôi qua kể từ ngày thằng Thành không léo hánh tới nhà con Kén nghe nói thơ nữa. Tới mà làm gì. Má nó làm sao dám hỏi con Kén cho nó. Thiếu tiền nhà người ta ngập đầu nay lại tính che mặt mo tới hỏi con gái người ta về làm mọi cho mình hay sao? Nó còn gặp con nhỏ cả chục lần nữa sau bụi môn gần sàn nước của một người lối xóm trong vòng nửa năm sau đó. Lần nào bên vai áo nó cũng ướt mèm nước mắt với tiếng khóc rưng rức của con Kén. "Thằng cha cậu Hai mua lòng ông già tía em dữ quá. Hai người nhậu say ly bì mỗi tuần hai ba lần. Em bị đòn không biết lần thứ mấy rồi. Bầm dập mình mẩy hết. Anh tính sao thì tính, chớ cái điệu nầy láng cháng em phải làm vợ thằng cha cậu Hai đó. Tía em hỏi ngày một... Nhiều khi đổ liều, cho đánh, bất quá chết là cùng nhưng tội nghiệp bà nội quá. Mỗi lần thấy bà năn nỉ tía bớt tay mà không cầm được nước mắt." Nghe ẻn nói nó thiếu điều muốn đạp đổ hết thế giới nầy cho tang hoang, nhưng ngó lại phận mình hèn mọn bọt bèo, không quyền thế tài cán. Thúc thủ, tính không ra kế, nó ngồi thở dài thường thượt. Dẫn em đi trốn được rồi, mẹ già bỏ lại vui duyên sao đành? Mãng lo bận bịu mẹ già, tính toan không được ruột rà héo don. Chỉ biết cầm tay người yêu ngó vô hai ngôi sao trời đậu trong cặp mắt lóng lánh nước. Câu hát chờ cho trăng lặn mà Cậu Hai Xách-Lu dẫn ra ngày xưa hiện ra trong trí nhưng nó không lòng dạ nào làm gì hết. Vẫn Tiên bạt mạng của người bình dân ngoài đời đưa tay ra đặt vào chỗ không thể đặt, bóp vào chỗ không thể bóp thì được. Thằng Thành mới lớn lại đương buồn rười rượi, ruột gan nát ngướu đâu có tay nào để đưa ra, đành làm thứ Vẫn Tiên sách vở nghiêm chỉnh trong vòng đai lễ giáo. Lần nào cũng vậy, tới lúc sương xuống lành lạnh hay sao Mai chênh chếch mọc, con nhỏ mới bớt khóc, hai đứa bịn rịn chia tay hẹn lần tới.

Nay con Kén đã con xách nách mang, không còn thấy ngại ngùng gì khi được thiên hạ kêu tưng là cô Phó Hương Quản như buổi đầu. Nó thì vẫn là thằng Thành đắp mương mướn, bẻ dừa thuê, tát đìa ăn công mớ tôm cá chốt, làm những công việc không tên cho người làng trên xóm dưới. Miếng ruộng biền mấy công nhỏ xíu hai má con làm quần quật suốt năm mà huê lợi đâu có bao nhiêu. Làm thêm cái bàu rau muống, mỗi lần cắt bỏ mối, bèo cám bám đầy đầu đầy cổ mà nghèo vẫn hoàn nghèo, nhà vẫn là căn nhà lá xiêu vẹo thuở nào khi nó mới chớm biết yêu.

Cậu Hai, chồng con Kén, ăn nói bẩu lẩu bô lô nhưng không thù vặt, lúc nào gặp nó cũng vui vẻ bổ xua, thấy nó mặt mày bí sị thì nheo nheo

dừng lại, ngơ ngác quay lại tìm tôi. Em làm sao thế? Sợ chen lấn à? Em không muốn người ta nhìn em như thế. Như thế nào? Như Việt kiều. Như...me Mỹ, tôi định nói, nhưng chợt nhớ tôi không biết dịch chữ ấy thế nào cho Nick hiểu. Anh phì cười: Em là Việt kiều thật kia mà. Em làm sao giống họ được? Em không thuộc về thế giới của họ.

Tôi là kẻ lạ, tôi nghĩ. Không hiểu sao tôi lại thấy nhói khẽ bên cạnh hông, như có ai thúc vào sườn khi nghĩ thế. Đứng cạnh Nick, tôi nhìn những con mắt đổ vào chúng tôi, những con mắt ngang tầm chiều cao của mắt tôi, những con mắt Đông Phương không rõ hai mí đen hay nâu, dù xa lạ vẫn quen thuộc. Nick xoay cằm tôi lại phía anh. Mắt anh xanh lục, trong veo như hòn bi thủy tinh đẹp nhất tôi có hồi nhỏ. Em làm sao thế? Tôi không biết mình đang như thế nào? Tôi đang ngỡ ngàng nhận ra Hà Nội thật rất xa thành phố nhỏ lười lĩnh ven biển nơi chúng tôi ở. Nơi lẫn lộn tất cả màu da và màu mắt tìm thấy trên quả đất này. Nơi vang lên mọi ngôn ngữ khác nhau của con người. Tôi gạt tay Nick xuống, lấm lét nhìn chung quanh như kẻ trộm, và khó chịu vì mình làm như vậy. Nick tiếp tục đi, bỏ tôi lại phía sau.

Buổi sáng đã bắt đầu nóng bức. Mồ hôi rịn ướt chân tóc, chảy dọc theo sống lưng. Trong những điều tôi đã quên, có cái nóng ẩm ướt của miền nhiệt đới. Tôi nhớ những bài thơ, văn nói về cái lạnh se sắt của Hà Nội, hơi buồn cười. Trên vỉa hè nhấp nhô không đều, những mặt tiền cửa tiệm san sát hiện ra. Mùi rác, mùi cống rãnh lẫn trong mùi thức ăn, mùi khói xe. Tôi nhìn quanh. Góc phố bên kia có ngôi trường hai tầng, màu vôi vàng loang lổ vệt nước mưa. Hàng cây xanh cỗi theo năm tháng. Những chiếc xe đạp, xe gắn máy, xe hơi. Những dáng người nhỏ gầy. Lòng tôi cuộn lên điều gì đó. Như hồi tưởng, như nhận thức. Hà Nội, nơi tôi chưa bao giờ biết đến, vẫn là một thành phố Việt Nam. Như những nơi chốn Việt Nam khác. Tôi dừng lại, đắm trong ánh nắng nhiệt đới. Mười sáu giờ sau khi đặt chân xuống mặt đất ở phi trường Nội Bài, tôi đã thực sự trở về.

Nick nắm lấy tay tôi ở góc đường kế tiếp: Mình đi ăn sáng nhé. OK., tôi nói. Không hẹn, cả hai nhìn vào hàng ăn gần nhất. Tôi nuốt nước bọt khi mùi thịt nướng than xông vào mũi. Nhưng chúng tôi cùng ngại ngần. Nick e dè nhìn bộ bàn ghế thấp bằng nhựa không sạch lắm, sàn nhà cáu đất và đĩa thịt không đậy. Tôi nhìn những con mắt Việt và sự tò mò không che giấu. Mình đi chỗ khác, nhé. Tôi nói, tay vẫy một chiếc taxi. Tiệm ăn

nào ở đây ngon, anh? Tôi hỏi người tài xế. Liếc nhìn Nick, anh ta lái đến một tiệm ăn theo tiêu chuẩn Âu Tây: ghế bàn cao, có cửa đóng, có rèm cửa và có máy lạnh. Nick gọi bánh mì trứng. Tôi gọi theo. Bánh mì ngon, trứng chiên vừa phải, nhưng tôi cứ nghĩ đến hàng bún chả nơi góc phố.

Bữa ăn trưa thật ngon miệng với tôi, nhưng rõ ràng không làm cho Nick hài lòng. Cá chiên, bắp cải xào cà chua, canh đậu hũ, cơm trắng. Tôi vui vẻ ăn, mặc kệ Nick nhúng đũa cầm chừng. Tội cho anh, thấy nước mắm là phát ghê, làm sao mà chịu nổi cái mùi của nó cắn vào mặt bàn gỗ không trải khăn này. Anh nhìn tôi, lạ lùng, như thể ngạc nhiên sao tôi có thể ăn ngon lành đến thế. Anh mà thấy cảnh tôi la lết ăn bún riêu ở chợ, hay xà vào vỉa hè gọi đu đủ bò khô, chắc phải chết khiếp. Có rất nhiều điều Nick không biết về tôi, những năm tháng lớn lên ở Việt Nam tôi ít khi nhớ đến. Người ta có thể thích nhớ chuyện buồn, nhưng hẳn không mấy ai thích nhớ những lần cơ cực.

Anh chàng hướng dẫn du lịch, đỏm đáng trong chiếc áo thung cao cổ, giục chúng tôi ra xe để xuống bến tàu. Tôi đôn áo len, áo khoác vào túi xách, trao cho Nick kèm với một nụ cười "làm ơn đi mà". Con đường thoai thoải lăn xuống đồi, gió bie mang hơi mặn lùa vào xe mát rượi. Tôi nắm tay Nick, siết nhẹ.

Trên tàu, đa số là người ngoại quốc, trừ mấy anh chàng hướng dẫn du lịch. Giữa những người ngoại quốc, tôi cảm thấy thoải mái hơn, không né ra như mọi lần khi Nick choàng tay qua vai tôi. Anh chàng hướng dẫn của nhóm chúng tôi háo hức nhìn ra biển, xa nơi những hòn đảo lờ mờ trong sương, nói bằng tiếng Anh: Anh chị sẽ thấy cảnh thật đẹp lắm. Tôi trả lời, cũng bằng tiếng Anh: Tôi đã mong được đến vịnh Hạ Long từ lâu lắm. Nick thì thầm vào tai tôi: Em không muốn nói cho anh ta biết em là người Việt? Tôi tránh ánh mắt Nick, lẩm bẩm: Nói để làm gì?

Những hòn đảo dần hiện ra, bao quanh con tàu, gồ ghề và xanh mướt. Dưới chân đá đen xạm của chúng, bọt sóng trắng dập dềnh phủ lên những vết cắt thời gian. Bầu trời xanh ngát, đùn lên những đám mây thấp. Một chiếc thuyền nhỏ dừng giữa mặt biển lặng, có ngọn lửa bập bùng bữa ăn chiều. Tôi cùng Nick leo lên tầng trên của con tàu, đứng nhìn chung quanh. Lúc hoàng hôn đến, gió trở lạnh, tôi nép vào Nick, mắt không rời vòng tròn mặt trời đỏ ối chìm xuống mặt biển xanh xám, sau bờ dốc của những hòn đảo chập chùng.

Buổi tối, Nick nhất định bỏ bữa ăn ở khách sạn, kéo tôi đi đến tiệm ăn lớn nhất ở Hạ Long. Anh gọi pasta, rồi than phiền đầu bếp nấu dở. Này, anh đang ở Việt Nam, có nhớ không? Tôi định nói thế nhưng thôi, lặng lẽ ăn món thịt bò xào cải bông nửa Tàu nửa ta. Đi dạo trên con đường dọc theo bờ biển, những con mắt Việt đuổi theo tôi, tìm cách đoán xem tôi có phải là Việt Nam không? Những ngón tay tôi rời khỏi tay Nick, bờ vai dang ra một khoảng cách. Nick quay nhìn tôi, mắt ngập trong bóng tối.

Lúc Nick trở dậy sửa soạn ra phi trường, tôi đã mặc xong quần áo, ngồi dưới thảm bên phía giường của mình. Chưa đầy một tuần ở Việt Nam, Nick đã đòi về, dứt khoát và quyết liệt. Tôi ngơ ngác nghe, không phản đối. Nick nói thêm, như sợ tôi hiểu lầm, rằng công việc đòi hỏi anh phải về gấp. Tôi không tin như thế. Anh rời khỏi Việt Nam vì chán cái nóng, chán tiếng ồn, chán đám đông lúc tọc mạch, lúc mời chào mua bán, nhưng không hẳn có lúc nào thân thiện. Anh cũng chán những tiệm ăn lạc điệu, chán cách phục vụ chưa sành sõi của các cô gái xinh xắn mặc áo dài hay váy ngắn. Nhất là anh chán tôi, chán con người xa lạ lột xác thay hình từ tôi ở Mỹ thành tôi ở Việt Nam. Tôi chừng như nghe ý nghĩ của anh: Anh ngỡ là anh biết em rõ lắm. Tôi cũng ngỡ thế. Tôi buông mình vào dòng lũ của đời sống, khung cảnh Việt Nam, và bỗng chợt nhận ra mình vẫn là một phần của chúng, hay đúng ra chúng vẫn là một phần của tôi. Quên hay nhớ, những năm tháng tôi lớn lên ở nơi này đã hoà vào máu, vào thịt, vào những gì sâu xa nhất của con người tôi. Lăn mình vào cuộc sống Việt Nam, tôi cũng thấy Nick là trở ngại, là biểu tượng cho những gì tôi bỏ lại ở bên kia bờ đại dương và ngoài tầm ý nghĩ, ít nhất trong lúc này. Người đàn ông tôi chung sống và yêu thương đã trở thành vách cản vô hình giữa tôi ngày nay và tôi quá khứ.

Tôi không phản đối, dù chỉ là lấy lệ, quyết định của Nick. Tôi im lặng, chịu đựng cái nhìn dò hỏi của anh, lục lọi trên mặt tôi chút vui thích ngầm nào đó. Bây giờ, ở phía bên kia giường, anh như có vẻ muốn bật ra một câu nói cay đắng. Tại sao em ngồi trên thảm, anh hỏi. Em sợ làm anh thức giấc. Anh có dư thì giờ ngủ trên máy bay. Lại đây, đôi mắt anh gọi. Đôi mắt xanh trong biếc như làn sóng biển bên bờ san hô. Tôi đứng dậy. Hai gối co lại, ngập ngừng. Nick quay mặt đi, mắt tôi rơi xuống bả vai khoẻ mạnh, hình dung mùi xà bông phả lên từ vai áo anh. Người đàn ông tôi yêu thương, kẻ lạ trong thế giới oi nồng quen thuộc.

Chiếc taxi chở chúng tôi đến phi trường. Hàng người đã xếp đuôi dài trước cửa phòng đợi. Những phụ nữ ăn mặc bóng bẩy, những người đàn ông complet trịnh trọng. Đám người lịch lãm này không ai nhìn Nick lâu. Chắc họ đã quen nhìn một người đàn ông Tây Phương trong bộ áo quần xộc xệch. Có người được tặng hoa. Có người được ôm và hôn lên má. Tôi len lén rút tay mình ra khỏi tay Nick. Em làm sao thế? Không biết Nick đã hỏi câu này bao nhiêu lần từ lúc chúng tôi đến Việt Nam. Hay em về đi. Đứng chờ ở đây làm gì. Nick nói, bình thản. Anh xua đuổi tôi đó chăng? Hay anh chỉ chấp nhận rằng tôi đang băng mình rời khỏi anh và những gì anh biểu hiện? Mười mấy năm trước, tôi mất một phần con người mình khi rời Việt Nam. Phải chăng tôi đang tìm lại phần mất mát đó bằng cách bỏ mất một phần khác của con người mình, người đàn ông tôi yêu thương?

Em về đi. Nick lập lại. Em có dư thời gian một mình, tôi nói. Nhưng nếu...Nick buông túi xách trên vai, ngăn tôi lại bằng cách ôm tôi vào lòng. Thật dịu dàng. Em hãy tận hưởng những gì em tìm được ở đây. Anh chờ em, ở nhà. Nhắm mắt lại, tôi nghĩ tới căn nhà nhỏ thường bề bộn vì tôi thiếu thu vén. Hình ảnh của nó hiện ra ngay trong trí, nhưng mù mờ, gần như không thực. Như thể tôi nhớ lại một cảnh trong cuốn phim nào đó tôi mới xem cách đây không lâu.

Những cơn mưa mùa đông, hay lập xuân, của Hà Nội thường rất nhẹ, li ti như bụi, và chóng tạnh. Người Hà Nội, dĩ nhiên vẫn giương dù, quàng áo ấm co ro. Ngồi bên Hồ Hoàn Kiếm, ngắm người qua lại và những cặp tình nhân trên hàng băng ghế dọc theo bờ hồ, tôi biết mình trông lạ lùng. Người phụ nữ đi dạo một mình, mặc phong phanh chiếc áo ngắn tay mỏng.

Có hay không có Nick bên cạnh, tôi vẫn không hoàn toàn nhập vào khung cảnh chung quanh. Tôi như đám lục bình bập bềnh trên mặt hồ Tây, chút vẻ đồng quê không đi chung với những ngôi biệt thự kiểu mới xây ven con đê cũ. Những con mắt Việt vẫn đuổi theo tôi, tò mò, lượng định. Có Nick, tôi có thể là loại phụ nữ nhiễm quá nhiều tinh thần ngoại quốc. Không có Nick, tôi vẫn không phải là người phụ nữ đúng kiểu mẫu Việt. Mỗi lần vào quán ăn, quán cà phê, tôi lại bối rối nhận ra sự lẻ loi chướng mắt của mình. Những người phụ nữ khác nắm tay bạn gái hay bạn trai. ở phương Tây, người phụ nữ một mình có thể là sự cô đơn quyến rũ. ở Việt Nam, người phụ nữ vẫn cần được che chở, dù chỉ là sự che chở của gia đình hay bạn gái. Có lẽ điều đó chỉ là tự nhiên trong một xã hội còn nặng tình gia tộc, họ hàng? Nơi người phụ nữ tuyệt đối chỉ là phái yếu?

Tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện về Mỹ. Hay có thể là rời Việt Nam đi Mỹ (mười mấy năm rồi, tôi vẫn lúng túng giữ hai *từ đi về*). Không hẳn vì nhớ Nick, hay nhớ chung chung những gì đã thành "nhà" mười mấy năm qua. Cũng như mười mấy năm trước, tôi nghĩ đến chuyện rời Việt Nam vì cảm thấy không thể xoay sở được trong xã hội và đời sống Việt Nam. Lúc ấy, tôi là một phần tử không đáng kể của khung cảnh Việt Nam. Bây giờ, tôi có đông đô la hỗ trợ. Lúc ấy hay bây giờ, tôi vừa bị lôi kéo bởi nguồn cội của mình, vừa bị đẩy ra bởi những chiều hướng biến chuyển trong cuộc sống Việt Nam. Mười mấy năm, nơi chốn này chỉ còn là nơi tôi sinh ra, nơi cất giữ những yêu thương, gắn bó quá khứ. Bên kia bờ đại dương, tôi có những yêu thương hiện tại, nhưng không nhiều quyến luyến. Nhìn ra mặt hồ lăn tăn mưa, tôi chợt hiểu cảm giác của một người không có quê hương. Những giọt nước mắt mười mấy năm trước đổ xuống phi trường Tân Sơn Nhất vẫn còn cay xé trên mi.❐

THẾ KỶ 21
tạp chí ra hàng tháng

Chủ nhiệm: PHẠM PHÚ MINH
Chủ bút: VƯƠNG HỮU BỘT

Nhóm chủ trương:
đỗ quý toàn. đỗ ngọc yến. hà tường cát. hoàng ngọc tuệ
lê đình điểu. lý văn chương. ngô mạnh thu. phạm phú minh
phan huy đạt. tống hoàng. trần đại lộc. trần văn ngô

11022 Acacia Pkwy # A, Garden Grove, CA 92840
Tel: 714-638-9510. Fax: 714- 638-1944
E-mail: theky21@kicon.com
WWW homepage: http://kicon.com/theky21

Quê núi

PHAN NI TẤN

trèo lên đỉnh đốc, đời sẽ thấy
một rừng. một núi. một quê hương
thảng thốt kêu bầy, chim ông lão
than già như cây cội tà đương

quê ngồi dưới gốc buồn thin thít
cây tre còn trẻ dã phong trần
lá bay theo gió mười phương thổi
tản mạn như người buổi chiến tranh

bùi ngùi quê khóc không thành tiếng
đất dỏ tràn đi khắp nẻo đường
nắng bụi mờ trời, mưa lầy đất
con chó còi nhai miếng thảm thương

gió chướng thổi qua cầu Mười Bốn
cầu già như một bộ xương khô
trăng soi lạnh cả vùng sông nước
mạn ngược xuống ai cố chống vô

hoa cà phê đắng hương nồng, ngất
ria rúc vào tim thấm lịm hồn
ruộng rẫy khuya về rêm tiếng suối
mỏ ốc cầm canh rợn cô thôn

thấp thoáng gì trong màu quê cũ
con suối xanh xưa đã cạn tàu
năm tháng phủ lên đời lăng mộ
lạnh lùng nhai nghiến lớp bể dâu

ray rứt gì trong lời quê cũ
mà câu đồng thiếp quá ghê người
bão dời kéo lê qua bão mắt
ngẫn ngặt lệ sâu cơn khóc ai

quê khóc giùm anh hùng mạc vận
mùa mưa gục ngã ngoài chiến trường
mảnh hồn tan tác bay về núi
sống lẩn vào trong nỗi tiếc thương

quê xót giùm thân người con gái
tháng Ba chết đuối ở bên đàng
chiều rơi một trái hoàng hôn tím
tím mộ em vùi nông- Phước An

quê tiếc giùm trăm con tình lỡ
bàn tay cách trở mối tơ hồng
này năm ba tấm u hờn mỏng
vất vưởng trôi về đâu trống không

Hường rơi một nhánh trong câu hát
nở trên môi nhỏ đỏ trái tim
lấp lánh trôi dài theo nhịp phách
rồi lạc về đâu mù bóng chim

Trầm Hương một đóa xanh hồn nhớ
tóc thả huyền thơm sang nhà ai
rồi cũng úa em trong hoài niệm
trầm bay, hương dành chịu phôi phai

mòn tay cố níu ân tình cũ
mù bay con Yến tới xa xăm
Thủy xa, Phượng cũng thay màu áo
hiu hắt lòng tôi bóng nguyệt nằm

đi qua đường cũ, thăm nhà cũ
rêu phong lở lói liếm hoen tường
hoang phế nổi lên mùi ẩm mốc
lòng ngăn giọt lệ nuốt vào trong

đi qua đường cũ, thăm trường cũ
cây da trời đánh chết, không còn
lối nào dẫn xuống khu Thiết Giáp
ai đắt giùm lên núi Châu Sơn

đi vô rừng rú, thăm mùa cũ
đào hư một gốc kỷ niệm xanh
tập thơ mối dùn cao nấm đất
đau hoài trang giấy khóc thất thanh

trèo lên cây sấu, cây cơm nguội
hái xuống ăn cùng trái gió sương
nhìn lung trên nẻo đời bay bụi
kẻ còn, người mất, dứa tha hương

khóc mùi một trận đi, quê núi
vuốt ngực trôi xuôi những nỗi niềm
trả hết về xưa cho gió xóa
để hồn ươm vạt nắng vàng im

trèo lên đỉnh dốc
đời sẽ thấy
một rừng
một núi
một quê hương...

Con đường chiều

Ngụ Thuyết

Chủ xe là một người đàn ông đứng tuổi, dong dỏng cao, đôi mắt tinh anh sau cặp kính dày cộm gọng nhựa đen, khuôn mặt có nhiều nếp nhăn, đầu đội nón bê-rê xám. Y phục xuềnh xoàng – chiếc áo da nâu nhiều vết trầy trụa, chiếc quần jean xanh bạc màu, đôi giày cũ kỹ méo mó. Ông ta đứng kiễng chân, hai bàn tay vẫy vẫy ra dấu, miệng vừa bập bập điếu thuốc lá bèo nhèo vừa nói, giọng khàn khàn:

"Lui chút nữa... chút nữa... một chút nữa..."

Chiếc xe hàng khá lớn, loại dùng để dọn nhà, lui đần.

"Nữa... Một chút nữa... tí nữa thôi..."

Bỗng sạt một tiếng, cản sau của xe chạm vào cái tường thấp cạnh cổng ra vào.

" T-ô-ô-ô-ô-p!!!" người chủ xe trầm giọng.

Người tài xế thò đầu ra cửa xe nhìn lui nhăn nhó :

"Cha nội ơi là cha nội! Xi- nhan cái kiểu gì thắt họng vậy?"

"Thì tao đã biểu tốp mà."

"Biểu hồi nào vậy? Đụng cái rầm rồi mới biểu tốp thì còn t-ô-ô-p, tô-ô-p cái con... con... gì nữa!"

Người chủ xe quắc mắt lớn tiếng :

"Mày muốn nói cái con... con gì, cái thằng trời đánh kia? Có giỏi thì nói toẹt ra đi! Tao nói cho biết, mày lái xe thì phải lo canh cho đúng chớ. Lỡ không có tao ở đây ai ra dấu cho mày? Thế mà còn nhăn nhó như...như cái con khỉ. Tao nói vậy có đúng không mày?"

Người tài xế hậm hực :

"Không có chú hả, không có chú tôi tính cách khác. À mà tôi nhớ ra rồi. Chú luôn luôn nói đúng. Chú có bao giờ nói sai đâu. Nhưng nói và làm thường khác nhau."

Người chủ xe trợn mắt quát :

"Thằng trời đánh kia! Lại muốn chọc nhột tao hả? Đã thế... Tường bể phải thuê người ta sửa lại, xe hư phải đem đi gò. Tao trừ lương mày. Hai tháng lương, không thêm không bớt một xu nhỏ."

Anh tài xế từ trên xe nhảy tót xuống, chạy vội ra phía sau xe nhìn ngang nhìn ngửa. Tôi đứng gần đó tính nhẩm. Cái chỗ tường vỡ chỉ cần mấy viên gạch, mình có sẵn, rồi tới Home Depot mua nửa bao xi-măng, một ít sơn, tốn kém có bao nhiêu mà trừ hai tháng lương. Còn cái cản xe trầy trụa qua loa, lấy giấy nhám chà láng đi cũng được. Chiếc xe chở hàng cũ rích chớ có phải xe du lịch gì cho cam! Chốc nữa, đừng cho chủ nhà biết, hè nhau trám chỗ tường vỡ rồi quẹt một chút sơn vào, mất độ nửa tiếng là xong. Tôi nói lên cái ý nghĩ đó. Người chủ xe lắc đầu quầy quậy, rồi cằu nhàu :

"Anh có lòng tốt nói thế, nhưng ở địa vị tôi tôi phải trừng phạt nó, gọi là áp dụng kỷ luật cho nghiêm minh. Thiếu kỷ luật dễ bị dỡn mặt lắm. Kỷ luật là sức mạnh của, của... À, ầm...tao sẽ trừ mày hai tháng lương. Ê, mày nghe rõ chưa? Đừng làm bộ tỉnh! Còn anh thì tôi, xin lỗi anh, tôi xin đề nghị như thế này... Anh nên để tôi lo liệu công việc của tôi. Anh khỏi phải ý kiến này nọ."

Tôi im lặng khó chịu. Người tài xế dường như bực tức lắm, gân cổ cãi:

"Chú muốn trừ ba tháng cũng được, bốn tháng cũng được. Có giỏi thì cứ trừ nguyên một năm lương đi. Làm như đã trả lương rồi không bằng. "

"À, à mày hỗn hả? " Người chủ xe quát tháo rồi văng tục một tràng dài.

Tôi thấy tình thế có mòi căng thẳng, định bụng để mặc xác họ với nhau, nhưng buột miệng chen vào :

"Thôi mà! Anh em... chú cháu... đông hương đông khói cả mà..., làm gì mà dữ vậy!"

Chủ xe trừng trừng nhìn tôi. Tôi lúng túng. Bỗng một người đàn bà từ trên xe nhảy xuống chạy đến tôi cười thật tươi :

"Chú ơi, họ nói gì mặc kệ họ. Hơi đâu."

Người đàn ông quay người xoay mặt về phía người đàn bà. Cô ta nhìn lại nguýt dài lộ vẻ giễu cợt. Đó là một phụ nữ khoảng 30 tuổi, tươi tắn, duyên dáng. Tôi chưa đoán ra được sự liên hệ giữa hai người đó. Anh tài xế bước tới đứng ngay trước mặt người lớn tuổi nói một thôi dài không chút vấp váp :

"Chú nói rất đúng, kỷ luật là sức mạnh của quân đội. Cấp chỉ huy

phải thưởng phạt công minh, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào. Nghĩa là dù bây giờ chú với tôi đã ra... ra như thế này... OK, tôi sẵn sàng để chú trừ hai tháng lương, không thêm không bớt. Nước mất còn không ngán huống là hai tháng lương thì nhằm nhò gì!"

Cái nhà gia đình tôi đang ở trông cũng được được, lại nằm trong một khu khá yên tĩnh thuộc một thị trấn nhỏ nhắn, xinh xắn. Đây là cái nhà thứ năm chúng tôi đến ở kể từ khi tôi qua Mỹ được hơn sáu năm Gia đình tôi thích ngôi nhà này. Vợ tôi ưa miếng đất nhỏ bên hông nhà trồng được dăm cây hoa hồng, mấy khóm bạc hà, rau húng, rau tía tô, rau quế, rau răm, sả, ớt v.v...; tụi nhỏ thích cái địa điểm gần hai xa lộ 5 và 55, đi đâu cũng lẹ; tôi thì ba phải, ai sao tôi vậy. Chúng tôi định ở nơi này lâu dài. Nhưng cuối cùng cũng phải đi nơi khác kiếm chỗ rẻ tiền hơn, lý do đơn giản là vợ tôi bị mất việc làm, chúng tôi không đủ khả năng trả tiền nhà như cũ.

Những lần dọn nhà trước đó, chúng tôi tự làm lấy, cho đồ lặt vặt vào xe hơi chở thành nhiều chuyến, để dành mấy món đồ nặng, kềnh càng, cho vào chuyến chót trên một chiếc xe " truck " mượn của một người bạn. Đỡ tốn tiền thuê. Dọn nhà lần này cả nhà tôi bị cúm hành đành phải thuê người ta làm. Vợ tôi bảo đừng thuê Mỹ dọn nhà, mắc lắm; thuê mấy ông H.O. đi. Tôi đồng ý ngay. Đọc quảng cáo trên một tờ báo tiếng Việt, tôi liên lạc được với anh chủ xe này. Lại tiếng anh ta lè nhè:

"Cái thằng trời đánh kia! Mày định cho xe nằm vạ luôn ở đó sao hả? Đ.M. Chẳng làm nên trò trống gì cả."

Người tài xế hung hãn nhảy lên xe, rú mạnh ga, sang số rụp rụp, và chỉ xoay trở tay lái dăm ba vòng chiếc xe từ từ lùi đến đậu đúng chỗ, đuôi xe cặp sát vào cửa lớn của căn nhà. Anh nhảy xuống xe hai tay xoa vào nhau vui vẻ nói với người đàn bà trẻ:

"Cô thấy chưa, tôi đâu cần ai làm dấu! Một mình tôi làm dư sức. Chắc cô phải đồng ý với tôi về, về..."

"Đ. M. Lại giở giọng ta đây!" người chủ xe cướp lời. "Hễ làm được một chút gì là đã vội lếu láo ba hoa chích chòe điếc cả con ráy người ta."

Người đàn bà chen vào :

"Cái ông này ngộ quá ta. Chữ nghĩa đâu mà cứ tuôn ra ào ào dữ vậy."

" Này, này, bà liệu giữ mồm giữ miệng đi thì vừa. " người chủ xe tiếp lời. "Có ai biểu đâu mà lại chỏ mỏ vô. Nhỏ kia, và bà nữa. Bắt đầu đi chứ! Cứ đứng ì ra thế hả? Còn phải đi thêm chuyến buổi chiều. Toàn là lũ dư hơi!"

Người đàn bà không có phản ứng gì trước những lời rầy rà của người đàn ông, tiến đến gần tôi thì thầm :

"Họ nói gì thây kệ họ, chú đừng thèm lý tới. Gì đâu mà cứ chơi không biết, thiệt không hay. Rồi bỏ nhau, rồi tìm nhau."

Người chủ xe tiến đến cặn vặn:

"Ê, ê, nói gì thì nói to lên. Cứ thậm thà thậm thụt – xin lỗi anh, tôi nói với bà đó – tôi coi rẻ những hạng người đó lắm."

Người đàn bà vẫn cười tươi:

"Ông thì ai ông cũng coi rẻ. Kể cả ông!"

Chủ xe làm như không nghe thấy những lời người đàn bà vừa nói, nhìn xa cười vu vơ. Lần đầu tiên tôi thấy anh chàng lỗ mãng này cười.

Vậy là còn một chuyến nữa. Chắc phải 6 giờ chiều mới xong. Lại trễ lớp Anh văn thầy Mike! Đi học trễ hoài, kỳ hết sức! Hay là bỏ lớp chiều nay phứt đi rồi, mất một buổi học có chết ai đâu, mình cũng không vì thế mà ngu thêm. Ngu hết mức rồi còn có thể nào ngu hơn nữa. Ừ nhỉ, tại sao mình cứ dính cứng vào cái ông thần quái đãn này mãi? Đồng lương không ra gì, công việc bữa đực bữa cái, giờ giấc lung tung, lại phải nghe quát tháo chửi mắng suốt ngày. Cha nội này có tật ưa quát tháo. Lấy le? Hình như không phải. Để tỏ ta đây có nhiều quyền hành? Ông sếp muốn ra oai đối với một tà lọt độc nhất là mình? Không lẽ thế. Cha nội này hiền không ra hiền, dữ không ra dữ. Điên chắc? Nhưng mình thì thiệt là qúa ngu. Đi đâu rồi cũng lại về. Tại sao phải thế? Nghe quát tháo chửi mắng quen tai, thiếu nó đâm nhớ chắc? Lão ta đã biết thế, lão tinh ý lắm, cho nên mỗi lần mình quay lại, lão sẵn sàng dở trò dửng dưng, cười khẩy, nhún vai, bỉu môi, khạc nhổ, chắc lưỡi... và cuối cùng O. K. Thật lắm trò. Vậy mà mình cũng cứ quay trở lại. Chỉ tội nghiệp cô vợ trẻ, đẹp. Vợ hai? Vợ ba? Sao lại có người khùng đến thế, uổng cả cuộc đời. Ôi cái miệng xinh, tươi, hấp dẫn. Tóc dài mượt. Cặp lông mày cong như cầu vồng. Còn thân hình hết sẩy lại thơm tho quyến rủ. Chỉ cặp mắt tối tăm. Gặp lúc đô nặng khiêng một mình không nổi, cùng khiêng, gần nhau, hai má đỏ hồng, mồ hôi dán tóc vào trán, vào cổ, cái cổ trắng ngần tóc như tơ vàng sau gáy, hơi thở dồn, cặp mắt né né, cái mặt làm nghiêm... Mình chỉ mong tuột tay, người chồm tới trước, lộn mèo... Những lần như thế dường như con mắt cú của lão từ xa kín đáo theo dõi, tưởng mình không biết. Kệ. Mình cũng làm bộ chẳng biết gì. Dường như lão cũng biết thế mà vẫn cứ tỉnh bơ, lạ quá. Rồi có sao đâu. Mà có sao đi nữa càng tốt. Phải có chuyển biến chứ. Có gì em đi theo anh nhé! Không lẽ em và anh cứ chịu lép một bề mãi như thế này. Cái mồm quát tháo như chó sủa! Mà chó hay sủa thì có bao giờ cắn đâu.

Thật là buồn cười, trừ hai tháng lương! Sực mấy! Hạnh! Hạnh! Sao em không chịu bỏ cái ông già dịch này, rồi đi với anh, xứng đôi vừa lứa. Đá đít lão cái bốp là xong chuyện. Nhưng em lại khoái lão! Nghiệp chướng! Anh cũng giống em, nghiệp nặng! Mình phải dứt bỏ nơi này. Có khó gì đâu, chẳng qua là vì, là vì anh đi một mình để em ở lại sao đành. Em có thấu hiểu lòng anh không?

Thỉnh thoảng mình giở nhật ký ra đọc lại. Những trang nhật ký cũ viết rồi sửa. Có khi sửa chữa hai ba lần, rồi viết lại trang khác. Thế thì còn gì là nhật ký nữa! Thế thì còn gì là trung thực nữa! Thoạt đầu tôi nghĩ như thế, nhưng nghĩ lại làm như thế mới trung thực, mới nói rõ lòng mình, rối bòng bong, thay đổi từng giờ từng phút. Có thật em yêu anh không, có thật em ghét anh không, trong khi em viết lên giấy những giòng chữ tình cờ, vô nghĩa, bất chợt, và không mang một ý định nào cả. Vậy mà cứ viết. Lúc đọc lại, bỡ ngỡ. Dò lại lòng mình, viết lui viết tới, đến bao giờ mới có trang nhật ký cuối cùng? Hay là đừng viết nữa?

Con đường quanh co và dài. Hay là con đường dài và ngoằn ngoèo? Thì cũng chỉ chừng ấy nghĩa chứ gì. Đó là tên bài hát tiếng Anh chú vẫn hát cho cháu nghe khi chỉ có hai chú cháu mình trên bãi biển. Chú bảo của The Beatles, chú thích lắm, trước kia. Những lúc được như thế này hiếm hoi lắm; tụi nó như lũ kênh kênh đã đánh hơi thấy mùi xác chết, chờn vờn chờn vờn như khói. Chú không chịu dẫn cháu vào rừng. Cây cối um tùm, tha hồ. Galang 2 này đâu trống trải như Galang 1. Đi song song bên nhau mãi mỏi cả chân. Cuối cùng, bàn tay cháu vô tình chạm vào chú, chú nắm lấy nó. Chú xoắn xoắn ngón tay của cháu, hết ngón này đến ngón khác. Thăm dò cái gì hả chú? Đến ngón cuối cùng thì tay cháu đã nằm gọn trong tay chú, móng tay trỏ của chú bấm mạnh vào ngón út của cháu, sâu thêm, sâu thêm nữa. Đau! Cháu không sợ đau đâu. Không ai bảo ai cùng dừng bước. Chú xoay người nhìn cháu, hai bàn tay nắm lấy hai bàn tay, lần đầu tiên chú nhìn cháu lâu, con mắt lạc lõng, khuôn mặt chú gần cháu quá, cháu nghe hơi thở của chú, mái tóc hoa râm gió biển thổi lòa xòa trên trán, cháu nghe tiếng sóng rào rào, cháu thấy phía sau lưng chú những đợt sóng đập vào bờ đá sủi bọt trắng xóa, và khứu giác cháu tự nhiên bén nhạy hơn mọi ngày, cháu nhận ra được mùi rong biển ải ải, mùi cá tanh tanh, những thứ trước đó cháu không hề để ý đến, và cháu thấy rõ từng sợi râu chú lười cạo mọc lởm chởm lộn xộn trên mép, trên cằm, nhột nhạt. Cháu chờ đợi. Nhưng không thể đợi lâu hơn nữa. Cháu rút tay ra khỏi tay chú, choàng lên vai chú. Cháu cao gần bằng chú rồi, đâu cần phải nhảy người lên như hồi còn bé. Chú nói: Em! Cháu ngạc

nhiên. Ngạc nhiên không phải vì lần đầu được nghe chú gọi cháu âu yếm như thế mà vì tại sao mãi đến lúc ấy chú mới gọi cháu là em. Chú vẫn gọi tụi kia em em hoài có sao đâu. Lẽ ra chú phải yêu cháu từ lâu chứ, từ hồi cháu để chú nhận ra cháu.

Thế là cháu đã chinh phục được chú rồi, không khó khăn gì. Chỉ có khác là cháu có góp phần vào, có chủ động đôi chút. Đối với những đàn ông khác, dễ ợt. Cháu là miếng mồi ngon, tụi nó đua nhau vồ vập. Rồi đánh lộn, đâm chém. Thiếu đường muốn thủ tiêu nhau. Mấy tên đã có vợ cũng lơn xơn tán tỉnh, lăm le bỏ vợ, mấy thằng có bồ bỏ bồ cái rụp, mấy thằng không bồ, có thằng nào không bồ không nhỉ, trồng cây si. Tụi Indonesia hoặc Cao Ủy cũng gia nhập đám người quay cuồng. Tha hồ thi nhau giành sân lấn đất, tên nào cũng muốn làm chủ nhân ông trên mảnh đất này, mảnh đất có đủ đồi núi, sông rạch, giếng cạn, giếng sâu... và đồng bằng phì nhiêu! Em như tấm nệm mút, em mượt hơn lông vịt, nóng hơn bánh mì nướng, rền hơn cháo nếp. Em là trời cao, biển sâu. Em là tất cả. Nghe cũng sướng. Sướng! Lại nhớ mẹ hồi đó cấm mình không được nói chữ sướng trong bất cứ hoàn cảnh nào. Bây giờ con tùm lum qúa trời rồi, mẹ ơi!

Nhưng nghe hoài đâm chán, thú vui xác thịt nhiều khi lợm giọng. Hết ngày này đến ngày khác, không lẽ cứ thế này mãi. Hai năm, rồi ba năm, rồi bốn năm, rồi năm năm... Muốn phát điên! Những lớp dạy tiếng Anh, dạy may, dạy làm bánh, dạy đánh máy không phải nơi để giải tỏa hết nỗi chán chường. Cuối tuần theo tụi con Hằng, con Thu đi đến các chùa Quan Âm Tự, Kim Quang, hay đi đến các nhà thờ, cũng không ăn thua. Chán chường vẫn chán chường. Không khéo cứ cái đà này có ngày đến phiên mình đi Galang 3. Phải, Galang 3 càng lúc càng đông đảo, già chết, bệnh chết, thất cổ chết, mà chờ lâu qúa cũng chết ngắc. Mộ mới đắp mọc lên như nấm. Mình cùng đường rồi sao? Thì gặp chú. Cháu sửng sờ. Chú vừa đến đảo, rồi chú làm thầy giáo tiếng Anh! Cháu ghi danh học Anh Văn lại. Chú làm sao nhận ra cô học trò này.

Ngày xưa chú tới nhà chơi với ba cháu, cháu chỉ là đứa bé 9, 10 tuổi. Đồ chơi chú cho cháu chơi không hết. Bánh, kẹo cháu ăn đã đời. Cháu thích sô-cô-la, chú bảo chú chỉ có " chó có lát " chứ không có sô-cô-la. Chỉ có thế cũng đủ làm cháu sung sướng suốt ngày. Vừa nghe tiếng xe chú ngoài ngõ, lòng dạ cháu đã nôn nao. Chú đi vào, cháu chạy ra, nhảy tưng tưng như trái banh vồng. Rồi cháu rán sức nhảy người lên thật cao, hai cánh tay chú đón ôm cháu vào lòng, hai cánh tay cháu quàng quanh cổ chú. Ba bảo con Hạnh đã lớn rồi sao còn nhỏng nhẻo qúa vậy, ba không bằng lòng. Ba nói trật rồi. Ba biết không, chú Khôi tới là con trở thành con

nít ngay. Con lớn, lớn trước tuổi, là lớn với tụi hàng xóm. Con đã biết làm duyên làm dáng, biết cười bằng hai khóe miệng cho nổi lên hai lúm đồng tiền, biết chớp mắt long lanh, biết hạ đôi hàng lông mi cho giống hai cái rèm che, biết nói giọng nũng nịu thơ ngây êm ái, biết... biết nhiều thứ nữa, để cho mấy thằng con trai đực mặt ngó. Mấy anh lớn sầm sầm cũng say sưa ngắm. Với chú Khôi, khác. Mình không hề làm bộ với chú. Cười là cười thiệt, vui là vui thiệt. Cái vui trong lòng, bây giờ nhớ lại, như men dậy làm bồn chồn cả người. Nhưng mà ba cũng không hoàn toàn nói trật đâu. Cháu thương chú nhiều, lẽ dĩ nhiên, nhưng tình thương có cái gì là lạ. Không biết chú cảm thấy thế nào, riêng cháu, cháu nhớ hoài vòng tay ôm của chú. Nhớ cho đến khi đã trở thành người lớn, qua tới hòn đảo này. "Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh," nhiều lúc cháu cũng nhớ vòng tay ôm của chú.

Ba đi tù rồi bệnh qúa nặng rồi được thả về rồi qua đời. Mẹ không còn muốn sống, nói gì chuyện vượt biên. Mẹ gởi mình đi vượt biên với gia đình bà bạn. Cho nó có tương lai. Còn chú, một ông trung tá còn độc thân, hào hoa phong nhã, từng nhiều lần làm tùy viên quân sự tại nhiều sứ quán, chắc chắn phải ở tù mút mùa. Và mình trôi nổi vào hòn đảo này. Vậy mà lại gặp nhau đây. Quả là có trời đất thu xếp. Cháu kín đáo quan sát chú. Chú có già đi và hốc hác qúa. Tóc chú bạc nhiều. Nhưng chú vẫn đẹp như thường. Bao giờ chú cũng đẹp đẽ, cũng hào hoa, cũng tài ba, cũng đáng yêu đáng kính, đối với cháu. Trong lòng cháu bỗng nổi lên những cơn điên dại, nuối tiếc, đau đớn, hoảng hốt, ăn năn, thù hận... Cháu nhìn lại cháu. Không, không thể được, cháu không thể cho chú biết cháu là ai. Cháu chỉ muốn làm cô học trò khỉ mà thôi.

Chú giảng bài, cháu nhìn chú trân trân. Chú đặt câu hỏi chung cho cả lớp, cháu giành trả lời trong bất trường hợp nào cháu có thể trả lời.

"What are you doing now?"

"I'm listening to you."

" What are you thinking about?"

"I'm thinking about you."

Cả lớp cười ồ. Mấy thằng con trai lâu nay vẫn đeo đuổi cháu mắt long lên sòng sọc, lẩm bẩm trong cổ họng những lời nguyền rũa tục tỉu. Kệ tụi mày. Chú nhíu mày, nghiêm mặt nói:

"Tôi hỏi What, không phải Who. Hông! Trả lời lại cho đàng hoàng nào!"

"Dạ, dạ, đàng hoàng. Nhưng thưa thầy, hôm nay thầy đừng dạy nữa! Tụi em học nhiều quá rồi, học không vô nữa đâu. Học quá hóa khùng đó thầy. Thầy hát một bài cho tụi em nghe đi!"

"Không được! Học cho ra học, chơi cho ra chơi."

"Được, được mà thầy. Thầy, thầy nè! Tụi em năn nỉ thầy mà thầy! Có học có chơi mới mau tiến bộ. Hay thầy hát nửa bài cũng được. Hay một vài câu cũng được. Tiếng Anh cũng được. Con Đường, Con Đường gì gì đó. Tiếng Việt càng tốt. Giọng hát của thầy tình lắm. Em, tụi em nghe mê luôn."

Cả lớp lại cười ồ. Chú nghiêm mặt gằn giọng:

"Này này cô Hồng! Tôi không muốn cô đùa quá trớn như vậy. Nếu cô không muốn học hôm nay, cô có thể ra khỏi lớp. Ngay lập tức! Chiều mai trở lại!"

" Trời, sao chú ác với cháu quá vậy!"

Mình nghe tiếng nói của mình như tiếng thét bị dồn nén xuống lồng ngực mà không nén nổi. Nói xong mình bịt miệng mình không kịp. Chú hơi khựng người, quay nhìn mình đăm đăm. Mình cúi gầm, tim nhói đau, trống ngực đánh mạnh. Lớp chai sạn bên ngoài đang rạn nứt ra từng mảnh. Cuối giờ học, chú gọi vào văn phòng hỏi chuyện:

"Hạnh! Cháu thay họ đổi tên hồi nào vậy?"

Và từ đó... Từ đó mình xa lánh dần bọn con trai bồ bịch. Không phải dễ dàng. Tụi nó dọa hành hung, thanh toán. Kệ. Mình đâu ngán thằng nào. Rồi mọi chuyện cũng qua đi như hàng trăm hàng ngàn chuyện kỳ quái khác trên hòn đảo tị nạn này. Hơn nữa, mình có nhiều kinh nghiệm tình ái lăng nhăng mà. Đâu có sợ gì ai! Chỉ lo cho chú sẽ bị tụi nó quấy rối. Nhưng chỉ một thời gian ngắn, trút bỏ được mọi lo lắng. Chú có bản lĩnh ngoài sự mong đợi của mình. Từ đó, tâm hồn ổn định dần, cuộc sống êm êm dần. Chú là hiện tại, là qúa khứ. Vâng, qúa khứ cũng đóng vai trò quan trọng không kém. Trước kia khi chú chưa đến, mình có biết bao người quen mới, nhưng lúc nào cũng thấy bơ vơ. Nay khác. Mình đã thấy có điểm tựa vững vàng, mình tìm thấy mình cho ngày hôm nay và cho ngày mai. Chú làm thầy giáo ở đây, chú quen biết nhiều với nhóm chính quyền Indonesia trên đảo, với nhóm làm cho Cao Ủy, với đám học trò hay ưa bắt chuyện với chú. Chắc chắn chú đã đọc kỹ hồ sơ của cháu. Chú biết cháu hết cả rồi. Chú chê cháu không? Chú yêu cháu không? Có ai thoát khỏi được cánh tay của tôi hay không?

Mấy hôm nay trời mưa. Và gió. Cây phong cạnh nhà trút lá thật nhiều ngập cả lối đi từ cửa ra vào cho đến chiếc cổng của khu chung cư, những ngọn lá đỏ tươi màu máu, lộng lẫy, óng ả, rực rỡ. Sáng nào mình cũng quét sạch một khoảng đường ngắn, nhặt mấy chiếc lá đẹp nhất đem vào cất để dành, đã được nửa hộp. Hồi bé còn bố mẹ, ép hoa hồng, hoa pensée,

hoa trinh nữ, hoa mimosa... những thứ hoa có sẵn ngoài vườn, ép vào tập vở. Ép bướm nữa. Bố mẹ thường mắng yêu, bé Hạnh mau lớn quá, điệu qúa, sau này cho đi thi hoa hậu. Bây giờ...ép lá phong. Buổi chiều lá đã lại phủ đầy. Vài tuần nữa khi mùa đông tới, như năm ngoái, sẽ không còn một ngọn lá nào trên cây. Rồi mùa xuân lại về, vạn vật sẽ hồi sinh, chắc em cũng thế? Nhưng có anh cùng em hồi sinh hay không? Sao anh càng ngày càng gắt, càng khô, càng héo, từ khi mình đến ở nơi này. Tại sao thế anh? Tại chú thấy cháu không xứng đáng, hối hận vì đã sống với cháu như vợ chồng? Tại sao chưa chịu làm một đám cưới đơn giản gọi là...Hay chú mang mặc cảm tuổi quá lớn so với cháu? Hay chú thấy không còn có thể hào hoa tài cán như xưa, chú là con chim gãy cánh, con ngựa què, con gà mắc dây thun, con chó cụp đuôi, con... con gì nữa? Không phải, không phải thế đâu chú. Trường hợp của chú khác. Em biết anh là người đầy tự tin, đầy bản lĩnh, nhận định hoàn cảnh nhanh chóng, luôn luôn ứng xử phải cách. Nhưng sao lần này anh kỳ cục vậy? Hay anh muốn thử thách em? Thì cứ thử đi, việc gì phải thay đổi tính tình, phải quát tháo chửi thề luôn miệng, phải... tự xuống cấp. Anh cố đóng cho trọn một vai trò gì đó mà em không hiểu nổi. Anh cố quên hết hào quang cũ đã tắt? Và anh đóng trò. Anh cứ đóng trò ngay trong cuộc đời coi chừng có ngày anh sẽ biến thành vai trò anh đang đóng và anh sẽ không còn là anh nữa. Nhưng em có dám nói thẳng cho anh nghe ý nghĩ đó hay không? Hay em chỉ nên nói đến một chuyện nhỏ nhặt thôi, rằng anh phải coi chừng cái anh chàng Cường. Nó không ngu ngơ như anh tưởng đâu. Nó không giống như mấy thằng em quen ở đảo đâu. Nó nhìn hung dữ như lửa cháy. Có lẽ anh cũng đã biết tánh khí của nó, và anh đã nhiều lần thấy cái nhìn của nó. Tuy nhiên anh nghĩ rằng em mới là quan trọng, có lẽ vậy, em phải tự quyết định lấy, phải một mình vượt mọi nghịch cảnh để cuối cùng sống với anh lâu dài? Đừng làm như thế, anh! Em đã lựa chọn rồi! Em không viết nhật ký nữa. Cứ thế sống hồn nhiên. Anh thì sao? Em hiểu thêm được chút nào không? Và anh phải tiếp sức cho em với. Đừng để em một mình như hồi em còn ở đảo khi anh chưa đến. Đàn bà yếu đuối mà anh!❐

Mùa xuân năm ngoái

NGUYỆT THU

Năm ngoái khi anh ghé
thăm em đầu mùa xuân
tuyết còn rơi trắng xóa
lòng thấy ấm vô cùng!

Theo anh mùa xuân đến
hoa lá bỗng trỗ bừng
những cánh mai trắng tuyết
đan kín vòm trời xinh

Đón anh phi trường vắng
chỉ có em và xuân
nụ hôn dài bất tận
có làm chúa xuân ghen?

Năm ngoái khi anh ghé
đem tặng em mùa xuân
có cả mùa Tết mới
quên biệt từ bao năm

Xin tạ ơn Thượng đế
cho làm kiếp thiêu thân
lao mình vào lửa đỏ
sống với nhau một lần

Xin tạ ơn Trời Đất
những giờ khắc tuyệt trần
trọn vẹn từng giây phút
cùng tận vô thủy chung

Tết năm nay lại đến
sao chẳng thấy trời xuân
trái tim em và gió
cùng cất lời van xin:

Mùa Tết. Thôi đừng viếng
miền đông bắc lạnh căm
hoa tuyết thừa năm ngoái
đủ vùi em và xuân!

Còn cội mai già

KHÁNH HÀ

Sao con đành bỏ đi
Để Mẹ già hiu quạnh
Dưới hiên nhà gió lạnh
Mẹ đứng lặng nhìn theo

Con quay đầu nhìn lại
Khắc ảnh Mẹ vào tim
Một mai đời đau khổ
Biết Mẹ đâu con tìm

Bên kia bờ biển đông
Khói sầu dâng mênh mông
Quê nhà chìm khuất bóng
Nước mắt con thành sông

Con tìm Mẹ trong mơ
Mẹ buồn tóc bạc phơ
Vườn khuya hoa cau rụng
Nước mắt Mẹ thành mưa

Hai mươi năm biền biệt
Hồn con gởi quê nhà
Xót Mẹ già một bóng
Lòng dõi bước con xa

Xuân năm nay con về
Mồ Mẹ phủ cỏ xanh
Dưới hiên nhà gió lạnh
Con đứng lặng nhình quanh

Còn đây cội mai già
Xưa Mẹ thường lảy lá
Nay đang độ nở hoa
Mà Mẹ đời đời xa.

Một chuyến đi

Nguyễn Quốc Trụ

Đúng ra chúng tôi đã có dịp quen nhau từ lâu, từ những ngày...

Lần đầu gặp, nghe ông kể đã từng tới "đỉnh cồn", Đài Liên Lạc Vô Tuyến Điện Thoại Quốc Tế, cũng là nơi các phóng viên ngoại quốc tới đọc tin về trụ sở chính của họ; ông lúc đó làm cho hãng tin nước ngoài, còn tôi, một chuyên viên kỹ thuật của Đài:

- Như vậy là ông làm việc ở đó? Sao tôi không gặp nhỉ? Tôi vẫn còn nhớ những lần tới, thang máy thường là hỏng, cứ phải lội bộ. Đúng là còn xa hơn cả London, cái đỉnh cồn của ông! Đọc ông, tôi cứ ngờ ngợ, như thế là chúng ta đã san sẻ cùng một nỗi bực mình, cùng những cơn thở dốc!

Nơi tôi làm việc là tầng lầu trên cùng một building..., tôi đã viết về nơi chốn đó, nhưng... cái thang máy, ờ nhỉ, tôi còn nợ nó quá nhiều kỷ niệm. Tôi bật cười thầm, như nhìn thấy mấy người phóng viên đang ì ạch leo lên mấy tầng thang lầu. Nói ì ạch, kể hơi quá - cho thỏa nỗi bực bội, ghen tức - bởi vì họ leo nhanh lắm, để tranh đưa tin, trước đồng nghiệp! Thế ra là trong số đó, có cả cái ông bạn mới quen này, tóc bạc trắng như những sợi cước, chiếc tẩu thuốc luôn luôn nhả khói, mớ tóc bồng bềnh như bờm sư tử, chẳng thấy một chút già nua nào, trong bất cứ một cử chỉ. Thú nhất, là cách ông nâng ly...Tôi có cảm tưởng, bây giờ ông bạn mới có thì giờ thưởng thức cuộc đời, thưởng thức văn chương bằng cách bịa đặt ra nó, bởi vì cả một thời trẻ: còn lo chạy trước đồng nghiệp!

... cay nghiệt đó.

Cay nghiệt, chắc không đâu, với ông. Làm hãng tin ngoại, bất cứ lúc nào ông cũng có thể nhảy ra khỏi lò lửa, tôi đã từng thèm khát một chân

phóng viên như vậy, thêm làm một người gia nhập cuộc chiến, không phải vì bắt buộc, mà là tự nguyện. Chết là do mình chọn.

Còn nhiều "đặc ân" khác nữa: những đặc ân về thông tin, biết những điều có khi chỉ mình mình biết. Đọc ông, tôi có cảm tưởng, ông viết cho một người đọc không còn nữa, cho phần người ở trong ông nay cũng không còn nữa: *Đừng hỏi chuông đổ vì ai* (1)... tôi như nhìn ra con-người-nhỏ-nhen-tôi. Nhỏ nhen, vì nghĩ những ký giả chân trong chân ngoài đối với cuộc chiến như ông "sướng hơn, may mắn hơn" tụi tôi; nếu muốn, họ có thể phủi bụi, bỏ đi bất cứ lúc nào. Nhìn ông tôi hiểu, *đừng hỏi*...

Bởi vì người chết không bắt buộc chỉ là người đã chết, mà còn có kẻ sống sót, nhất là những người "biết quá nhiều"...

Gần mực thì đen, tôi còn nghĩ, với những đặc quyền thông tin như vậy, người phóng viên thật dễ trở thành điệp viên. Không chỉ phóng viên, mà luôn cả nhà văn - như một người được thông tri đầy đủ những dữ kiện của thời đại. Graham Greene, George Orwell đều làm việc cho phản gián Anh. Orwell tin ông đúng, cả trong việc dò xét những đồng nghiệp. Ở Việt Nam, là trường hợp Phạm Xuân Ẩn. Không hiểu hồi đó, ông bạn của chúng ta có biết vụ CIA "giả đò" làm Mặt Trận Giải Phóng thả con vịt cồ, sẽ họp báo ở trong chiến khu, tuyên bố ly khai với Miền Bắc. Hầu hết các báo chí phương Tây đều mắc hỡm, trừ Mỹ. Họ không, có thể do CIA vờ đi, không gửi thiệp mời, hoặc Phạm Xuân Ẩn, lúc đó làm cho tờ *Time*, báo động ông chủ chi địa, và cũng muốn lập công. Phạm Xuân Ẩn, sau được Nguyễn Khải hư cấu thành nhân vật Quân, trong *Thời Gian Của Người*. Lạ một điều, không phải kết cục của Quân - sau khi công thành danh toại, nghe nói bị thất sủng, dù đã được Đảng cho đi "thiền" một thời gian, để dứt nọc độc khi nương náu nơi cửa *Thời* (Time) - nhưng chuyện Mặt Trận Giải Phóng ly khai với miền Bắc đã thực sự xảy ra, qua sự kiện câu lạc bộ kháng chiến của đám CS miệt vườn Miền Nam.

Nhân lúc vui câu chuyện, bữa gặp nhau ở nhà ông Tôn, tôi chêm vô: "thằng này" cũng đã từng biết trước một cuộc đảo chính sắp sửa xảy ra...

- Ông nói sao, ông biết trước có đảo chính?

- Chỉ mỗi một lần. Do tình cờ...

Thời gian dân Sài-gòn thay vì đi ciné không được, do giới nghiêm, nên đành ở nhà chờ coi đảo chính. Bữa đó phiên trực, nửa đêm không biết làm gì, tò mò theo dõi hai anh chàng Mẽo nói chuyện qua cái máy viễn ấn:

- Sài-gòn đảo chính chưa?

- Chưa thấy gì hết.

- Sao lại chưa, bên này đã được thông báo rồi?

Chỉ một lát sau, "sự thực" xảy ra.

Phải nói thêm: phận vụ của đám chuyên viên Đài, là kiểm tra mạch viễn ấn, vô tuyến điện thoại, mỗi khi có sự cố; không liên can gì đến chuyện kiểm duyệt báo chí.

Trong bữa tiệc ở nhà ông Tôn, bào đệ ông bạn chúng mình đang nhắc tới, tôi có cái ý nghĩ tinh nghịch mình là kẻ "ngoại đạo", một "intruder" (2), một kẻ xâm nhập lén lút, trong cái "thi văn đoàn" này. Hình như tờ báo (3) chỉ là một cái cớ, cho những cuộc họp mặt vào những ngày cuối tuần.

Tôi dự cuộc họp, thứ bẩy tuần trước tại tư gia ông bạn văn có nhã ý cho tụi này tá túc. Một dịp giới thiệu khách phương xa, sẵn cuối tuần gặp mặt theo thông lệ. Bữa đó thiếu mấy bậc trưởng thượng, nhưng thêm tôi, và cuốn sách vừa xuất bản. Khi tặng sách, họ đều giúi vào tay tôi một tờ giấy bạc; riêng chủ nhà, là một bản thường nhưng đặc biệt, vì rất phong nhã, và cũng rất có ý nghĩa, cả về tình lẫn tiền.

Trong khi vui câu chuyện, nghe nói tôi còn ở thêm vài ngày, ông Tôn mời, tuần tới lên nhà ông. A, thì ra luân phiên! Tôi buồn cười, tự dưng nhớ đến một ông chú, chú Năm của tôi.

Dòng họ Nguyễn tôi có mấy anh em: Ông cả Hoán, thân sinh chị Giậu, phu nhân ký giả Hiếu Chân. Tôi thuộc dòng ông Ba. Bà cô, cô Dung, người nuôi nấng tôi thời gian học Hà-nội, là con ông Tư. Bà lấy chồng Pháp, một ông kỹ sư sở Hỏa-xa Đông-dương. Ông Năm, một người nổi tiếng "ăn học, ăn chơi", tứ đổ tường gì cũng biết. Nghe kể lại, ông có một bảng danh sách những bạn bè, và cứ theo đó, đến hẹn lại lên, tùy theo gia tư nạn chủ mà ăn vạ, vừa cơm trắng vừa cơm đen. Không ngờ "quí tướng" của ông "ứng" luôn vào thằng cháu: suốt thời gian ở Cali, tôi đóng vai thực khách, hết ông bạn này mời tới ông bạn khác... có ông, như Đỗ còn bực bội, vì đã mời mà không chịu tới, để cho ông và người bạn từ Paris qua chờ mấy tiếng đồng hồ!

Nhân đây, cũng xin ông bạn Đỗ tha lỗi, về bữa tụi này hụt ăn, và về cái trí nhớ tồi tệ của tôi. Tôi cứ nghĩ, tôi quen ông những ngày ở Sài-gòn, nhưng thực ra là từ thuở học Hà-nội. Sau chuyến đi, ông có liên lạc: *đọc ông nhớ Hà-nội quá*, thêm chi tiết "động trời" về "văn nghiệp" của tôi: đã từng ở trong thi văn đoàn Trường Bác Cổ (4)! Ông kể một vài tên; ngoài ông ra, tôi biết thêm một, cùng học Nguyễn Trãi. Cùng lớp.

Về ông bạn cùng lớp này, tôi có một kỷ niệm thật dễ thương. Số là, ông giáo dậy Anh văn Nguyễn Trãi lúc đó tên là Xuân, dậy đám Đệ Lục chúng tôi, rất vui tính, và cũng rất nghiêm. Một bữa tới lớp, thấy trên bảng

nguệch ngoạc vài nét chân dung, với cái tên ở dưới: Mr. Spring, thầy giận dữ truy cho ra thủ phạm. Tính bắt phạt, anh học trò láu lỉnh cãi: Thưa thầy, Spring đâu phải tên thầy! Ông bật cười gật gù, đúng rồi, tên thầy là Xuân, đâu phải Spring. Kỷ niệm dễ thương kia, liên quan đến người bạn cùng lớp. Bữa đó, thầy Xuân gọi anh lên trả bài, hóa ra anh chẳng hiểu tại sao Spring không phải tên thầy, đại khái như vậy. Thầy Xuân bữa đó, thay bài giảng *Anh văn sống động, L'anglais vivant*, bằng bài học về sự quan trọng của ngoại ngữ (biết thêm một ngoại ngữ là một người biến thành hai người). Giờ Anh văn sau, ông xin lỗi người học trò: Lần trước, tôi có lớn tiếng về anh bạn, thực không đúng, vì sau đó, khi ra về, tôi được anh tặng một tập thơ, anh là tác giả. Thầy nói tiếp, không có vẻ chi chế diễu, theo đó, khi người ta có thiên tài về ngôn ngữ mẹ đẻ, ngoại ngữ có khi không còn cần thiết. Thầy Xuân tiên đoán đúng, về người học trò của mình, sau là một thi sĩ nổi tiếng. Tiếng Anh bây giờ nhà thơ chắc đã rành rẽ. Học ngoại ngữ lúc nào mà chẳng được. Nhưng thơ, đâu bạ ai, bạ lúc nào cũng học được?

Giáo sư Anh văn năm học Đệ Ngũ sau đó, là thầy Kỳ, luôn luôn dậy cuốn *Nàng nhún mình để chinh phục)* (5). Tôi có một kỷ niệm về thầy Kỳ: sau khi CS tiếp thu Hà-nội, những ngày đầu, hai thầy trò vẫn tiếp tục tới trường. Một bữa thầy và tôi cùng đi muộn, chưa đầy năm phút, ông cán bộ gác cổng đã không cho vào lớp, sau đó thầy còn bị làm tờ kiểm điểm. Đây là một lý do, trong nhiều lý do, khiến thằng học trò của ông từ biệt Nguyễn Trãi, từ biệt Hà-nội.

Bữa tại nhà ông Tôn, có thêm một vài người, trong số đó là một vị nữ lưu, bạn đồng nghiệp với mấy ông bạn của tôi còn ở lại Sài-gòn. Bà biết Huỳnh Phan Anh, nhưng tỏ ra ngạc nhiên khi nghe tôi nói về Nguyễn Nhật Duật, và cái lần anh đụng độ với một thi sĩ nổi tiếng: cái ông bạn chúng mình đó, chẳng có vẻ chi là người đam mê văn chương! Tôi bật cười thầm, nghĩ bụng, ông bạn này còn là chủ nợ của đám chúng tôi, những lần cháy túi vì tật nặn xì. Chắc chắn là bà không biết, Nguyễn Nhật Duật khởi đầu không phải bằng phê bình mà bằng một truyện ngắn, đăng trên đặc san văn nghệ của trường Sư Phạm Đà-lạt. Tên truyện là *Huyền*, và trong truyện ngắn, anh không hề thay Huyền, bằng bất cứ một chữ nào khác, thí dụ như nàng, cô ta, người nữ muôn đời, thánh nữ... Báo hại Huỳnh Phan Anh phải nhảy xe đò về Sài-gòn, chỉ để mang lên một mớ chữ "Huyền" cho một nhà in ở Đà-lạt vốn không thể lường trước một sự thiếu hụt lạ lùng, bất ngờ, và cũng thật lý thú như vậy!

Nhân lúc Bạch Mao Sư Vương, sư tử bờm trắng bỏ ra ngoài, tôi nói,

rất thích những bài viết của ông, K. ghé tai tôi nói nhỏ, tôi biết là anh thích, vì cũng một dòng mà ra: Ông anh tôi rất mê Nguyễn Tuân.

Có lẽ như vậy thật, văn Trúc Chi phảng phất không khí tùy bút Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân nổi tiếng với tùy bút, và tùy bút Nguyễn Tuân, nổi đình nổi đám vì chất khinh bạc của nó. Những người viết sau này, không thể nào tới được cái chất khinh bạc "ròng" như vậy, đành phải thay bằng giọng thầy đời, giọng uyên bác, giọng có đi Tây, đi Tàu, có ở Paris, có biết khu "dân sinh" Saint-Germain-des-Prés... Ra cái điều đi hơn Nguyễn Tuân! Trúc Chi có thể "hơn" Nguyễn Tuân ở cái khoản đi, nhưng "may thay", chân truyền Nguyễn Tuân ở cái khoản khinh bạc: khinh bạc như là cực điểm của lòng nhân hậu. Lòng nhân hậu, hay hồn nhân hậu này, theo tôi nên "dịch ra tiếng Tây" bằng chữ *la nostalgie*, vốn thường được hiểu là hoài hương. Nó ngấm vào ông Adam và bà Eva, ngay phút đầu tiên bị văng ra khỏi vườn Địa Đàng. Tôi đã viết về Nguyễn Tuân thứ xịn này: Cảnh Huấn Cao phán, những con người như ông, những chữ như thế này, phải tìm đất khác để mà tụ lại, chẳng thèm nghe viên cai ngục lí nhí, *xin bái lĩnh*, ông đã nhập vào những chữ chưa khô mực.

Sẽ có người bực mình, đã đọc *Chữ Người Tử Tù*, đâu có thấy những dòng chữ bịa đặt trên? Thiển nghĩ, đọc là mô phỏng, là tưởng tượng, là thêm thắt... Nếu như bạn muốn trung thành với văn bản, xin thưa đây: *Chiếc Lư Đồng Mắt Cua*, theo như kể lại, là cuốn họ Nguyễn đắc ý nhất, đắc địa chỉ có mỗi một câu: *Xuyến người bên lương hay người bên giáo?* Ôi chao, phải đốt bao nhiêu nhân sinh hệ luỵ, phải nghe bao nhiêu lần *tiếng cười ở nơi cổ họng cái chết* (6) phải tàn bao nhiêu ngọn đèn dầu lạc, phải *tu tận hoan* (7) bao nhiêu lần, *bỉnh chúc* (8) bao nhiêu phen, phải để cho nhân vật của mình ngã ngửa ra giẫy đành đạch ngay giữa sân đình, rồi cứng đơ người, rồi á khẩu, sau khi "lụy" một nước cờ, mới có thể phán một câu nhẹ nhàng như vậy: *Xuyến người bên lương hay là bên giáo?*

Nguyễn Tuân hỏi tôi:
-Có nhớ Két không?
-Tay Két trinh sát tiểu đoàn 54?
-Cứ đến ngồi đây mình lại nhớ nó. Không hiểu sao.
Thì ra cái đầu đường đêm hôm chẳng thú vị chút nào, chính Nguyễn Tuân mới đang hồi tưởng...

(*Cát Bụi Chân Ai*, trang 12. Tô Hoài, nhà xb Thanh Văn, không ghi năm).

Mắt xanh hay mắt trắng (To be or not to be?). Văn là người, nhưng văn cũng để giấu người: chất khinh bạc vốn lồ lộ trong Nguyễn Tuân, là để giấu con người thực của ông. Người đọc sướng điên lên, vỗ đùi bành bạch, vì nét tài hoa, vì *con mắt trắng dã* của Nguyễn Tuân, nhưng để lọt mắt xanh của ông, phải là độc giả của những câu văn nhẹ khôn kham: *"cứ ngồi đây là mình lại nhớ đến nó. Không hiểu sao."*

Tiện đây, tôi xin chép lại cả một đoạn phố, (*cái đầu đường đêm hôm chẳng thú vị gì*), với những người ngợm của nó: cái đống rác của cả một miền đất, sau "Mùa Thu", một thứ *Xóm Cầu Mới* (9):

Ở cái ngã sáu đường đời ấy vẫn leo lắt ngọn đèn con của lão cà phê 81, ánh đèn chai và bếp lửa thùng cháo bác Chữ. Mấy bác xích lô tã chốc lại lạch xạch lượn lờ qua. Trông mặt người đạp xe cũng đoán được tung tích, mỗi người đều hằn nét bộ mặt thời gian và tờ lịch hàng ngày của thành phố. Có lão râu xồm khuya về uống rượu húp cháo rồi nằm vắt người trên đệm xe, sàn xe ngủ bên gốc cây. Đấy là các ông chánh, ông lý tề vừa chạy tây cản, vừa sợ Việt Minh trả thù đã bỏ các vùng trắng ven nội vào đây. Đám cơ sở hốt (10) chết bỏ vào thành, trẻ hơn, đỡ lầm lỳ, có thể lại công tác bí mật, không ác ôn như mấy lão xích lô râu rậm kia...

-Lão xế lô, lão lục tào xá này nhất định cũng tề ngụy cũ. Cả lão cà phê bít tất, lão cháo gà cứ dấm dớ thế nhưng trông tay thoăn thoắt nhặt tiền, xếp tiền thế kia đủ biết.

Nguyễn Tuân hỏi tôi:

-Có nhớ Két không?...

Tôi trích một đoạn, trong *Cát Bụi Chân Ai*, chỉ để chứng minh: nhà văn - ở đây là Tô Hoài - quan sát giống hệt một điệp viên, và Nguyễn Tuân đã giải tỏa cả một đoạn văn đầy những *chi tiết chết người* như vậy, bằng một hồi tưởng về người đã chết. Nghe nói Tô Hoài viết *Cát Bụi Chân Ai*, là để "tạ lỗi" với vong hồn bạn, nhưng nhờ vậy, chúng ta thấy một Nguyễn Tuân "không chính thức", và bằng cách nào ông sống sót...

Trong hai nhà văn tiền bối kể trên, Tô Hoài mới là người thân cận với tuổi thơ của tôi, của "chúng tôi". Làm sao quên được cảnh tượng chú dế mèn võ sĩ được thiền sư xén tóc "cải hóa". (Hãy mường tượng ra, nghi lễ xuống tóc cho một tín đồ nào đó!). Làm sao quên hương ngọc lan của một buổi hẹn hò. Ôi nỗi đắng cay phải từ giã "quê người" đi tìm một "quê mình", đâu đó giữa đồn điền cao su bạt ngàn của một nước Nam-kỳ xa lắc, nơi chỉ có hai mùa mưa nắng, không còn những cơn gió buốt lạnh căm, không phải từ thiên nhiên ác nghiệt, mà từ lòng người thổi ra, không cần giờ giấc, không cần mùa màng, ngày tháng... Làm sao mà hiểu nổi, một nhà văn với một thiên lương như vậy, với những quan sát tinh vi về

loài vật, về một con người như Cu Lặc, lại có thể *cay nghiệt* như thế về một cõi tề, nguỵ? Đành phải giải thích bằng kinh nghiệm đọc Primo Levi, một nạn nhân của Lò Thiêu, qua bài viết: *Những cuốn tiểu thuyết do dế kể* (11).

Primo Levi nhắc tới một bài essay của Aldous Huxley, qua đó, nhà văn người Anh này, khi phải trả lời một người trẻ tuổi muốn nhờ ông ban cho một lời khuyên, bắt đầu viết như thế nào: hãy mua một đôi mèo, quan sát, rồi miêu tả chúng. "Nếu tôi (Levi) nhớ không nhầm, ông nói với người trẻ tuổi, rằng loài vật, và đặc biệt động vật có vú, đặc biệt hơn nữa, những loài vật nuôi trong nhà, chúng như chúng ta, nhưng 'bỏ cái nắp đi' ('with the lid off'). Cư xử hành động của chúng giống như của chúng ta, một khi mà chúng ta mất đi được (thiếu, lack) sự kiềm chế."

Thế giới con người trong *Cát Bụi Chân Ai*, lạ thay, là đảo ngược thế giới loài vật Tô Hoài mô tả, những ngày trước Mùa Thu. Những con vật của ông "người" hơn, so với những con người sau này (so với cách ông miêu tả con người sau này). Vẫn theo bài viết của Levi, từ tiếng nhạc dế có thể suy ra khí hậu của môi trường sống. Người ta còn nhận ra một điều: dưới những điều kiện thiên nhiên bình thường, dế đực và dế cái cùng một nhiệt độ, nhưng nếu thân nhiệt của dế đực (thí dụ vậy) tăng lên chỉ một hay hai độ, tiếng nhạc của nó tăng lên bán-cung, và bạn lòng của nó sẽ không trả lời: con cái không còn nhận ra dục tính ở con đực. Môi trường thay đổi chút xíu, thế là có một "thảm họa", một bất toàn, một khiếm khuyết, một bất xứng đôi, nẩy sinh: phải chăng chúng ta có một mầm (germ) tiểu thuyết ở đây? Levi tự hỏi.

Nguyễn Tuân buông một câu: *Không hiểu sao*, tôi cứ loay hoay tìm cách giải thích "vấn nạn này", và đành phải mượn Levi, mượn Kim Dung. Bằng một cách nào đó, Nguyễn Tuân đã giữ thân nhiệt của mình không bị môi trường Mùa Thu làm thay đổi. Và nếu *ông nghĩ đến Két*, thực ra là (còn) nghĩ đến bạn mình. Ở đây, ta lại thấy vị thiền sư xén tóc, và anh chàng võ sĩ dế mèn hăm hở với giấc mơ trừ hết ác ôn tề nguỵ. Và cái câu *"Cứ ngồi đây..."* đâu có khác gì hành động của vị sư già chuyên việc quét dọn Tàng Kinh Các, khi thấy hai ông sư giả cầy Mộ Dung Bác, Tiêu Viễn Sơn xào xáo lung tung kinh kệ tìm cho đủ 72 tuyệt kỹ võ công Thiếu Lâm, đã cố nhét những kinh Phật xen vô, để hy vọng cải hóa...

Tôi đọc Trúc Chi, và tưởng tượng, mình cũng đang ngấm chất văn chương của ông, theo kiểu nhân vật cái bang ngấm chất trà của một thời vang bóng, theo kiểu Trúc Chi ngấm chất rượu bữa gặp mặt, hay như... nhân vật xưng tôi ngấm tiếng đàn của một người đẹp không thể đàn được

nữa. Tôi cứ hồi hộp, cái ông này, làm thế nào bây giờ, làm sao lại làm khó người yêu xưa, ở xứ người, bằng tiếng *Cầm Dương Xanh* (12) ngày nào, ngày nào...

Nghe Đàn (13) mở ra bằng một lời nhạc: *Dạo ấy đời đẹp thiệt, đẹp hơn bây giờ...*

Tôi nghiệm ra một điều, trí nhớ của ông bạn là một nhạc viện, hơn là một thư viện. Hình như *cái tật* của ông, mỗi lần hồi tưởng, là phải bắt đầu bằng một lời nhạc. Tôi đã từng "nhờ ông nhớ giùm" một câu hát, để choàng lên ý thơ cổ mà ông vua mê gái Tự Đức đã mô phỏng, tất cả chỉ để "choàng hoa" cho một cô bạn "của mình":

Đâu con phố đơn côi,
Như tên thường gọi
Nơi bóng cũ,
Gương xưa,
Gặp gỡ?
(Where is that street,
called lonely street,
where broken dreams
and memories
meet?
... Đập cổ kính ra tìm lấy bóng).

... Bây giờ, phút này tôi đang nhớ đến cái dáng trang trọng của Hương Cơ khi nàng bưng một lư trầm nhỏ ra đặt trên cái bàn con trong phòng khách, khẽ nhắc Phấn:

-Anh tắt bớt đèn đi.

Xong nàng đỡ cây đàn tranh trên chiếu, thong thả ngồi xuống, rồi bắt đầu vặn trục so dây. Vẻ đẹp của người đàn bà vốn có sẵn nhan sắc thiên phú, lúc dịu dàng kéo lại tà áo cho thẳng thớm trước khi đem tấm lòng của mình ra mà ngỏ với một người mà nàng cho là biết nghe nhạc cổ của đế đô, tôi không đủ tài tả hết. Nhưng mà tôi cảm động lắm, cảm động đến độ vọt miệng nói ra một câu thật ngớ ngẩn:

-Nãy giờ chưa thấy chị ăn uống chi cả. Để chị dùng cơm rồi mới đàn chứ.

-Dạ không, bụng có trống thì tiếng đàn mới thanh thoát được, mới hư được. Thầy dậy tôi vậy. Là vì tiếng đàn, cái nhấn là để cho nó một phần thực thôi, còn thì phải là chín phần hư mới trúng cách.

... Phấn bạn tôi đã nằm xuống rồi. Người sĩ quan thiện chiến và tài hoa ấy vào phút cuối cùng đã trối với một người bạn tù...

Còn Hương Cơ (14), qua kể lại của người con trai... *trong những ngày đói khó sau khi cha nó bị đem ra ngoài Bắc để cho người ta sửa đổi tạo một cái gì mới đó (tôi cũng không biết rõ) mẹ nó ở nhà xoay sang mở quán ăn để độ nhật. Trong khi nấu nướng củi lửa dầu mỡ sao đó mà Hương Cơ bị phỏng nặng... khiến cho ba ngón tay chết cứng...*

Đọc là liên tưởng, là mò mẫm tìm sợi dây vô hình nối kết những con chữ, nối kết những linh hồn, những tâm hồn... tôi cứ tưởng tượng ra rằng Hương Cơ, trong một phút quá hoảng sợ những ngày sắp tới, quá nhớ nhung người chồng ở trại tù... đã "lơ đễnh" thò tay vào chảo dầu cũng nên! Trong *Trăm Năm Cô Đơn*, bà cụ ngoại-ngoại của Ursula Iguarant, khi Sir Francis Drake đánh chiếm Riohacha vào thế kỷ 16, nghe tiếng chuông trống báo động, tiếng đại bác, bà mất vía, ngồi ngay lên cái chảo mỡ sôi. Những vết phỏng biến bà thành một người vợ vô dụng suốt quãng đời còn lại. Ngay trong *Nghe Đàn*, Trúc Chi vẫn còn bị ám ảnh bởi biến cố Mậu Thân ở Huế, khiến ông phải "mở ngoặc đóng ngoặc", và chính nó làm cho ông nhớ đến Hương Cơ...

Về tai nạn, Trúc Chi đành đổ cho lịch sử, cho cuộc nồi da nấu thịt. Nhưng mượn cái cớ mà Nguyễn Du vin vào đó bắt Kiều mười lăm năm lưu lạc, người viết xin được đưa ra một hai lời bàn Mao Tôn Cương ở đây.

Là bởi vì, ngay khi đọc ông tả một nhan sắc, một tiếng đàn như thế, người đọc đã "hốt" rồi: làm sao mà trời xanh không quen thói má hồng đánh ghen cho được?

Sẽ có người bực mình, bỏng có ba ngón tay mà làm rối lên, nhất là sau một cuộc nồi da nấu thịt. Thật ra, chẳng thể nào mà trả lời cho một sự bực bội "thuần lý" như vậy, như Nabokov khẳng định, khi đọc *Hóa thân* của Kafka: biến thành con bọ, rồi sao? Nhưng ông cho rằng trước nỗi sững sờ "thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt", con người đành thốt lên: *Beauté plus pitié, Cái Đẹp cộng Thương Hại* (15). Đây cũng là tâm trạng cùng một lứa nên trời lận đận, đông bệnh tương lân giữa nghệ sĩ và nghệ sĩ. Và đó cũng là cách chúng ta tiếp cận nghệ thuật: Nơi nào có cái đẹp nơi đó có thương hại, bởi vì một lý do thật giản đơn: cái đẹp phải chết. *Mỹ nhân tự cổ như danh tướng...*

Vả chăng, cái tai nạn đó, là bắt buộc phải có, như một chia sẻ cùng *Nạn Lớn, Kinh Hoàng Lớn*. Ở đây, tôi lại mượn Kafka, và "con bọ" của ông, và cứ nói "xưng xưng" ra rằng: Phải có tai nạn đó, nhan sắc tiếng đàn của Hương Cơ mới được vẹn toàn.

Walter Benjamin, trong bài viết về Kafka (16), nhận xét: "điều lạ là, đàn bà nòi đĩ ở trong truyện Kafka không hề tỏ ra đẹp (these whorelike

women never seem to be beautiful)... Hơn thế nữa, cái đẹp ở trong thế giới Kafka thường chỉ xuất hiện tại những nơi u tối nhất - ở giữa đám "tề nguỵ" (cho phép tôi liều lĩnh dịch chữ "accused persons" như vầy, cho đúng với "tinh thần bài viết"!)... *Vụ Án* cho thấy những thủ tục là vô hy vọng đối với tội nhân, vô hy vọng ngay cả khi họ có hy vọng để trắng án. Có thể chính cái gọi là vô hy vọng đã làm lộ ra cái đẹp ở nơi họ; chỉ có họ là được ông ưu ái (17). Benjamin nhớ lại một cuộc trò chuyện giữa Max Brod (18) và Kafka. "Tôi nhớ lại", Brod viết, "một lần trò chuyện với Kafka, bắt đầu bằng Âu-châu ngày-này và sự suy tàn của nhân loại. 'Chúng ta là những tư tưởng hư vô, những tư tưởng tự sát vốn đến từ cái đầu của Thượng Đế', Kafka nói. Điều này thoạt đầu làm tôi (Brod) nhớ tới ý niệm Gnostic (19), về cuộc đời: Thượng Đế chỉ là một ác thần. Thế giới: Sự Sa Ngã của Người. 'Ô, không phải đâu,' Kafka nói, 'thế giới chúng ta chỉ là một cơn xấu tính, bad mood, của Thượng Đế, một ngày xấu của người.' 'Vậy thì có hy vọng ở bên ngoài cái thế giới mà chúng ta biết'. Ông mỉm cười. 'Ôi, nhiều hy vọng, hằng hà sa số hy vọng - nhưng không cho chúng ta, dù chỉ một'. Những lời nói này đã tạo cây cầu tới những nhân vật thực là kỳ quái của Kafka: những kẻ độc nhất đã thoát ra ngoài cái vòng tròn gia đình, chỉ với họ may ra có thể có hy vọng. Những kẻ không phải là loài vật; ngay cả giống lai hoang, hay nhân vật giả tưởng như Cat Lamb hay Odradek cũng không luôn; họ vẫn còn ở trong cái vòng tròn gia đình. Không phải ngẫu nhiên mà Gregor Samsa thức giấc như là một con bọ ở trong nhà bố mẹ, mà không ở một nơi nào khác, và cái con vật khác thường nửa mèo nửa cừu đó, là thừa hưởng từ người cha. (Một nhân vật) Odradek như thế là mối quan tâm của người cha trong gia đình. *"Những kẻ trợ giúp", tuy nhiên, là ở bên ngoài vòng tròn này. (The "assistants", however, are outside this circle) (20).*

(Hãy đặt câu hỏi: Một nhân vật "toàn bích" như Tiêu Phong, tại sao là người Khiết Đan, mà không phải người Hán, tại sao lại xăm hình con cáo ở trước ngực...? Hãy tưởng tượng Trung-nguyên/Hán/Tây-vực/Khiết-đan... là những nơi chốn, giống dân khác...)

Tôi trích dẫn, cả một đoạn dài Benjamin viết về Kafka, là để nhấn mạnh hai điều, có liên can đến Hương Cơ, đến chúng ta.

Thứ nhất: Hương Cơ, một nhan sắc của cố đô, "vầng trăng mười bốn", chỉ tuyệt vời "nhờ" tai nạn, và tiếng đàn của người nữ "tượng trưng cho cả một dân tộc", chỉ tuyệt vời khi nàng không còn có thể đàn được nữa, như lần đàn sau này...

Thứ hai: đã đến lúc chúng ta phải có một cái nhìn khác, về phi nhân.

Nguyễn Tuân, trong một truyện ngắn, cho rằng trăng mười bốn hơn trăng rằm: trong cái chưa chín có cái chưa tàn lụi. Nghe nói ở bên Nhật, có những cảnh chùa dở dang: cứ để dành một khoảng trống cho tín đồ nhập vào. Đây là sự khác biệt rất cơ bản giữa Đông và Tây. Charles Moore, trong lời giới thiệu tác phẩm *Ca Ngợi Bóng Tối* (21) của nhà văn Nhật Tanizaki, cho rằng đồng minh mãnh liệt nhất (the most powerful) của chúng ta (Tây phương) là ánh sáng. Dẫn Louis Kahn, một nhà kiến trúc: 'Mặt trời chẳng bao giờ hiểu được nó tuyệt vời như thế nào, cho tới khi nó ngã xuống bức tường của một tòa nhà'; do đó việc xây nhà dựng cửa (là một trong những đòi hỏi cơ bản, đòi hỏi trú thân, nối kết, quần tụ với nhau, cho dù theo kiểu ăn xổi ở thì với nơi chốn thuộc về con người, hay con người thuộc về nó, nhưng) đối với chúng ta, cái nhà phải tương hợp với mặt trời, đồng minh số một, phải giúp đồng minh ban ánh sáng. Và ông cho rằng Tây phương đã "tá hoả" khi nghe chuyện ca ngợi bóng tối và bóng đen; và đã sững sờ thích thú khi nhận ra rằng, nhạc sĩ, ở đâu đâu cũng thế thôi, tạo nên những âm thanh của họ, là để nắm bắt sự im lặng, và kiến trúc sư, khi tạo ra nhà cửa, là để ôm lấy quãng không.

Thành thử cái thuyết tài mệnh tương đố mà Nguyễn Du vịn vào đó để làm khổ cô Kiều, là nằm trong truyền thống Đông phương: không phải ông Trời ghen cái đẹp, mà là: ông Trời chỉ đẹp, khi té xuống, khi nhập vào một con người luân lạc như Kiều. Với Hương Cơ của Trúc Chi, *tiếng đàn trong cái chín phần hư cần một phần thực*, và phần thực này, chỉ có cuộc đời - cuộc nồi da nấu thịt, củi đậu đun hạt đậu, chúng ông "chơi" chúng mày... - mang lại cho nó thôi.

Có lần, người viết nhắc tới nữ văn sĩ người Nga Tatyana Tolstaya, và bài viết *Những Thời Ăn Thịt Người* qua đó, bà cho rằng cái chế độ toàn trị, cái tư duy chuyên chế không phải tự trên trời rớt xuống, mà đã nhô lên từ những tầng sâu hoang vắng của lịch sử Nga. Cũng theo tinh thần đó, người dân Đức bây giờ đã hiểu ra một điều: Hitler là một phần của họ, dù có muốn rũ bỏ cũng không thể được.

Cuối thế kỷ, tờ *Time* lo sửa soạn danh sách một trăm nhân vật nổi cộm, những người để dấu ấn nặng nề lên thế giới, và lên cách sống của chúng ta, ngay cả trong tương lai, từ đó lọc ra Nhân Vật của Thế Kỷ (The Person of the Century). Tờ báo mời độc giả tham gia, và đưa ra một danh sách đề nghị, với những tên tuổi như: Churchill, Roosevelt, Stalin, Lenin, Henry Ford, Bill Gates... Theo Gordon A. Craig, khi điểm cuốn *"The Hitler of History"*, tác giả John Lukacs (279p. nhà xb Knopf) cho rằng, theo Lukacs, người xứng đáng hội đủ điều kiện nhất do tờ báo đưa ra, phải

là Adolf Hitler.

Thế kỷ của chúng ta, thế kỷ của bạo động; Hitler chính là hiện thân của nó, kể từ ngày ông kéo nước Đức ra khỏi Hội Nghị Tài Giảm Binh Bị, và Hội Quốc Liên, vào năm 1933, cho tới khi ông ta chết, giữa những hoang tàn đổ nát của Bá-linh, mười hai năm sau đó. Cuộc chiến tranh lớn nhất của thế kỷ sẽ không thể hiểu được, nếu thiếu sự hiểu biết về Hitler, vai trò của ông khi phát động nó. Trong một nghiên cứu, *"Anmerkungen zu Hitler"*, cách đây 20 năm, Sebastian Haffner viết: Thế giới hôm nay, cho dù chúng ta yêu, hoặc ghét nó, là tác phẩm của Hitler. Không có Hitler, không có vụ chia cắt nước Đức và Âu châu;... không có Hitler sẽ không có Israel; không có chuyện xóa bỏ thuộc địa; ít ra cũng không nhanh như vậy; không có chuyện "đứng vùng lên, gông xích ta đập tan" tại Á châu, Ả rập, Phi châu Da đen; Âu châu vẫn ở thế "thượng phong". Câu nói "Chúng ta chưa xong đâu, với Hitler", của sử gia Đức Gerhard Schreiber, bây giờ càng thực hơn, so với thời điểm 1980, khi nó được viết ra.

Cuốn sách giá trị đầu tiên, theo Lukacs, là một tiểu sử về Hitler, của Konrad Heiden (Zurich, 1936). Do sớm sủa, nó không cho chúng ta biết, về chế độ độc tài, nhưng có nhiều thông tin chính xác, chi tiết, về những năm đầu đời, cho tới khi Hitler lên cầm quyền. Vì quá sớm nên cuốn sách cũng chưa đề cập đến một Hitler "bịnh", hay là hiện thân của cái ác, như những cuốn tiếp theo sau. Heiden cũng phê bình thẳng thừng, những huyền thoại gán cho Hitler. Và Lukacs cho rằng cuốn sách vẫn còn có giá trị, nhất là vào lúc này, khi tác giả của nó tin rằng "Hitler đã trở nên thực sự nguy hiểm, vì đã bị địch thủ, và đồng minh nhất thời, đánh giá quá thấp, nói rõ hơn, đã coi thường ông."

Sau khi nhìn lại một số sách vở, một số tác giả, Lukacs đã giữ lại hai quan điểm, mang tính tương đối và khôi phục (rehabilitation); qua đó, ông tin rằng, sau 50 năm chúng ta nhận ra một điều, Hitler đa dạng, rắc rối hơn nhiều, so với con người một chiều, một kẻ cơ hội, như người ta vẫn thường nghĩ về ông.

Gordon A. Craig cho rằng, cái nhìn của chúng ta về quá khứ không bao giờ "chỉ là một cái nhìn thường trực, hoài hoài, bất biến". Nhìn lại (revision) là một phần của tiến trình lịch sử, không thể tránh né được, theo bước đi của thời gian, và theo sự tích luỹ những tri thức, hiểu biết mới. Nó còn được dẫn dắt bởi cơ may. Việc thăm viếng nghĩa trang Waffen-SS, tại Bitburg, vào năm 1985, của Tổng thống Reagan đã "đủ" để khuyến khích niềm thống hối, ân hận tại Đức, đưa đến những cuộc bàn luận về Nazi sau đó.

Một trong những hệ luận rút ra được, đó là, người ta đã không công bằng, khi lọc riêng ra nước Đức, để mà chê trách: hệ thống Xô-viết đâu có chịu thua Quốc xã, về sự tàn nhẫn, độc ác? Tại sao người ta bỏ qua thái độ bài-Bolshevik, của Hitler? Thời điểm nào, ông trở thành "the Hitler of history", hay rõ hơn, khi nào thì tư tưởng của ông thăng hoa, con người của ông tới độ chín mùi, trưởng thành?

Khía cạnh ăn khách, bình dân của ông cũng đáng được lưu tâm. Nước Đức của Hitler thường được coi như là một quốc gia toàn trị hay cảnh sát trị, điều này chỉ tới một mức độ nào đó. Hitler họa hoằn mới dùng từ toàn thể, "total", và phủ nhận ông ta là nhà độc tài. Tinh thần quốc gia nở rộ, khi Hitler lên cầm quyền; nhân dân Đức có chung cảm giác, đây là lúc để tự hào về chính chúng ta, về vai trò của nước Đức trên thế giới, như diễn văn của Hitler vào năm 1934: Tại Đức, lưỡi lê chẳng làm cho dân chúng khiếp sợ. Đây là một chính quyền được hỗ trợ bởi niềm tin tưởng của toàn dân... Đối với họ, tôi không bị rằng buộc bởi bất cứ một cá nhân nào. Tôi trưởng thành từ dân chúng, và tôi luôn ở với họ, tôi trở về với họ. Niềm hãnh diện của tôi, đó là, tôi biết rằng, không một chính khách nào trên thế giới có đủ quyền hơn tôi, để mà tuyên bố rằng ông ta là người đại diện cho dân chúng." Hay như diễn văn vào năm 1923: Vì sự giải phóng của dân chúng, (chúng ta) cần (một điều gì đó) hơn cả một chủ trương kinh tế, hay một nền kỹ nghệ, nếu dân tộc trở thành tự do, điều nó cần, đó là niềm tự hào, quyền năng của ý chí, sự thách đố, hận thù, hận thù, và một lần nữa hận thù". Khi hô hào hận thù, Hitler biết ông tạo nên kẻ thù là những quốc gia láng giềng, và luôn cả thế giới, nhưng ông biết chắc chắn một điều, dân chúng Đức ủng hộ ông. Lukacs, theo Craig, có vẻ đã chọn Hitler là "Nhân Vật của Thế Kỷ", khi viết: Ông ta có thể được coi như một nhà lãnh đạo cách mạng bình dân nhất trong lịch sử thế giới hiện đại. Cần nhấn mạnh khía cạnh bình dân, bởi vì Hitler không thuộc về thời đại dân chủ, quí tộc. Không thể so sánh ông ta với một Caesar, hay Cromwell, hay một Napoleon. Hoàn toàn khác biệt, hơn hẳn họ, ông ta có thể đem đến nghị lực cho đa số người dân, hầu hết là có học, thuyết phục họ đi theo ông, vì những thành quả gây kinh ngạc, hay những cố gắng khác thường, ông làm cho họ tin rằng họ đứng đây là để thách đố với cái xấu, với điều ác. Rồi cuộc chiến, và thất trận sau đó đã đem đến chua xót, cay đắng; và Hitler đã được coi như quỷ dữ, phản-Kytô (anti-Christ), một hiện tượng vượt ra ngoài tri thức, hiểu biết của con người, rằng con quỷ (sau đó) biến mất vào trong những đám mây siêu hình. Sự thối lui vào một... địa ngục siêu hình được coi như một hình thức khuây khỏa, như thể người ta không muốn chấp nhận phần trách nhiệm "của mình" trong "việc này".

Đã có nhiều lý do tốt đẹp đưa đến hy vọng, tin tưởng, rằng quan niệm phủi tay chua xót nói trên đã mất dần. Nếu không, người ta không thể giải thích được thái độ của dân chúng Đức, đối với những tác giả như Daniel Goldhagen, khi ông cho rằng, những tội ác của Hitler đã được thực hiện đúng theo ước muốn của dân chúng Đức. Điều này cho thấy, tiến trình lịch sử hóa Hitler đã có những thành quả tốt đẹp: coi Hitler như là một phần của lịch sử nước Đức - không phải là một sức mạnh không thể giải thích nổi, ở bên ngoài lịch sử. Những người Đức vẫn còn cảm thấy khó khăn chấp nhận Hitler như là một phần của quá khứ của họ, sẽ chẳng thế nào cảm thấy có được một chút cơ may hạnh phúc, về một hình ảnh Hitler tái lâm, một thứ Diocletian (22), một kiến trúc sư bất hạnh cuối cùng của một trật tự vương giả.

(Hiểu theo tinh thần trên, Tạ Chí Đại Trường trong một bài viết, đăng trên Văn Học mà tôi không còn nhớ số mấy, tháng mấy, đã thật có lý khi cho rằng, Hồ Chí Minh là một "ông vua bất hạnh nhất" của chế độ cung đình ở Việt Nam).

Ngày mai là ngày hôm qua, đó là câu mở đầu cuốn tiểu thuyết *Gặp gỡ ở Westphalie* của nhà văn Đức, Gunter Grass. Sau Cuộc Chiến Lớn 1939-45, những gì còn lại của nước Đức của ông chỉ là những điêu tàn, và một nền văn chương đã phát sinh từ đó: văn chương của những mảnh vụn, và phản ứng của một nhà văn trước những mảnh vụn đó: Làm thế nào, sau Hitler, những ngòi bút Đức viết lại sự sống, Vũ Trụ Luận? Làm thế nào con chim phượng hoàng thò cái mỏ của nó ra khỏi biển lửa? Henrich Boll, Nobel văn chương, nhà văn người Đức cùng thời với ông, đã viết: Chúng ta chẳng có bất cứ lý do gì để mà hổ thẹn về một nhãn hiệu như thế... Chúng ta nhìn sự vật như nó là, với con mắt trần tục, thường không hoàn toàn khô, và cũng không hoàn toàn ướt, nhưng mà là ẩm, bởi vì đừng quên, từ La-tinh diễn tả ẩm là humor, diễu cợt. Nếu Grass không thể chọn một văn phong nào khác, ngoài văn phong ẩm (theo tôi có thể giải thích văn phong của Phạm Thị Hoài trong *Marie Sến*), ông cũng không thể nào chọn lựa những đề tài khác: những đề tài của tôi đã có sẵn, đã được "chỉ định": chế độ Nazi, hậu quả của nó (theo như người viết được biết, đề tài, nhân vật trong *Marie Sến*, đều "thực" cả, tác giả của nó không hề hư cấu ra những nhân vật như thế).

(Làm thế nào hoa sen trong biển lửa? Làm thế nào nàng Hương Cơ lại có thể đàn?...)

Văn phong của Trúc Chi không hẳn mang tính khinh bạc của Nguyễn

Tuân (sau một cuộc chiến đó, khó mà còn có thể khinh bạc), nhưng mà là "ẩm", theo nghĩa của Henrich Boll. Cái kiểu nhớ khói tỏa lên từ những đám lá nhà ai đang đốt xưa kia, rồi buồn vì nhân sinh ở đây giờ này không diệu nghệ với con người. Hay như đoạn trò chuyện với vợ, nhân một câu chúc tết hơi sớm của người bạn:

- Hôm nay là mấy ta rồi?

- Mới hăm mấy tháng mười

- Sớm hơn vua Quang Trung hai tháng.

- Anh nói chi?

Đoạn đối thoại làm tôi liên tưởng tới Nguyễn Tuân, khi "bị" vợ thỏ thẻ có bầu, và lần này có thể sinh đôi:

- Đại bất hạnh!

Như vậy là chúng ta đã từng san sẻ...

Chúng ta còn san sẻ những kỷ niệm về đất Phật.

Ngay khi đọc về ông, về những kỷ niệm xứ Phật, tôi cứ tự nhủ, cái giọng văn này có thể là đã được lọc, rửa, bằng khí hậu, con người, thời tiết Lào. Hình như con người của tôi cũng đã trải qua những lọc rửa như vậy, khi chạy trốn quê hương. Dùng một hình ảnh ởthô bạoõ của xứ văn minh, đối với một con người từ những xứ mọi rợ tới, nhân viên y tế có thói quen khử trừng, trước khi cho vô đất nước của họ: hình như đó là ý của Phật khi chọn lựa cho tôi một đất tạm.

Tôi vốn không có thói quen cất giữ báo Việt, thí dụ tờ *Văn Học*. Mỗi lần muốn viết, tôi đi tìm ông để đọc (để hỏi) lại, nhưng...

Đúng ra, tôi đã cố từ bỏ thói quen đó. Bởi vì muốn giữ cũng không được: cứ nhìn ánh mắt dò hỏi, hoặc ra vẻ ngần ngại, của một vị khách tình cờ gặp gỡ, là lại tắc lưỡi, thôi ông cứ lấy đi, khi nào cần ởsẽ xin thưa lại...õ

Lần đọc ông viết về một ông bạn tá túc tại một cảnh chùa nơi đất Phật: tôi cũng đã từng tá túc ở một cảnh chùa, chùa Long Vân, Paksé, trong những ngày chờ đợi vượt sông Mekong. Ông bạn của ông sau ở lại luôn với chùa, với Phật; còn tôi, sau đó nhập vào đám người cùng số phận, trong một trại cấm Thái-lan...

Bức hình Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu mà tôi đã đem theo cùng với tôi suốt cuộc chạy trốn quê hương, là từ ngôi chùa Long Vân ở Paksé. Không hiểu ông có biết nhà thơ tu sĩ Tuệ Sĩ vốn sinh ra trưởng thành tại Lào. Cho tới lúc tôi vượt sông Mekong, gia đình, thân nhân của nhà thơ vẫn sinh sống tại đó.

Tôi cứ lẩn thẩn so sánh những nhận xét của ông, với của tôi, về xứ Phật. Và tôi cũng thực sự tin rằng, ông còn giữ riêng cho mình, nhiều chi

tiết đặc biệt về người về cảnh.

Cứ mỗi lần nghĩ đến đất Phật, tôi lại muốn san sẻ với ông.

Trong chuyến "hành phương Nam", tới Tiểu Sài-gòn, tôi gặp hai người bạn văn mà có thể chúng tôi đã từng gặp nhau mà chẳng hay. Trúc Chi, và Tạ Chí Đại Trường. Ông sử gia này học cùng năm với tôi, cùng ban B, chỉ khác lớp, tại trường Chu Văn An, khi đó còn ăn nhờ ở đậu bên cạnh trường Pétrus Ký; miếng đất sau trở thành Trung Tâm Học Liệu. Dân toán mà mê sử; còn tôi, văn chương. Hay là người ta cứ phải mê toán đã, rồi muốn mê gì thì mê: con số tuyệt đối, bài thơ tuyệt đối, trang sử tuyệt đối, là một?

Ôi về già, mà làm sao còn hăng say, và hết lòng với nhau như vậy: Tôi sẽ chẳng bao giờ quên được, ông vội vàng bỏ ra về, ngay khi vừa gặp, để lục lọi cho được một cuốn sách cho tôi. Cuốn này là cuối cùng còn lại trong nhà; không phải để tặng, mà chỉ ký tên trang đầu: cuốn sách do lỗi kỹ thuật, thiếu một trang.

Đó cũng là lần đầu tôi gặp vợ chồng ông bạn văn đã có nhã ý cho tụi này tá túc. Riêng ông chồng, tôi đã có dịp "đụng độ", trên trang giấy.

Kỷ niệm về một lần đụng độ, tôi quên sạch. Cho tới khi ngồi tại nhà một ông bạn họa sĩ, với ông bạn mới quen, Vũ Huy Quang, vừa là tài xế tắc-xi vừa là một khám phá tuổi già đối với tôi, về một tình bạn chẳng cần quen biết trước. Ôi quá nửa đêm, nghĩa là đã sang ngày hôm sau, ông bạn này cố níu kéo đêm hôm trước, bằng cách tới tận cửa, réo dậy đi mày, đi uống bia với tao. "Ông bà ấy ngủ rồi...". Chơi với Vũ Huy Quang là nhiều lúc bực mình lắm đấy, hắn có thể tới "mộ" mình dựng dậy, nếu cần, chỉ để đi uống với nhau một lon bia; ấy là tôi suy diễn nỗi bực rất đáng yêu, về người bạn vừa mới gặp đã xoắn xuýt lấy nhau này, qua lời cảnh cáo của vị chủ nhà.

Khi nghe tôi nói hiện đang ở tại... ông bạn họa sĩ la lớn: Quên rồi hả, hồi xưa mày "đập" anh ta nặng lắm mà? Tôi ngớ người, không nhớ là đã đụng độ với ông bạn chủ nhà trong trường hợp nào. Ôi chao, lần tới Cali đầu tiên lại là lần phải đối diện với quá khứ, những ngày tuổi trẻ hăng máu Đông Ky-xốt, bạ ai cũng đập, chẳng cần có lý do gì hết. Hoá ra lần này phải trả cả vốn lẫn lời!

Thấy mặt tôi buồn so, ông bạn họa sĩ lại còn gật gù: "Phê bình" là phải vậy! Mũi tên đặt trên cây cung, phải bắn thôi!

Sau đó, tôi hỏi lại ông bạn. Ông xác nhận có, nhưng đó là một bài phê bình thực sự, không có ác ý. Thực sự, nhưng sai, theo ông. Qua bài viết, tôi cho rằng ông không thể viết truyện dài, nhưng ông là tác giả của hai bộ trường thiên tại hải ngoại.

Trong cái "nghiệp" phê bình của tôi, tôi đã đụng độ với quá nhiều người. Riêng trường hợp ông bạn, tôi quên, nhưng rất nhiều lần tôi nhớ. Có khi vừa nhớ, vừa cầu mong, hy vọng rằng bài phê bình của mình có thể có ích nào đó. Ngay cả trường hợp ông bạn, tôi cứ tự hào một cách thật tếu là, biết đâu, nhờ lời nói "khích" của tôi, ông đã để lại cho đời hai đại tác phẩm.

Mà có thể thế thật! Thí dụ như lần đụng độ với Nguyễn Thị Hoàng, khi bà xuất bản cuốn *Vào Nơi Gió Cát*. Tôi đang giữ mục điểm sách cho phụ trang Văn Học Nghệ Thuật của nhật báo Tiền Tuyến. Trang báo do Thanh Tâm Tuyền phụ trách (sau ông giao lại cho Huỳnh Phan Anh và tôi; Huỳnh Phan Anh, sau bực bội với thằng bạn "láu cá' Bắc-kỳ, cũng dãn ra). Nguyễn Thị Hoàng vừa thành lập nhà xuất bản, làm một tuyển tập truyện ngắn, trả tiền nhuận bút rất xôm, có thể nói là cao nhất, so với các nhà xuất bản khác. Tôi cũng được mời tham gia. Ngoài tiền nhuận bút còn một bữa ăn linh đình, như để giới thiệu tuyển tập truyện ngắn và nhà xuất bản. Rồi tới *Vào Nơi Gió Cát*.

Cuốn truyện quá tệ, nhưng chưa tệ hại bằng bài điểm sách. Sau khi tóm tắt nội dung phần đầu, tôi kết luận: *phần đầu cuốn sách, theo tôi thật là khủng khiếp!* (Chấm xuống dòng đàng hoàng!).

Và sự khủng khiếp cứ thế kéo dài cho đến hết cuốn truyện.

Chưa hết, người phụ trách trang báo lại tỏ ra rất thích từ "khủng khiếp". Ông cho đăng, dưới cái tít: *Văn Chương Khủng Khiếp*.

Nguyễn Thị Hoàng hết sức giận dữ về bài viết. Nhưng thật khác người, bà trả lời sau đó bằng tác phẩm *Cuộc Tình Trong Ngục Thất*. Đây là một tác phẩm tuyệt vời nhất, nói "không" về cuộc chiến, theo tôi. Hình ảnh một người đàn bà, một người vợ tất tả chạy ngược, chạy xuôi, trong địa ngục để cứu chồng. Một ẩn bản khác về chàng Orphée. Tôi lại là người được cả hai người, là Thanh Tâm Tuyền và Mai Thảo, trao cho vinh dự viết bài điểm sách, trên tờ Vấn Đề: Nếu Dostoevsky muốn kéo Thượng Đế xuống cho ngang bằng con người, ở đây Nguyễn Thị Hoàng muốn kéo địa ngục lên ngang tầm trái đất...(23)

(Riêng về ông bạn, xin cho tôi nợ một chuyến đi, tới đất Phật, vượt dòng Cửu Long, vào Trại Cấm Thái Lan...).

Chú thích:

(1) Ý thơ John Donne, Hemingway dùng làm tựa đề *Chuông Gọi Hồn Ai*:... any man's *death* diminishes *me*, because I am involved in *Mankind*; And therefore never send to know for whom the bell tolls; It tolls for thee (Meditation

XVII). Tạm dịch: Bất cứ một người nào *mất* đi là *tôi* mất đi một phần, bởi vì tôi mắc míu với *Nhân Loại*; Do đó đừng hỏi chuông gọi hồn ai; Chuông gọi hồn *anh* đó.

(2) Mượn chữ của George Steiner; trong *Tuyệt Bi, Absolute Tragedy*, ông coi con người là những "unwanted intruders on creation": chui vào đời chỉ để uống rượu phạt!

(3) Một tạp chí văn học, xuất bản tại Cali, Hoa-kỳ.

(4) Địa điểm những nhà văn nhí gặp gỡ, nói chuyện văn chương!

(5) She Stoops to Conquer (1773): kịch của nhà văn Ái-nhĩ-lan, Oliver Goldsmith (1728-74).

(6) Chữ của G. Steiner trong *Tuyệt Bi* nhân nói về Shakespeare.

(7) Nhân sinh đắc ý tu tận hoan, thơ Cao Bá Quát.

(8) Sực nhớ chữ cổ nhân bình chúc, thơ Cao Bá Quát (Bình chúc dạ du: Đốt đuốc chơi đêm).

(9) Nhan đề một tác phẩm của Nhất Linh.

(10) Sợ.

(11) Novels dictated by crickets, trong *Other people's trades* (Bản tiếng Anh của Raymond Rosenthal, nhà xb Summit Books, 1989).

(12) Nhan đề một chuỗi thơ của Joseph Huỳnh Văn.

(13) Tạp chí Văn Học, Cali, số tháng Giêng 1998.

(14) Hương Cơ, cô gái của sông Hương, xứ Huế, theo Trúc Chi, là người Nam, tên Khương. Không hiểu tác giả có biết "mật ước" của các vị vua nhà Nguyễn: Nên chọn "Đệ nhất phu nhân", người Miền Nam, nếu được người đẹp Gò Công, là nhất. (Đức Từ Dụ, Hoàng hậu Nam Phương đều là người Nam).

(15) Beauté plus pitié, tiếng Pháp trong nguyên bản (nghiên cứu của Nabokov về *Hóa Thân* của Kafka, in trong bản tiếng Pháp, tủ sách bỏ túi).

(16) Franz Kafka: Nhân ngày giỗ thứ mười, trong Illuminations, Essays and Reflections, Hannah Arendt giới thiệu, nhà xb Shocken Books NY, ấn bản bìa mỏng in lần thứ nhất: 1969.

(17) Tôi đi ngang xóm chị em như đi ngang nhà người yêu thương của mình (Kafka, nhật ký 1910; Kundera trích dẫn, trong *Những Di Chúc Bị Phản Bội, bản tiếng Pháp, nhà xb Gallimard, 1993.*

(18) Bạn thân của Kafka, người đã không theo di chúc của bạn, yêu cầu huỷ bỏ tác phẩm.

(19) Tôn giáo thần bí.

(20) Người viết bài nhấn mạnh.

(21) In Praise of Shadows, bản tiếng Anh của Thomas J. Harper và Edward G. Seidensticker, nhà xb Jonatan Cape, London, 1991.

(22) Diocletian (245-313): Hoàng đế La-mã (284-305), vào năm 303 đã khởi xướng những vụ bách hại tín đồ Ky-tô.

(23) Hương Cơ của Trúc Chi làm nhớ tới một Điêu Thuyền của Miêng (trong tuyển tập những nhà văn hải ngoại). Làm nhớ tới "người đàn bà ngoại tình" của Miêng trong *Biển*. Từ đó suy ra, nhân vật nữ, tượng trưng một giải thoát khả hữu

cho cuộc nồi da nấu thịt, cho thế kỷ đọa đầy. Hãy tự hỏi, tại sao nhân vật tỏ mắt độc nhất trong *Mù Lòa* của José Saramago, lại là nữ? Hãy tự hỏi, những Thanh của một tiếng hát làm ấm *Bếp Lửa* (Thanh Tâm Tuyền), những Phương của những *Nỗi Buồn Chiến Tranh* (Bảo Ninh)... Hãy nhớ lại một A Châu, của riêng một Tiêu Phong. Em hy sinh không phải vì đại cuộc, không vì muốn giải oan cho mối hận thù về một kẻ Đại Ác... Nhà họ Đoàn có môn Lục Mạnh Thần Kiếm, nếu anh giết Đoàn Chính Thuần, họ sẽ giết anh. Em hy sinh là vì anh đó!

NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM

TUYỂN TẬP
BÌNH NGUYÊN LỘC
VÕ PHIẾN GIỚI THIỆU

Tuyển tập sẽ gồm:
*** Những tác phẩm mà chúng tôi cho là hay nhất**
*** Những tác phẩm mà tác giả từng yêu thích nhất**
*** Những tác phẩm được truyền tụng rộng rãi, được quần chúng ưa thích nhất**
*** Một tư liệu đầy đủ về tác giả: hình ảnh, bút tích, thư mục...**

Sách dày 500 trang, giá 22 MK
Sách do nhà Văn Nghệ phát hành, xin liên lạc:
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683
Tel, Fax: (714) 527-5761. USA

HÀ NỘI, THẬP NIÊN CHÓT THẾ KỶ 20

Thế Uyên

Tặng vợ tôi Nguyễn Thúy Sơn và các con trai con dâu

Vì lý do an toàn và bình tâm cho tất cả những ai, ở nội địa cũng như hải ngoại, xuất hiện trong cuốn sách này, các nhân danh, ngoại trừ những người có danh phận trong xã hội, đều do tác giả đặt ra và các câu nói các sự kiện...được du di trong cả không gian lẫn thời gian. Một nhận định do A phát biểu ở Hà nội có thể được chuyển cho B ở Sài gòn và ngược lại. Do đó rất có thể sách này đôi đoạn có mang phong dáng một truyện hơn là một ký, nhưng ngoài thế, mọi sự khác là trung thực, trong giới hạn trí nhớ của người viết cho phép.

THÀNH PHỐ QUÊ HƯƠNG

Tiếng Anh có một từ thật thông dụng mà tôi lại lúng túng khi dịch, đó là hometown. Muốn dịch cho đúng, có lẽ cũng gay go bởi hometown không bắt buộc phải là một town, có thể chỉ là một làng quê, một chòm xóm trên sườn núi hay một vài igloo của một bộ tộc nào đó trên vùng Bắc cực. Đó là nơi anh sinh ra đời và lớn lên đến một tuổi nào đó, trước khi rời bỏ nó. Rời bỏ, như con chim mọc đủ lông đủ cánh thì phải bay vào không gian đang mở rộng đón chào và để rồi sau đó, dù những môi trường sinh hoạt mới có là tối ưu thế nào chăng nữa, anh cũng vẫn luôn luôn tưởng nhớ,Ô vì chốn không gian bé tí ấy là tuổi thơ, là tuổi hồng, tuổi xanh của mình. Và cũng bởi thế nếu anh sinh trưởng ở vùng sa mạc, chỉ cần nhìn thấy một bãi cát chói nắng là đủ nhớ nhà, y hệt anh chàng miền cực bắc địa cầu nhìn thấy tuyết phủ trắng, dù trên đỉnh Rainier của tiểu bang WA hay núi Phú sĩ của Nhật bản, là đủ "chạnh lòng cố quốc".

Như vậy thành phố quê hương hay cố quận làng xưa có tính chủ quan tối đa, thí dụ như Ba, đứa con trai thứ ba được cử làm chuyên viên trong phái đoàn sưu khảo văn học quốc ngữ thời sơ khai mà tôi được mời tham dự trong muà hè 1992 này, khi rời lòng phi cơ bước xuống cầu thang phi trường Tân Sơn Nhất, tôi than nóng quá thì chàng tuyên bố: "Con ngửi thấy bụi Sài gòn là thấy sướng rồi..." Tôi nhẹ nhàng: "Làm gì mà mê Sài gòn dữ vậy...", Ba trả lời: "Con sinh ra lớn lên ở đây mà, đi học và bắt đầu yêu đương từ nơi đây mà...". Tôi không cãi nữa vì rõ ràng cái đúng nằm ở những nhận định của chàng trai trẻ này: từ lúc bước chân lên chiếc phi cơ Tupolev thời đệ nhị thế chiến để đi Hà nội này, chỉ có mình tôi mang tâm trạng trở về quê hương cũ. Ba, cũng như trưởng đoàn David S. ngồi ở hàng ghế trên, đang nghiêng người chăm chú nhìn qua cửa sổ, chỉ có sự háo hức tò mò về một thành phố cổ cả ngàn năm với rất nhiều huyền thoại mà thôi.

Dù là Tupolev đã già nhưng vẫn là động cơ phản lực nên thời gian bay từ miền Nam ra Bắc chỉ hơn hai tiếng - đã quen lang thang với những chuyến bay liên lục địa xuyên đại dương, thời gian bay hai tiếng này làm lần đầu tiên tôi ý thức nước Việt nam là một nước thật nhỏ bé về diện tích. Và nghèo ơi là nghèo, nghèo đến độ theo thống kê của Liên Hiệp Quốc, được xếp vào một trong bốn nước nghèo nhất trên thế giới. Vì biết là như thế nên bước chân vào lòng phi cơ trải nệm đan bằng cói sần sùi, ngồi trên ghế lưng gỗ thô sơ không có chỗ tựa đầu – dân Liên Xô, kẻ đã chế ra chiếc phi cơ này, cũng như các nước Cộng sản khác, cho rằng được đi phi cơ là phước, là đặc quyền đặc lợi lắm rồi, lại còn đòi chỗ tựa đầu ngả đầu nữa sao...

Nhưng chính sách Đổi Mới chính thức ban hành từ 1987, chính sách này phát xuất từ Sài gòn nhưng cũng đang lan dần lên phiá Bắc. Đến giờ ăn, mấy cô tiếp viên hàng không không còn mặc đồ bộ đội đi guốc gỗ khua rổn rảng trên sàn kim loại mang lại cho hành khách một "cốc nước chè" nguội ngắt nữa.Mấy cô đã được "đổi mới" : có tuổi trẻ và nhan sắc, mặc sơ mi trắng thật sự mới tinh (chứ không nhờ nhờ vì thiếu nước thiếu xà bông như những năm đầu sau 1975 nữa), dưới mặc một jupe serreé bằng len xanh nước biển , chân được đi giầy trắng đàng hoàng. Dĩ nhiên giọng nói đặc Bắc kỳ 75, nghiã là hầu như cao lên một nửa bát độ, không giống giọng Bắc kỳ 54 như vợ chồng tôi, cùng sinh trưởng ở Hà nội, thành phố cổ trong đồng bằng nhỏ hẹp dưới kia. Các cô không còn mang cho

khách ly trà nguội, và nếu là đường bay ra nước ngoài, thêm một trái quít hay trái chuối nữa, mà mỗi cô khệ nệ ôm một chồng hộp nhựa xốp vuông trong đựng khẩu phần ăn trưa có cơm trắng có thịt kho với rau tươi và bánh. Đến mỗi hàng ghế, cô gái lại nhỏ nhẹ nói: "Quí khách lấy giùm một hộp..." (cô đâu còn tay nào đưa cho khách). Đến lượt tôi lấy hộp, tôi góp ý: "Mấy em nên đề nghị Ban Giám đốc mua mấy cái xe đẩy cho đỡ vất vả..." Cô bé liếc tôi một cái, không chanh chua trả đuã như các bậc đàn chị từ Đàng Ngoài vào Nam sau 1975, có thể vì biết tôi thuộc phái đoàn từ bên kia đại dương tới, cũng có thể vì mái tóc đã điểm bạc đã xếp tôi vào loại khó có thể chọc gái trên máy bay.

Ba bỗng dưng hích tay tôi bảo : "Bố coi kìa, mấy cô biết cười rồi đó!". Tôi ngửng lên và thấy hai cô tiếp viên đang cười thích thú với nhau. Hai cô cùng xinh và nụ cười dĩ nhiên cũng phải xinh. Tôi lên tinh thần thấy rõ vì hai nụ cười tươi trên không phận vùng đất nổi tiếng là hiếu chiến, khắt khe, khắc kỷ... thích bắt dân miền Nam ăn chay ăn độn theo mình –trong 12 năm ở lại Việt nam sau tháng 4, 75, tôi đã từng nhai bo bo đến mòn cả răng, ăn khoai mì khoai lang thay cơm như họ, ăn mặc luộm thuộm tồi tàn xấu xí như họ... Và như mọi dân miền Nam khác, tôi đã quá quen thuộc với hình ảnh các cán bộ nam nữ từ miền Bắc vào sau 1975, mặt mũi vóc dáng dĩ nhiên mỗi người một khác nhưng giống nhau ở điểm không biết cười và đầu đội nón cối chân đi dép râu vai đeo sà cột , bước chân tới đâu thì như bàn chân ma quái, xí nghiệp tan vỡ, ruộng đồng thất thu, nhà dân đồ đạc biến dần cùng với các ông bố ông chồng phải lên các trại cải tạo tập trung trên rừng trên núi... Với một tâm trạng quá khứ như vậy, tôi có lên tinh thần vì nụ cười tươi của hai cô gái Hà nội tiếp viên hàng không kia cũng là điều tự nhiên. Thế là phải, bây giờ đã là năm 1992, chiến tranh đã chấm dứt 17 năm rồi, đã thế lại còn "đổi mới" nữa, vậy để cho thế hệ trẻ biết cười và được cười là phải rồi.

Phi công trưởng, tôi vẫn không thân thuộc được với từ Đàng Ngoài gọi ông này là "tổ trưởng tổ lái" (nghe thấy thiếu an toàn không gian quá) loan báo phi cơ đang hạ cao độ để chuẩn bị đáp xuống phi trường quốc tế Nội bài, bằng Anh ngữ và Pháp ngữ (vào những năm đầu thập niên 90, Hàng Không Việt nam vẫn phải thuê phi công nước ngoài, nhất là Pháp), sau cùng là bằng tiếng Việt do một cô tiếp viên nào đó ăn nói cũng lịch sự như các bạn đồng nghiệp Tây phương. Tôi ghé sát kính cửa sổ, ngạc nhiên khi nhìn thấy các dẫy núi hồi nhỏ thấy xa lắc bây giờ nằm quá ép sát đồng bằng: bay dọc đất nước tôi đã thấy Việt nam là nhỏ, bây giờ đến

lượt thấy châu thổ Hồng Hà quá khiêm tốn. Vậy mà bầy đặt đòi nuôi no đủ một dân số quá cao. Một người bạn từng đi Hà nội đã kể: Tối đến dân Hà nội phải nằm xắp lớp như cá sardine trong hộp mới đủ chỗ ngủ...

Phi cơ ngưng lăn bánh, đậu khá xa phi cảng. Tôi rời lòng phi cơ, đặt chân lên sàn cầu thang nhìn quanh một vòng. Trời đầy mây vần vũ và mưa lất phất. Tôi đã biết phi cảng Tân Sơn Nhất do chế độ cũ xây cất là lớn nhất Việt nam cho tới giờ phút này, nhưng cũng hơi khựng một chút khi thấy phi cảng quốc tế Nội Bài chỉ khiêm tốn như một phi trường của một county khuất nẻo của Mỹ. Và dĩ nhiên vắng lặng từ người đến phi cơ, vài chiếc Tupolev của Hàng không Việt nam chờ chuyến bay kế tiếp cũng không có những toán chuyên viên náo nhiệt vây quanh. Vào thời kỳ này, ngành hàng không dân sự mới chỉ có những chuyến bay đi Đà nẵng và Sài gòn và mỗi ngày trung bình đón một chuyến bay quốc tế, thường là của Air France.

Trời vẫn mưa lai rai nên ở cuối chân thang đã có sẵn hai cô tiếp viên mở dù xanh nhạt sẵn che giùm cho khách, đưa tới xe bus đậu cách đó vài thước. Tôi đặt bước chân đầu tiên lên mặt nhựa phi đạo, lòng chỉ hơi bồi hồi một chút mặc dù đã xa cách quê hương này đã 38 năm, tự hỏi tại sao lại có những người lâu năm mới được hồi hương đã qùi xuống hôn mặt đất phi đạo như trong một vài phim ảnh đã được coi. Có lẽ lòng thương nhớ quê hương cũ của tôi đã bị hoà tan loãng bớt do sự hiện diện của một vài công an mặt mũi lạnh lùng soi mói đứng cách đó không xa, nhắc nhở tôi là cái chế độ đang cai trị đất nước này vẫn duy trì chuyên chính vô sản theo kiểu của cả Stalin lẫn Mao Trạch Đông, không ưa gì một phái đoàn vừa Mỹ trắng lẫn Mỹ vàng này. Ở Sài gòn phái đoàn đã bị Công an gây khó khăn cho việc sưu khảo và ra lệnh phái đoàn phải có một người của Đảng đi kèm, và chỉ được ở Hà nội năm ngày thôi. Trong hoàn cảnh như thế, còn lâu tôi mới có thể thoải mái, chỉ để nhìn vùng đất này như một du khách thôi, khoan nói tới niềm vui nỗi xúc động của một kẻ về cố quận sau 38 năm.

Phi trường quốc tế Nội bài mới được xây dựng chưa lâu gì nhưng đã mang vẻ cũ kỹ vì chắc chưa được sơn phết lại lần nào. Và dĩ nhiên là dơ dáy bụi bậm khắp nơi và chốn ghê rợn bậc nhất vẫn là rest room bé xíu và khai mù. Sau khi lãnh hành lý, tiến ra phòng ngoài, tôi nhìn quanh quất kiếm người của Viện Khoa Học Xã hội phụ trách đón tiếp và "quản lý" bọn tôi trong những ngày Hà nội, nhưng không thấy ai ngoài những tài xế

xe cho thuê đang ồn ào mời khách. Tôi đề nghị với Trưởng đoàn David S. là hãy cứ đợi thêm một giờ nữa không có ai ra, phái đoàn sẽ tự biên tự diễn thuê xe lấy về Hà nội thuê khách sạn nghỉ ngơi ngắm cảnh đã – chẳng gì Hà nội cũng là hometown của tôi cho tới năm 19 tuổi...Ba người đi lại trong phi cảng mỗi lúc một vắng dần, đọc tất cả những bảng chỉ dẫn viết bằng Anh và Việt ngữ. Bỗng dưng David kéo tôi lại, kín đáo bảo tôi đọc một bảng chỉ dẫn về tiền bạc nữ trang hành khách mang theo. Anh nhỏ nhẹ: "Vừa sai ngữ pháp vừa sai chính tả...". Hai đứa đọc tiếp các bảng chỉ dẫn và điều lệ khác, đa số đều viết bởi một thông dịch viên nào đó vừa tra từ điển vừa dịch nên lắm đoạn tôi phải ngó bản tiếng Việt mới hiểu được câu văn định nói gì. Ba hỏi: "Tại sao các nhà ngoại giao các du khách Anh Pháp..đi qua đây thiếu gì, sao không ai sửa giùm?"

David S., giáo sư Anh văn của một đại học California, cười nhỏ nhẹ: "Trong những năm đầu sau 1945, ở Nhật cũng có hiện tượng này...", còn tôi chỉ nhắc lại nhận xét của một giáo sư Mỹ gốc Việt đã từng về giảng dạy ở Việt nam : " Người Cộng sản họ kiêu ngạo lắm lắm, nhất là vùng này. Sửa sai giùm họ, họ giận đó chứ không có cám ơn đâu..." Một tiếng đã trôi qua, Ba thuê một xe nhỏ, phái đoàn lên đường về Hà nội cách phi trường khoảng 40 km và tôi được nhìn lại cảnh đồng quê xưa cũ với những ruộng nhỏ be bờ luá đang xanh và bắp đang ra bắp non. Thỉnh thoảng một xóm nhỏ hiện ra, đa số vách gạch để nguyên không trát vữa không quét vôi, chấm phá những khoảng nâu hay đỏ trên nền xanh mướt của cacÔ ruộng đồng. Con lộ khá tốt và thưa xe. Thỉnh thoảng lại gặp một xe cải tiến hay xe đạp thồ rơm, một vài con trâu hay bò đi đủng đỉnh... ven lộ như hệt ngàn năm về trước, làm tôi có cảm tưởng mọi sự đổi mới, hiện đại hoá mới chỉ có ở các thành thị. Còn ở miền quê, dù kế cận Hà nội như thế này, vẫn cứ canh tác sinh hoạt như thời công chuá Tiên Dung đi một đường tự do kết hôn với chàng thứ dân to khỏe Chử Đồng Tử ở ven sông. Cảnh tượng này làm tôi hiểu miền Bắc cho tới nay vẫn căn bản là nông nghiệp trồng luá theo kiểu con trâu cái cầy như ngàn năm xưa, do đó cắt nghĩa tại sao đa số truyện của nhà văn miền Bắc vẫn lấy khung cảnh và nhân vật nông thôn hay vùng ngoại thành, trong khi tại miền Nam, văn học 1954-75 đã mang tính cách thành thị là chính: Nhà văn sống trong môi trường nào cũng thường lấy chất liệu từ môi trường ấy cho văn chương mình.

Xe đã lên cầu Thăng Long, cây cầu chiếm kỷ lục về xây lâu nhất và sóng gió nhất, bắt đầu bằng các chuyên gia Liên Xô, kế tục bằng chuyên

gia Trung quốc và khi "tình hữu nghị đời đời bền vững" giữa hai nước tan vỡ, hoàn tất bởi Việt nam với cố vấn kỹ thuật không biết của ai. Tôi chỉ xuống dòng sông đang mùa nước lên đỏ ngầu chẩy xiết, nói với Ba: "Sông Hồng hà đó!" Ba gật đầu chẳng nói gì vì ngay với tôi, hồi trẻ đã bơi trong dòng nước đỏ phù sa này, chạy trên những bãi cát mịn nhiều cỏ bông khi nước cạn, nay nhìn lại, không thấy một nỗi niềm xúc động nào, nữa là với một chàng trai trẻ lần đầu tiên tới vùng đất này. Ừ thì sông Hồng đó, vẫn chảy như vẫn chảy từ ngàn xưa...

Càng về gần Hà nội những biểu lộ của Đổi Mới xuất hiện nhiều hơn qua những bảng quảng cáo thật to dựng ngay trong các ruộng lúa hai bên lộ, đa số là của công ty Dawoo Nam Hàn, các công ty của Đài loan, Nhật bản và một chút Pháp. Nhà của xuất hiện mỗi lúc một đầy đặc hơn, hầu như nhà nào có mặt tiền sát lộ đều mở bán một cái gì đó, bảng hiệu kẻ còn vụng về nhưng bằng nhiều mầu sắc, chứ không phải chỉ có đỏ vàng của các cơ quan chính quyền quân đội và xanh trắng cho các cơ sở quốc doanh nữa. Các hãng ngoại quốc cạnh tranh nhau, phát không những bảng quảng cáo in sẵn từ nước ngoài màu sắc đẹp, đôi khi erotic nữa như quảng cáo của hãng bia Carlberg hay phim Fuji....và đã đẹp, rực rỡ lại phát không thì các cửa hàng treo thôi. Hăng hái nhất là hãng bia Tiger, xung phong vẽ bảng hiệu giùm cho các nhà hàng, miễn là giành một phần ba cho bia Tiger. Các hàng ăn, một số nhỏ bán thịt cầy, đa số trưng bảng hiệu CƠM PHỞ với những bàn ghế mộc cũ kỹ xiêu vẹo hay ghế nhựa đúc nhiều màu sản xuất từ vùng Chợ lớn. Cơm và Phở, cứ phở và cơm đi với nhau hài hoà quấn quít, không như ở miền Nam đã bán cơm thì không bán phở và ngược lại. Tôi hiểu tại sao lắm vì thuở thiếu thời, lắm lúc nhà nghèo, và ở Sài gòn sau 1975, có tiền mua một tô phở rong đi qua nhà (lấy nhiều nước...) để cả nhà chia nhau chan vào cơm thì coi bộ hạnh phúc đã thấp thoáng đâu đây. Vậy thì sau mấy chục năm bị cấm mở tiệm phở và quá nghèo để ăn cơm với cơm, nay đã "đổi mới", thì ta bung ra đây Cơm và Phở là điều dễ hiểu thôi. Chỉ có điều trong những ngày tháng lưu tại miền Bắc, tôi chưa bao giờ bước chân vào một quán Cơm Phở này để xem thực khách ăn ra làm sao. Họ chỉ ăn cơm hoặc chỉ ăn phở, hay gọi một đĩa cơm không kèm một tô phở trộn vào nhau mà ăn chăng?

Cầu Long Biên đã hiện ra với những nhịp cong đều đặn nhịp nhàng, người lái xe cho biết với hai cây cầu mới bắc qua sông Hồng, cầu Long Biên hiện nay chỉ dùng cho người đi bộ và các xe không động cơ. Ba nhận xét thêm : "Dành cho du khách đi ngoạn cảnh nữa chứ..." David đề nghị

xe về thẳng Viện Khoa học Xã hội và càng tiến về trung tâm thành phố, khu phố Tây như cách gọi năm xưa, cây càng rợp bóng và khung cảnh quen thuộc hơn với những kiến trúc của Pháp để lại. Trời đã hết mưa, nhưng không vì thế làm tôi không cảm thấy không khí rêu phong cỏ mọc tràn đầy. Thuận từ thì nói vậy chứ cỏ không có nhiều, không có cảnh "cỏ lan lối mục rêu phong dấu tiều" (Bích câu), nhưng rêu thì nhiều lắm. Rêu mọc từng khoảng trên mọi vách tường các nhà thường, các biệt thự của khu phố Tây cũ, kể cả Viện Viễn Đông Bác cổ xưa lẫn Nhà Hát Lớn thành phố xe vừa chạy qua, mang lại cho tất cả một không khí cũ cũ buồn buồn. Chế độ CS nào ở đâu thì cũng vậy, ít quan tâm đến việc quét vôi quét sơn lại nhà cửa công ốc, Hà nội có muà nóng và mưa nhiều như thời kỳ này, rêu mọc rêu phong là phải thôi. Tôi hỏi Ba: "Thấy Hà nội làm sao?", Ba trả lời: "Nhiều hàng cây đẹp và vỉa hè rộng rãi...". Tôi đồng ý với nhận xét của lớp trẻ: ít nhất chính quyền thành phố này đã thành công trong việc bảo vệ các hàng cây xanh và không cho dân xây nhà tràn ra lấn chiếm hết các hè đường, như tại miền Nam, nhất là vùng Sài gòn.

Sau khi được thông báo, các chức sắc của Viện kéo ra vỉa hè đón tiếp. Vụ trưởng Hợp tác Quốc tế là một người khá trẻ, từng đã học Anh văn ở Boston, từ cử chỉ đến ăn mặc không mang một chút vẻ cán bộ nào, cho biết tưởng phái đoàn đi bằng xe lửa nên Viện đã ra ga hàng Cỏ đón tiếp hụt sáng nay. Bọn tôi cười vui thôi vì đã quen với mọi trục trặc hành chánh nổi tiếng của xứ này, vừà ruà vừa cua. Ruà vì chậm , còn cua vì chẳng ai biết lúc nào nó di ngang lúc nào đi dọc. Thí dụ như David đã lấy vé máy bay đi Việt nam qua ngả Hông kông, tôi và Ba đi qua ngả Manila, lúc đó mới được thông báo mọi visa nhập cảnh đã được gửi đợi sẵn ở Toà Đại sứ Việt nam tại Bangkok...Anh cán bộ đi áp tải phái đoàn, bọn tôi vẫn thường gọi đuà là ông babysitter, sau khi bàn giao, đã cáo từ về thăm gia đình ở Hà nội sau khi dặn tôi nho nhỏ: "Hà nội không thiếu gì kẻ xấu, gặp ai gây gổ thì cứ im lặng mà đi nghe..."

Viện đề nghị bọn tôi về nhà khách nhận phòng nghỉ ngơi trước đã, cách đó không xa gì, đi bộ được. Ba gọi một xích lô để chở hành lý. Xích lô Hà nội 1992 to ngang và thấp, ngồi hai người thoải mái nhưng ghế gỗ trên trải một miếng chiếu cũ. Không có một cái gì có thể gọi là nệm cả. Những người Hà nội vào Nam sau 75 đã cho biết xe xích lô chỉ để chở đồ là chính, người thường ngồi lên coi chừng bị "dũa" cho là đồ tiểu tư sản đồi trụy. Dĩ nhiên bây giờ đã là 1992, người có thể ngồi lên thoải mái nhưng các phu xích lô nghèo quá, chỉ kiếm được manh chiếu cũ cho

khách. Hai ngày sau đi qua khách sạn Métropole tôi mới được thấy vài xe xích lô có nệm đỏ đàng hoàng, nhưng chắc là đội xe xích lô riêng của khách sạn này vì những người phu mặc áo mưa đồng phục xanh nhạt lưng có in hàng chữ Métropole rõ ràng. Phải thêm vài ba năm đổi mới nữa xích lô Hà nội mới dần dần có nệm như Sài gòn.

Tôi đã dặn Ba là chuyến xích lô đầu tiên đi ở Hà nội, phu đòi bao nhiêu trả bấy nhiêu vì như lời một cô em mới trở lại thăm Việt nam: "Xích lô nói giá nào em đi giá đó vì họ nghèo đói quá đi và không phải ngày nào cũng được gặp khách nước ngoài..." Nhà khách của Viện ở đường Hoà Mã không xa gì nhưng chưa chi đã phải len lách đi vì Chợ Hôm đang phá đi xây lại, bà con trong chợ được tạm sử dụng lòng các con đường kế cận buôn bán tạm. Ba kiểm soát việc trao hành lý cho nhân viên Nhà Khách xong mới trả tiền xe 7000 đồng. Một nhân viên của Viện buột miệng: "Chuyến xe chở đồ như thế chỉ có 2000 " (vào thời điểm này một dollar trị giá khoảng 10, 000 đồng VN)...Ba không nói gì, chỉ nhìn tôi cười.

Tôi và Ba chung nhau một phòng có giường trải nệm đàng hoàng, sàn lát gạch hoa, phòng tắm có hương sen xối thẳng xuống sàn gạch, chỗ rửa mặt đánh răng và cầu tiêu ngồi. Dĩ nhiên không có mục nước nóng vào thời điểm này. Phòng có được máy lạnh, theo tiêu chuẩn Hà nội 1992, đã là "quốc tế" lắm rồi, giá USD 15.00 một đêm, hợp với túi tiền của phái đoàn chỉ được cấp một grant khá khiêm tốn cho hai tháng sưu khảo tại Việt nam (đa số các Nhà Khách của Việt nam đều tính tiền như khách sạn, dù khách là kẻ được mời từ nước ngoài, nhưng giá tiền rẻ hơn bên ngoài). Phòng có một bộ salon bằng gỗ cũ kỹ, nhưng ngả lưng cũng tiện nghi. Anh hầu phòng đã mang lên một bình trà nóng, một phích nước sôi và đã mượn đâu đây cho tôi một chiếc điếu cầy. Tôi uống một ly trà nóng rồi kéo một điếu thuốc lào đầu tiên, sau khi thở khói mù mịt, cơn phê đã qua, tôi mới từ từ tuyên bố nhẹ nhàng trước những đôi mắt ngạc nhiên của mọi người, ai muốn hiểu sao thì hiểu: "Chính là Đảng đã là người dạy tôi biết hút thuốc lào ..." Trong những trại cải tạo tập trung từ Cà Mau tới chân núi Hoàng Liên sơn, những ai từng nghiện thuốc lá chỉ có cách chuyển sang thuốc lào, thuốc rê vấn lấy, nhưng lúc này, thời điểm 92 ở Hà nội, tôi thấy không tiện nói rõ vì không biết được các nhân viên của Viện đang đứng đây sẽ phản ứng thế nào nếu biết nhà sưu khảo da vàng từ đại học Hoa kỳ tới đây đã từng bị chính quyền họ bắt nhốt nhiều năm về một thứ như "tội tổ tông" là "ngụy quân ngụy quyền".

Tôi bằng lòng với căn phòng này dù còn xa lắm mới bằng một motel

tầm thường ven xa lộ I.5 dài nhất thế giới tôi thường xuôi ngược nhiều lần. Có lẽ tôi bị ám ảnh bởi câu chuyện một anh quản giáo trong trại cải tạo Trảng Lớn kể cho nghe về "ngủ hạnh phúc". Anh bảo nhà cửa quá chật chội, làm đơn mua giường mới cả năm chưa được duyệt nên cô dâu chú rể được hưởng chế độ "ngủ hạnh phúc" trong một vài đêm. Chàng xuất trình giấy giới thiệu của cơ quan đoàn thể của chàng, nàng cũng phải thế, mới được mướn phòng ngủ. Anh quản giáo mơ màng say sưa tả là phòng có một giường trải chiếu hoa (nệm là một ý niệm chỉ xuất hiện kể từ 1990 trở về sau) với hai chiếc gối, trên bàn có một bình trà sẵn kèm một phích nước sôi tha hồ uống xuốt ngày, còn để sẵn bốn điếu thuốc Điện Biên nữa. Trong buồng tắm có chậu thau và một chum nước đầy tha hồ tắm rửa...

Như thế đã là "ngủ hạnh phúc" rồi, vậy thì tôi có căn phòng như thế này giữa Hà nội muà hè, còn phàn nàn gì nữa, mặc dù đến khuya hôm đó tôi đang vừa uống bia vừa xem xét những tài liệu cổ phái đoàn đã sao được, bỗng thấy buồn buồn trên gáy, tôi phất tay thật mạnh, một chú gián, không, phải gọi là một cụ gián vì to bự, văng ra sàn. Tôi cúi xuống lấy dép nhào tới đập cái chát, chấm dứt sự nghiệp "dế mèn phiêu lưu ký" của đương sự. Thành phố này hiện diện cả ngàn năm rồi, cái gì chứ gián chuột rết... hẳn cộng tồn đông đảo với con người.

HAI CÔ EM HỌ

Phiá tôi sau 1954 không có họ hàng bà con nào ở lại Hà nội cả, nhưng phiá Thi thì còn rất nhiều cô chú với những bầy con đông đảo. Trong những năm tôi đi cải tạo tập trung trên rừng, họ hàng bên nàng bắt đầu vào thăm Sài gòn, vùng đất bây giờ dứt khoát là, không phải là huyền thoại nữa, vùng phồn vinh và hiện đại nhất của cả nước. Qua thư gửi lên trại, Thi kể gia đình ông chú nàng thân thiết nhất trước 1954 đã bắt đầu xuất hiện. Ông chú này có bốn con gái đầu lòng đặt tên theo bốn muà Xuân Hạ Thu Đông, và Xuân, cô gái đầu lòng, mới được bổ làm cô giáo dạy nhạc một trường Hà nội, là người xuất hiện đầu tiên tại Sài gòn. Rồi trong chuyến thăm nuôi đầu tiên tại rừng Katum, Thi đã đưa tôi coi hình Xuân hao hao giống nàng, xinh xắn duyên dáng với nét di truyền của phụ nữ dòng họ này là đôi mắt đẹp và úng thủy. Trước khi trở về Hà nội, Xuân đã trao Thi tặng tôi một gói qùa mà chiều hôm đó trở về trại, ngồi trên chiếc chõng thay giường làm bằng tre và sậy, tôi mở ra mới thấy toàn là thuốc, nhất là vitamine sản xuất từ các nước Đông Âu. Tôi mừng thật sự vì cách đó chưa lâu gì tôi đã bị phù, vào nếu qua khỏi được là nhờ đổi chiếc bật lửa Zippo cho bộ đội lấy 28 cục đường thẻ để có thể bỏ ăn cơm

với muối trong hai tuần liền. Vào thời kỳ đó, nào ai có thể biết bao giờ được tha về, vậy gói thuốc này đủ bảo đảm cho sức khỏe tôi trong con đường cải tạo dài mút chỉ, hun hút phía trước.

Trong lá thư hàng tháng được phép viết về nhà kế đó, tôi có bỏ ra một góc viết mấy chữ cám ơn Xuân để Thi chuyển ra Hà nội, và đến khi đã được tha về Sài gòn, tôi mới được biết mấy chị em Xuân đã phải giành giụm quyên góp ghê lắm mới có được gói thuốc qúi giá ấy để tặng tôi. Là dân Hà nội chính cống có bố đã từng bị bắt đi cải tạo vài năm sau 1954 chỉ vì một kiến trúc sư thành đạt của thành phố này, mấy cô thương cảm và thông cảm với thứ nhà văn ngụy thất thế như tôi sau khi đọc một số bài văn Đảng đưa ra kể tội. Mấy cô hãi hùng là phải vì đã quen thuộc với những án tù, cải tạo Đảng thường áp dụng cho các nhà văn ngoài Bắc như Nhân văn Giai phẩm, thường từ 7 đến 17 năm. Nhưng cho đến tận ngày tôi cùng Thi mang các con lên máy bay rời Việt nam, Xuân cũng như các em không có ai vào Nam nữa, tôi chỉ biết theo thời gian là tất cả đều kế tiếp nhau tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp hay đại học và lần lượt lấy chồng sinh con. Xuân lấy một kỹ sư tốt nghiệp bẩy năm ở Liên Xô, sinh con và không ra khỏi thành phố cổ Hà nội nữa.

Khi tôi đã vào tuổi trưởng thành, làm nhà giáo rồi làm sĩ quan, mẹ tôi vẫn còn cho tôi một bài học bổ túc nhưng tôi nhớ hoài hoài và nghe theo đến tận giờ phút này. Mẹ bảo: "Con phải nhớ làm người, ai cho con một cái tăm con cũng phải biết ơn nghe..." Những gì mấy chị em Xuân đã cho tôi dĩ nhiên là nhiều lần hơn một cái tăm rồi, vậy thì trước khi đi Hà nội tôi đã viết thư cho Xuân báo là tôi sẽ tới thăm và có thể sẽ nhờ nàng dẫn đi chào tất cả các các bác các chú các cô. Vào làm rể đã lâu một dòng họ Nguyễn... có tiếng lâu đời về văn học và khoa bảng này của miền Bắc, chàng rể nhà văn nhà giáo của miền Nam bây giờ mới có dịp làm thủ tục đi chào họ hàng bên vợ.

Ba báo tin Xuân bận quá chưa tới được nhưng Hạ, em của Xuân, một nữ hộ sinh, đã nhận lời ăn chiều với bọn tôi tại quán cơm tám giò chả Việt Hương phố Huế. Tôi quên không hỏi là quán cơm cố cựu của Hà nội này có phải chỉ được mở lại kể từ khi có Đổi Mới hay không, nhưng coi bộ ăn lên làm ra, và như mọi quán khác của Hà nội, khi đông khách thì chỉ phát triển được theo chiều cao, lấy lầu trên cất chăn chiếu đi lấy chỗ bầy bàn, rồi xây thêm từng nữa từng nữa và từng nào cũng nhỏ vì khoảng không gian chỉ có vậy. Hai tầng dưới đã hết bàn, bọn tôi leo những cầu thang mỗi lúc một nhỏ và dốc ngược thêm lên tầng trên cùng mới làm. Hạ đến đúng giờ và ngoại hình cũng như vẻ dáng ngược với Xuân: Hạ mảnh rẻ, xinh kiểu mỏng mày hay hạt, trang điểm cẩn thận và ăn mặc đẹp –không

hề có mục trên áo trắng cổ lá sen dưới quần bộ đội. Nàng đi cùng cô con gái duy nhất chừng năm tuổi mặc một robe xòe trắng đầu tết nơ đỏ, nắm lấy bàn tay tôi đưa ra một cách tự nhiên và thân thiết. Và chưa chi nàng đã biểu diễn một đường lễ nghiã Tràng An, thứ lễ nghiã quá ân cần đôi khi đến ngột ngạt, vẫn còn tàn dư trong cộng đồng hải ngoại qua hình ảnh hai ông già cứ tranh nhau trả tiền trong quán ăn ở Bolsa, bằng cách đòi được chi bữa ăn hàn huyên này. Tôi và Ba chỉ nhìn nhau nhẹ nhàng bởi vì quán Việt Hương này có lối dọn món ăn như một quán Dim Sum bên Mỹ, nghiã là các hầu bàn lần lượt bưng lên từng khay lớn các món ăn để khách tùy ý chọn lựa và không có đĩa nào là nhỏ. Một đĩa giò hay chả đều là một khoanh lớn dầy cộp mà chỉ cắt làm tư, gà luộc cũng một đĩa to cao vút, khách đi ít người ăn ít, mặc kệ...Và khi gọi một chai bia, hầu bàn tự động mang ra sáu chai, kèm một cái mở chai, bầy đầy một góc bàn. Nghiã là cứ ào ào, nhiều, cao có ngọn lên đầy ngập mặt bàn. Sau này tôi được một ông bạn cố cựu Hà nội cắt nghĩa là quán Việt Hương, cũng như quán tương tự Việt Hoa mở cách đó không xa về sau để đáp ứng với nhu cầu ăn tiệm mỗi lúc một tăng lên của dân Hà nội, đều theo tục lệ "dọn cỗ khao vọng" của miền quê, mỗi món là phải tú hụ ồn ào như thế mới là đãi khách. Nhưng ngoài cái lối dọn món ăn thiếu thanh lịch ấy, cả hai quán này làm món ăn ngon, nếu khách là người gốc Bắc hay thích ăn món Bắc.

Tôi thích nhậu lai rai với lòng heo và hiếm khi được hưởng cái thú này kể từ khi định cư ở Mỹ: vùng tôi ở có chợ Việt nam bán lòng heo và nhiều quán ăn bán cháo lòng, nhưng nhiều năm trôi qua, món lòng heo ở Mỹ vẫn cứ là không ngon. Không hiểu là tại người làm không đúng cách hay là tại heo Mỹ nuôi kiểu Mỹ nên bộ lòng không ngon...Đôi khi ghé thăm miền Bolsa, tới quán Nguyễn Huệ tôi mới được ăn lòng heo ưng ý. Bây giờ đây, dù ăn Việt Hoa hay Việt Hương, món lòng tuyệt vời, nhất là dồi trường dòn xần xật trong miệng. Kế tiếp bằng những món canh cá thìa là bốc khói thơm lừng vào mùa đông hay thịt đông ăn với dưa chua vào muà hạ....thấy cuộc đời dễ chịu hẳn lên.

Tôi đã hỏi và biết lương tháng của Hạ chỉ khoảng 15 dollar nên khi hầu bàn mang giấy tính tiền ra, tôi đưa cho Hạ coi: hết hơn phân nửa lương của nàng, cách gì nàng trả nổi. Trong khi Ba lúi húi đếm từng xấp tiền, tiền Việt nam có giá trị quá thấp so với dollar, đã thế lại không có giấy lớn –nhiều năm sau nữa Ngân hàng Nhà nước mới phát hành tờ 50,000 đồng đỡ cực cho dân, nhất là dân nước ngoài, trong mọi giao dịch tài chính ố tôi nhỏ nhẹ yêu cầu Hạ và tất cả họ hàng kể từ nay đi đâu với bọn tôi, xin hãy để phái đoàn trả mọi chi phí vì đã có ngân sách riêng vững vàng. Xuân đã đến, trang điểm nhẹ và áo quần đẹp như cô em nhưng

cao lớn khoẻ mạnh, đã sinh hai con, nhưng tính nết vui vẻ ồn ào duyên dáng. Với Xuân, dĩ nhiên tôi đứng hẳn dậy nắm hai tay kéo lại gần trước khi vòng tay ôm nhẹ như các lãnh tụ các đảng Cộng sản khi gặp nhau. Tôi không hôn lên trán hay má nàng như đã dự trù vì sự hiện diện của anh chồng kỹ sư Liên Xô đàng hoàng, nghiã là anh học xuất sắc mà được đi Liên Xô, học thật và đỗ thật, chứ không phải thứ bằng cấp "hữu nghị" hầu như phát không biếu không cho con các lãnh tụ đảng cao cấp hay con các liệt sĩ cấp ba đời vô sản và ít học.

Có nam nhân Hà nội đây rồi, tôi mạnh bạo đề nghị mục kế tiếp là đi uống cà phê, một thứ đồ uống bị cấm nhiều thập niên trước đây ở miền Bắc –dân có trồng cà-phê nhưng phải để nhà nước "thu mua" hết để xuất khẩu, và từ lúc rời phi trường Nội Bài tới giờ, tôi có để ý quan sát nhưng trong những phố phường đã đi qua, chẳng thấy nơi nào có phong dáng cà-phê. Chồng của Xuân tên là Lớn, cái tên rất hợp với cảm quan và lập trường công nông liên minh của đảng cầm quyền nhưng từ ngôn ngữ đến cư xử lại rất tiểu tư sản Hà nội , đề nghị đến quán Mai Hắc Đế nổi tiếng là ngon của vùng này, nằm ở đường phố cùng tên, từ quán Việt Hương đi bộ tới được dễ dàng. Tôi vừa quan sát hai bên vừa nhìn xuống tránh những rác rưởi bùn lầy trên lòng đường. Dân chúng bung ra buôn bán tối đa như tại Sài gòn, nhà nào ở mặt tiền cũng mở một cửa hàng, vùng này, thường là bán quần áo may sẵn, hầu hết là đồ Trung quốc mẫu mã xấu vải tồi màu nhạt buồn hiu dưới một ngọn bóng điện duy nhất –phải nhiều năm nữa, xây xong thủy điện Sông Đà, Hà nội mới được tưng bừng ánh sáng vào ban đêm. Quán Mai Hắc Đế chỉ là một căn phòng nhô cao khỏi mặt hè, bàn ghế nhựa thấp, nhiều màu. Quán đã chật khách, chủ nhân mang ra một bộ bàn ghế nhựa, xích chỗ này một chút, chỗ kia nhường một chút, cũng kê được đủ cho bọn tôi ngồi sát vai nhau.

Cà phê là cà phê túi đựng trong những ly nhỏ, mùi vị đậm đặc như cà phê Năm Dưỡng ở ven khu Bàn Cờ Sài gòn, và không biết chủ nhân pha thêm chất gì, lúc ra về tôi thoáng hơi chếnh choáng. Nhưng đó là một chi tiết không quan trọng bởi vì được nhâm nhi chất đắng ngọt trong miệng, hút thuốc ngay vỉa hè là một cái thú...ở những lúc đó con người, tuy đang ở ngay giữa dòng đời đang ào ào kia, vẫn được như tách ra, ngơi nghỉ trong khoảng khắc giữa những người mình thân thiết. Gần 10 giờ đêm bọn tôi mới ra về và bỗng dưng đến một lúc nào đó tôi nhận ra đang đi qua một khu chợ tạm với những mẹt thịt bò, gà phơi bầy không một vật che dưới ánh sáng một vài bóng đèn điện chắc câu từ một nhà bên trong. Người ngồi bán thường là các bà già. Tôi ngạc nhiên hỏi: " Giờ này còn ai mua mà sao các bà vẫn còn ngồi bán?"

Câu trả lời của hai chị em Xuân Hạ thật bất ngờ. Họ kể từ khi lớn lên đã sống trong chuyên chính vô sản, không có tư nhân buôn bán không có chợ không hàng quà hàng bánh. Được ăn gì, cơm độn ngô khoai 50% hay 70%, tuần này được ăn cá tươi hay khô, tháng nào được cả nhà chia nhau khẩu phần thịt ba lạng hay bốn lạng..đều do một đảng viên Cộng sản ngồi mít mùng đâu đó quyết định, theo kiểu: Tháng này cho tụi nó (dân Hà nội...) ăn cá là được ăn cá, cho ăn thịt một lần là được một lần...quyền uy như Thượng đế, như vua chuá như thế nên tôi không ngạc nhiên là đảng Cộng sản vẫn cứ tồn tại và vẫn có người vào đảng. ít nhất cũng để thoả mãn lòng đam mê quyền lực, quyền lực trên những kẻ khác, một thứ đam mê như ma túy, mạnh mẽ đôi khi vượt cả đam mê phụ nữ... Hạ kể là mỗi lần gần đến sinh nhật, phải báo trước cho bạn bè góp đường góp bột...rồi mới đến nhờ một tiệm bánh (dĩ nhiên quốc doanh) nhờ gia công làm hộ một cái bánh sinh nhật. Bạn bè tụ họp nói chuyện ồn ào rồi chia nhau bánh, khách ăn miếng bánh góp bằng phần đường sữa hay bột của chính mình. Mỗi khi thèm ăn một bữa bún chả là phải đến báo trước cho chủ quán (dĩ nhiên là quán chui) hẹn ngày giờ và đặt sẵn mấy phần..Xuân cười: "Đi ăn phải len lén mắt trước mắt sau đi cửa sau mà vào, cứ như làm gián điệp ấy. Nhưng ngon lắm anh ơi!" Chỉ cần khoảng thời gian ba năm bị nhốt trên rừng trong trại cải tạo không thôi, là đã đủ "background" cho tôi chia xẻ nỗi niềm ngon của bún chả chui của dân Hà nội, trong thời kỳ khá dài sau này được gọi bằng một mỹ từ là thời bao cấp. Xuân bảo tôi rằng giờ này khuya rồi ít ai mua bán, "các bà ấy cứ ngồi bán để thưởng thức cái thú có nhiều thịt để bầy ra và muốn bán cho ai thì bán và tụi em đi vào đây ngó cũng vì thích cái ý tưởng là chỉ cần có tiền là mua được thứ thịt mình muốn ăn và bao nhiêu cũng được..."

Hạ cho Ba mượn chiếc xe gắn máy Caddy mầu đỏ, ấn bản nữ giới của Mobylette do Pháp sản xuất nên từ sáng sớm chàng tuổi trẻ đã lên xe lang thang khắp phố phường với tấm bản đồ cài túi sau. Vào muà hè 92, Hà nội vẫn là thành phố của xe đạp, xe gắn máy loáng thoáng và hầu hết mua từ ở miền Nam mang ra nên cũ kỹ –ngay chiếc xe gắn máy Yamaha tôi thường đi trước 75 cũng đã được Thi bán, để lấy tiền thăm nuôi tôi, cho một cán bộ mang về Bắc ốvà dĩ nhiên xe hơi lại càng ít hơn nên không khí Hà nội trong lành, dễ thở hơn Sài gòn. Biết thói quen thức dậy trễ của tôi, Ba trở về vừa kịp lúc để đưa tôi đi ăn sáng một ngõ hẻm gần đó. Ba nói: "Con không biết món đó có ngon không, nhưng trông bốc khói xèo xèo hấp dẫn lắm." Đầu bếp dùng một chảo gang đúc hình con cá, bỏ hành tỏi mỡ bơ cho bốc khói thơm lên đã rồi mới cho thịt bò xắt lát vào, sau cùng là đập hai qủa trứng làm kiểu ốp la đặt lên trên cùng. Chảo gang giữ nhiệt

rất lâu nên món ăn cứ thế bốc khói, nóng hổi. Tôi ăn với bánh mì tây ngon lành. Từ khi trở lại Việt nam, tôi hay ăn bánh mì vì dòn và thơm quen miệng từ nhỏ–ở Mỹ lắm khi bọn tôi phải đi hơi xa để kiếm chợ có French bakery để mua thứ bánh mì có cùi dày này. Ba kể: "Hà nội vậy mà rộng hơn con tưởng", điều này thì tôi biết rồi vì đi từ phi trường phía bắc vào thành phố, tôi đã thấy cửa Ô Yên phụ bây giờ đã tụt lui vào trong thành phố, và nhìn bản đồ mới nhất, các cửa Ô khác cũng vậy.

Quán làm đồ ăn sáng kiểu này khá ngon, lại gần chỗ ở nên tôi giới thiệu với David và sau đó ông bạn này kể bữa đầu tiên ghé tới, nhà hàng thấy ông da trắng to cao trên 1m8 nên đã đập cho tới 5 trái trứng đặt lên trên. Lần sau anh phải cẩn thận giơ một ngón tay lên và nói tiếng Việt chậm rãi với chút âm sắc Huế: "Làm ơn cho một trái trứng thôi..." ...Cái món ăn độc đáo, bít tết với trứng ốp la trong chảo gang hình con cá này có thể coi như "đặc sản" của Hà nội. Có lần tôi đã ăn tối món này tại một quán vỉa hè –quán vỉa hè đích danh vì ban ngày không có, chủ nhân chỉ tung bàn ghế và bếp ra chiếm vỉa hè rộng rãi vào lúc trời đã tối. Nếu thịt gà không nơi nào ngon bằng gà Việt nam và ở Việt nam không gà nào ngon bằng gà vùng Hà nội, thì thịt bò Việt nam lại tệ hại, thường dai và kém thơm. Tuy thế tôi vẫn thỉnh thoảng ghé ăn vì thích cái không khí bốc khói thơm và tiếng xèo xèo của hành mỡ trên chảo gang nóng bỏng, và một phần nữa vì thích nhìn cái ăn ngon của những người chung quanh. Món này, "chất lượng" như vậy, không thể là món rẻ tiền cho dân Hà nội, do đó họ thưởng thức tận tình và đậm đà. Tôi chỉ vài miếng đã no, ngồi uống bia ngắm hai mẹ con ngồi bàn bên. Dù cô bé gái còn nhỏ, bà mẹ vẫn gọi hai phần, mẹ một chảo con một chảo. Cô bé ăn thật phương pháp và hiệu năng, không vương vãi ra bàn. Bà mẹ có đôi khi ngừng ăn, chỉ là để ngắm con ăn. Hai mẹ con ăn mặc kiểu Hà nội bây giờ, nét mặt sáng suả, chắc ông chồng đi công tác xa hay đi tu nghiệp mít mùng đâu đó Đông Âu hay xứ tuyết Liên Xô, hôm nay chắc sinh nhật cô bé nên mới được đi ăn món này một mình một chảo. Dân Đàng Ngoài bị ép đưa vào nếp sống khắc kỷ, sống bằng rau xanh và tinh bột là chính đã gần ba thế hệ, nay mới được ăn thịt (và có thịt để ăn), không ăn ngon sao được. Nhìn họ ăn, thật thích đối với tôi, kẻ đã bị nước Mỹ "hại bạn" bằng cách nhận chìm trong thực phẩm tràn đầy, thừa mứa, đến độ hầu như mất cái thú ăn ngon. Tôi chưa uống hết chai bia thì hai mẹ con đã ăn xong và cô bé gái đã ăn sạch bách phần của mình, nào có phải là ít ỏi gì ... Nhìn theo hai mẹ con, tôi hơi ngẩn ngơ vì nhỏ như thế, cô bé bỏ khẩu phần ăn vào đâu trong cô...

Buổi chiều phái đoàn tới họp xã giao với Viện, tôi cáo từ không đi vì Hạ hẹn sẽ đến đón tôi đi thăm một vòng hồ Hoàn Kiếm. Hai người cùng

có cháu bé lững thững đi bộ trên vỉa hè và quang cảnh hầu như lời một nhạc sĩ nổi danh ở miền Nam : "Anh ra đi, nơi này vẫn thế...". Nhưng lác đác từng khoảng vẫn có những nhà cũ đang bị phá đến tận nền móng để xây những nhà mới –cơn sốt xây nhà ào ào cuả Sài gòn đã lan tới thành phố cổ này, đáp ứng nhu cầu của du khách cũng như business men đủ các màu da quốc tịch đang đổ xuống miền đất này. Đến ngã tư Tràng Tiền, nơi hiếm hoi có cột đèn xanh đèn đỏ không biết nhập từ nước Đông Âu nào vì tròn to mập mạp chứ không nhỏ và gọn nét như của Mỹ, tôi mệt mỏi dừng chân ngó dọc đường phố này về tận Nhà Hát Lớn phiá xa: hầu như không thay đổi gì kể từ một ngày đã xa, tới gần 40 năm, tôi rời bỏ thành phố này.

Khi đã sang con đường ven hồ, lần đầu tiên tôi gặp hai cô gái xinh xắn ăn mặc đẹp như ở Tây phương đang nắm tay nhau đi dạo vui vẻ. Tôi nhớ lại một nhà văn Liên Xô nào đó đã than trong một tác phẩm: "Cách mạng của chúng ta đã tiêu diệt hết các tiểu thư trên đường phố..." Và ở miền Nam cũng đúng như thế vài năm sau 1975: phụ nữ phải cất hết những quần áo đẹp nhiều mầu theo kiểu Tây phương, kể cả áo dài, không son phấn nước hoa chi hết, cứ trên bà ba dưới quần đen mà mặc cho tới tận khi những người Cộng sản của miền Nam như Võ Văn Kiệt Nguyễn văn Linh lên làm Bí thư Thành ủy TP Hồ Chí Minh và những chức vụ kế tiếp cao hơn. Công cuộc đổi mới đã bắt đầu ở Sài gòn từ những năm đầu thập niên 80, kể từ khi Mai Chí Thọ tuyên bố với báo chí: "Làm cách mạng, đâu có phải là mang sự nghèo đói ra chia đều cho cả nước..." Và Đổi Mới từ miền Nam đã tràn ngược lên phiá bắc, bắt đầu trả lại cho Hà nội những cô tiểu thư quần áo đẹp đã đành mà phong tục cũng như mức sống khá lên đã cho phép các cô lụa là dắt tay nhau đi chơi ven hồ.

Nếu hình ảnh hai cô gái này làm tôi lên tinh thần thấy rõ, thì về thân xác bỗng dưng mỏi mệt đến độ tôi cảm thấy không còn đủ sức đi hết một vòng hồ quen thuộc này. Lúc đó tôi tưởng tại di chuyển nhiều và khí hậu Hà nội đang nóng ẩm (tôi định cư ở vùng tây bắc Hoa kỳ, khá gần Canada), nhưng nhiều năm về sau trở lại thành phố này làm việc nhiều, tôi mới hiểu là hệ thống tiêu hoá của tôi không còn tính miễn nhiễm với các vi khuẩn ẩn trong nước uống vùng Hà nội, thứ nước uống mà sáng nay đang đi qua một dãy hàng quán, Ba đã hốt hoảng chỉ một cái hố khoét trong vỉa hè: "Bố ơi, họ múc nước cống nấu ăn kìa..." Tôi cười lắc đầu và Ba đến gần coi, yên tâm hơn khi khám phá ra dân đào những hố như thế để tụt xuống đục ống dẫn nước lấy nước ăn. Nhưng khi rửa chén bát đũa thì hàng quán dùng nước gì đây...và cơ thể tôi cứ mệt đừ ra là phải rồi, toàn bộ bạch huyết cầu và kháng thể của tôi đều phải tung ra hết...

Con đường ven hồ hầu như không có gì thay đổi so với hình ảnh ghi trong phần xa xưa trong bộ nhớ của tôi, trừ Tháp Rùa cổ kính rêu phong năm xưa đã được tân trang lại, to hơn và trát xi măng nhẵn nhụi. Chính quyền Cộng sản chỉ xây thêm một toà nhà vuông vức gần cổng vào đền Ngọc Sơn, Hạ cho biết đó cầu tiêu công cộng. Trời bắt đầu u ám khi bọn tôi đến chỗ xưa kia là ga Bờ Hồ của xe điện, hệ thống này mới được bãi bỏ chưa lâu và nơi này dùng làm chỗ đậu xe hơi. Tôi đi qua một tấm bảng viết tay đề: "KEEP CAR". Phải ôn lại lối viết Anh văn của phi trường quốc tế Nội Bài, tôi mới hiểu tác giả tấm bảng muốn nói đây là nơi giữ xe hơi, giữ là keep, car là xe hơi...đúng và dễ hiểu quá...Tôi mệt rồi nên để nghị vào quán Thủy Tạ mà vách tường sát hồ là cầu tiểu tự biên tự diễn khai mù vì trên vách có sơn rõ những chữ "Cấm đái tại đây" !

Thuỷ Tạ vẫn cứ như gần bốn thập niên trước, khi tôi theo bố mẹ đến đây những chiều thứ bẩy để bố rhum nóng mẹ uống trà. Tôi ra lan can nhìn xuống thấy nếu nước vẫn xanh nhưng rác rưởi lều bều, chỗ này vỏ chuối nơi kia lá gói bánh...Nhưng tôi vội rút vào phòng trong ngay vì cơn mưa rào muà hè đã ào ào tới. Quán vẫn là quốc doanh nên không có trang trí ngoài một vài quảng cáo tặng không của các công ty nước ngoài, bàn ghế cũ kỹ và Hạ vẫn phải đến quầy mua phiếu đồ ăn. Quán buồn hiu, vắng khách như thế mà vẫn có cà phê sữa nóng cho tôi: mưa trên trời mưa đầy hồ mưa trong thành phố cổ, ngồi bên một phụ nữ có nhan sắc, tôi uống cà phê nóng là phải rồi. Bằng một giọng êm ái, nho nhỏ và chịu đựng –hầu hết những người Hà nội tôi đã gặp đều nói nho nhỏ với giọng chịu đựng như thế, làm tôi đôi khi thấm thía với từ ngữ cổ xưa "tai trời ách nước"–Hạ kể cho tôi nghe nhiều năm về trước chồng nàng tên là Qúi, con một chức sắc của Đảng, chỉ vì yêu nàng lấy nàng, con gái tư sản thành thị, mà bị khước từ thẻ Đảng. Không được vô Đảng, còn đâu đường nào tiến thân nên anh đã kiếm một chân đi lao động Đông Âu, vài năm đầu còn gửi tiền gửi hàng về cho vợ nuôi con, sau đó biệt tăm. Qua các tài liệu được đọc ở hải ngoại, tôi biết cuộc sống của những người Việt Đông Âu chẳng dễ dàng gì vì các nước xã hội chủ nghiã đều nghèo, khá nhất là Đông Đức thì cũng chỉ đỡ nghèo hơn thôi. Tôi biết những con người Việt ấy chạy ngược chạy xuôi, đội mưa đội tuyết chen lấn ở các cửa hàng quốc doanh ở Moscow, ở Belgrade, ở Budapest...để được mua những mặt hàng bán lại có giá trên thị trường chợ đen hoặc tại Hà nội, để kiếm chút đỉnh tiền lời gửi về nước nuôi cha nuôi mẹ nuôi vợ nuôi con. Mánh mung chụp dựt như thế nên dân địa phương nước nào cũng coi thường và ngày ra phi trường quốc tế để hồi hương, mang theo thùng lớn thùng nhỏ giành giật kiếm vé kiếm chỗ, bon chen đến độ đôi khi công an địa phương phải sử dụng đến

dùi cui để vãn hồi trật tự. Tôi nhớ lại hình ảnh những cánh đồng tuyết mênh mông của nước Nga, những muà đông tàn khốc của Đông Âu, và chẳng ngạc nhiên gì khi những nam nhân Việt học hay lao động hoặc mánh mung nơi đó đi đến những kết hợp tạm bợ hoặc vợ chồng "tại chỗ". Như trong cộng đồng Việt ở Mỹ, Canada, Úc...thôi. Tôi châm một điếu thuốc lá mới, hỏi Hạ: "Em có nghe thấy ai nói anh Quí có bồ hay vợ mới không?"

Hạ gật đầu, quay đi một khoảng khắc nên tôi không biết nàng có khóc hay không. Tôi đề nghị Hạ nên xin chuyển vào một bệnh viện Sài gòn, làm lại cuộc đời. Không lẽ cứ chờ cứ đợi hết muà hè này đến muà đông khác trong thành phố nhiều rêu này sao trong khi nàng đang ở độ tuổi chín muồi cuả một người nữ. Hãy đi về miền Nam đi, miền có nhiều cơm gạo thịt cá áo quần hơn, nếp sống phóng khoáng lại nhiều cơ hội hơn vì đang mở rộng ra Thái bình dương bao la...Khi mưa đã tạnh, Hạ gọi xích lô cho tôi về, mặc cả cẩn thận rồi dặn tôi "có ba ngàn thôi nghe anh". Nhưng sau cùng, khi xuống xe tôi vẫn cho anh phu xe luôn tờ 5000, Hạ đã chẳng tỏ vẻ gì quan tâm đến lời khuyên của tôi, vậy thì tại sao tôi lại phải nghe theo lời dặn của nàng nhỉ. Vả lại chi thêm có 20 cent của Mỹ thôi, tôi đã được đền bù bằng nét mặt như sáng lên và gần một phần ba nụ cười của anh phu xe. Khoản 3000 tiền xe đương nhiên xung vào qũi thường nhật của nghề đạp xe, với 2000 thặng dư ấy , chắc anh có thể chi 1000 hay 1500 thôi là mua được một ổ bánh mì thịt nóng hổi ở phố Huế hay ngã ba Cầu Gỗ –tôi đã ăn thử cho biết và thấy được, nhất là về muà có gió bấc thổi hun hút lạnh trên vỉa hè. Ăn xong, chỉ cần 200 nữa thôi là anh có thể ghếch xe lên vỉa hè, ngồi xụp trước quán "chè chén" (chè là trà, chén là cái ly sứ nhỏ) của một bà già nâu sồng như cả nhiều trăm năm trước ven những con đường đất xứ quê, uống một ly trà nóng, sau đó phi một bi thuốc lào bằng chiếc điếu cầy cũ kỹ...Hạnh phúc rút cục rất là khoảng khắc và tương đối, dù ở trong bất cứ môi trường sống nào trên thế gian.

Đêm hôm đó tôi thức khuya, không buồn đọc sách coi tài liệu văn học chi hết. Tôi ngồi viết thư cho Thi, người vợ yêu dấu từ nhiều thập niên của tôi đang ở bên kia biển, tôi kể lại buổi chiều mưa ven hồ và truyện tình buồn của Hạ.❐

Quê hương như một ám ảnh

Lê Ngân H.

Chuyến đi đã được trù liệu từ hồi đầu năm nhưng vào giờ chót, có sự trục trặc về phần mẹ tôi nên bà phải hủy bỏ dự tính. Còn lại một mình, tôi đâm ngại ngùng vì nhiều nỗi lo sợ không rõ rệt khiến tôi không biết nên quyết định tiếp tục thực hiện chuyến đi hay thôi? Thật ra, các lý do thúc đẩy tôi trở về thăm Việt Nam sau mười ba năm xa cách cũng rất mơ hồ. Về phương diện thân nhân, tôi chỉ còn một ông bác năm nay tám mươi tư tuổi, là anh họ của mẹ tôi, và những người con của ông vốn không thân cận lắm với tôi trước đây. Tôi cũng còn vài bác nữa về phía bố tôi cũng các con của họ hiện sinh sống ở Hà Nội. Tôi còn ký ức về ngôi nhà cũ ở Phú Nhuận, cái ngõ xóm yên ả mà tôi đã bâng khuâng chào từ giã một sáng sớm sương mù năm tôi mười ba tuổi, hình ảnh hai người bạn nhỏ đứng loay hoay ở bậc thềm nhà chúng, tiễn chân tôi với tất cả sự ngỡ ngàng không biết vì sao mà chúng tôi phải chia tay? Tôi cũng còn xương cốt của người chị gái đã chết trong một chuyến vượt biên, mà mẹ tôi vẫn còn gửi gấm ở một ngôi chùa nào đó quanh vùng Sài Gòn. Tôi cũng còn cả cái thành phố Huế thơ mộng, nơi mẹ tôi sinh ra và lớn lên, nơi mẹ tôi không ngừng nhắc đến với tất cả cảm tình chan chứa, nơi ở đó còn ngôi mộ ông ngoại tôi trải bao nắng mưa trên đỉnh một ngọn đồi trơ trọi, nơi ở đó còn khu vườn tuổi thơ của mẹ tôi thường được bà mô tả như một địa đàng thần tiên. Trong cái kho tàng chứa những điều "còn có" lộn xộn đó của tôi, có thêm chùa Hương của thơ Nguyễn Nhược Pháp, vịnh Hạ Long nhìn thấy trên T.V, chuyến xe lửa tốc hành chạy ven đèo Hải Vân với trời nước bao la một màu xanh trùng điệp...

Mặc dầu vậy, nếu phải trở về những nơi chốn đó một mình, tôi cảm thấy thực sự sợ hãi. Hình như giữa mẹ tôi và phần địa cầu nhỏ bé tôi gọi là quê hương, những ràng buộc có nhiều và vững chãi hơn. Bởi thế, nếu

được dựa vào mẹ tôi trong chuyến đi, tôi sẽ rất yên tâm. Cảm giác này có lúc cũng làm tôi khó chịu vì tôi đã trưởng thành, đã một mình đi đến nhiều địa danh xa lạ mà không hề lo lắng gì. Vậy mà nay trở về cái nơi thật ra tôi đã có một thời thân quen, sao tôi lại ngại ngùng đến thế? Tôi đã đổi khác, trở thành kẻ lạ hay nơi đó đã đổi khác, trở thành nỗi đe dọa bất an?

Từ giữa một chuyến đi khác khiến tôi đang có mặt ở miền đông bắc Hoa Kỳ, tôi đặt dự tính thăm Việt Nam trong bàn tay sắp đặt của số phận. Tôi gọi điện thoại về Cali cho mẹ, "nhờ mẹ hỏi cô Hằng giùm con coi cô đã in vé cho con chưa? Nếu chưa, mẹ cancel giùm cho con, con cảm thấy mệt, không muốn đi nữa". Đêm hôm sau, tôi điện thoại cho mẹ lần nữa, nghe bà trả lời "vé đã in rồi nhưng con vẫn có thể hủy bỏ bất cứ lúc nào, chỉ mất 50 đô la làm chiếu khán nhập cảnh và đợi khoảng ba, bốn tuần để được hoàn trả tiền qua thẻ tín dụng". Trong một tích tắc đồng hồ tiếp theo, tôi quyết định nhờ mẹ đến trung tâm dịch vụ nhận vé giùm. Sau này nghĩ lại, tôi nhận ra mình bị thôi thúc vì những lời hứa hẹn về thăm hai người bạn nhỏ ở cái ngõ xóm cũ. Nếu thất hứa với chúng, tôi cảm thấy xấu hổ vì những điều vẽ vời khiến chúng đợi chờ và thất vọng.

Về tới Cali hai mươi bốn tiếng đồng hồ trước kỳ hạn phải đáp chuyến bay của hãng Eva khởi hành đi Đài Loan lúc 1 giờ 30 đêm từ sân bay LAX, tôi chỉ còn đủ thời giờ chạy đi mua quà cáp, xin mẹ các địa chỉ những nơi cần ghé ở Việt Nam, liên lạc bằng điện thư với Sài Gòn về việc đưa đón, thay đổi quần áo trong cái vali của lần đi vừa qua bằng những quần áo sơ sài nhất, dành thật nhiều chỗ cho quà cáp. Tôi tháo bỏ và để lại nhà mọi đồ trang sức quí, kể cả cái đồng hồ loại tốt cần cho công việc làm của tôi ở Mỹ. Trên cổ tôi chỉ còn một cái thánh giá nhỏ tôi mới mua vội ở cửa tiệm bán nữ trang ngoài chợ. Tôi chuẩn bị mọi thứ cho chuyến đi như một người trong cơn mộng du, đầu óc trống trải, một người bị đẩy chạy qua chạy lại vì một lực kéo kỳ dị, không giải thích được, không cưỡng lại được, bị xô lấn tới bằng móng vuốt của một nỗi đau dịu dàng. Cuối cùng thì tôi cũng ngồi yên ổn trong lòng chiếc máy bay to bự của hãng hàng không Eva, bắt đầu cuộc hành trình bằng mấy viên thuốc ngủ để sẵn trong túi áo. Sau bữa ăn tối có cá và rau cải, dọn cho khách lúc ba giờ sáng, tôi thiếp vào giấc ngủ giữa tiếng người nói cười lao xao mà cao độ của con tàu làm cho nhẹ hẫng như vọng lại từ một nơi nào xa lắm. Tôi còn ngủ chập chờn vài ba lần nữa trước khi máy bay đáp xuống trạm nghỉ ở Đài Loan. Chờ ở đây chừng hơn hai giờ đồng hồ, tôi và các hành khách đi cùng (phần đông là người già đồng hương) lên một máy bay nhỏ hơn để trực chỉ Việt Nam. Từ lúc này trở đi, tôi không tài nào chợp mắt được nữa.

Con đường mỗi phút một thu ngắn dần cùng với nỗi nôn nao cồn lên trong lòng tôi. Tôi không mường tượng một điều gì rõ rệt, chỉ cảm nhận mơ hồ những biến cố kỳ lạ có thể xảy ra trong cuộc đời một người một cách bất ngờ, như chuyến trở về thăm Việt Nam của tôi không có mẹ bên cạnh.

Máy bay hạ cánh xuống phi đạo Tân Sơn Nhất, không gợi nhắc trong tôi một chút gì quang cảnh nơi này ngày tôi theo mẹ tới đây nhận lãnh những thùng quà từ Mỹ gởi về hay ngày tôi cùng gia đình xuất cảnh, do bác tôi bảo trợ. Hành khách đáp chuyến bay với vé hạng nhất được xe hơi của phi trường đón từ cầu thang máy bay đưa vào khu vực kiểm soát hải quan. Vừa bước ra khỏi cửa xe, tôi đã nhìn thấy người bạn thời tuổi nhỏ đưa cao hai tay vẫy chào. Phải nói là Nguyễn thay đổi rất nhiều (chắc là anh ta cũng nghĩ về tôi như thế). Từ cái cậu bé hơn mười tuổi, da mặt trắng hồng, nụ cười rụt rè, hơn mười năm trước hay hỏi mẹ tôi những câu hỏi rắc rối, hay cãi nhau mày tao với tôi, nay đứng trước mặt tôi là một thanh niên trưởng thành, chững chạc, đang làm việc cho hãng hàng không Air France, chuyện trò với tôi bằng tiếng Anh lưu loát và đúng giọng.

Mặc dầu đã nghe nói nhiều về tệ nạn moi tiền du khách ở các trạm hải quan Tân Sơn Nhất, mặc dầu mẹ tôi đã dặn tôi đổi tiền mười đô la mang theo, thế nhưng khi tận tai nghe tiếng thúc giục "để bên dưới, để nhanh lên" tôi mới cảm nhận được hết cuộc sống nhem nhuốc, thương tâm, đang diễn ra hàng ngày ở cái đầu cầu tiếp cận với văn minh thế giới này. Tôi không có nhiều hành lý, lại cộng thêm sự có mặt của bạn tôi thường xuyên ra vào đây, chúng tôi nhanh chóng ra khỏi khu vực hải quan. Con đường đưa tôi về căn nhà cũ đổi thay rất nhiều. Có những hàng quán nay không còn nữa. Tất cả láng giềng của gia đình tôi đã ra đi. Nhà cửa nay cất cao lên hoặc xây mới. Bạn gái tôi đã lấy chồng, đã có con, đã tan vỡ, nay đang một mình quán xuyến một cơ sở làm ăn có thương vụ hàng năm lên đến hàng triệu mỹ kim. Nó chạy xe Honda loại tốt nhất, trị giá khoảng sáu ngàn đô la, cứ vài ba tháng lại mất một chiếc mà không có bảo hiểm đền như ở Hoa Kỳ.

Thăm ông bác của tôi xong, thăm nơi ký cốt của chị tôi xong, không còn gì cầm chân tôi ở Sài Gòn nữa, tôi sửa soạn đi Huế và Hà Nội. Giá vé tàu xe bán cho khách nội địa và người nước ngoài về khác nhau. Việt kiều phải trả gấp đôi. Bạn tôi mua vé máy bay cho tôi đi Hà Nội bằng chứng minh nhân dân của chị nó.

Các bác bên bố tôi sống trong một gian phòng ở lầu ba căn nhà do ông bà nội tôi để lại. Năm 1954, khi nhà nước cọng sản tiếp quản Hà Nội theo hiệp định Genève, họ chia căn nhà này cho nhiều người đến ở với lý do những người anh em trai của các bác tôi đều di cư vào Nam. Ngôi nhà

lớn nhất nhì Hà Nội ấy trở thành hộ tập thể. Những chiếc cầu thang bằng gạch nay vỡ nát, đen đủi. Mấy cái phòng vệ sinh chịu sự quá tải lâu năm nay bốc mùi quanh những vì tường ẩm ướt. Bên trong căn phòng, các bác tôi cố thu vén tươm tất nhưng khi cả nhà ăn cơm, chúng tôi chỉ còn cách trải miếng nilông trên sàn gỗ để ngồi. Các bác tôi đều đã già, kể cả các bác rể xưa là bộ đội, nay người thì điếc, người thì lú lẫn, người có triệu chứng tâm thần. Bữa ăn ảm đạm may có một chút sáng sủa nhờ cái nồi cơm điện, là vật dụng hiện đại hiếm hoi mà các bác tôi còn kịp hưởng chút tiện nghi do nó đem lại. Người chị dâu họ xinh đẹp và đứa hạnh của tôi luộc ốc cho tôi ăn. Chị chăm chút bố mẹ chồng, rót rượu cho anh họ tôi uống và nuôi dạy con tử tế. Chị như một bức tranh cổ quí giá bị bỏ quên trong một xó xỉnh thời gian. Những con đường Hà Nội ban đêm tối đen nhưng hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, đền Ngọc Sơn và cầu Thê Húc rất đẹp. Kỷ niệm sẽ nhớ rất lâu của tôi ở Hà Nội là một hôm đi ăn tối về, chiếc xích lô chở tôi vừa quẹo vào đầu một con phố thì tôi nghe tiếng còi cảnh sát ré lên lanh lảnh, sắc buốt sau lưng. Cái cảm giác sợ hãi sự bất trắc ban đầu của tôi trở thành nỗi đau xuyên suốt ruột gan lúc tôi biết ra người phu xe khốn khổ bị làm khó dễ vì ông ta trót chạy vào con đường cấm xích lô lưu thông. Ông ta van nài người cảnh sát cho ông ta đưa tôi về đến khách sạn cách đó một đoạn đường, để ông ta có tiền quay lại nộp phạt nhưng viên cảnh sát nhất định đuổi tôi xuống và đòi giam xe nếu ông ta không đủ tiền nộp phạt ngay. Vừa bất nhẫn, vừa không muốn dính dấp lôi thôi, tôi bước xuống xe, kéo người đàn ông khốn khổ xa ra một quãng, trả ông ta tám ngàn là giá cuốc xe đã thỏa thuận và tặng thêm ông hai chục ngàn để ông thu xếp cái tai nạn mà tôi tin chắc là nó xảy ra hàng ngày, ở nhiều nơi, cho những người dân bạc phận kiếm sống bằng mồ hôi nước mắt lương thiện của mình.

Chủ nghĩa Cọng Sản đòi triệt tiêu sự bóc lột thặng dư lao động được coi là yếu tính của thế giới tư bản nhưng nay người Cọng Sản tạo ra sự bóc lột sức lao động không kiếm đủ ăn của dân nghèo. ở Sài Gòn cũng không khác gì. Bạn tôi để quên giấy tùy thân ở nhà, người cảnh sát công lộ đòi bạn tôi phải dấm dúi cho anh ta một số tiền mới được đi. Trong mười ngày ngắn ngủi ở quê hương, tôi có cảm tưởng rõ rệt là tương quan xã hội giữa mọi người nay chỉ còn tính bằng chỉ số tiền tệ.

Trên đường trở lại miền Nam, tôi ghé qua Huế. Theo địa chỉ mẹ đưa, tôi tìm đến Trúc Hoa Viên của ông ngoại. Khu vườn mẹ tôi thường nhắc tới với biết bao xót xa rung động, nay chỉ còn là một xóm nhà ngổn ngang do nhiều người lạ chiếm dụng bừa bãi và hỗn độn. Người tớ gái cũ của ông bà ngoại tôi ốm liệt cả hai chân, nói rằng bà không nhớ đường lên mộ

ông. Tôi đứng bơ vơ ở cái nơi chỉ có mẹ tôi biết nó biến đổi dường nào so với những ngày thanh xuân của mẹ thuở xưa. Ngỡ ngàng, hổ thẹn vì cảnh tượng thê lương trước mắt, tôi quyết định để yên cái máy ảnh trong túi, để yên những hình ảnh thần tiên trong ký ức dường như không bao giờ mòn mỏi của mẹ.

Một ngày ở Huế với chuyến xe thuê bao giá ba trăm ngàn đồng cọng thêm ăn uống cho tài xế, tôi được đưa đi thăm lăng tẩm của các vị vua triều Nguyễn trên vùng đồi núi u tịch ở ngoại vi thành phố Huế. Bởi vẫn thường nghe mẹ kể về những buổi cắm trại của bà tại Khiêm Lăng mùa hè những năm bà còn ít tuổi hơn tôi bây giờ, tôi bâng khuâng mường tượng như chính mình đang bước trên mờ phai những dấu chân xưa của mẹ, nơi cái sàn gỗ ọp ẹp của nhà thủy tạ nhìn xuống một mặt hồ không còn một búp sen nào. Nếu không có liên tưởng ấy, tôi chỉ là một du khách lạ mặt ở chốn này. Tôi đặc biệt thích mặt tiền lăng Khải Định, trông sáng sủa và đẹp mắt. Về lại Cali mới biết rằng chính ông ngoại tôi là người thực hiện công trình xây cất nghiêng về khuynh hướng kiến trúc tân thời này.

Tôi đi qua hai trường Đồng Khánh và Quốc Học, nhìn thấy nhiều học sinh nhỏ tuổi hơn là những cô cậu "e ấp sân trường trao thơ" như vào thời của mẹ hay thời của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên. Cầu Tràng Tiền chật như một cái hộp, xe cộ và người di chuyển ngổn ngang. Chợ Đông Ba lúc tôi đi qua đang bị cúp điện tối om nhưng quán bún bò Huế trên lề đường trước chợ ngon tuyệt. Ông tài xế đưa tôi đến tiệm kẹo mè xửng Nam Thuận dưới chân cầu Đông Ba. Đối với tôi, mè xửng hiệu Nam Thuận mua ở Huế hay mè xửng hiệu Sông Hương mua ở Cali cũng giống nhau nhưng mẹ tôi và các bạn của bà cho rằng mè xửng Nam Thuận ngon hơn hẳn. Tôi đoán là mẹ, các bác, các dì, vừa ăn kẹo vừa thấy lại tuổi thơ của họ ở cái thành phố nghìn trùng xa cách ấy, khi họ còn là những đứa trẻ theo mẹ đến hàng kẹo Nam Thuận, ngồi nhìn bà chủ tiệm xóc mè, vào những phiến kẹo đỏ ong mới cắt ra. Khi kẹo đã gói xong cho người lớn, bà chủ tiệm lúc nào cũng dúi vào tay các cô cậu một gói nhỏ những miệng kẹo rẻo đầu thừa đuôi thẹo, để làm bạn với các cô cậu trên đường về, thường là phải cuốc bộ rất xa.

Đêm cuối cùng ở Huế, khách sạn tôi ở đề nghị du khách mua vé đi nghe hát bằng thuyền rồng trên sông Hương. Đến giờ hẹn, chúng tôi được đón bằng xe Honda ôm đến địa điểm lên thuyền. Con thuyền sơn phết sặc sỡ, như nhiều thứ đồ cổ mạo hóa khác. Trong khoang thuyền đã ngồi sẵn vài cô ca sĩ cổ nhạc với nhạc cụ dùng cho buổi trình diễn. Khán giả khoảng hơn mười người, gồm bốn du khách ngoại quốc, còn lại là Việt kiều về thăm Huế. Chúng tôi được chào đón bằng một màn cãi vã tưng bừng giữa

ông bầu và ban nhạc. Quí vị ca nhạc sĩ công khai cho biết họ không muốn trình diễn cho du khách người Việt vì họ cho rằng những người này không hiểu, không biết thưởng thức cổ nhạc Huế. Họ trách móc ông bầu show đã vi phạm hợp đồng làm ăn đã giao ước trước. "Sự cố" sổ sàng và thô bạo này khiến một vài thính giả Việt kiều bất bình, bỏ ra ngoài mũi thuyền, ngồi nhìn dòng sông trôi đen lánh dưới trời đêm và... đập muỗi mỏi cả hai tay. Cuộc vui, do đó, bị rút ngắn từ một tiếng rưỡi đồng hồ xuống còn nửa tiếng. Trở lại bờ, chờ mãi không thấy có xe đưa về khách sạn, gọi điện thoại hỏi tổng đài tiếp tân, nhân viên ở đó trả lời "chương trình chỉ có đưa, không có đón về". Show cổ nhạc đêm hôm ấy bèn được đặt tên là "đem con bỏ chợ". Tôi kể chuyện này cho mẹ tôi nghe, bà nheo mắt như cố nhìn vào ký ức bà để nhớ xem bà có từng biết những con người ít hiếu khách như thế ở Huế chăng nhưng bà lắc đầu và nói "Thế thì lạ quá, không phải là Huế mà mẹ vẫn biết".

Dẫu sao, thiên nhiên ở Huế thật đẹp, thật nên thơ, kể cả cơn mưa bất ngờ dội xuống hoàng thành trong buổi chiều hiu quạnh, làm nghe mùi thở hăng nồng từ những bờ tường rêu mốc, những lối đi lát đá vắng lặng vừa thức dậy dưới cơn mưa.

Tôi không biết những người khác thế nào, riêng tôi, xúc cảm từ chuyến đi Việt Nam không ở cái lúc tôi vừa đặt chân trở lại trên quê hương, gặp gỡ người thân và bè bạn cũ, mà ở cái lúc tôi quay về Cali, nơi sinh sống hiện nay của gia đình tôi. Đã hơn một tháng trôi qua, mỗi khi rảnh rỗi hay nằm chờ giấc ngủ, tôi đều thấy lại, nghĩ về cái nơi chốn, như một vết thương vừa khơi động trở lại, là nỗi ray rứt kỳ lạ trong lòng tôi.

Dân tộc tôi chịu nhiều sự đày ải, bất công và oan khuất, điển hình như các bác tôi. Họ không có một đền bù nào cho những đóng góp máu lệ của họ thời thanh xuân (họ chỉ có một cái nồi cơm điện) dù rằng đất nước đã hòa bình hơn hai mươi năm, dù rằng họ đang đi những bước cuối cùng bên bờ vực sinh tử. Như người anh họ trẻ tuổi của tôi, không biết đã giấu nỗi buồn nào trong tâm khảm, khiến anh uống rượu ngày đêm, gây tai nạn lái xe trong giờ làm việc đến nỗi bị sa thải? Như người chị họ mới có một con của tôi, nhìn cuộc đời và từ khước tôi với niềm phẫn hận chua chát chỉ vì cho rằng tôi may mắn hơn chị. Như đứa cháu lên mười của tôi tuổi thơ chẳng có gì vui ngoài nỗi sợ hãi triền miên những cơn thịnh nộ của bố. "Bà ơi, bà đừng đi đâu buổi chiều lúc cháu đi học về, cháu sợ bị đòn". Như người bạn cũ của tôi tuy hiện có công ăn việc làm tử tế nhưng hiếm khi có ai thấy anh cười. Anh sống cần cù và buồn bã, như một con kiến bò quanh cái miệng chén. Như người bạn gái xinh đẹp của tôi nay đang lao vào việc kiếm tiền như một con thiêu thân say ánh đèn đêm.

"Tao với chồng tao chẳng còn gì. Cái thằng mày thấy là tao đang cần dựa vào nó để điều hành cơ sở làm ăn của tao". Một lúc khác, nó thủ thỉ "Tao nhớ nhiều kỷ niệm cũ với mày lắm, khỉ ạ. Cái lỗ tai đeo hoa tao xâu cho mày ngày đó trệch sang một bên mà mày vẫn để thế à?" Người đàn bà nào trong nó là thật nó? Như người bạn gái thân nhất của chị tôi ngày xưa, nay đang là chủ nhân của một tiệm cắt uốn tóc loại sang, thu nhập hàng ngày cả trăm đô la, thế nhưng chị vẫn không có vẻ vui. Gặng hỏi, chị nói: "Ba chị mới mất", nhưng tôi biết chị mất nhiều thứ không bao giờ còn tìm thấy lại: ước mơ tốt nghiệp từ một đại học chuyên nghiệp, ước mơ hạnh phúc lứa đôi với mối tình đầu lênh đênh theo sóng ra khơi và đi biệt, ước mơ của một thời tràn đầy hy vọng bỗng dưng đứt đoạn nửa chừng. Như người họa sĩ cụt cả hai tay, kẹp cái cọ giữa những ngón chân để vẽ những bức tranh quê hương rất đẹp, rất tài hoa, bán cho người qua lại trên vỉa hè với giá một hoặc hai đô la rẻ mạt. Tài năng ấy, ở một nơi nào khác, ở một thời nào khác, thì sao nhỉ?

Lòng tôi hiu hắt buồn. Những người bên ấy cũng hiu hắt buồn. Chúng tôi chia sẻ cùng nhau nỗi thất vọng của những ao ước không thành tựu, của con đường đi không nhằm hướng mình muốn tới, của tâm thức bất lực đè nặng lên lương tri những con người vẫn còn muốn suy nghĩ, của cách trở, chia xa bao nhiêu tình thân cật ruột, của chối bỏ và vờ vịt chấp nhận bao nhiêu điều tệ hại.

Ôi Việt Nam, phần đời căn cốt nhất của tôi gửi lại ở nơi này, cái nơi lẽ ra tôi phải sống, phải phụng sự, phải yêu thương, khổ đau hay hạnh phúc, phải chết lúc cuối đời theo sự chọn lựa của riêng tôi. Tôi còn quá trẻ nhưng cũng không muốn vay mượn suy nghĩ của người khác để hiểu biết hay để lý giải trong sâu xa ngọn nguồn chuyện gì đã xảy ra trên quê hương tôi, vì sao dù xem chừng như tôi hiện có tự do nhưng tôi không lựa chọn ở lại cái nơi chốn mà nếu phải lìa xa, quả thật tôi ý thức mình mất mát quá nhiều? Phần đời cứ mãi là một ám ảnh bên nửa kia bán cầu, một quê hương nhìn tôi như khách lạ, một trời đất nước người dung thân tạm bợ, ngần ấy thứ làm nên thân thế lênh đênh của cả một thế hệ những người như tôi, lỡ sinh ra và lớn lên trong một giai đoạn lịch sử âm u và rách nát của Việt Nam, ở hậu bán thế kỷ hai mươi.

Dầu thế nào, chuyến trở lại Việt Nam ngắn ngủi vừa qua đã cho tôi câu trả lời đích xác về hiện tượng những giấc mơ thường đánh thức tôi giữa đêm khuya, gợi nhắc trong tôi bao kỷ niệm thời thơ ấu trên quê hương. Như lời người ta vẫn bảo nhau, cách tốt nhất để quên một điều gì là hãy trực diện với nó. Có lẽ từ trong sâu thẳm tiềm thức tôi bị thôi thúc vì những cơn mộng mị khua tôi dậy lúc nửa đêm, tôi muốn tự mình trắc

Xuân trắng

HOÀNG BÍCH D$ÀO

Mùa xuân hoa tuyết bay
Đơn lẻ cánh đào gầy
Chơ vơ trong giá lạnh
Mối sầu này ai hay

Mùa xuân hoa tuyết trắng
Ngàn dặm nhớ quê hương
Có mai vàng trong nắng
Và ánh mắt người thương

Mùa xuân hoa tuyết rơi
Nhớ tiếng mẹ ru hời
Mừng con thêm một tuổi
Mẹ dần xa cuộc đời!

Mùa xuân nơi xứ lạ
Màn mưa tuyết nhạt nhòa
Chút trầm hương khơi dậy
Cõi lòng thêm xót xa!

Xuân đến mang theo những ngỡ ngàng
Mộng ước phủ dần bụi thời gian!
Tuyết rơi, rơi mãi thêm niềm nhớ
Một thoáng tình xưa nghĩa dá vàng.

nghiệm điều này. Tiếc là sau chuyến đi, tôi càng xác quyết rằng những ràng buộc của tôi với cái phần đất nước khốn khó ấy không thể nào chối bỏ, càng không bao giờ nhạt nhòa, gốc gác của tôi là ở đấy, nguồn cội của tôi là ở đấy cho dù gốc nguồn ấy có đang thối rữa, hư hao, cho dù tôi đang sống trôi dạt ở chân trời góc bể nào thì Việt Nam cứ mãi là một ám ảnh nhức nhối không nguôi.❐

Ngày xuân, chuyện trò với tác giả *Tôi Cùng Gió Mùa*

Triều Hoa Đại thực hiện

Thưa anh, nhà phê bình Đặng Tiến bảo là: Cái tên Nguyễn Xuân Thiệp nghe lạ hoắc nhưng đọc xong bài thơ *Thảo Nguyên* thì ông ấy mê ngay. Tôi biết đã có nhiều người đọc bài thơ này, và cũng có một số người chưa đọc Vậy anh có cho phép tôi giới thiệu về anh một chút được chăng?

Chào anh Triều Hoa Đại. Mừng anh vẫn còn làm thơ ở xứ người. Tất nhiên là chúng ta có thể nói chuyện với nhau, nhất là giữa ngày xuân này. Mà nói chuyện thoải mái, và tôi sẽ không để bị gò bó trong những câu hỏi đâu. Triều Hoa Đại đồng ý? Tiếc rằng tuy cùng ở trên nước Mỹ mà chúng mình cách xa nhau đến hàng ngàn dặm, không thể uống chung với nhau một ấm trà. Thôi thì ta với ta vậy, Triều Hoa Đại bắt đầu đi.

Nguyễn Xuân Thiệp làm thơ từ trước 1954. Anh học ở Huế và Sài Gòn, rồi đi dạy. Năm 1963, vào quân ngũ, làm công tác phát thanh tại Pleiku, Đà Lạt, Sài Gòn. Tháng 5-1975, đi tù chế độ Cộng Sản cho tới 1982. Sang tới Mỹ năm 1995, định cư ở Dallas, Texas.

Thưa anh, có người viết về chiến tranh như một cái cớ, trong *Tôi Cùng Gió Mùa* anh cũng đã viết về chiến tranh, có phải anh đã mượn cái cớ ấy để làm nên thơ của mình?

Khoan nói về chiến tranh đã. Cái đó là quá khứ. Ta nói chuyện hiện tại trước. Giờ này, ở quê nhà, cho dù những khốn khó, nhà nhà cũng đang chuẩn bị đón xuân. Chợt nhớ tới mấy câu thơ của Thanh Tâm Tuyền làm trong trại tù: Vang vang trời vào xuân, Ta bật kêu mừng rỡ... *Xin hỏi T H Đ, anh nghĩ gì về những mùa xuân trong đời, và anh có làm thơ xuân không, cho các báo chẳng hạn?*

Tôi yêu những mùa xuân, là bởi trời đất như bừng mở ra một sức sống, cũng giống như những cô gái đang độ xuân thì. Ngày còn bé ngồi thức canh nồi bánh chưng vào đêm khuya khoắt, giành nhau chiếc bong bóng lợn. Lớn lên, tôi thấy mùa xuân như là một ngày xá tội. Vì vậy mà tôi làm thơ xuân. Tôi nghĩ về mẹ tôi rất nhiều, tôi được sống lại cái thuở: *"...Lúc người còn sống tôi lên mười..."*

Bây giờ trở lại với thơ và chiến tranh. Ngày ấy, chúng ta gặp nhau ở Pleiku, thành phố của chiến tranh. Khắp nơi, một màu áo lính. Những chuyến xe lên đường ra mặt trận bất cứ giờ phút nào. Đêm, nằm trong thành Pleime nghe pháo kích và nhìn hỏa châu lên sáng rực trời. Anh nhớ gì về Pleiku, anh THĐ?

Tôi đến Pleiku vào một ngày cuối năm, từ trên phi cơ nhìn xuống đã thấy một trời mây đục. Thú thực, lúc đó lòng tôi đã muốn khóc. Nhưng nghĩ lại làm như vậy thì hèn quá, bề gì cũng vừa mới: Quỳ xuống, đứng lên ở Vũ đình trường. Thế rồi, ở với Pleiku lâu ngày đâm nghiện, phố xá rất nhỏ, nhưng tình thân thật nhiều. Nhớ những lúc bằng hữu ấp ủ cho nhau, nhớ những nơi chốn hẹn hò, những con đường tình tự... Nhớ Hội Quán Phượng Hoàng sau những đêm vui rời rã, nhớ Kim Tuấn, nhớ Hoàng Châu. Nhớ nhiều lắm nhưng làm sao kể hết ở đây hả anh Thiệp?

Tôi yêu Pleiku. Tất nhiên, Pleiku không đẹp để người ta yêu. Yêu Huế, yêu Đà Lạt, yêu Hà Nội - điều này dễ hiểu. Nhưng yêu Pleiku mới là điều đáng nói. Vũ Hữu Định yêu Pleiku. Kim Tuấn yêu Pleiku. Có thể cả Hải Phương và Miên Đức Thăng. Còn THĐ?

Tôi cũng yêu Pleiku lắm lắm, và tôi còn biết một người nữa cũng yêu phố núi như chúng ta, người đó là Phan Ni Tấn. Còn nhớ những buổi tối đến nhà Kim Tuấn uống với nhau một chung trà và nghe nhạc Trịnh Công Sơn. Bây giờ, đã xa ngồi nhớ lại: " Em Pleiku má đỏ môi hồng..." Lòng bỗng bâng khuâng, tiếc nuối.

Tôi đến Pleiku vào một ngày sau tết năm 1965. Bước xuống máy bay, nhìn phi trường Cù Hanh mà ngao ngán. Chúng tôi bốn người - Châu Trị, Nguyễn Xuân Hùng, Trần Văn Thịnh và tôi - chỉ muốn đào ngũ trở lại Sài Gòn ngay tức khắc. Thế nhưng ở lâu rồi thì thấy đất ấy cũng mang hồn người. Tôi nhớ hội quán Phượng Hoàng trên đồi thông. Nhớ những đồi hoa vông, những con đường đất đỏ. Đêm bún bò Nhà Thương, cà phê

Dinh Điền... nhớ bạn. Những con người như mây vô danh nhưng ấm áp một thứ lửa tình yêu. Dạ Lan còn nhớ? Và Cẩm Hà, ở một nơi nào đó trên địa cầu, hãy đọc Pleiku Tháng Ba 1974, *để thấy lại bóng mình.*

Nói tới Pleiku là phải nhắc tới Kim Tuấn, Duyên Anh gọi KT là " Thi sĩ tiệm thuốc tây, cơm nhà quà vợ ". Chẳng là KT có tiệm thuốc tây và anh nổi tiếng trung thành với vợ. Cái sau này thì tôi hơi nghi. Mai Thảo, Phạm Duy, Từ Công Phụng đều đã có lần ghé Pleiku. Các ông Du Tử Lê, Hoàng Khởi Phong chắc không bao giờ quên Cà Phê Tay Trái?

Tôi nói lan man về Pleiku, chẳng qua do nhớ đất nhớ người, mà cũng vì chiến tranh. Trở lại câu hỏi của THĐ. Với tôi, chiến tranh có là một cái cớ không? Sao chiến tranh lại là một cái cớ? Hình như danh từ này được các nhà văn ta ưa dùng kể từ khi Vũ Khắc Khoan tuyên bố: Thành Cát Tư Hãn chỉ là một cái cớ. Không, với tôi, chiến tranh là có thực. Tôi viết về nó cũng như viết về người con gái tôi yêu, về bạn bè, con người và đất nước tôi. Nguyễn Mộng Giác viết về chiến tranh chắc phải khác tác giả Chiến Tranh Và Hòa Bình, Mặt Trận Miền Tây Vẫn Yên Tĩnh, Sông Đông Êm Đềm, *chẳng hạn? Và Guillaume Apollinaire viết về chiến tranh mới đặc biệt hứng thú. Thời đó ông yêu Lou, đi vào chiến tranh ở đâu cũng thấy Lou. Tôi chia xẻ với Apollinaire điều này, nhất là gần đây khi trở lại cơn nóng sốt mùa xuân đầy Lara. Đây đó trong thơ tôi, chiến tranh có mặt. Trong Ánh Trăng, tôi viết:* Chia cách dài hơn gió chiến thời... *THĐ có thấy đúng như vậy không? Và những bài như* Pleiku Tháng Ba 1974, Nha Trang Tháng Ba 1975... *là những bài viết về chiến tranh. Không có tiếng súng. Không có hỏa châu. Không có những xác người. Nhưng không khí chiến tranh đậm đặc ở những bài ấy. Có thể ngửi thấy, cảm thấy. Có lẽ đây là một cách nhìn đời từ một khoảng cách, như Đặng Tiến nói về thơ tôi chăng?*

Chúng ta vẫn thường tự hào dân tộc VN có bốn ngàn năm văn hiến, nhưng có điều văn hóa của chúng ta thì chưa có tác phẩm nào lớn cả để mà nhận giải Nobel. Có người đưa ra lý do bảo là những văn nghệ sĩ của mình đầu óc vẫn còn bị bao bọc bởi ruộng đồng. Anh thấy thế nào?

Câu này nên hỏi các nhà phê bình, nghiên cứu văn học thì hơn. Nhưng, nghĩ tới đất đai, ruộng đồng, thời tiết, gió mùa... thì đã sao. Pearl Buck chẳng hạn đã chẳng viết về một nước Trung Hoa nông nghiệp đấy ư? Tuy nhiên theo tôi, cái gọi là chân trời ruộng đồng vây bọc các nhà văn VN đã thực sự lùi xa. Chúng ta đã sống ở một thời đại lớn, với một cuộc chiến tranh làm rung chuyển mặt địa cầu, với những vấn đề nóng bỏng, lớn lao

của lịch sử và nhân loại. Cũng đã có những tác giả vượt trội, những tác phẩm có chiều sâu và bề dày. Tuy nhiên, thế giới dường như chưa biết đến văn học VN. Chúng ta có quyền hy vọng ở sau này chứ?

Trong lao tù, anh vẫn làm thơ, những bài thơ ấy anh có mang chia sẻ với những người đồng cảnh ngộ hay không? Anh không sợ "tai vách mạch rừng" à?

Làm thơ trong tù, nhất là nhà tù Cộng Sản, là một khổ nạn. Tôi làm thơ (làm thơ chứ không phải viết thơ) lúc cuốc đất, phát nương, đốn tre đốn nứa, đẩy xe đá, đào hốc sắn trên đồi... Sau đó, chờ cơ hội chép ra giấy, làm tiếp. Thời gian đầu không dám chia sẻ cùng ai, nhưng khi về đến Thanh Chương Nghệ Tĩnh rồi thì anh em đông, một lòng, bất khuất, nên hết sợ. Chúng tôi làm thơ, chép cho nhau đọc. Bình thơ ngay giữa hội trường. Đọc thơ trong lán trại lúc đêm khuya. Phải canh chừng và đề phòng dữ lắm, cố nhiên. Nói đúng ra đám ăng-ten hồi đó cũng ngán anh em chúng tôi, không dám lập công, hại bạn như trước. Thế mà cũng đã có những bài thơ bị bắt, một vài anh em văn nghệ bị biệt giam.

Nhiều bài thơ trong TCGM anh đã viết như một tuyên ngôn. Anh có nghĩ mình đang thực hiện một sứ mạng?

Nói nghe dễ sợ quá. Tôi không nghĩ mình làm tuyên ngôn hay tự cho mình một sứ mạng. Đơn giản, tôi chỉ biểu tỏ một thái độ sống và viết, trung thực, không che giấu.

Người ta viết văn và làm thơ vì nhiều lẽ, trong tác phẩm của anh đọc thấy những gì anh viết vượt lên trên những đau thương và thù hận. Anh làm thơ cho những lý lẽ ấy, hay còn vì những điều gì khác?

Có lần tôi nói: Dante viết Thần Khúc (Comédie Divine) tả cảnh địa ngục là tả qua trí tưởng tượng. Chúng tôi - những thi sĩ của một thời điêu đứng (chữ của Thanh Tâm Tuyền) - viết về một địa ngục có thật. Những nỗi đau, hận chất chứa trong lòng, đôi khi cất lên thành tiếng kêu thương, như trong Chiều Bên Sông Giăng, Trà Oán, Bài Oán Thi Đêm Phương Nam...*Thế nhưng, nói cho cùng, nó là một khổ nạn rồi sẽ qua như một cơn bão mùa mà thôi. Trong gió mưa, có bông trà vẫn nở. Thơ tôi có những bài cứ nhẹ thênh, có vẻ như không hận thù, đau thương, như trong* Thảo Nguyên *và* Mưa Ở Đây Như Mưa Ở Quê Nhà. *Mặt khác, hồi mới ra khỏi*

trại, khốn khổ và ô nhục đến cùng cực, tôi định viết một loạt bốn bài oán - gọi là Tứ Đại Oán. *Nhưng mới được hai bài* - Trà Oán *và* Bài Oán Phương Nam - *thì ngưng. Ngưng không phải vì cạn ý, hết hứng - mà vì tôi nghĩ viết như vậy để làm gì. Oán oán chập chùng. Chỉ làm tăng thêm gánh nặng cho đời ta mà thôi. Chẳng khác nào gánh đá đi trong hùn vậy. Tôi không phải là nhà tranh đấu mà chỉ là nhà thơ. Ở đây, xin mở ngoặc nói thêm một chút:* Bài Oán Thi Đêm Phương Nam *khi có tên* Bài Oán Phương Nam *không phải chỉ có bấy nhiêu. Nó dài gấp đôi. Tự tôi thấy nó tàn nhẫn và u tối quá nên cắt bỏ nửa bài. Tô Thùy Yên nói: Bài thơ có cái không khí ghê rợn của tranh Goya.*

Xin đừng cho tôi có ý muốn hư vô hóa bất hạnh. Nỗi đau, nỗi oán vẫn có đầy trong thơ tôi. Nhưng có lúc tôi đã vượt qua đau khổ cũng như tia nắng mặt trời xuyên qua mây mù....cũng là nhờ tâm hồn tôi lúc nào cũng tươi mát -t ôi mở lòng ra với thiên nhiên, con người và cuộc sống. Tôi yêu từng mầm cây, ngọn cỏ, yêu đàn dê con, lũ chuồn chuồn, đàn ngan, cả đến con sâu cái kiến nữa. Nói THĐ có thể không tin, một phần cũng là nhờ trà. Tôi mê uống trà, trà đậm đặc, có thể uống vào bất cứ thời khắc nào trong ngày. Hồi lưu đầy ở Bắc Thái và Nghệ Tĩnh, có thời gian tôi làm ở đội trà, tha hồ mà uống. Những lúc khác thì đã có Chu A Hạnh (nay không còn nữa) hái trộm mang về cho, rồi nhờ Dũng nhà bếp sao cho uống. Uống trà vào thì, như một thi nhân đời Đường là Lỗ Đồng viết, hồn lâng lâng như chắp cánh bay về nơi bồng lai tiên cảnh!

Có phải khi viết *Tôi Cùng Gió Mùa*, anh nghĩ rồi đây ít nhiều cũng sẽ dẫn đến bình yên và thanh thoát cho những ai tìm đến nó?

Viết TCGM, tôi chỉ muốn có người đồng cảm và chia sẻ. Tôi đã đi qua chiến tranh, lưu đầy nghĩa là đi qua khổ nạn của dân tộc và lịch sử để từ đó thoát ra, đạt tới sự bình yên. Trong thơ tôi, như nhiều người nhận xét, quả có sự bình yên, thanh thoát vừa nói. Đó là trạng thái tĩnh lặng tìm thấy giữa bão tố và những thảm kịch. Tất nhiên, tôi mong những người đến với thơ tôi sẽ gặp được sự bình yên, thanh thoát đó.

Trẻ thơ, trăng, chim, tiếng trống, tiếng cồng v.v.và v. v. đầy ắp trong thơ anh, phải chăng thời niên thiếu tuổi thơ đã đến quá muộn màng và giờ đây là nuối tiếc, tìm bắt?

Thơ tôi có rất nhiều trẻ thơ, ánh nắng, hoa cỏ, tiếng chim, tiếng gió... Bởi lẽ, như đã nói ở trên, lúc nào tôi cũng mở rộng lòng ra trước tạo vật

và đời sống. Tuổi thơ của tôi, may mắn thay, đầy ắp những hình ảnh âm thanh vừa nói. Đó không phải là một tuổi thơ sung sướng mà là tuổi thơ trôi giữa thiên nhiên. Vì vậy, tôi không tìm kiếm, nắm bắt mà chỉ diễn tả ra những gì vẫn có trong hồn. Cố nhiên, ai thì cũng nuối tiếc tuổi thơ như nhớ về một địa đàng đã mất dấu tích. Đó là một thứ nostalgie vẫn có nhiều trong thơ, họa...

Anh cũng ca ngợi tình bạn một cách chân thành, thắm thiết. Đó là một trong những khởi đầu làm nên những bài thơ hay?

Trên đường đời, chúng ta gặp rất nhiều bạn. Tại sao ta không yêu họ, cho dù những bất toàn mà ai cũng có? Âu Như Thuy chẳng hạn, không hẳn là họa sĩ có tài hay người hoàn hảo, nhưng khi được tin anh bị nạn và chết ở Đèo Cả, trên đường đi làm tượng Hàn Mặc Tử từ Quy Nhơn về (trước đó, Thuy đã làm tượng Yersin và dự định sẽ làm tượng Bích Khê ở Thu Xà, Quảng Ngãi), tôi thật sự xúc động. Ta yêu bạn, có lẽ vì qua họ ta nhìn thấy một mảnh đời của ta. Tại sao ta làm thơ cho những người con gái, có khi đã phụ ta, mà không làm thơ cho bạn. Tôi viết về bạn chính là viết cho tôi. Ngoài những bài trong TCGM tôi còn viết về Bùi Giáng, Hà Thượng Nhân, Quách Thoại, Ngô Kha, Thanh Tâm Tuyền... trong một loạt bài mà tôi gọi là Chân Dung.

Anh sinh trưởng ở Huế, sao thơ anh không có bài về Huế và cũng ít giọng Huế?

Có đấy chứ. Bài Nhịp Bước Mùa Thu *và* Nhãn Chín Nhớ Chim Mùa Cũ *là mối tình tôi gửi cho Huế nơi có người con gái mà tôi yêu buổi đầu đời. Hình ảnh những cây bàng, cây sầu đông, cây nhãn, bông sen, bông cau, mảnh sân lát gạch hồng, và cả nhà thơ ngoài vương phủ kia... chúng trở đi trở lại trong thơ tôi, đó chính là Huế. Cái quê ngoại trong thơ tôi và mối tình với người chị họ... là Huế. THĐ nghe đây:* Ôi tình xưa như nhãn và sen, Dẫu tình phai khi chưa kịp hẹn. *Có phải là Huế không? Chỉ có ở Huế mới có chè nhãn bọc hạt sen. Tôi yêu Huế như yêu mối tình đầu, yêu tuổi dại của tôi, và tình yêu đó nó lặn vào bên trong, ngày càng sâu sắc và có khi đau đớn. Thế nhưng yêu Huế tha thiết, tôi lại không chủ trương tính địa phương là một nét đặc thù hay bản sắc của nhà thơ. Bùi Giáng là người Quảng Nam, nhưng thơ ông đâu có in đậm nét vùng đất đó. Thi sĩ là người đi giữa cuộc đời rộng lớn, và cùng với mọi người vui buồn với những lẽ hợp tan của kiếp phù sinh. Trong dòng đời bi hoan trôi chảy*

không ngừng đó, tôi hy vọng có tiếng thơ tôi.

Có người nói trong thơ anh lắm khi chan hòa ánh nắng của bình minh, nhưng đồng thời cũng đầy rẫy những đám mây đen báo hiệu giông tố ở tương lai. Anh có ý kiến gì không?

Những đám mây đen báo hiệu giông tố ở tương lai... Có như vậy thật sao? Thơ tôi là thơ của một thời khổ nạn, thơ đâm chảy máu bầu trời, nó có những " nỗi đau rất người, rất nhân bản ". Anh Nguyễn Mạnh Trinh đã nhận định như vậy khi viết về thơ tôi. Và anh Nguyễn Mộng Giác cũng nói rằng thơ tôi là đau khổ kết tinh. Nhưng từ những khổ nạn của đời mình và lịch sử, thơ tôi muốn vươn tới an bình tĩnh lặng. Cho nên tôi nghĩ nó không phải là cánh chim báo bão mà tôi hy vọng là tiếng hót của con sơn ca lúc đêm tan.

Khi còn trẻ người ta chẳng có gì để mà hoài nghi, dằn dà những hoài nghi, rồi cũng đến theo tuổi tác. Trong tác phẩm của anh đã thấy lấp ló bóng dáng của ngờ vực, của âu lo. Nhận xét ấy anh có cho là đúng không?

Dường như THĐ vẫn muốn tra vấn cho ra những nét bi quan trong thơ tôi. Anh thấy có sự hoài nghi ở đâu đó chăng? Bạn ơi, hoài nghi rất dễ dẫn đến hư vô chủ nghĩa. Có thể có những lúc tuyệt vọng, tôi nhìn cuộc nhân sinh thấy toàn một màu xám, nhưng cuối cùng thơ tôi vẫn tỏa ra một ánh sáng nào đó của tin yêu và hy vọng, của sự phục sinh trên những đổ vỡ quanh đời. Xin anh đọc lại đoạn kết của những bài như Tôi Cùng Gió Mùa, Thảo Nguyên, Mưa Ở Đây Như Mưa Ở Quê Nhà, Ánh Trăng...*và đặc biệt bài thơ tôi viết năm 1997 -* Cây Redbud Và Chim Tháng Tư. *Ngay cả trong bài* Hoa BlueBonnet Và Nắng Thơ Tôi, *viết trong mùa đông tuyết phủ khi nghĩ đến Đinh Cường và cái nghiệp vẽ tranh, làm thơ, đồng thời cũng để tưởng niệm Mai Thảo vừa ra đi, buồn bã và đau đớn là thế mà cuối cùng cũng lóe lên màu nắng vàng - nắng thơ tôi.*

Hình ảnh cô độc của con chim màu đỏ đứng hót một mình trong mưa sao mà nó thê thảm quá. Bộ đời sống của tác giả TCGM lại sầu muộn đến thế sao?

Con chim màu đỏ là có thật. Đinh Cường cũng đã nhìn thấy nó. Tôi gặp con chim màu đỏ này nhiều lần ở Oklahoma - một lần hồi mới ở Việt Nam qua, nó đứng hót trước cửa sổ căn apartment tôi ở; và lần gần nhất

là ở Oklahoma mùa thu năm 97, nó chỉ có một mình trong mưa, bay đến đậu trên một cây maple cụt ngọn và cất tiếng hót, cũng dưới trời mưa thưa. Hình tượng đẹp và... buồn. Nhưng không phải là tuyệt vọng. Tôi nghĩ sáng tạo là cô đơn, như con chim màu đỏ hót một mình dưới trời sấm dội mưa thưa.

Ai trong đời sống mà chẳng có vui buồn, kể cả thảm họa nữa, nhưng với những người không sáng tác theo bà Wislawa Szymborska, (giải Nobel văn học 1996), thì nỗi buồn đau ấy sẽ theo đuổi họ cho đến mãn đời. Một nhà thơ như anh thì đã giải hóa được những thảm họa ấy nhờ vào ngòi viết. Anh có cho đó là một may mắn, ân sủng?

Wislawa Szymborska nói đúng, nhưng nghệ sĩ đau đớn tới hai lần - một lần khi sống với cơn đau, đối diện với thảm kịch và một lần khi sống lại nó để viết thành tác phẩm. Cô đơn và đau đớn thật, nhưng cuối cùng là niềm vui sáng tạo và sự thanh thản tìm lại được. Thượng Đế khi sáng tạo ra vũ trụ không biết có đau đớn không, nhưng khi nhìn thấy nó đẹp đẽ hài hòa, chắc Người cũng vui lắm.

Không thể ngờ được rằng ngày nay tôi lại được đọc những bài thơ rất hay của anh, là bởi vì hơn ba mươi năm về trước anh đã viết những "bài nằm" cho các báo. Đinh ninh thế nào anh cũng trở thành nhà văn. Vậy mà nay anh lại chọn thơ. Vì sao vậy?

Anh muốn nói thời chúng ta làm báo Cao Châu *cho Quân Đoàn II, phải không? Có mấy người: Diên Nghị, Kim Tuấn, Tô Mặc Giang, Triều Hoa Đại, Châu Trị, và cô Đỗ Thị Nguyên Chi (nếu tôi nhớ không sai) làm thơ rất hay. Hồi đó, tôi và Châu Trị phụ trách phát thanh quân đội ở Đà Lạt, mỗi ngày viết hai bài bình luận. Những bài này đều trình về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, Diên Nghị bèn lấy đăng vào mục quan điểm của báo. Do đó mà anh tưởng là tôi viết bài nằm cho báo* Cao Châu. *Tại sao tôi lại chọn thơ ư? Tôi yêu thơ và làm thơ từ hồi còn học đệ tứ, đệ tam, và tiếp tục làm thơ cho đến ngày nay.*

Làm thơ đã lâu, tại sao cho mãi đến hôm nay anh mới cho xuất bản tập thơ đầu? Anh khởi sự làm thơ như thế nào?

Tôi làm thơ từ trước 1954. Khởi đầu cũng là do mê văn thơ, lại nữa cũng vì ánh mắt thôi thúc của người con gái tôi yêu hồi ấy. Tôi rất biết ơn

người ta và muốn ngỏ một lời tạ ơn. Những bài thơ đầu tiên của tôi đăng trên Đời Mới và Thẩm Mỹ, dưới bút hiệu Châu Liêm. Ah, les premières fleurs, qu'elles sont parfumées! Tuy vậy, tôi cũng chỉ giữ lại có một bài trong số hàng chục bài làm thời ấy. Đó là bài Nhịp Bước Mùa Thu *in ở trang đầu tiên của TCGM. Sau đó, trong nhiều giai đoạn của cuộc đời - trong chiến tranh,trong trại tù, giữa xã hội Cộng Sản toàn trị...- tôi vẫn làm thơ, có điều ít cho đăng báo. Thơ là bạn đồng hành của tôi, mang cho tôi hy vọng và hãnh diện để tiếp tục hành trình của kiếp người. Tôi làm thơ như vậy là đã ngoài 40 năm, nhưng cho đến nay mới cho xuất bản. Tô Thùy Yên nói: "Danh vọng đến với ông quá muộn." In thơ là danh vọng ư? THĐ nghĩ sao? Tôi không nghĩ như thế. Tôi chỉ thấy đó là việc phải làm, và nó quả có mang đến cho tôi nhiều tình cảm ấm áp. Thế thôi. Thật ra, tôi chưa có ý định in thơ bây giờ. Đài Á Châu Tự Do hỏi đầu năm 1998 có hỏi về việc ấy, và tôi trả lời để thong thả. Mãi tới tháng sáu vừa qua, khi thảng thốt trước hư vô đột hiện do tưởng mình bị ung thư cổ họng, tôi mới gom thơ lại, đánh máy, nhờ Phạm Chi Lan lay-out, Đinh Cường vẽ bìa, Nguyễn Mộng Giác đem in. Tôi nghĩ mình không làm thì rồi ai làm cho. Sau này, bác sĩ khám, cho làm CATscan, kết quả thấy không phải ung thư. Và tôi đã có được tập thơ gửi đến bạn bè. Thế đấy.*

Bà Wislawa Szymborska còn nói: Thơ không thể sinh ra từ tiếng ồn ào, trong đám đông hay trên xe búyt. Anh có cho như vậy là nghiêm khắc lắm không, điều kiện sáng tác của anh như thế nào?

Nghệ sĩ cần sự cô đơn để sáng tạo. Nhưng nói thế không có nghĩa là tự cô lập mình trong cái mà ngày xưa ưa gọi là " tháp ngà". Tôi có thể làm thơ ở bất cứ nơi nào - trên trực thăng, trong quán cà phê, trên xe lửa, xe búyt Grey Hound...Trong trại tù Cộng Sản, điều kiện viết còn tồi tệ gấp trăm lần, vậy mà vẫn có thơ hay của Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Động Đình Hồ...

Ở hải ngoại, một số người cổ súy cho việc làm mới thơ một cách ráo riết. Anh có ý kiến gì không?

Apollinaire viết trong bài Zone: À la fin tu es las de ce monde ancien, cuối cùng thì mi đã chán cái thế giới cũ kỹ này. Thơ cũng như cuộc đời, cần đổi mới. Tình yêu cũng thế? Những thi sĩ trẻ bây giờ muốn đem đến cho thơ một sinh khí mới, cách diễn đạt mới. Như gần đây, các anh chống lại điệu lục bát cũ mòn của số đông nhà thơ bây giờ với những hình

ảnh, tình cảm sầu mộng ướt át, xa rời đời sống thực. Nhưng đổi mới, theo tôi, không có nghĩa là tạo ra sự quái dị không phải là thơ. Mặt khác, đem được ngôn ngữ của đời sống vào thơ là điều tốt, nhưng có lẽ nên tránh những cái sống sượng, thô tục, dơ bẩn mà bất cứ ở đâu cũng không chấp nhận. Tôi chịu đoạn thơ, của Đỗ Kh. thì phải, có câu tả thằng bé nằm ngủ chổng cu lên trời, nhưng chỉ tới đó thôi. Đừng có đặt " thùng ỉa ", "thùng đái " giữa thành phố, trước mặt dân tộc và lịch sử, như Cộng Sản đã làm khi họ mới vào chiếm Sài Gòn.

Anh nghĩ gì về việc in sách, phát hành sách ở hải ngoại?

Viết, trong điều kiện lưu vong, đã là một thách thức ghê gớm. In sách, phát hành sách còn ghê gớm hơn. Chẳng những thế, nó là việc làm kỳ cục. Anh bỏ tiền tự in lấy sách (thơ chẳng hạn), nhờ báo quảng cáo cho vài lời, nhờ bạn bè tổ chức ra mắt, v. v... Những người mua sách anh, một số ít vì văn chương, có thể vì thương anh nữa, còn phần lớn vì lịch sự. Có người nói " để ủng hộ thi sĩ ". Nghe mà phát rầu. Thơ không được bầy bán trên các kệ sách. Nó đã mất chỗ đứng giữa lòng cuộc đời. Tôi gặp hên hơn nhiều tác giả: Phạm Chi Lan đi Cali về, nói TCGM có bày ở hiệu sách Văn Khoa. Đây là tiệm sách của Đỗ Đình Tuân, có học chung văn khoa với tôi hồi xưa.

Sau TCGM sẽ là gì thưa anh?

Sẽ là thời gian một hai mùa cho đất được nghỉ ngơi, thanh thản hít thở khí âm dương của trời đất, nhuần tắm nắng sương, hứng những lượng phù sa từ Sông Lớn. Có thể rồi đây tôi cùng Lê Uyên Phương viết tiếp Sử Ca.

Bộ trường thiên *Sông Côn Mùa Lũ* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã được nhà xuất bản Văn Học ở trong nước thương lượng để in lại. Đấy có phải là một dấu hiệu đáng mừng?

Tôi đã có lời chúc mừng anh Nguyễn Mộng Giác khi nghe tin SCML được nhà Văn Học trong nước xuất bản. Và tôi có nói: Bất cứ tác giả nào ở hải ngoại đều mong muốn tác phẩm của mình được người trong nước biết tới và đọc. Đó phải được coi là là định mệnh cuối cùng của nó. Nhưng theo tôi, khoan vội mừng. Chưa có dấu hiệu nào cho thấy trong một tháng một năm, thơ của Tô Thùy Yên, Khoa Hữu, Cao Đông

Khánh...được bầy bán ở các hiệu sách Sài Gòn. Trong khi đó, truyện của Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Bảo Ninh... đã được hải ngoại in và phát hành từ khuya.

Nhà thơ chắc phải có nhiều ước mơ lắm. Vậy thì những mơ ước ấy là gì, cho riêng anh, cho đất nước, cả hai?

Tôi chỉ có một ước mơ đơn giản: Đất nước sẽ là thơ, cuộc đời này là một bài thơ lớn.

Xin cám ơn anh Nguyễn Xuân Thiệp.

Cám ơn Triều Hoa Đại và Tạp Chí Văn Học.

thơ, truyện, tạp luận

Nguyễn Quốc Trụ

nhà xuất bản: Văn Mới
tổng phát hành: Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel (714) 527-5761
Giá mỗi cuốn 10 Mỹ kim

Sự khám phá nhân cách văn hoá Việt

(Đọc Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác, NXB Văn học, Hà nội, 1998)

Đỗ Minh Tuấn

Lịch sử Việt Nam có không ít những nhân vật lớn có tầm vóc tạo dựng thời đại mà cuộc đời của họ tự nó đã là những pho tiểu thuyết. Đó là những nhân vật như Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ... Song rất tiếc, cho đến nay tiểu thuyết lịch sử Việt Nam mới chỉ dừng lại ở sự khai thác có tính chất minh hoạ lịch sử về một vài giai đoạn và một số khía cạnh của những nhân cách văn hoá lớn này. Rất hiếm tác phẩm tái hiện các anh hùng dân tộc một cách toàn diện, từ góc nhìn nhân văn và thế sự, tái tạo lại quá trình hình thành và sự toả rạng của những nhân cách lớn này trong khuôn khổ một thời đại lịch sử, càng rất hiếm tác phẩm trình bày họ như là những nhân cách văn hoá Việt Nam vừa gần gũi, bình dị, vừa hấp dẫn, cao siêu.

Trong bối cảnh đó, bộ trường thiên tiểu thuyết *Sông Côn Mùa Lũ* trên 2.000 trang của nhà văn Nguyễn Mộng Giác được Nhà xuất bản Văn Học tái bản đã trở thành một sự kiện văn học đáng kể vì nó đã đem đến cho độc giả một bức tranh hoành tráng về thời đại Tây Sơn, trên đó nổi bật lên hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung như một nhân cách văn hoá lớn có sức cuốn hút trí thức đương thời, một nhân cách bắt rễ sâu vào trong từng số phận bé nhỏ của đời sống và vươn tới tầm vóc tạo dựng thời đại.

Người anh hùng Nguyễn Huệ bấy lâu vẫn định hình trong chính sử và dã sử như một người anh hùng nông dân áo vải cờ đào mà cái ấn tượng về cốt cách nông dân võ biền, mạnh mẽ của ông đã in đậm trong tâm thức số đông như một ấn tượng lịch sử. Người ta vẫn quen coi Nguyễn Huệ như một hình ảnh tượng trưng của những người nông dân chân đất quật cường, dũng mãnh, song dường như cái khí phách anh hùng ấy không thể có

chung một nguồn mạch văn hoá với Nho giáo nói riêng và tư duy bác học nói chung. Nếu như trong truyện ngắn *Phẩm Tiết*, Nguyễn Huy Thiệp đã khai thác cái ấn tượng võ biền này để tạo dựng một Quang Trung thế tục, sàm sỡ và cao ngạo đế vương từng gây tranh cãi, thì trong Sông Côn Mùa Lũ, Nguyễn Mộng Giác đã cãi lại định kiến văn hoá này khi trình bày Nguyễn Huệ như một nhân cách trí thức hấp thụ các tinh hoa văn hoá bác học qua một ông đồ là giáo Hiến, tiếp thu các đạo lý từ Nho giáo và từ nhiều nguồn khác để trở thành nhân vật anh hùng. Theo dõi quá trình hình thành nhân cách này, ta thấy rõ bản lĩnh của Nguyễn Huệ không phải đơn thuần là sự thăng hoa của bản năng giải phóng trong con người nông dân, mà là sự tự khẳng định có ý thức của một nhân cách văn hoá mới trong thời đại ấy. Do đó, sức mạnh của người anh hùng Nguyễn Huệ không phải là quyền lực hoang dã của bạo chúa. Chính cốt cách văn hoá, bản chất trí thức này đã tạo cho nhân vật Nguyễn Huệ trong tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác có một sức hấp dẫn lôi cuốn trí thức đương thời. Nguyễn Mộng Giác đã rất tinh tế và cao tay khi trình bày quá trình vừa hút vừa đẩy của Quang Trung với Nho giáo nói chung và sĩ phu Bắc hà nói riêng. Hấp thụ đạo Nho từ thủa ấu thơ, Nguyễn Huệ trong tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác đã vượt lên đạo Nho, tìm thấy trong đời thường và trong lịch sử cái lý lẽ phê phán những hạn chế của đạo Nho và những hủ nho trong đó có giáo Hiến thầy mình. Tuy đánh giá thấp tầm vóc và bản lĩnh văn hoá của những trí thức đương thời, nhiều lúc giận họ, căm thù họ, cảm thấy bất lực trước sự bảo thủ và gàn dở của họ, thậm chí có lúc định giết họ, nhưng Nguyễn Huệ vẫn không nản chí trong việc tìm đến họ, tha thiết lôi họ vào dòng chảy thác lũ của khởi nghĩa nông dân. Chính cái nhìn mới, cái nhìn giải phóng, cái nhìn tạo dựng thời đại ở Nguyễn Huệ toả ra từ nhân cách văn hoá rất Việt Nam của ông đã tạo cho ông một sức hấp dẫn có thể lôi kéo những trí thức lớn đương thời đi theo phong trào Tây Sơn. Thành công lớn của Nguyễn Mộng Giác là đã trình bày thuyết phục và nhuần nhuyễn sức hấp dẫn văn hoá của người anh hùng nông dân Nguyễn Huệ, thách thức những định kiến lịch sử. Đó là một góc nhìn rất mới mẻ và táo bạo của nhà văn với nhân vật lịch sử độc đáo, phức tạp này.

Khi trình bày, tái hiện, lý giải các mối quan hệ trí thức - nông dân trong lịch sử và giữa các nhân vật lịch sử, các nhà văn xưa nay thường nhìn các sự kiện qua lăng kính thân phận người trí thức với những bi kịch, éo le và giằng xé của họ trong sự hợp tác với các lãnh tụ nông dân. Chẳng hạn, tiểu thuyết *Vạn Xuân* (Dix Mille Printemps) của nhà văn Pháp Yveline Feray và các tác phẩm văn học, sân khấu khác về Nguyễn Trãi đã khai

thác bi kịch của người trí thức có công trong bối cảnh hậu chiến thời Lê. Cách nhìn phổ biến trong các tác phẩm này là trình bày một đối trọng trí thức - bạo chúa ,văn hoá - quyền lực, kẻ sĩ - nông dân. Trong một ý nghĩa nào đó thì đối trọng này là một tương quan có ý nghĩa và thuyết phục. Nhưng dường như văn hoá Việt Nam với độ nhoè, độ dính kết, độ dung hoà, giao thoa và cộng sinh giữa các thái cực đã tạo ra những quan hệ phức tạp, đa tầng và đa sắc hơn giữa những thế lực và những quan điểm trong tiến trình lịch sử. Vì thế, cái nhìn phân tuyến, lưỡng cực, đối trọng theo tinh thần duy lý cổ điển phương Tây và cách sử dụng lăng kính trí thức nhìn một xã hội nông dân, một trật tự nông dân sẽ có nguy cơ bất cập. Nguyễn Mộng Giác có bản lĩnh sáng tạo tránh được công thức mang tính định kiến và áp đặt này. Ông di chuyển người trí thức từ vị trí đứng ngoài bổ sung, đối trọng và đối lập với người nông dân vào bên trong cấu trúc nhân cách của người anh hùng Nguyễn Huệ, để nội-soi người anh hùng này, khám phá những mâu thuẫn, những giằng xé, những gắn kết, những cộng sinh lai tạp trong quá trình lịch sử và tâm lý, tìm ra mã số văn hoá thống nhất trong nhân cách lãnh tụ khởi nghĩa nông dân. Và, việc lồng trí thức vào nông dân, lồng con người thế tục vào con người huyền thoại, lồng con người tình nghĩa vào con người quyền lực, lồng cái nhìn nhân bản vào cái nhìn chính trị, lồng dã sử huyền sử vào chính sử - đó là cái cơ chế sáng tạo nhân vật Nguyễn Huệ của Nguyễn Mộng Giác trong *Sông Côn Mùa Lũ*. Ta thấy rõ và cảm thông với sự song tồn, đồng tồn, tương hợp trong con người Nguyễn Huệ, một học trò giỏi của Nho học và một người phê phán Nho học, một người tôn trọng đạo lý tình nghĩa và một lãnh tụ quyền biến thao lược dám làm những việc cần làm như dấy quân đánh lại Nguyễn Nhạc anh mình, một người bạn, người tình, người học trò thuỷ chung ân nghĩa và một bản lĩnh anh hùng dám đạp đổ cả triều đình để giành lấy giang sơn. Sự dung hoà, giao thoa, cộng sinh giữa các mặt đối lập trong nhân cách Nguyễn Huệ phản ánh biện chứng văn hoá hỗn dung của người Việt, làm nên tính cách Việt Nam của nhân vật Quang Trung trong bộ tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác, khiến nhân vật này sinh động và đầy tính nhân bản, khác hẳn với Nguyễn Huệ trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô Gia văn phái và cũng khác về cốt cách văn hoá với Pierre Đại Đế trong tiểu thuyết của nhà văn Nga Alexis Tolstoi. Trên cơ sở cấu trúc nhân cách văn hoá của Nguyễn Huệ, Nguyễn Mộng Giác đã gắn kết các tư liệu lịch sử với chiều sâu nhân bản trong đời sống tâm lý, thế tục của nhân vật được hư cấu một cách tỉ mỉ và sinh động. Ngay từ khi Nguyễn Huệ còn là cậu học trò, Nguyễn Mộng Giác đã để cho người bạn gái của ông là cô An cảm nhận được cái áp lực văn hoá trong

nhân cách anh hùng bộc lộ qua từng câu nói đùa, từng ánh mắt giễu cợt và cử chỉ đời thường rất hồn nhiên vô tâm. Khi Nguyễn Huệ trở thành bậc vương tướng, Nguyễn Mộng Giác lại để cho cô An có lúc cảm nhận được sự gần gũi, ấm áp của một người bạn cũ thời thơ ấu và để cho Nguyễn Huệ sống trong trạng thái cô đơn khi quyết định tiến hành nội chiến với chính người anh của mình. Nguyên lý văn hoá lưỡng hợp, hỗn dung đặc trưng của dân tộc Việt dường như đã trở thành miếng đất màu mỡ cho tư duy nghệ thuật của người viết tiểu thuyết lịch sử kết hợp nhuần nhuyễn chính sử, dã sử và huyền sử với tưởng tượng, hư cấu và khai thác chiều sâu tâm lý để sáng tạo ra những nhân vật nhiều chiều chập chờn giữa huyền thoại và giải huyền thoại, giữa đời thường và lịch sử, giữa sứ mệnh và tự do, giữa quyền lực và nhân tính. Nguyễn Huệ trong Sông Côn Mùa Lũ là một nhân vật tiểu thuyết như vậy, một nhân vật mang sức ám ảnh của văn hoá Việt nam với tất cả những mâu thuẫn, giằng xé giữa con người nhân bản và con người chính trị, như nhà lý luận Nguyễn Hữu Lê đã chỉ ra khi bàn về đặc tính đối thoại và giao tiếp của tư duy nghệ thuật.

Nhân vật cô An, người bạn gái của Nguyễn Huệ cũng là một tham số văn hoá gia tăng tính lưỡng hợp, hỗn dung của văn hoá Việt trong thế giới các nhân vật tiểu thuyết của Sông Côn Mùa Lũ. An dường như là hiện thân của thân phận những con người bé nhỏ bị bóng đè trong lịch sử, trong trường hợp cụ thể của An, cô bị bóng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ đè suốt cuộc đời. Nguyễn Huệ từng gần gũi An như một người yêu trong tâm tưởng, đã gieo vào đời An những kỷ niệm, những ấn tượng, đã giễu cợt những khao khát trần thế nhỏ bé của cô rồi lại cưu mang cô trong những bối rối của đời thường, để cuối cùng cô vừa bị lịch sử cuốn mất người yêu có nhân cách lớn lao và cướp đi cả những hạnh phúc đời thường bé nhỏ. Một thân phận chung chiêng giữa cái cao cả và cái tầm thường, một người phụ nữ Việt nam mang nghịch lý của số phận nhân dân vô danh bị giằng xé giữa khát vọng lịch sử văn hoá lớn lao và thực tế thấp hèn, dở dang, tội nghiệp. Những kỷ niệm với Nguyễn Huệ lướt qua cuộc đời An như đuôi sao chổi quệt vào một hành tinh bé nhỏ làm đổ vỡ rạn nứt sâu sắc cuộc đời cô. Trong số phận An có chất chứa cả những điều éo le, kỳ thú của số phận nhân dân, cả những đức hạnh, những giằng xé của người phụ nữ Việt nam trong lịch sử. Không phải ngẫu nhiên, Nguyễn Mộng Giác kết thúc bộ trường thiên tiểu thuyết bằng hình ảnh cô con gái của An lần đầu hành kinh. Cái kết ấy gợi lại hình ảnh người thiếu nữ An xưa kia lúc mới gặp Nguyễn Huệ, trong lần đầu hành kinh đã hốt hoảng lo âu trước nhịp sống thường tình của người phụ nữ. Và, ta không khỏi suy nghĩ, cái nhịp sống thường tình ấy thực ra từ lâu không còn thường tình

nữa, đó là một thời điểm đáng báo động mà người phụ nữ phải đơn côi đối diện và đối thoại cùng những biến động kỳ vĩ của lịch sử, những hốt hoảng âu lo thơ ngây kia chính là tiên cảm, là linh giác của đời người phụ nữ luôn luôn sợ hãi lo âu vì bị bóng của những nhân cách siêu việt do chính mình góp phần bé nhỏ tác thành đè nặng suốt đời. Liệu có một người anh hùng nào sẽ đến đè bóng lên cuộc đời cô gái con An? Sự kiện bình thường của những thân phận bình thường được tác giả đưa thành điểm nhấn nghệ thuật, trở nên một tín hiệu nghệ thuật có sức ám ảnh, nâng cảm nhận của người đọc lên tầm suy tư triết học và văn hoá.

Bên cạnh An, những con người bé nhỏ bình thường khác trong *Sông Côn Mùa Lũ* như giáo Hiến, Lãng, Chinh, Thọ Hương... cũng có những cách riêng để đi vào lịch sử, tham dự vào nhân cách văn hoá của Nguyễn Huệ ở những mức độ khác nhau. Trong tương quan lịch sử, họ là những "mẫu số chung tầm thường", một hai trong muôn ngàn, nhưng trong tương quan văn hoá và thế sự, họ cũng in dấu ấn vào nhân cách anh hùng trong một chuỗi những sự kiện, hành vi tưởng như nhỏ bé, thường tình vô nghĩa trong thế sự và bằng cách đó họ khám phá những chiều kích nhân bản khác nhau trong nhân cách dân tộc và nhân cách anh hùng dân tộc. Khác với những cây bút tiểu thuyết thường khai thác hành vi lịch sử của quần chúng như là những lực lượng cơ bắp, Nguyễn Mộng Giác xây dựng những con người bé nhỏ như những nhân cách văn hoá trong đời thường góp phần đan dệt và phản chiếu nhân cách văn hoá của người anh hùng áo vải Quang Trung. Họ đều là những nhân vật nhạy cảm văn hoá, sống thường trực trong tư cách nhân chứng văn hoá trước dòng chảy lạnh lùng và khốc liệt của lịch sử để đón nhận và lưu giữ những ấn tượng sâu sắc từ mỗi sự kiện, mỗi hành vi, mỗi xao động nhỏ trong dòng chảy ào ạt, tàn nhẫn ấy. Trước khi là nạn nhân của sự quên lãng, vô tâm và phản bội thường thấy trong lịch sử, những con người bé nhỏ này ngày ngày là nạn nhân của nhân tính bén nhạy trong mình, để rồi như An và Lãng bị choáng váng ám ảnh mãi bởi một vụ nghĩa quân hành quyết một người vô tội nhầm trấn an người Thượng sau vụ tranh chấp muối, hay như ông giáo Hiến nổi giận đánh con trai là Chinh khi thấy anh xách xâu tai người về như một dấu hiệu của thái độ say sưa bạo lực...Lịch sử được tái hiện qua biết bao sự kiện hành vi thế sự, mỗi sự kiện nhỏ lại được nhà văn khai thác sâu những vang dội cuả nó vào thế giới nhân tính, trở thành những tín hiệu tâm linh, văn hoá. Sự kiện lịch sử chỉ như một thứ thẻ căn cước để Nguyễn Mộng Giác đi vào thế giới nhân tính thâm u, khuất khúc, thăm thẳm trong từng nhân vật mà thăm dò những ấn tượng tâm lý, những xáo động nhân bản, những nhức nhối nhân văn , những khắc khoải văn hoá vừa dữ dội vừa

tinh tế. Và cái tinh thần văn hoá nhất quán trong những nhân vật này là tinh thần văn hoá Việt nam đầy nhân bản, đầy mặc cảm thân phận, nặng tình trọng nghĩa, ân oán rách rời và ngôi thứ phân minh.

Cái nhìn xuyên suốt bộ trường thiên tiểu thuyết *Sông Côn Mùa Lũ* là cái nhìn văn hoá, là sự khám phá, lý giải, kết nối chuỗi nhân cách văn hoá từ thường nhân đến vĩ nhân làm nên một dòng chảy văn hoá tâm linh nhất quán qua từng trang sách. Dòng chảy văn hoá đó là sự hoà quyện của logic lịch sử, logic đời sống và logic nghệ thuật trong dung môi văn hoá Việt nam đầy tính nhân bản, lưỡng hợp, hỗn dung. Đó chính là mã số của sức mạnh Việt nam, bản lĩnh Việt nam.

Được sáng tác ở Việt nam từ năm 1977 đến 1981, xuất bản lần đầu ở Hoa kỳ năm 1991, bảy năm sau *Sông Côn Mùa Lũ* được hồi hương. Đó là một chặng đường có gian truân nhưng nhiều ý nghĩa, góp phần làm nên máu thịt cho tác phẩm và đồng cảm cho người đọc. Có lẽ cách nhìn nghệ thuật vừa táo bạo trí tuệ, vừa sâu sắc và nhân bản của tác giả Nguyễn Mộng Giác - một cách nhìn tôn vinh nhân cách văn hoá Việt nam, gợi ra những vấn đề day dứt, nhức nhối về quan hệ quần chúng và lãnh tụ, cá nhân và lịch sử đã khiến cho bộ trường thiên tiểu thuyết *Sông Côn Mùa Lũ* được độc giả trong nước đón nhận trân trọng và nồng nhiệt. Bài viết nhỏ này không có tham vọng giới thiệu toàn diện bộ sách đồ sộ công phu này mà chỉ gợi ý một mã số, một lối vào tác phẩm để bạn đọc tham khảo và tự mình thẩm định.❐

Việt

TẬP SAN SÁNG TÁC, PHÊ BÌNH & LÝ LUẬN VĂN HỌC

Chủ nhiệm Phan Việt Thủy
Chủ bút Nguyễn Hưng Quốc

P.O.Box 64, Altona, VIC 3018. Australia.
Tel: (03) 9315 0561, (03) 9688 4308, (03) 9688 4049
Fax: (03) 9688 4043. Email: viet@vietnet.com.au.
Internet: http://www.vietnet.com.au/viet/

Chủ đề số 3: CÁI MỚI TRONG VĂN CHƯƠNG
Phát hành đầu năm 1999

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Nguyễn Du, ***Tố Như thi***, tuyển tập thơ chữ Hán của Nguyễn Du, thi sĩ Quách Tấn dịch, An Tiêm xuất bản lần thứ nhất ở Sài Gòn năm 1965, tái bản ở Paris năm 1995 nhân dịp kỷ niệm 30 năm hoạt động của nhà xuất bản. So với bản in lần đầu, Tố Như Thi tái bản có đính chính một số chữ Hán viết sai trong bản in lần đầu. Sách thuộc loại sách quí, in trên giấy vàng nhạt, trình bày trang nhã. Trong những người dịch thơ chữ Hán Nguyễn Du, cho đến nay, cố thi sĩ Quách Tấn là dịch giả uy tín nhất. Những bạn đọc thích cổ văn nên có cuốn sách này trong tủ sách gia đình. Sách dày 256 trang, giá 12 MK tại Hoa Kỳ, 13 MK ngoài Hoa Kỳ. Tổng phát hành: Nhà xuất bản và Phát hành Văn Nghệ

P. O. Box 2301, Westminster CA 92683 USA

Phone: (714) 527-5761

📖 Trần Thiện Hiệp, ***Đỉnh mây qua***, thi tậptái bản của một nhà thơ quen biết với độc giả miền Tây Bắc và bạn đọc Văn, Văn Học, Người Việt Tây Bắc xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Sách là một phối hợp của thi ca, âm nhạc, hội họa do đóng góp của các họa sĩ Đinh Cường, Trịnh Cung, các nhạc sĩ Phạm Duy, Nhật Ngân, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Thuyết Phong, Mộng Lan, Cao Hoàng, Nguyễn văn Hóa. Sách dày 100 trang, giá tại Hoa Kỳ 12 MK. Ngoài Hoa Kỳ 13 MK.

Địa chỉ liên lạc:

Nhà xuất bản Văn Nghệ hoặc:

Người Việt Tây Bắc

3111 M.L. King Jr. Way South
Seattle, WA 98144
Phone: (206) 722-6984.

📖 Phan Nhiên Hạo, ***Thiên đường chuông giấy***, thi tập do nhà xuất bản Tân Thư xuất bản, bìa Khánh Trường, phụ bản Nguyễn Cao Hiệp, sách dày 88 trang in trên giấy trắng thường, giá 15 MK. Phan Nhiên Hạo là một nhà thơ trẻ hấp thụ cả hai nền giáo dục đại học Việt Nam và Hoa Kỳ (Đại học Sư phạm Sài Gòn 1989, Đại học UCLA 1998), nên thơ của anh là một trường hợp đặc biệt, điển hình cho một kết hợp chín chắn giữa cái vốn dân tộc và sự cách tân. Xin đọc thử một bài thơ ngắn trong tập:

Biển và Phố
Thành phố cao
những ngọn đèn báu vật
viên gạch trên bức tường cũ
nhắc nhở trận hồng thủy năm xưa
biển ngủ ttrong chăn xám
và em
dưới đáy những ngôi nhà chọc trời
như con tàu nhỏ trắng
lặng lẽ trôi về một chỗ riêng

Liên lạc với tác giả: 13512 Jackson St, Westminster CA 92683 USA
E-mail: homeruc@ucla.edu

📖 Hoàng Mịch Điền, ***Theo ngọn mây Tần***, tuyển tập thơ, Southeast Asian Culture & Education Foundation, Huntington Beach CA xuất bản, sách dày 88 trang, giá 10 MK (+ 2 MK cước phí và thuế). Trong Lời Tựa, Ng. Tử Can nhận xét về thơ Hoàng Mịch Điền: "Lời thơ của anh thật nhẹ nhàng, bình dị nhưng không đến nỗi mộc mạc, bình dân. Đọc thơ anh chúng ta có cảm tưởng đang nghe lời giãi bày tâm sự của người con trai mới lớn, nhút nhát, e dè. Nhưng con người "nhút nhát" đó cũng có lúc yêu say cuồng nhiệt siết người yêu "đang quằn quại, cuồng say". Quê hương yêu dấu của nhà thơ là Huế, cho nên Huế tràn ngập từng trang thơ.

Địa chỉ liên lạc: Southeast Asia Culture & Education Foundation
17212 Blue Fox Circle
Huntington Beach, CA 92647

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

📖 Ngự Thuyết, ***Đào thoát,*** tập truyện ngắn, bìa của họa sĩ Nguyễn Đồng, Đồng Văn xuất bản, sách dày 260 trang, giá 13 MK. Đây là tác phẩm thứ hai được xuất bản của nhà văn Ngự Thuyết, một cây bút quen thuộc của bạn đọc Văn Học , Văn, Hương Văn... Sau phần sáng tác có phụ lục gồm hai bài thơ có liên quan tới hai truyện ngắn, một bài tác giả trả lời phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh, và một bài nhận địnhviết về Võ Phiến.

Mỗi tác phẩm được in ra đánh dấu một chuyển biến trong phong cách viết của nhà văn. "Đào Thoát" rõ ràng có những điểm khác với "Sóng Trôi", tác phẩm đầu tay của Ngự Thuyết. Đề tài truyện trở về với những chuyện bình thường hơn, cách viết đằm hơn. Nhưng cái chất "Ngự Thuyết" ẩn nức, ray rứt vẫn giữ nguyên. Có lẽ đây là thành công của tác giả.

Liên lạc mua sách: Nhà phát hành Văn Nghệ
PO Box 2301 Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761
Ngự Thuyết
13947 Brock Lane
Garden Grove, CA 92843
Phone: (714) 265-5189

📖 Lâm Chương, ***Đoạn đường Hốt Tất Liệt*** , tập truyện do Văn Mới xuất bản, Trần Doãn Nho giới thiệu, Bạt của Hồ Minh Dũng, bìa Khánh Trường, phụ bản Nguyễn Quốc Tuấn, trình bày Sao Khuê, sách dày 200 trang, giá 10 MK. Sách do Nhà Văn Nghệ phát hành.

Lâm Chương là một nhà thơ đã nổi tiếng từ thời Việt Nam Cộng Hòa. Qua định cư ở Hoa Kỳ, anh tiếp tục làm thơ. Chỉ khoảng thời gian gần đây, anh mới viết truyện ngắn, và bạn đọc cũng như thân hữu kinh ngạc vì tài viết truyện của anh. Một số truyện của Lâm Chương đã được giới thiệu trên Văn Học, đặc biệt được chú ý là "Thượng du, miền thương nhớ".

📖 Hoàng Du Thụy, ***Một dây trầm***, tập truyện,Văn Mới xuất bản, Bìa của Nguyên Khai, Phụ bản Ngọc Dũng, sách dày 140 trang, giá 10 MK.

Hoàng Du Thụy là một nhà văn nữ thường xuyên đăng truyện trên tạp chí Làng Văn ở Canada, và đã được độc giả mến chuộng qua các truyện ngắn tình cảm chú ý đến đời sống và tâm lý người phụ nữ của bà.

Sách do Văn Nghệ phát hành.

📖 ***Mùa Đất Thấp,*** tuyển tập thơ văn tiểu luận của những cây bút tại Hòa Lan, Cái Đình xuất bản, với đóng góp bài vở của Cao Xuân Tứ, Đào Quốc Bảo, John Kleinen, Miên Thụy, Ngô thị Ngoan, Nguyễn Hiền, Nguyễn Hoàn Nguyên, Nguyễn Khảng, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Nguyễn Quyết Thắng, Lại Mạnh Cường, Nhược Trần, Phạm Hải Anh, Phạm thị Tú Minh, Võ Đức Tiến. Như bạn đọc Văn Học đã biết, trong số những người cầm bút kể trên, sáng tác của Cao Xuân Tứ, Nguyễn Hiền, Nguyễn Hoàn Nguyên, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Nhược Trần, Phạm Hải Anh đã tạo được nhiều cảm tình trong giới bạn đọc hải ngoại. Trên một xứ sở có ít người Việt định cư như Hòa Lan, tuyển tập do Cái Đình vừa xuất bản là một đóng góp văn hóa quí giá, đáng hoan nghênh.

Muốn có sách, xin liên lạc:
Cái Đình
Den Uylstraat 36
8015 DZ Zwolle, The Netherlands
Phone: + (0) 384600989

📖 Lê Hữu Mục, Phạm thị Nhung, Đặng Quốc Cơ, ***Truyện Kiều và Tuổi trẻ***, sách nghiên cứu về tuyệt phẩm văn chương Việt Nam của thi hào Nguyễn Du, đặc biệt là chủ đề Tuổi trẻ. Bộ sách dày ngót 700 trang do Làng Văn xuất bản gồm có 6 phần: Dẫn vào thế giới Nguyễn Du, Tìm hiểu những đoạn văn hay trong Truyện Kiều, Truyện Kiều khảo chú, Histoire de Kieu et la Jeunesse, The Tale of Kieu and the Youth, Phụ lục.

Trong mỗi phần, có đóng góp của cả ba tác giả, nhưng lãnh phần trọng trách suốt cuốn sách là giáo sư Lê Hữu Mục. Như trong Lời Nói Đầu, các tác giả soạn sách muốn "giúp cho các bạn thanh niên (ở hải ngoại) hiểu rõ Truyện Kiều, đi sâu vào bản thông điệp của Nguyễn Du gửi cho thanh thiếu niên, yêu cầu họ tin tưởng vào tuổi trẻ của mình, sống thành thật với bản thân một cách tự do, và biết đấu tranh quyết liệt với mọi trở ngại, đầu tiên là với chính mình, để có thể sống một cách trong sạch". Mục tiêu giáo dục lớn lao ấy dành cho thanh thiếu niên hải ngoại, có lẽ sẽ gặp trở ngại do trình độ Việt ngữ của các bạn trẻ, cũng như kiến thức về cổ văn không đủ để lãnh hội hết giá trị cuốn sách.

Giá mỗi cuốn là 32 MK. Địa chỉ liên lạc:
Làng Văn
P.O. Box 218 Station U
Toronto, Ontario, MZ 5P, Canada.

📖 Lý Đại Nguyên, ***Việt Nam, dân tộc bị đọa đầy***, tiểu luận chính trị, Văn Nghệ xuất bản, bìa Khánh Trường, sách dày 260 trang, giá 13 MK. Ngoài Hoa Kỳ 15 MK.

Là một nhà hoạt động chính trị đối lập ở miền Nam trước 1975, sau 1975 từng bị tù tội và chịu đựng chế độ mới hai thập niên nữa, Lý Đại Nguyên có đầy đủ kinh nghiệm để viết về những vấn đề cốt yếu liên quan tới chính trị Việt Nam. Ông đặt ra những câu hỏi:

"Đã đến lúc người Việt Quốc gia, nhất là các người lính chiến phải được biết: tại sao mình chiến đấu kiên cường là thế, hùng mạnh là thế, mà đã phải bỏ chạy trước những kẻ đã nhiều phen bỏ chạy trước họng súng của mình?

Đã đến lúc những người cầm súng phục vụ cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa phải được biết họ đã bị dối gạt ra sao, mà nay lại phải tự thiêu vì bị giật mất thùng kem kiếm sống?"

Và Lý Đại Nguyên đã cố gắng trả lời. Người đọc sẽ đồng ý với hầu hết những ý kiến của tác giả, dù nhiều ý kiến có tính lý tưởng. Mà chính trị không phải chỉ có lý thuyết lý tưởng. Sách do Văn Nghệ phát hành

📖 Nhất Hạnh, ***Thiền sư Tăng Hội***, tác phẩm mới của Thượng tọa Nhất Hạnh, trình bày những nét chính về hành trạng và tư tưởng của Thiền sư Tăng Hội mà Phật tử Việt Nam thờ phụng như là vị sơ tổ của thiền học Việt Nam. Sách dày 200 trang, in trên giấy vàng nhạt, trình bày trang nhã như tất cả các sách khác của nhà An Tiêm, giá 14 MK. Văn Nghệ tổng phát hành.

📖 Đại sư Hán Sơn, ***Đường mây trong cõi mộng***, Thích Hằng Đạt và Nguyên Phong phóng tác, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 416 trang, giá 18 Mk, ngoài Hoa Kỳ 20 MK.

Đại sư Hán Sơn là một trong bốn vị thánh tăng đã có công phục hưng và phát triển Phật giáo trong triều đại nhà Minh (ba vị kia là Thiền sư Đạt Quán, Đại sư Liên Trì, Đại sư Ngẫu Ích). Bản phóng tác "Đường mây trong cõi mộng" dựa vào bản Anh ngữ "A Buddhist Master in Dreamland" của Charles Luk, là bản dịch từ nguyên bản Hoa ngữ "Hán sơn mộng du tập". Muốn có sách xin liên lạc Nhà xuất bản Văn Nghệ.

hộp thư

● **Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:**

Huỳnh thị Hạnh DDS (Westminster CA), Đức Phổ (Morrow GA), Tuyết Nga Phạm (Seattle WA), Trần Việt Thủy (Hawthorne CA), Nam Phuong Bookstore (Seattle WA), Kim Oanh Kien (St. Peterburg FL), Chung Phạm (Torrington CT), Nguyễn Kim Bảng (Houston, TX), Thuy Trang (Montreal Canada), Hồng Huy (Winnipeg Canada), Footscray Library Services (QLD Australia), Trúc Hồ (Orange CA), Hoàng Ân & Đoan Phương (Lemoyne PA, gia hạn báo cho ÔB. Ngô Bút), Lê văn Hữu (San Jose CA), RMIT Libraries Serials (Melbourne Australia), Lại thị Nghĩa (Fair Oaks CA), Nguyễn Hữu Việt (Louisiana), Lương thư Trung (Dorchester MA), Vi Khuê (Burke VA), Nguyễn Công Khanh (Arlington TX), Jim Jean Che Co. (Paramount CA), Chinh Nguyễn (Santa Clara CA), Lê Thủy Trường (Westminster CA), Chung Phước Khánh (Malden MA), Hanh H. Le (Lexington KY), Phan Thị Trọng Tuyến (Canteleu France), Tôn Thất Quỳnh Tiêu (Richardson TX), Dương Minh Châu (Scarb. Ontario Canada), Xương Nguyễn (Falls Church VA), Dương Vọng Các (San Jose CA), Nguyễn Thụy Miên France (Hồ Sĩ Hùng gửi tiền gia hạn báo), Trần văn Phê (Richfield MN), Trần Ngọc Toàn (Springfield VA), Nguyễn Khắc Phú (Padstown NSW Australia, thông báo các độc giả gia hạn ở Úc: Nguyễn thị Diệu Anh, Dương Vĩnh Khương, Trương thị Mỹ Nam, La Thạch Hà, Nguyễn văn Đức, Vũ Ngọc Đông, Lê Nghĩa, Nguyễn Hữu Sâm, Đỗ văn Lang), Thái Hoá Lộc (Garland TX), Võ Đình (Royal Palm Beach FL), Đào Quang Mỹ (Olsvik Norway), Hồ Viết Nhị (Sugarland TX), Special Broadcasting Service (Artarmon NSW Australia), David Van Tran (New Orleans LA), Lưu Trọng Hồ (Ottawa Canada), Lý văn Nam (St Louis MO),Quách Bùi Nhung (Seattle WA).

● **Bài nhận được trong tháng:**

"Đỉnh tuyết", "Ngày xuân trả nợ quê hương" gửi từ The Netherlands, "Một vì sao rụng cuối trời", "Tuyệt vời", "Thiếu nữ", "Mong sao"... gửi từ Regents Park NSW Australia, "Vẫn là tôi", "Ngày tháng và Tình yêu" gửi từ Kanata, Ontario Canada, "Lạnh ở dưới phố" gửi từ Assaquah WA, "Thư của Nguyễn Thụy Miên" gửi từ La Chapelle France, "Quyển sách" gửi từ Milano Italy, "Cuối năm" gửi từ Atlanta GA, "Tặng vợ buổi đầu xuân" gửi từ Anaheim CA, "Mùa xuân năm

ngoái" gửi từ Ontario Canada, "Xuân về. Ta với ngựa" gửi từ Middleburg FL, Thiệp Tết của Đỗ Quyên, Vạn Giả, Phan Ni Tấn, Nguyễn Trung Hối, Bảo Ninh, Dân Việt, "Các bài thơ xuân đầu tiên trong văn học VN" gửi từ Dallas TX, "Trong em đất trời yểu điệu, mùa xuân" gửi từ San Jose, CA, "Nẻo về", "Thực thà", "Bồi hồi cỏ hoa", "Độ Tang Càng" gửi từ Rosemead CA, "Động từ ăn" gửi từ Atlanta GA, Thiệp Tết của Anh Chị Võ Đình, Triều Hoa Đại, Quỳnh Thi,Phan thị Trọng Tuyến, Cổ Ngư, "Áo mùa đông", "Ngày đầu năm" gửi từ Morrow GA, "Ta nhớ giùm ta đêm ba mươi" gửi từ Falls Church VA, "Thác với tình" gửi từ Hawthorne CA, "Áo mùa đông", "Ngày đầu năm" gửi từ Morrow GA, "Hạnh ngộ mùa xuân" gửi từ Garden Grove CA, "Em và Dương cầm", "Hướng về Quê hương" gửi từ Garden Grove CA

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

● **Nhắn tin:**

1. Vì sức khỏe không được tốt, nhà văn Nguyễn Quốc Trụ không thể phụ trách thường xuyên mục Tạp Ghi như trong hai năm qua.

Tuy nhiên, nhà văn Nguyễn Quốc Trụ hứa là sẽ ưu tiên cho Văn Học đăng những gì anh ghi nhận trong sinh hoạt văn chương thế giới, viết thành những bài bút ký văn chương như lối anh vẫn viết trên Tạp Ghi. Trên số này, anh đã có bài "Một chuyến đi", và trong năm 1999, sẽ có những bài khác như thế.

Xin thông báo cho các bạn đọc biết về sự thay đổi này.

2. Sau khi số báo đặc biệt "Văn Nghiệp Võ Phiến" phát hành, nhiều bạn đọc trong giới trẻ gửi thư, gọi điện thoại về Tòa soạn khen ngợiban biên tập, bảo rằng số báo ấy giúp họ rất nhiều trong việc tìm hiểu sự nghiệp văn chương của Võ Phiến. Nhất là các bạn sinh viên trưởng thành ở Hoa Kỳ, và các bạn trẻ hiện định cư ở Đông Âu.Cũng theo đề nghị của nhiều bạn đọc, Văn Học dự tính thực hiện trong năm 1999 các số báo đặc biệt về văn nghiệp Doãn Quốc Sỹ, Bùi Giáng, Vũ Hoàng Chương, Bình Nguyên Lộc. Tùy theo số bài vở do văn hữu đóng góp, Ban biên tập sẽ quyết định ra số nào trước, số nào sau.

Nói chung, các số báo ấy sẽ là một bản hướng dẫn để các bạn trẻ có cái nhìn tổng quát về văn nghiệp các nhà văn nói trên, từ đó họ có thể tự mình tìm đọc thêm, hiểu sâu hơn tác phẩm và tác giả.

Văn Học chờ đón quí văn hữu giúp đỡ về ý kiến, tài liệu, bài vở...để các số báo nói trên được phong phú.

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI

Trân trọng giới thiệu tập truyện ngắn đầu tay của Lâm Chương, vừa mới phát hành tháng 11 năm 1998.

Đoạn Đường
HỐT TẤT LIỆT
Tập truyện Lâm Chương
Lời mở Trần Doãn Nho
Bìa Khánh Trường

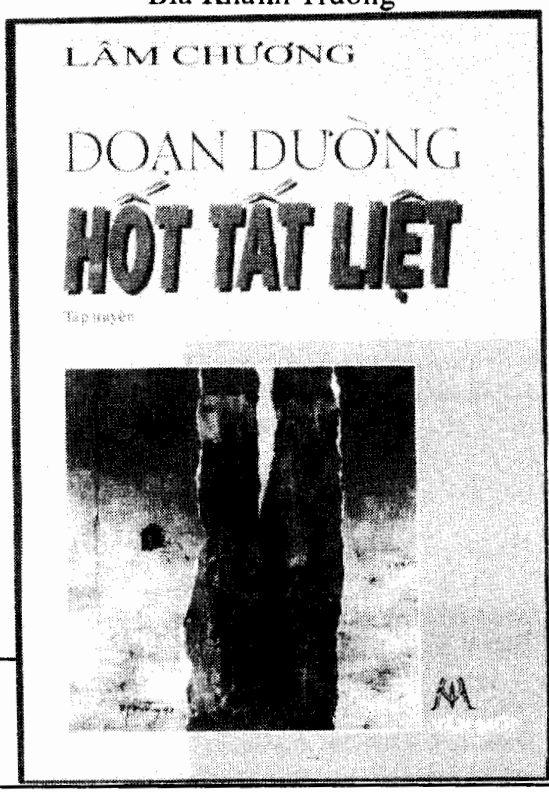

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

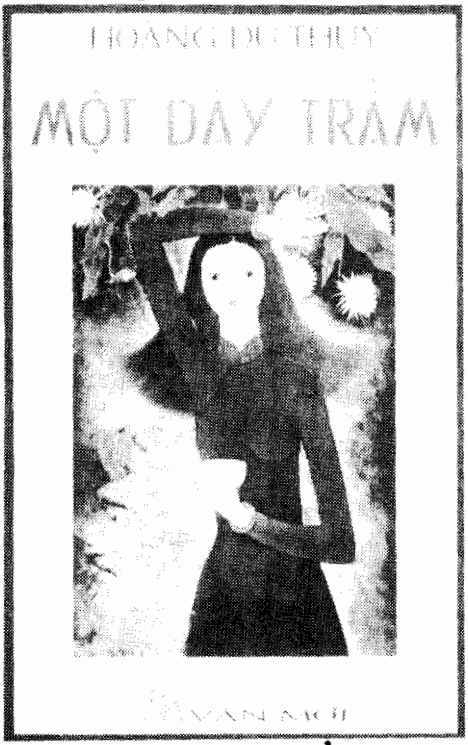

MỘT DÂY TRẦM

Tập truyện của nhà văn nữ Hoàng Du Thuy
Bìa của Hoạ Sĩ Nguyên Khai
Phụ bản Ngọc Dũng

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683 *Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố_____ Tiểu Bang_____ Zip____ _____
Quốc gia_____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____
Địa chỉ_____ Apt.____
Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ_____ Apt.____
Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

DU KHÁCH NÀO TỚI VÙNG ORANGE COUNTY CŨNG ĐỀU GHÉ LẠI

VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave., Ste. # 123,
Westminster, CA 92683
(Trong khu Phước Lộc Thọ)

Tel: (714) 892-0801

• Sách Mới Về Mỗi Tuần • Đầy Đủ Sách Báo Và CD's/ Băng Nhạc V.N., Tự Điển, Sách Học Anh Văn Có Băng, Videos, Băng Đọc Truyện, Postcards. Chuyên Xuất Bản Sách Mới Sáng Tác

SÁCH MỚI VỀ:

1.Nói Thầm Với Đá (177 p.) *Lệ Hằng* $10.00
2.Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê (309 p.) *Minh Võ* $15.00
3.Nguyên Sa, Tác Giả Tác Phẩm 2 (373 p.) *Đỗ Cường soạn* $15.00
4.Tổ Hợp Đầu Tư/Mutual Funds (330 p.) *T.S.Hà Hưng Quốc* $16.00
5.Giải Thoát Trong Lòng Tay (966 p., 2 vol.) *Rinpoche, Trí Hải* $35.00
6.Thơ Nguyên Sa I (128 p.) *Nguyên Sa* $12.00
7.Những Gương Mặt Tỷ Phú Saigon Trước 75 (193 p.) *D.Đ. Dũng* $9.00
8.Hành Trình Cuối Đông (346 p.) *Tiêu Dao Bảo Cự* $16.00
9.Độc Cô Quái Khách (777 p., 2 vol.) *Kim Dung, H.G. Nhạn dịch* $24.00

SÁCH VĂN KHOA MỚI XUẤT BẢN:

Góc Trời Ngô Thụy Miên (56 p. 8 x 11, tập nhạc) Ngô Thụy Miên $13.00

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683. USA
Tel / Fax (714) 527-5761

Giá 22MK.
Ngoài Mỹ 25MK.

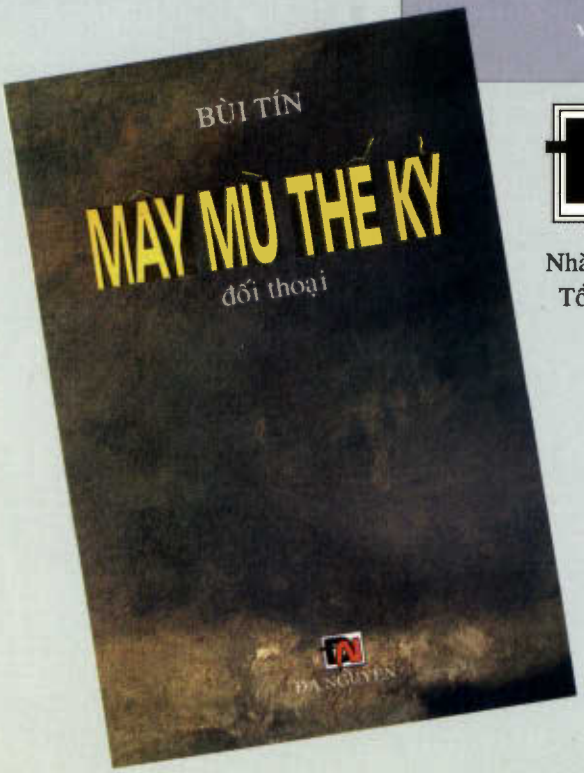

Nhà xuất bản ĐA NGUYÊN
Tổng phát hành VĂN NGHỆ

Giá 17MK.
Ngoài Mỹ 20MK.

Giá 8MK